

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI ĐỨC DŨNG

**PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN
TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

**NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ**

Mã số: 92 29 002

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI ĐỨC DŨNG

**PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN
TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ
Mã số: 92 29 002

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

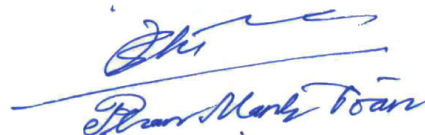
3. TS. PHAN MẠNH TOÀN
4. PGS.TS. NGUYỄN THANH TỊNH

Chủ tịch Hội đồng



PGS.TS Đặng Quang Định

Dại diện GVHD:

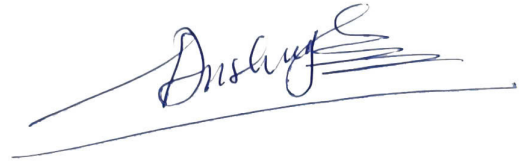


HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của 02 nhà khoa học: TS Phan Mạnh Toàn và PGS, TS. Nguyễn Thanh Tịnh. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Bui Duc Dung', is written over a horizontal line.

Bùi Đức Dũng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	6
1.1. Các công trình liên quan đến những vấn đề lý luận phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.....	6
1.2. Những công trình liên quan đến thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.....	19
1.3. Những công trình liên quan đến giải pháp phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay	23
1.4. Khái quát giá trị của các công trình khoa học liên quan đến luận án đã tổng quan và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.....	31
Chương 2. PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	35
2.1. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam	35
2.2. Phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay: Quan niệm, chủ thể, nội dung và phương thức.....	52
2.3. Những yếu tố tác động đến phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay	69
Chương 3. PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM – THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	84
3.1. Thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam những năm qua.....	84
3.2. Một số vấn đề đặt ra đối với phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay	150

Chương 4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN TIẾP TỤC PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY	158
4.1. Nâng cao nhận thức và tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các chủ thể; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các ban, bộ, ngành để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay	158
4.2. Nghiên cứu, làm phong phú nội dung các giá trị văn hóa tinh thần gắn với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới	169
4.3. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay	177
4.4. Kết hợp hài hòa sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần, tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay	184
TIỂU KẾT CHƯƠNG 4	191
KẾT LUẬN	192
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN	194
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	195

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Về mặt lý luận, mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội là nội dung trung tâm trong hệ thống lý luận mác-xít. Quán triệt quy luật ý thức tác động trở lại thực tiễn, C.Mác khẳng định: “lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng” [90, tr.580]. Nguyên lý này được Chủ tịch Hồ Chí Minh cụ thể hóa sáng tạo khi định vị: “Vật chất có nhiên là trọng, tinh thần cũng là trọng” [103, tr.580], xác định tư tưởng giữ vai trò quyết định chiều hướng của hành động. Kế thừa quan điểm duy vật biện chứng đó trước yêu cầu của bối cảnh mới, Đại hội XIII của Đảng khẳng định tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, sức mạnh đại đoàn kết và khát vọng phát triển là động lực, nguồn lực trung tâm của đất nước. Nhận thức này định vị sức mạnh văn hóa tinh thần không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là nhân tố nội sinh then chốt để bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa. Do đó, nghiên cứu làm sáng tỏ cơ chế phát huy nguồn lực này trên lập trường duy vật lịch sử là tất yếu lý luận cấp bách.

Về mặt thực tiễn, lịch sử giữ nước chứng minh quy luật: Sức mạnh nội sinh quyết định năng lực bảo vệ Tổ quốc bắt nguồn từ chiều sâu văn hóa tinh thần - chính thể gắn kết biện chứng giữa chủ nghĩa yêu nước, khối đại đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường và nghệ thuật quân sự độc đáo. Thời kỳ Đổi mới, phát huy nguồn lực này là nhân tố then chốt để củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và xây dựng vững chắc “thế trận lòng dân”.

Tuy nhiên, bối cảnh đương đại với cạnh tranh chiến lược gay gắt, thách thức phi truyền thống đan xen và nguy cơ xâm lăng văn hóa đang đe dọa trực tiếp đến an ninh tư tưởng, bản sắc dân tộc. Đặc biệt, chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đòi hỏi tư duy bảo vệ Tổ quốc phải chuyển dịch sang phương thức toàn dân, toàn diện, chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa. Đối phó hiệu quả với các nguy cơ phức tạp đó không thể thuần túy dựa vào tiềm lực kinh tế hay quân sự, mà bắt buộc phải huy động sức mạnh tổng hợp quốc gia, trong đó sức mạnh văn hóa tinh thần giữ vai trò nền tảng quy tụ và điều tiết chiến lược.

Sự tương tác biện chứng giữa lý luận và thực tiễn cho thấy, sức mạnh văn hóa tinh thần chỉ chuyển hóa từ tiềm năng thành sức mạnh thực tiễn trong bảo vệ Tổ quốc khi được chủ thể khơi dậy, tổ chức hóa và thẩm thấu thành nhận thức tự giác của quần chúng thông qua các phương thức tác động phù hợp, hiệu quả. Do đó, định hình một cấu trúc giải pháp đồng bộ về phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là yêu cầu khách quan, đáp ứng những đòi hỏi bách thiết mang tính thời sự của giai đoạn cách mạng đương đại.

Xuất phát từ những căn cứ trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề ***“Phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sĩ, ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận mácxít và đường lối của Đảng về sức mạnh văn hóa tinh thần, luận án đánh giá khách quan thực trạng, xác định những vấn đề đặt ra, từ đó đề xuất hệ giải pháp khả thi nhằm khơi dậy và chuyển hóa sức mạnh văn hóa tinh thần thành động lực nội sinh vững chắc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan các nghiên cứu tiêu biểu, liên quan trực tiếp đến luận án, từ đó xác định hướng tiếp cận và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, góp phần hệ thống hóa và làm phong phú thêm lý luận về vai trò của sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Ba là, phân tích, đánh giá thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay với những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra từ thực trạng đó.

Bốn là, đề xuất một số giải pháp cơ bản tiếp tục phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trước những thách thức mới hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quá trình phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, được tiếp cận động thông qua sự gắn

kết hữu cơ giữa ba chiều cấu trúc. Về *chủ thể*, luận án xem xét vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tập hợp của Mặt trận Tổ quốc và vai trò nòng cốt, thực thi của Nhân dân. Về *phương thức*, tập trung nghiên cứu cơ chế chuyển hóa giá trị thông qua hệ thống thể chế, chính sách; giáo dục, đào tạo và công tác thông tin, tuyên truyền, đấu tranh tư tưởng. Về *nội dung*, đề tài đi sâu luận giải 04 giá trị cốt lõi: chủ nghĩa yêu nước; tinh thần đoàn kết; ý chí tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do; và nghệ thuật quân sự Việt Nam. Logic xuyên suốt của luận án khẳng định: các chủ thể thông qua việc vận hành đồng bộ các phương thức sẽ tác động trực tiếp bồi đắp và lan tỏa các nội dung giá trị, chuyển hóa nguồn lực văn hóa tinh thần thành sức mạnh thực tiễn bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về *nội dung*, luận án giới hạn trong việc nghiên cứu cấu trúc vận động giữa 04 chủ thể, 03 phương thức và 04 nội dung giá trị cốt lõi đã được xác định ở hướng tiếp cận đối tượng. Về *không gian*, luận án thực hiện nghiên cứu trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Về *thời gian*, luận án tập trung khảo sát thực trạng từ năm 1986 (khởi đầu công cuộc Đổi mới) đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên nền tảng thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử kết hợp với hệ thống lý luận cách mạng Việt Nam làm khung khổ lý thuyết xuyên suốt. Trong đó, *nguyên lý về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức* là cơ sở luận giải sự chuyển hóa giữa sức mạnh vật chất và tinh thần, định vị văn hóa như một “hệ điều tiết” giá trị tạo động lực hành động. *Quy luật biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội* được vận dụng để làm rõ cơ chế định hướng, dự báo và thúc đẩy của nhân tố chính trị - tinh thần đối với thực tiễn bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, hệ thống quan điểm Hồ Chí Minh về *vai trò con người trong chiến tranh nhân dân* và luận điểm “*văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”, cùng đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về *chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa*, coi văn hóa là *nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh và sức mạnh mềm dân tộc*, chính là cơ sở chính trị - khoa học để đề xuất hệ giải pháp trong luận án.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án quán triệt sâu sắc hệ phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử qua ba nguyên tắc cốt lõi: *Khách quan, toàn diện* để xem xét sức mạnh văn hóa tinh thần như một chỉnh thể cấu trúc (tư tưởng, đạo đức, lối sống, truyền thống) trong mối quan hệ biện chứng với điều kiện kinh tế - xã hội; *Lịch sử - cụ thể* để đặt đối tượng nghiên cứu vào bối cảnh đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế nhằm phát hiện tính quy luật; *Thực tiễn* để lấy thực tế xây dựng văn hóa, con người làm điểm xuất phát và là tiêu chuẩn tối cao kiểm nghiệm hệ giải pháp đề xuất.

Hệ thống phương pháp chuyên ngành và liên ngành được vận dụng đồng bộ theo cấu trúc logic của luận án.

Trong xây dựng lý luận: Vận dụng phương pháp thống nhất lịch sử và logic để làm rõ sự phát triển tư tưởng, đường lối của Đảng về sức mạnh văn hóa tinh thần; dùng phương pháp phân tích - tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa để định hình hệ thống khái niệm công cụ, bản chất đối tượng; áp dụng phương pháp hệ thống - cấu trúc để xác định các yếu tố cấu thành và định hình các nhóm giải pháp đồng bộ.

Trong nghiên cứu thực tiễn: Sử dụng phương pháp phân tích văn kiện nhằm bóc tách tư duy lý luận của Đảng; kết hợp phương pháp so sánh, đối chiếu và tổng kết thực tiễn (phân tích số liệu thứ cấp) để khảo sát, đánh giá khách quan thành tựu, hạn chế, chỉ ra các khoảng trống trong thực tế.

5. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, hệ thống hóa, làm rõ một số vấn đề lý luận về văn hóa tinh thần, bảo vệ Tổ quốc và phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Thứ hai, phân tích thực tiễn và đánh giá quá trình phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc từ năm 1986 đến nay, qua đó chỉ rõ những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

Thứ ba, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học

Góp phần làm rõ và hệ thống hóa một số khía cạnh lý luận về sức mạnh văn hóa tinh thần, đồng thời cụ thể hóa những giá trị cốt lõi của sức mạnh này. Từ đó, luận giải sâu hơn về vị trí, vai trò của sức mạnh văn hóa tinh thần trong bối cảnh và yêu cầu mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp thêm các tham chiếu khoa học đáng tin cậy cho việc xây dựng và hoàn thiện chủ trương, chính sách nhằm tiếp tục phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

- Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy các chuyên ngành triết học, văn hóa, quân sự...

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 04 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM

Một là, một số nghiên cứu liên quan đến văn hóa tinh thần, sức mạnh văn hóa tinh thần và phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần.

Phạm Văn Đồng trong *“Văn hóa và đổi mới”* [49] đã vạch rõ ranh giới giữa tự nhiên và xã hội, định vị văn hóa là toàn bộ các giá trị vật chất, tinh thần gắn liền với hoạt động thực tiễn của con người. Đóng góp lý luận cốt lõi của công trình là việc luận giải văn hóa như một công cụ giải phóng chủ thể khỏi sự tha hóa, đồng thời là cội nguồn sức mạnh nội sinh quyết định thắng lợi cách mạng. Bản chất của nguồn lực này chính là sự kết tinh của trí tuệ, đại nghĩa, với yếu tố cốt lõi là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần gắn kết cộng đồng. Đây là luận cứ triết học quan trọng để luận án kế thừa, nhằm tường minh hóa mối quan hệ biện chứng giữa phát huy giá trị văn hóa, tinh thần đại đoàn kết với việc khơi thông sức mạnh nội sinh của dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

Vận dụng thế giới quan và phương pháp luận mác-xít, công trình “Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa” do Phạm Duy Đức chủ biên [51] đã làm sáng tỏ chức năng của văn hóa với tư cách là động lực nội sinh của sự phát triển xã hội. Tác phẩm đi sâu luận giải vai trò của văn hóa tinh thần trong việc định hình hệ giá trị tư tưởng, đạo đức, năng lực tư duy thúc đẩy tiến trình lịch sử, đồng thời bước đầu hệ thống hóa sức mạnh của cấu trúc này trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Giá trị cốt lõi của công trình mang lại cho luận án là khung cấu trúc phương pháp luận duy vật biện chứng, làm tiền đề lý luận vững chắc để tác giả triển khai phân tích sâu hơn xung lực của văn hóa tinh thần, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước, trong công cuộc bảo vệ và phát triển đất nước đương đại.

Dưới lăng kính quy luật vận động của hình thái kinh tế - xã hội, công trình *“Sự phát triển lý luận về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”* do Lê Trọng Tuyển chủ biên [168] đã luận giải căn cốt nguồn gốc lao động

của văn hóa, đồng thời hệ thống hóa bước chuyển tư duy, chính sách văn hóa của Đảng qua các giai đoạn đổi mới. Đáng chú ý, tác phẩm định hình văn hóa tinh thần như một hệ thống cấu trúc chỉnh thể bao gồm các hình thái ý thức xã hội (triết học, đạo đức, khoa học, nghệ thuật,...) phản ánh sinh động hoạt động sáng tạo và phương thức tổ chức đời sống tinh thần của nhân loại. Đối với luận án, công trình này có giá trị tham chiếu thực tiễn quan trọng, giúp tác giả có thêm cơ sở lý luận vững chắc để nhận diện và phân tích tiến trình vận động, phát triển tư duy chính trị - xã hội của Đảng đối với việc phát huy các giá trị văn hóa tinh thần trong giai đoạn hiện nay.

Tiếp cận cấu trúc văn hóa từ phạm vi khái niệm (nghĩa rộng và nghĩa hẹp), công trình *“Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”* do Nguyễn Ngọc Thiện và Từ Thị Loan đồng chủ biên [141] đã làm rõ tính hai mặt trong tác động của nguồn lực này đối với tiến trình phát triển dân tộc. Ở chiều tích cực, văn hóa vận động như một sức mạnh mềm xuyên biên giới, khơi thông các liên kết quốc tế; ngược lại, những rào cản từ hủ tục hay tư duy bảo thủ có thể trở thành lực cản kìm hãm sự bứt phá của quốc gia. Đóng góp học thuật mang tính gợi mở của công trình đối với luận án chính là quan điểm biện chứng về sức mạnh văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, cung cấp tiền đề lý luận để tác giả đánh giá khách quan cả thời cơ và thách thức khi phát huy các giá trị tinh thần dân tộc hiện nay.

Mang tầm vóc định hướng chiến lược, bài viết của Nguyễn Phú Trọng [155] đã phân tích sâu sắc giá trị của văn hóa với tư cách là nguồn lực nội sinh cốt lõi, nền tảng tinh thần và mục tiêu tự thân của tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công trình luận giải toàn diện vai trò của văn hóa trong việc tôi luyện nên cốt cách, bản lĩnh và khí phách của con người Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời hoạch định yêu cầu phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc trước những biến động của thời đại. Đối với luận án, tư tưởng chủ đạo này đóng vai trò là kim chỉ nam phương pháp luận, tạo cơ sở lý luận chính trị vững chắc để luận chứng về tính cấp thiết và các giải pháp đột phá nhằm phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Tiếp cận văn hóa dưới góc độ lý luận nguồn lực, Nguyễn Hồng Điệp trong bài viết “Khơi dậy và phát huy các nguồn lực văn hóa để phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay” [46] đã định vị cấu trúc này như một dạng sức mạnh mềm và là động lực nội sinh cho sự phát triển quốc gia. Tác giả luận giải mối quan hệ biện chứng giữa nhân tố tinh thần và nhân tố vật chất, trong đó khẳng định việc khơi thông nguồn lực tinh thần là điều kiện để kích hoạt, chuyển hóa các tiềm lực vật chất phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Đối với luận án, quan điểm về sự tương tác giữa hai yếu tố vật chất và tinh thần này là một luận cứ khoa học quan trọng, giúp tác giả có cơ sở lý luận để phân tích cơ chế khơi dậy chủ nghĩa yêu nước nhằm tạo ra động lực tinh thần mạnh mẽ trong lĩnh vực quốc phòng hiện nay.

Hệ thống tài liệu được khảo cứu đã khẳng định vai trò của văn hóa tinh thần với tư cách một hình thái ý thức xã hội có tính độc lập tương đối và là nguồn lực cho sự phát triển dân tộc. Tuy nhiên, trước yêu cầu của thực tiễn, cơ chế chuyển hóa các giá trị này thành sức mạnh thực tiễn trong lĩnh vực bảo vệ Tổ quốc vẫn chưa được luận giải một cách hệ thống. Đây là khoảng trống lý luận tạo cơ sở để luận án tiếp cận chuyên sâu. Trên cơ sở kế thừa các thành tựu đi trước, luận án tập trung hệ thống hóa khung lý thuyết về sức mạnh văn hóa tinh thần, phân tích các biến số tác động và đề xuất hệ giải pháp đồng bộ nhằm phát huy nguồn lực này trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Hai là, một số nghiên cứu đề cập đến Tổ quốc và bảo vệ Tổ quốc.

Khai thác thiết chế tư tưởng trong tiến trình lịch sử, công trình “*Tìm hiểu văn hóa giữ nước Việt Nam*” [170] đã luận giải chiều sâu của chủ nghĩa yêu nước và ý chí xả thân như những giá trị cốt lõi cấu thành sức mạnh dân tộc. Các tác giả khẳng định, nguồn động lực tinh thần này được định hình từ vị trí tối thượng của chủ quyền quốc gia trong tâm thức và hệ tâm lý xã hội của người Việt, nơi nghĩa vụ bảo vệ độc lập, tự do được nâng tầm thành lẽ sống và vinh dự tối cao, vượt lên trên mọi giới hạn sinh tồn cá nhân. Giá trị học thuật nổi bật của tác phẩm mang lại cho luận án là việc cung cấp một lăng kính lịch sử - văn hóa sâu sắc, làm luận cứ thực tiễn để tác giả kế thừa và phát triển mạch lập luận về sự chuyển hóa từ ý thức yêu nước truyền thống thành hành động cách mạng cụ thể trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Phân tích văn hóa dưới toạ độ an ninh phi truyền thống, Trần Văn Bính trong cuốn sách *“Văn hóa Việt Nam trên con đường đổi mới - Những thời cơ và thách thức”* [5] đã khẳng định vai trò sống còn của mặt trận văn hóa tư tưởng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền. Công trình vạch rõ chiến lược áp đặt giá trị, đồng hóa văn hóa từ bên ngoài, đồng thời làm rõ cơ chế tự vệ của dân tộc thông qua việc chủ động hội nhập để làm giàu bản sắc và biến các giá trị truyền thống thành nền tảng cố kết, quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Luận điểm của tác giả về văn hóa như một *lá chắn* bảo vệ độc lập dân tộc mang lại luận cứ khoa học sắc bén cho luận án, giúp người viết có cơ sở lý luận trực tiếp để phân tích tính cấp thiết của việc xây dựng *sức đề kháng văn hóa* trước âm mưu diễn biến hòa bình trên lĩnh vực tư tưởng hiện nay.

Khái quát hóa nghệ thuật giữ nước đặc thù của dân tộc, công trình *“Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam”* [127] của tác giả Phạm Hồng Sơn đã làm sáng tỏ cơ chế phối hợp giữa sức mạnh cứng (quân sự, kinh tế) và sức mạnh mềm (văn hóa, tư tưởng) nhằm tối ưu hóa tiềm lực quốc phòng. Luận điểm trung tâm của tác phẩm khẳng định vai trò quyết định của nhân tố con người thông qua mô hình động viên toàn diện, gắn kết hữu cơ trách nhiệm quân và dân trong một thể thống nhất. Hệ thống luận cứ này xác lập một hệ quy chiếu lý luận thực tiễn giá trị; giúp người viết có căn cứ khoa học để làm rõ phương thức chuyển hóa tinh thần yêu nước thành sức mạnh thực tế trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc toàn dân, toàn diện hiện nay.

Tiếp cận từ góc độ lý luận kinh điển, công trình *“Học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I.Lênin giá trị lịch sử và hiện thực”* [171] của Viện Khoa học nhân văn quân sự đã làm sáng tỏ quy luật kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, trong đó đặc biệt nhấn mạnh ưu thế tuyệt đối của nhân tố chính trị - tinh thần gắn liền với tính ưu việt của chế độ mới. Các tác giả đã luận giải sâu sắc vai trò quyết định của sức mạnh tinh thần như một biến số độc lập, có khả năng chuyển hóa thành sức mạnh vật chất trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Đối với luận án, các nguyên lý này là tiền đề lý luận và phương pháp luận trực tiếp để

tác giả kế thừa, làm điểm tựa khoa học nhằm làm rõ cơ chế vận động và phát huy nguồn lực chính trị - tinh thần của nhân dân Việt Nam trong điều kiện lịch sử mới.

Đứng trên quan điểm toàn diện, trong cuốn sách *“Góp phần chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng”* [66] của tác giả Nguyễn Mạnh Hưởng đã định vị cấu trúc mục tiêu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một chỉnh thể thống nhất không thể tách rời giữa các yếu tố tự nhiên - lịch sử (độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ) và yếu tố chính trị - giai cấp (Đảng và chế độ). Sức mạnh của chỉnh thể này được tác giả luận giải từ chiều sâu văn hóa chính trị, kết tinh ở hai biên số cốt lõi: năng lực, phẩm chất đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đóng góp lý luận quan trọng của tác phẩm đối với luận án là việc tường minh hóa mối quan hệ biện chứng giữa nhân tố bên trong (sự trong sạch của Đảng) và nhân tố nền tảng (sức mạnh quần chúng) - đây là luận cứ khoa học để người viết phát triển các giải pháp củng cố *thế trận lòng dân* nhằm chủ động đập tan âm mưu diễn biến hòa bình hiện nay.

Tiếp cận hệ thống về chiến lược quốc phòng, công trình *“Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* [21] do Nguyễn Bá Dương, Nguyễn Văn Quang đồng chủ biên đã khái quát hóa mục tiêu cốt lõi của an ninh quốc gia là kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định chính trị và chủ động ngăn ngừa các nguy cơ xung đột từ sớm, từ xa. Tác phẩm làm rõ mô hình lực lượng dựa trên nền tảng là khối đại đoàn kết toàn dân tộc chịu sự định hướng duy nhất của Đảng, trong đó việc khơi thông nguồn nội sinh đóng vai trò động lực quyết định. Luận điểm này cung cấp cho luận án một điểm tựa lý luận sắc bén, giúp làm rõ bản chất biện chứng của sức mạnh nội sinh; từ đó luận chứng rằng tinh thần yêu nước và sự đồng lòng của nhân dân chỉ thực sự được phát huy tối đa khi gắn liền với một bộ máy công quyền trong sạch, vững mạnh.

Tiếp cận dưới tiến trình lịch sử - tư tưởng, Lương Thanh Hân cùng các cộng sự trong công trình *“Sự phát triển nhận thức của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới”* [59] đã hệ thống hóa bước bứt phá trong tư duy lý luận của Đảng dựa trên sự kế thừa mạch nguồn học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng. Điểm nhấn lý luận của tác phẩm

là việc định hình cấu trúc sức mạnh bảo vệ Tổ quốc như một hệ thống tổng lực, hợp thành từ ưu thế của chế độ, tiềm lực toàn dân, toàn quân và sự gắn kết giữa sức mạnh dân tộc với xu thế thời đại. Đồng thời, các tác giả đã định vị thiết chế chính trị - tinh thần, trọng tâm là nguồn lực vĩ mô từ khối đại đoàn kết quần chúng, chính là xung lực cốt lõi của hệ thống này. Đối với luận án, công trình này là một tham chiếu lý luận có giá trị cao, cung cấp căn cứ khoa học giúp tác giả vạch rõ logic phát triển nhận thức của Đảng, làm cơ sở lập luận cho việc định hình các phương thức khơi dậy và phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong giai đoạn hiện nay.

Tiếp cận từ lát cắt triết học lịch sử, công trình “*Triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống*” [149] của Phan Mạnh Toàn và các cộng sự [149] đã khái quát hóa hệ thống chỉnh thể các nguyên lý cốt lõi trong tư duy quốc phòng dân tộc. Tác phẩm làm rõ tư tưởng lấy dân làm gốc, cổ kết sức mạnh quần chúng để bảo vệ chủ quyền, đồng thời đúc kết nghệ thuật kiến tạo hòa bình từ sớm, từ xa song hành với phương châm hành động *dĩ bất biến, ứng vạn biến*. Toàn bộ các nguyên tắc chiến lược này được nhóm tác giả khẳng định là biểu hiện sinh động của sức mạnh văn hóa tinh thần, kết tinh trí tuệ và bản lĩnh sinh tồn của dân tộc qua các thời kỳ lịch sử. Đây là nguồn luận cứ lý luận và thực tiễn đặc biệt giá trị để luận án kế thừa, làm tiền đề soi chiếu nhằm vạch rõ mạch nguồn phát triển liên tục của triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

Tiếp cận tư duy chiến lược trong tiến trình lịch sử, công trình “*Tư tưởng bảo vệ Tổ quốc từ xa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*” [7] của Trần Đăng Bộ, Nguyễn Văn Quang cùng các cộng sự đã luận giải căn cốt nguồn gốc và bản chất của tư tưởng bảo vệ Tổ quốc từ xa với tư cách một di sản lý luận quân sự quý giá. Tác phẩm làm rõ triết lý chủ động phòng thủ dân tộc thông qua việc huy động tổng hòa các nguồn lực quốc gia, kết hợp hài hòa giữa nâng cao vị thế, thực lực nội tại với tận dụng thời cơ từ xu thế thời đại nhằm chủ động kiểm soát các nguy cơ an ninh. Giá trị học thuật cốt lõi của ấn phẩm mang lại cho luận án là việc cung cấp hệ luận cứ lịch sử sắc bén; làm cơ sở lý luận và thực tiễn để tác giả kế thừa, vận dụng vào việc luận chứng phương thức khơi dậy tinh thần yêu nước và sức mạnh

văn hóa tinh thần nhằm xây dựng *thế trận lòng dân* vững chắc, chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong bối cảnh mới.

Mang tính chất văn kiện pháp lý chính thống, Sách trắng “*Quốc phòng Việt Nam 2019*” [6] đã định hình toàn diện cục diện chiến lược, khẳng định tính chất hòa bình, tự vệ và minh bạch của chính sách an ninh quốc gia trước các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Công trình luận chứng sâu sắc đường lối phòng thủ chủ động bằng biện pháp hòa bình trên nền tảng luật pháp quốc tế và nguyên tắc *bốn không*, đồng thời xác định cấu trúc sức mạnh quốc phòng dựa trên tiềm lực tổng hợp toàn dân, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Văn kiện này là căn cứ chính trị - pháp lý tối cao để luận án soi chiếu thực tiễn đương đại; giúp tác giả có cơ sở khoa học để luận giải rằng việc khơi thông chủ nghĩa yêu nước và sức mạnh văn hóa tinh thần chính là cơ sở cốt lõi để hiện thực hóa thế trận quốc phòng toàn dân, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trong tình hình mới.

Mang tính chất tổng kết lý luận - thực tiễn, tác phẩm “*Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới*” [158] của Nguyễn Phú Trọng đã hệ thống hóa một cách biện chứng tư duy chiến lược của Đảng về mục tiêu, phương châm và giải pháp đột phá trong sự nghiệp quốc phòng thời kỳ mới. Công trình làm sáng tỏ bước phát triển đột phá trong nhận thức lý luận, đồng thời đúc kết những bài học thực tiễn sâu sắc về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đối với luận án, tư tưởng chỉ đạo mang tính vĩ mô này là cơ sở lý luận chính trị cốt lõi, cung cấp luận cứ khoa học để tác giả luận chứng về tầm quan trọng của việc khơi dậy chủ nghĩa yêu nước và định hình hệ giải pháp phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần của nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Phân tích văn kiện dưới góc độ lý luận chính trị, Lê Văn Hưởng trong bài viết “*Tư duy mới của Đảng ta trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*” [68] đã làm rõ bước chuyển tư duy của Đảng, trọng tâm là việc định vị nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc mang tính chiến lược và

thường xuyên. Tác giả luận giải cơ cấu nguồn lực quốc phòng dựa trên sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, đồng thời chỉ ra một số hạn chế trong công tác nhận thức, quán triệt và tổ chức thực thi các văn bản chỉ đạo trên thực tiễn. Đối với luận án, việc tác giả chỉ ra các điểm nghẽn trong khâu tổ chức thực hiện là một gợi mở khoa học quan trọng; đây là cơ sở thực tiễn để luận chứng về tính cấp thiết của việc đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục nhằm chuyển hóa chủ nghĩa yêu nước truyền thống thành hành động cách mạng tự giác của quần chúng nhân dân hiện nay.

Đứng trên quan điểm lịch sử - cụ thể, Nguyễn Viết Thảo trong bài viết “Nâng cao năng lực lãnh đạo chiến lược của Đảng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đến giữa thế kỷ XXI” [142] đã luận giải vai trò của năng lực lãnh đạo chiến lược từ phía Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới. Công trình làm rõ các yêu cầu khách quan về tư duy, khả năng dự báo và hoạch định chính sách, đồng thời phân tích diện mạo thực tế của năng lực này thông qua việc nhận diện cả những kết quả đạt được lẫn một số hạn chế trong khâu quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Tầm nhìn chiến lược này cung cấp cho luận án một hệ tham chiếu lý luận định hướng; làm tiền đề khoa học để luận chứng rằng năng lực lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết định hình đường lối, đồng thời là nhân tố khơi thông, chuyển hóa chủ nghĩa yêu nước và sức mạnh văn hóa tinh thần thành động lực phát triển thực tiễn.

Vận dụng mạch nguồn lý luận kinh điển, Trần Văn Hùng và Nguyễn Đức Tuyên với bài viết “Tư tưởng của V.I.Lênin về lực lượng, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và việc vận dụng của Đảng ta hiện nay” [65] đã hệ thống hóa học thuyết V.I.Lênin về bảo vệ Tổ quốc, đồng thời phân tích tiến trình vận dụng sáng tạo đường lối này trong thực tiễn lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Công trình làm rõ bản chất và cấu trúc nền quốc phòng xã hội chủ nghĩa, bước đầu định vị vai trò của các yếu tố cấu thành nền tảng phòng thủ, trong đó có khía cạnh văn hóa tinh thần. Đối với luận án, đây là một chỉ dẫn phương pháp luận quan trọng; tạo cơ sở lý luận trực tiếp giúp tác giả kế thừa khung phân tích để luận chứng về vị

trí, vai trò của chủ nghĩa yêu nước với tư cách là một thành tố cốt lõi trong cấu trúc sức mạnh văn hóa tinh thần phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Đứng trên quan điểm thực tiễn thời đại, Phan Văn Giang trong bài viết “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [55] đã khái quát hóa những vấn đề lý luận về xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Tác phẩm luận giải cấu trúc quốc phòng dựa trên nền tảng *thế trận lòng dân*, thể hiện qua sự gắn kết giữa tiềm lực vật chất với sức mạnh chính trị - tinh thần, đồng thời phân tích cơ chế phối hợp giữa nhiệm vụ quân sự với phát triển kinh tế - xã hội trước các biến động phức tạp. Bài viết cung cấp cho luận án một căn cứ khoa học và thực tiễn mang tính thời sự cao; tạo tiền đề lý luận luận chứng rằng *thế trận lòng dân* chỉ được củng cố vững chắc khi có sự khơi thông, định hướng đúng đắn đối với chủ nghĩa yêu nước và các giá trị văn hóa tinh thần của cộng đồng dân tộc hiện nay.

Hệ thống các công trình nghiên cứu thuộc hướng tiếp cận về Tổ quốc và bảo vệ Tổ quốc đã khái quát hóa khung lý luận về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng và nghệ thuật giữ nước của dân tộc. Điểm đồng thuận của các tác giả là việc định vị cấu trúc sức mạnh tổng hợp quốc gia dựa trên các biến số phi vật chất, trọng tâm là nhân tố chính trị - tinh thần, truyền thống yêu nước, khối đại đoàn kết toàn dân và thế trận lòng dân được kiểm chứng qua lịch. Hệ thống tri thức này là tiền đề lý luận và phương pháp luận để luận án kế thừa; tạo cơ sở khoa học giúp tác giả tiếp tục đi sâu lập luận, làm rõ cơ chế vận động và phát huy chủ nghĩa yêu nước trong cấu trúc sức mạnh văn hóa tinh thần trước những yêu cầu mới của thực tiễn. Mặc dù đạt được những kết quả nhất định, hệ thống tài liệu đi trước chủ yếu tiếp cận nguồn lực văn hóa ở dạng các thành tố đơn lẻ hoặc đặt trong mối quan hệ tổng hòa của sức mạnh tổng hợp quốc gia. Các công trình chưa hệ thống hóa phạm trù sức mạnh văn hóa tinh thần với tư cách một đối tượng lý luận độc lập tương đối, cũng như chưa luận giải tường minh cơ chế chuyển hóa nguồn lực này thành năng lực thực tiễn trong lĩnh vực quốc phòng trước bối cảnh thách thức an ninh đan xen. Đây chính là khoảng trống lý luận tạo dư địa nghiên cứu cho luận án. Trên cơ sở kế thừa các thành tựu hiện có, luận án tập trung làm rõ nội hàm

lý luận, phân tích các nhân tố tác động, từ đó đề xuất hệ giải pháp đồng bộ nhằm phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Ba là, một số nghiên cứu liên quan đến phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc.

Vận dụng phương pháp luận duy vật lịch sử, công trình “*Về giá trị văn hóa tinh thần Việt Nam*”, tập I [169] của Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Viện Mác - Lênin đã xác định hoạt động lao động cùng thực tiễn đấu tranh dựng nước, giữ nước là nguồn gốc hình thành hệ giá trị tinh thần dân tộc. Tác phẩm đã hệ thống hóa các giá trị cốt lõi bao gồm chủ nghĩa yêu nước, khát vọng độc lập, tự do, tinh thần tự lực, tự cường, tính sáng tạo và truyền thống đại đoàn kết. Đây là căn cứ lý luận quan trọng để luận án kế thừa khung phân tích; làm tiền đề khoa học nhằm phân loại và luận giải sâu hơn về phương thức phát huy các giá trị tinh thần tiêu biểu này, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước, trong cấu trúc sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Tiếp cận văn hóa từ lý thuyết hệ thống - cấu trúc, Trần Ngọc Thêm trong tác phẩm *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam (Cái nhìn hệ thống - loại hình)* [139] đã luận giải năng lực tích hợp và cố kết cộng đồng như một giá trị cốt lõi, tạo thành động lực nội sinh giúp các cộng đồng ứng phó với các thách thức từ môi trường tự nhiên và xã hội. Phân tích tiến trình lịch sử chống đồng hóa, tác phẩm khẳng định sức sống của văn hóa Việt Nam không chỉ thể hiện ở chức năng bảo tồn các giá trị truyền thống, mà còn là nhân tố giữ vững bản sắc độc lập của quốc gia. Luận điểm về tính hệ thống và chức năng cố kết cộng đồng của văn hóa trong công trình này cung cấp cho luận án một tiền đề lý luận quan trọng; giúp tác giả có cơ sở khoa học để phân tích cơ chế gắn kết giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống với tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc trong điều kiện hiện nay.

Tiếp cận văn hóa giữ nước dưới góc độ cấu trúc giá trị, công trình “*Tìm hiểu văn hóa giữ nước Việt Nam*” [170] của Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự đã xác lập khái niệm này dựa trên các thành tố tinh thần cốt lõi như chủ nghĩa yêu nước, ý thức cộng đồng, tính nhân văn và tư duy quân sự đặc thù. Tác phẩm làm rõ cơ chế chuyển hóa biện chứng của các giá trị tinh thần thành tiềm lực vật

chất thực tiễn, đặc biệt là sự bùng nổ của nguồn lực này mỗi khi quốc gia đối diện với các thách thức chủ quyền lịch sử. Đối với luận án, luận điểm về sự chuyển hóa và phát lực của các giá trị tinh thần trong công trình này là một luận cứ thực tiễn quan trọng; tạo tiền đề lý luận để tác giả phân tích phương thức khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, nhằm chuyển hóa nguồn lực văn hóa tinh thần truyền thống thành năng lực quốc phòng toàn dân hiện nay.

Tiếp cận mối quan hệ giữa văn hóa và sự phát triển, Phạm Xuân Nam trong cuốn sách *Văn hóa vì phát triển* [109] đã định vị hệ giá trị tinh thần cốt lõi - bao gồm chủ nghĩa yêu nước, ý thức cộng đồng và truyền thống đoàn kết - như một cơ chế lọc lựa, hệ quy chiếu trong quá trình giao lưu quốc tế. Tác phẩm đi đến khẳng định mang tính quy luật về vai trò sinh tồn của bản sắc văn hóa, theo đó, sự tự vệ về mặt văn hóa chính là điều kiện tiên quyết để duy trì tính độc lập và sự tồn tại khách quan của quốc gia - dân tộc. Luận điểm này cung cấp cho luận án một cơ sở lý luận quan trọng; giúp có thêm căn cứ khoa học để luận chứng rằng việc bảo tồn bản sắc và khơi thông tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc chính là nền tảng cốt lõi để xây dựng năng lực tự vệ từ sớm, từ xa của quốc gia hiện nay.

Đứng trên quan điểm duy vật lịch sử, Trần Văn Giàu trong cuốn sách *“Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam”* [57] đã định vị chủ nghĩa yêu nước là giá trị trung tâm, giữ vai trò cấu trúc nền tảng trong hệ giá trị tinh thần truyền thống dân tộc. Tác giả luận giải văn hóa với tư cách một mặt trận chiến lược chống xâm lược, nơi việc bảo tồn bản sắc gắn liền với sự tồn tại của quốc gia. Dưới góc nhìn của quy luật chiến tranh nhân dân, công trình khẳng định nhân tố chính trị - tinh thần là xung lực cốt lõi để hiện thực hóa nghệ thuật quân sự lấy ít địch nhiều. Luận điểm này cung cấp cho luận án một cơ sở lý luận quan trọng để luận chứng rằng chủ nghĩa yêu nước truyền thống, khi được chuyển hóa thành ý thức chính trị hiện đại, chính là nguồn lực nội sinh cốt lõi định hình sức mạnh quốc phòng toàn dân hiện nay.

Tiếp cận biện chứng giữa nhân tố nội sinh và ngoại sinh, Lê Quang Thiêm trong cuốn sách *“Văn hóa với sự phát triển của xã hội Việt Nam”* [140] đã luận

giải sức mạnh văn hóa Việt Nam qua cơ chế tích hợp: năng lực tiếp thu, chuyển hóa các giá trị ngoại sinh gắn liền với bản lĩnh chống đồng hóa trong lịch sử. Tác phẩm đúc kết quy luật mang tính tất yếu về việc định hình bản lĩnh văn hóa dân tộc dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa tiếp biến tinh hoa nhân loại và nâng cao năng lực tự bảo vệ trước các tác động tiêu cực từ bên ngoài. Luận điểm về cơ chế tự bảo vệ và chuyển hóa nguồn lực này cung cấp cho luận án một cơ sở khoa học để tác giả luận chứng về phương thức phát huy chủ nghĩa yêu nước nhằm gia tăng năng lực *tự đề kháng* của hệ giá trị tinh thần trước các xu hướng xâm lăng văn hóa trong bối cảnh hiện nay.

Dựa trên quan điểm hệ thống, Nguyễn Duy Bắc và các cộng sự trong chuyên khảo *“Phát triển văn hóa và con người Việt Nam nên tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh phát triển đất nước”* [3] đã luận giải vai trò của văn hóa và con người với tư cách nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh đối với sự phát triển quốc gia. Công trình làm rõ chức năng gắn kết xã hội của các giá trị văn hóa, khẳng định việc phát triển nguồn lực con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực nội tại bảo đảm tính bền vững của tiến trình phát triển dân tộc. Đối với luận án, tư tưởng về nguồn lực nội sinh này là một chỉ dẫn lý luận quan trọng để luận chứng rằng chủ nghĩa yêu nước chính là hạt nhân tinh thần cốt lõi, chi phối năng lực tự giác của con người Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Tiếp cận văn hóa dưới góc độ động lực phát triển, Vũ Hồng Sơn và Phan Mạnh Toàn cùng các cộng sự trong cuốn sách *“Phát huy khát vọng phát triển và sức mạnh văn hóa của con người Việt Nam trong thời kỳ mới”* [129] đã khái quát hóa quy trình phát huy sức mạnh văn hóa thông qua các phương thức: bảo tồn, tích hợp và lan tỏa hệ giá trị cốt lõi. Công trình chỉ ra rằng, để nguồn lực tinh thần chuyển hóa thành sức mạnh vật chất thực tiễn, cần đồng bộ các giải pháp từ việc khơi dậy ý thức tự giác của cá nhân đến việc vận dụng các cơ chế, chính sách quản lý xã hội phù hợp. Hệ thống luận điểm này cung cấp một khung tham chiếu lý thuyết giá trị; giúp tác giả luận án có cơ sở khoa học để luận giải về cơ chế chuyển hóa chủ nghĩa yêu nước từ trạng thái tinh thần truyền thống thành hành động cách mạng cụ thể của quần chúng nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Mang tầm vóc tổng kết lý luận sâu sắc, các công trình của Nguyễn Phú Trọng “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” [163] và “Phát huy truyền thống đại đoàn kết, huy động sức mạnh của toàn dân tộc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng” [154] đã hệ thống hóa đường lối của Đảng về việc huy động sức mạnh văn hóa, con người và khối đại đoàn kết toàn dân tộc làm nguồn lực nội sinh xuyên suốt sự nghiệp dựng nước, giữ nước. Các tác phẩm luận giải tường minh mối quan hệ biện chứng giữa chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết và ý chí tự cường dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời định hình phương thức củng cố nền tảng tinh thần xã hội trước bối cảnh mới. Hệ thống tư tưởng đồng bộ này thiết lập một căn cứ chính trị - lý luận đặc biệt quan trọng; tạo tiền đề khoa học vững chắc để người viết kế thừa, luận giải sâu sắc về phương thức khơi dậy chủ nghĩa yêu nước nhằm chuyển hóa nguồn lực tinh thần dân tộc thành năng lực thực tiễn bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện lịch sử mới.

Trên quan điểm duy vật lịch sử, Trần Văn Phòng trong bài viết ““Ý nghĩa bài học “Dân là gốc”, “Dân là trung tâm” trong khơi dậy và thực hiện “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”” [120] đã luận giải phương diện lý luận và thực tiễn của nguyên tắc *Dân là gốc*, *Dân là trung tâm* trong tiến trình cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tác giả định vị đây là bài học kinh nghiệm cốt lõi, mang tính quy luật được đúc kết từ lịch sử dân tộc và được vận dụng sáng tạo qua các thời kỳ nhằm khơi dậy khát vọng phát triển đất nước. Luận điểm về vai trò chủ thể của nhân dân trong công trình này tạo lập một tiền đề lý luận hệ thống giúp luận án có căn cứ khoa học để khẳng định rằng nhân dân không chỉ là chủ thể của hoạt động kiến tạo vật chất, mà còn là lực lượng quyết định việc chuyển hóa chủ nghĩa yêu nước thành sức mạnh thực tiễn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Hệ thống các công trình khảo cứu đã nhận diện và định hình hệ giá trị tinh thần cốt lõi của dân tộc, khẳng định chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết và triết lý lấy dân làm gốc là nguồn lực nội sinh cấu thành nền tảng tinh thần xã hội.

Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu đặt khía cạnh tinh thần của văn hóa trong tính tổng hòa với các nhân tố chính trị, kinh tế, quân sự hoặc khảo cứu dưới dạng di sản lịch sử truyền thống. Khoảng trống lý luận đặt ra là sự thiếu vắng các công trình độc lập cấu trúc hóa phạm trù sức mạnh văn hóa tinh thần thành một hệ thống lý luận chuyên biệt dưới góc độ Triết học. Đặc biệt, phương thức vận hành và quy luật chuyển hóa nguồn lực này thành năng lực thực tiễn phục vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đương đại vẫn chưa được định hình đồng bộ. Đây chính là dư địa khoa học để luận án tập trung luận giải nhằm cung cấp một cách tiếp cận hệ thống về đối tượng nghiên cứu.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM

Khảo sát thực trạng vận hành của hệ thống văn hóa, Trần Văn Bính trong công trình *“Văn hóa Việt Nam trên con đường đổi mới - Những thời cơ và thách thức”* [5] đã nhận diện các điểm nghẽn trong quản lý xã hội, cải cách hành chính và xu hướng suy giảm ý thức đối với di sản dân tộc trước làn sóng toàn cầu hóa. Nhằm khắc phục nguy cơ xói mòn bản sắc, tác phẩm đề xuất chiến lược kết hợp chặt chẽ giữa chủ động hội nhập quốc tế với nâng cao năng lực tự bảo vệ, giữ gìn các giá trị tinh thần cốt lõi. Hệ thống luận điểm phản biện này thiết lập một khung tham chiếu thực tiễn giá trị; giúp luận án có căn cứ khoa học để nhận diện những nhân tố tiêu cực tác động đến tâm lý xã hội, từ đó đề xuất phương thức khơi dậy chủ nghĩa yêu nước nhằm củng cố thể trận lòng dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Khái quát hóa mối quan hệ giữa yếu tố tinh thần và an ninh quốc gia, Nguyễn Bá Dương trong công trình *“Xây dựng “Thế trận lòng Dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”* [22] đã phân tích các nhân tố tác động đến tâm lý xã hội như sự dao động tư tưởng, các biểu hiện lệch chuẩn đạo đức và nguy cơ xâm lăng văn hóa. Để hóa giải các thách thức này, tác giả đề xuất nhóm giải pháp đồng bộ về củng cố niềm tin chính trị, định hình hệ giá trị chuẩn mực và khơi dậy ý thức tự lực, tự cường của quần chúng. Đây là nguồn luận cứ thực tiễn đặc biệt quan trọng; tạo lập một tiền đề lý thuyết hệ thống giúp tác giả luận án có cơ sở khoa học để làm rõ cơ chế

chuyển hóa sức mạnh văn hóa tinh thần thành nhân tố cốt lõi cấu thành thể trận lòng dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Vận dụng lý thuyết hệ thống - cấu trúc, Nguyễn Ngọc Thiện và Từ Thị Loan trong công trình *“Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”* [141] đã làm rõ tính hai mặt của tiến trình phát triển văn hóa, khi năng lực tiếp biến giá trị đương đại luôn song hành cùng nguy cơ phai nhạt bản sắc và suy giảm niềm tin xã hội trước mặt trái của thị trường. Đáng chú ý, tác phẩm đã đặt ra yêu cầu giải quyết các bất cập trong giáo dục tinh thần và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc trên mặt trận tư tưởng. Nội dung này cung cấp một căn cứ lý luận chính trị thiết thực; giúp tác giả luận án có cơ sở khoa học để luận chứng về tầm quan trọng của việc khơi dậy chủ nghĩa yêu nước như một vũ khí tư tưởng sắc bén nhằm đập tan chiến lược diễn biến hòa bình, góp phần bảo vệ Tổ quốc toàn diện trên không gian văn hóa.

Khảo cứu dưới góc độ động lực phát triển, Mai Hải Oanh trong bài viết *“Phát huy giá trị của chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ mới”* [114] đã đồng bộ hóa các rào cản đối với việc phát huy tinh thần yêu nước hiện nay thành hai nhóm nguy cơ: sự phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch và sự suy thoái đạo đức, lối sống, tệ tham nhũng trong một bộ phận hệ thống chính trị. Từ việc nhận diện các xung đột này, tác phẩm khẳng định tính tất yếu khách quan của việc gắn liền việc khơi dậy chủ nghĩa yêu nước với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Hệ thống nhận định này cấu thành nguồn tham chiếu lý luận đặc biệt giá trị; giúp người viết có căn cứ khoa học để luận chứng rằng chủ nghĩa yêu nước chỉ có thể chuyển hóa thành sức mạnh bảo vệ Tổ quốc khi Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, giữ vững vai trò là hạt nhân lãnh đạo và định hướng niềm tin cho toàn xã hội.

Hệ thống hóa đường lối quân sự của Đảng, các công trình của tác giả Lương Cường, như: *“Ngày hội Quốc phòng toàn dân - nơi hội tụ sức mạnh bảo vệ Tổ quốc”* [17]; *“Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* [19]; *“Tiếp tục triển khai*

thực hiện toàn diện, đồng bộ chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng, chiến lược quân sự trong thời kỳ mới” [20] đã cung cấp hệ luận cứ chiến lược về việc hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách nhằm củng cố nền quốc phòng toàn dân và xây dựng thể trận lòng dân trong tình hình mới. Đáng chú ý, tác giả đã thẳng thắn nhận diện các điểm nghẽn về sự bất cập trong phương thức huy động nguồn lực tinh thần, cũng như khoảng cách giữa tiến trình phát triển lý luận quân sự với biến động phức tạp của bối cảnh đương đại. Hệ thống luận điểm mang tính định hướng chiến lược này thiết lập một điểm tựa lý luận chính trị vững chắc; giúp tác giả luận án có cơ sở khoa học để cụ thể hóa cơ chế vận hành, chuyển hóa sức mạnh văn hóa tinh thần thành năng lực thực tiễn bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

Đứng trên quan điểm phân tích các hình thái ý thức xã hội, Lê Thị Lan trong bài viết “Xây dựng tư tưởng yêu nước Việt Nam hiện nay - một số vấn đề cần chú trọng” [79] đã hệ thống hóa tiến trình vận động của tư tưởng yêu nước từ truyền thống đến hiện đại, đồng thời khu biệt các phạm trù lý luận cần bổ sung nhằm tối ưu hóa vai trò động lực của chủ nghĩa yêu nước trong bối cảnh mới. Nội dung khảo cứu này định hình một tọa độ lý thuyết hệ thống; tạo tiền đề khoa học vững chắc để người viết kế thừa, từ đó đi sâu phân tích quy luật chuyển hóa từ ý thức tư tưởng yêu nước thành hành động thực tiễn phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp cận vấn đề từ quy luật vận động của kiến trúc thượng tầng chính trị, Phạm Văn Sơn trong bài viết “Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và những vấn đề cần bổ sung, phát triển ở Việt Nam hiện nay” [130] đã hệ thống hóa các phương thức bảo vệ quốc gia thông qua việc kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang và phi vũ trang. Công trình nhấn mạnh tính tất yếu của phương châm bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa, đồng thời đề xuất năng lực chủ động phòng ngừa, triệt tiêu các nguy cơ gây đột biến bất lợi từ bên trong. Hệ luận điểm này xác lập một hệ quy chiếu lý luận chiến lược đặc biệt quan trọng; giúp tác giả luận án có căn cứ khoa học để luận chứng về vai trò của chủ nghĩa yêu nước như một xung lực tinh thần cốt lõi nhằm nhận diện, ngăn chặn từ gốc các biểu hiện tự diễn biến, đóng góp trực tiếp vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tiếp cận văn hóa quân sự từ tiến trình phát triển của hình thái ý thức xã hội, Tạ Hữu Hùng trong bài viết “Chiến tranh nhân dân - giá trị văn hóa quân sự chủ đạo trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc” [64] đã làm rõ sự kế thừa biện chứng và bước phát triển về chất của nghệ thuật chiến tranh toàn dân trong thời đại Hồ Chí Minh trên nền tảng chế độ chính trị mới. Tác phẩm chỉ ra rằng, để củng cố thể trận lòng dân trước các thách thức đương đại, trục tọa độ trung tâm phải dựa trên việc bảo đảm lợi ích của nhân dân, từ đó huy động tổng lực sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hệ thống luận điểm này định hình một tiền đề lý luận định hướng giá trị; giúp tác giả luận án có căn cứ khoa học để khẳng định chủ nghĩa yêu nước chính là hạt nhân tinh thần gắn kết, chuyển hóa tư duy chiến tranh nhân dân truyền thống thành sức mạnh toàn dân tham gia bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Định hình tầm nhìn chiến lược về chặng đường phát triển mới của đất nước, Tô Lâm trong các công trình “Một số nhận thức cơ bản về Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [81] và “Đảng Cộng sản Việt Nam: 95 năm tiên phong vì Tổ quốc và Nhân dân” [82] đã khái quát hóa cục diện quốc gia sau bốn thập kỷ đổi mới, đồng thời thẳng thắn vạch rõ các điểm nghẽn hệ thống trong quản lý xã hội và công tác xây dựng Đảng trước những biến động phức tạp của tình hình mới. Nhằm hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, tác giả nhấn mạnh yêu cầu khách quan phải giải quyết các nguy cơ suy thoái nội bộ, củng cố niềm tin chính trị và khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc. Hệ thống tư tưởng đồng bộ này thiết lập một căn cứ chính trị - thực tiễn đặc biệt quan trọng; giúp người viết có cơ sở lý luận vững chắc để phân tích cơ chế vận hành, chuyển hóa nguồn lực tinh thần dân tộc thành sức mạnh tổng hợp phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới.

Khái quát hóa vai trò chỉ đạo của hạt nhân chính trị, Nguyễn Viết Thảo trong bài viết “Nâng cao năng lực lãnh đạo chiến lược của Đảng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đến giữa thế kỷ XXI” [142] đã đánh giá thực trạng hoạch định, tổ chức thực hiện các quyết sách chiến lược và nhận diện những hạn chế về mặt năng lực hành động của Đảng trước các biến động đương đại. Hệ thống luận điểm

này cung cấp một khung tham chiếu lý thuyết giá trị; tạo lập một tiền đề khoa học hệ thống giúp người viết có căn cứ làm rõ phương thức đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với quá trình khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, chuyển hóa sức mạnh văn hóa tinh thần thành năng lực thực tiễn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Phân tích động lực từ các chủ thể xã hội đặc thù, Nguyễn Tường Lâm trong bài viết “Phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ cả nước hướng tới Đại hội Đảng bộ cách cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng” [86] đã làm rõ vai trò xung kích của thanh niên trong việc chuyển hóa nguồn lực tinh thần, đồng thời vạch rõ các rào cản từ sự dao động lý tưởng và lối sống thực dụng ở một bộ phận thế hệ trẻ trước mặt trái hội nhập. Hệ thống dữ liệu thực chứng này cấu thành một căn cứ thực tiễn giá trị; giúp tác giả luận án có cơ sở khoa học để thiết lập cơ chế gắn kết giữa giáo dục chính trị với việc khơi dậy sức mạnh văn hóa tinh thần của thanh niên, biến tiềm năng tự thân của giới trẻ thành nguồn lực thực tế trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tổng luận các công trình nghiên cứu trên cho thấy sự đồng thuận cao trong việc khẳng định chủ nghĩa yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và niềm tin chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng là những xung lực tinh thần quyết định tính ổn định quốc gia. Hệ thống rào cản cũng được các nghiên cứu nhận diện qua sự suy thoái tư tưởng ở một bộ phận cán bộ, các biểu hiện lệch chuẩn đạo đức và áp lực từ mặt trái hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, do mục tiêu và phạm vi tiếp cận khác nhau, việc khái quát một khung lý luận đồng bộ về cấu trúc nội hàm, quy luật vận hành và cơ chế tác động của sức mạnh văn hóa tinh thần... vẫn là hướng nghiên cứu cần tiếp tục làm rõ.

1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY

Phân tích chiều sâu lịch sử của sức mạnh phi vật chất, công trình “*Tìm hiểu văn hóa giữ nước Việt Nam*” [170] của Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự đã luận giải tầm quan trọng của văn hóa tinh thần đối với an ninh quốc gia trước làn sóng toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ đương đại. Tác phẩm đề xuất hệ giải

pháp căn bản về kiên định định hướng chính trị, chống xâm lăng văn hóa, phát triển con người và khơi dậy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nội dung khảo cứu này thiết lập một tọa độ lý thuyết hệ thống giá trị; tạo tiền đề khoa học vững chắc để người viết kế thừa, từ đó đi sâu làm rõ sự dịch chuyển nội hàm của văn hóa giữ nước trong bối cảnh mới, đồng thời cụ thể hóa cơ chế liên kết biện chứng giữa xây dựng môi trường văn hóa với củng cố thể trận lòng dân nhằm ứng phó hiệu quả trước các nguy cơ an ninh phi truyền thống phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Khảo cứu động lực phát triển từ quy luật hài hòa lợi ích, Phạm Xuân Nam trong công trình *“Văn hóa vì phát triển”* [109] đã đề xuất hệ giải pháp phát huy chủ nghĩa yêu nước ở các cấp độ cấu trúc xã hội thông qua việc bồi dưỡng tri thức, tư duy sáng tạo và giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích. Tác phẩm nhấn mạnh quy luật ý thức tư tưởng chỉ thực sự chuyển hóa thành hành động mạnh mẽ khi gắn liền với việc đáp ứng lợi ích thiết thân của người lao động, từ đó kích lệ năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân vì sự phát triển chung. Hệ thống luận điểm này tạo tiền đề khoa học để người viết kế thừa nguyên tắc hài hòa lợi ích, từ đó đi sâu phân tích các nhân tố tác động đến tâm lý xã hội hiện đại nhằm đề xuất chính sách kích hoạt lòng yêu nước từ cấp độ cá nhân thành nguồn lực thực tế phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Đánh giá vai trò động lực của các giá trị tinh thần, Trần Văn Bính trong công trình *“Văn hóa Việt Nam trên con đường đổi mới - Những thời cơ và thách thức”* [5] đã khẳng định tính tất yếu của việc bảo tồn di sản, xây dựng môi trường tinh thần lành mạnh và khơi dậy ý chí tự cường cho thế hệ trẻ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tác phẩm nhấn mạnh yêu cầu nâng cao năng lực quản lý văn hóa, xây dựng Đảng thực sự là hiện thân cho trí tuệ, danh dự và lương tâm thời đại theo bản chất lý luận Mác - Lênin. Hệ thống đề xuất mang tính định hướng này định hình một tọa độ lý thuyết tạo tiền đề khoa học để người viết kế thừa trong việc cấu trúc hóa các giải pháp thành một hệ thống cơ chế chuyên biệt nhằm chuyển hóa ý thức tư tưởng thành hành động thực tiễn, góp phần xây dựng vững chắc tiềm lực chính trị - tinh thần và củng cố thể trận lòng dân trong thế hệ trẻ hiện nay.

Tiếp cận đối tượng từ lát cắt đặc thù của lực lượng vũ trang, Văn Đức Thanh và các cộng sự trong tác phẩm *Văn hóa quân sự Việt Nam truyền thống và hiện đại* [134] đã luận giải tính kế thừa biện chứng của các giá trị văn hóa quân sự, định vị đây là nguồn động lực chính trị - tinh thần cốt lõi trong lịch sử dân tộc. Công trình đề xuất hệ giải pháp đồng bộ nhằm bồi dưỡng tinh thần chiến đấu cho thế hệ trẻ gắn liền với việc lan tỏa hệ giá trị anh hùng cách mạng và phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ trong toàn quân. Nội dung khảo cứu chuyên sâu này xác lập một hệ quy chiếu lý luận thực tiễn giá trị; tạo tiền đề khoa học để người viết kế thừa để mở rộng phạm vi nghiên cứu, đặt văn hóa quân sự trong mối quan hệ biện chứng với các thành tố văn hóa tinh thần khác nhằm tối ưu hóa năng lực phối hợp giữa quân và dân trong xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh hiện nay.

Đi sâu vào cấu trúc nội hàm của sức mạnh tinh thần trong lực lượng vũ trang, Dương Quang Hiền trong tác phẩm *“Phát huy hệ giá trị văn hóa quân sự Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay”* [60] đã luận giải mối quan hệ biện chứng giữa lòng yêu nước, ý chí chiến đấu với các biểu hiện thực tế của sức mạnh quốc phòng. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất hệ giải pháp nâng cao nhận thức lý luận, tăng cường giáo dục truyền thống quân sự và phát huy giá trị gắn bó máu thịt giữa quân với dân trước những yêu cầu mới. Hệ luận điểm chuyên biệt này định hình một tiền đề lý luận định hướng giá trị; giúp người viết có căn cứ khoa học để đặt hệ giá trị quân sự vào chỉnh thể tổng hòa với các thành tố văn hóa tinh thần khác, từ đó thiết lập cơ chế chuyển hóa đồng bộ các nguồn lực tư tưởng thành năng lực sẵn sàng chiến đấu, góp phần củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân.

Tiếp cận vấn đề từ góc độ hoàn thiện cơ chế thể chế, Bé Xuân Trường và Nguyễn Bá Dương trong công trình *“Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* [166] đã định hình hệ giải pháp nâng cao trách nhiệm của các chủ thể xã hội thông qua giáo dục chính trị. Công trình khẳng định yêu cầu gắn kết chặt chẽ công tác tư tưởng với các phong trào thực tiễn, đồng thời kết hợp sử dụng đòn bẩy chính sách nhằm huy động tối đa nguồn lực toàn dân gắn liền với hoàn thiện cơ chế quản

lý đồng bộ. Hệ thống giải pháp này thiết lập một căn cứ chính trị - thực tiễn để người viết kế thừa, từ đó bóc tách phương thức vận hành của mạch nguồn văn hóa tinh thần, hướng tới xây dựng các thiết chế văn hóa lành mạnh nhằm chuyển hóa ý thức trách nhiệm thành hành động tự giác của các tầng lớp nhân dân trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và bảo đảm an ninh tư tưởng hiện nay.

Quán triệt đường lối chiến lược quân sự của Đảng, Nguyễn Bá Dương và Nguyễn Văn Quang trong tác phẩm *“Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* [21] đã cụ thể hóa hệ giải pháp đổi mới tư duy về nền quốc phòng toàn dân, trọng tâm là hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực chỉ đạo của hạt nhân chính trị song hành với tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên lĩnh vực an ninh. Hệ thống luận điểm này đóng vai trò như một khung định hình chính sách mang tính gợi mở cho luận án kế thừa các nguyên lý về đổi mới phương thức quản trị, từ đó cấu trúc hóa cơ chế vận hành chuyên biệt nhằm khơi dậy sức mạnh văn hóa tinh thần, hướng tới hoàn thiện thể chế và tăng cường thực lực bảo vệ đất nước trước các thách thức đương đại.

Đặt hoạt động quân sự trong mối quan hệ tổng hòa với các nhân tố xã hội, Vũ Như Khôi trong tác phẩm *“Văn hóa giữ nước Việt Nam những giá trị đặc trưng”* [77] khẳng định, bên cạnh nhiệm vụ quốc phòng, các công tác về nội trị, đối ngoại, bồi dưỡng lòng yêu nước và ý chí tự lực tự cường nhằm cổ kết nhân tâm toàn dân tộc đều là những yêu cầu tất yếu của sự nghiệp giữ nước. Quan điểm hệ thống này mở ra một tọa độ định hướng lý thuyết căn bản để người viết bóc tách cấu trúc nội hàm của sức mạnh văn hóa tinh thần, từ đó đề xuất hệ giải pháp củng cố vững chắc trận địa tư tưởng và thiết lập thể trận lòng dân trước những đòi hỏi bức thiết của bối cảnh đương đại.

Khai thác tư duy dự báo chiến lược trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, Nguyễn Mạnh Hưởng trong tác phẩm *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ nước từ khi chưa nguy”* [67], đã khẳng định tính gắn kết hữu cơ giữa xây dựng thực lực kinh tế, quân sự với phát huy nguồn lực phi vật chất. Công trình đưa ra cảnh báo hệ thống rằng việc xem nhẹ nhân tố văn hóa sẽ triệt tiêu hiệu quả phòng thủ quốc gia,

thậm chí trực tiếp dung dưỡng các nguy cơ nội tại đe dọa sự sinh tồn của chế độ. Nhận định mang tính cảnh báo này tạo lập một nguồn luận cứ tham chiếu đặc biệt sắc bén; định hình cơ sở để người viết kế thừa tư duy chủ động phòng ngừa nguy cơ nhằm khảo cứu sâu thực trạng suy thoái tư tưởng, từ đó kiến nghị giải pháp gia tăng năng lực đề kháng tự giác của các chủ thể, góp phần xây dựng thể trận quốc phòng từ sớm, từ xa và bảo vệ vững chắc an ninh chế độ hiện nay.

Khái quát hóa tư duy chiến lược của Đảng, ấn phẩm *“Vấn đề tăng cường quốc phòng trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng”* [10] đã luận giải tính gắn kết biện chứng giữa phát triển kinh tế, văn hóa với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Công trình khẳng định bên cạnh việc phát huy tối đa nguồn lực nội sinh, việc chủ động mở rộng hợp tác quốc tế về quốc phòng là một giải pháp chiến lược trọng yếu trước các biến động của thời đại. Mô hình tiếp cận đồng bộ này quy định logic hệ thống để người viết kế thừa mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với củng cố quốc phòng, tạo cơ sở đi sâu bóc tách cơ chế tương tác giữa nguồn lực văn hóa tinh thần với tiềm lực quốc phòng toàn dân, từ đó đề xuất phương thức liên kết cụ thể nhằm phát huy năng lực nội sinh trước các thách thức an ninh phi truyền thống hiện nay.

Định vị trực lõi của sức mạnh phi vật chất, Nguyễn Bá Dương trong tác phẩm *Xây dựng “Thế trận lòng Dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc* [22], khẳng định thế trận lòng dân giữ vai trò quyết định trong sự nghiệp giữ nước. Công trình đề xuất hệ giải pháp đồng bộ giữa giáo dục truyền thống yêu nước với thực thi chính sách bảo đảm công bằng xã hội, kết hợp đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái và đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu cấp bách phải bồi dưỡng ý thức quốc phòng cho thế hệ trẻ. Hệ quan điểm này tạo điểm tựa lý luận khoa học để luận án đi sâu bóc tách các nhân tố tác động đến tâm lý, niềm tin của thanh niên trước sự bùng nổ thông tin hiện nay; từ đó xây dựng mô hình chuyển hóa các giá trị văn hóa truyền thống thành bộ lọc tư tưởng tự giác nhằm nâng cao sức đề kháng của thế hệ trẻ trước chiến lược diễn biến hòa bình.

Đặt sự phát triển xã hội trong mối quan hệ với cấu trúc thể chế, công trình *“Văn hóa với sự phát triển của xã hội Việt Nam”* [140] do Lê Quang Thiêm chủ biên đã khẳng định vai trò chiến lược của hệ thống chính sách đối với việc phát triển con người và bảo tồn bản sắc dân tộc trước nguy cơ xâm lăng văn hóa. Tác phẩm đề xuất thiết lập cơ chế quản lý đồng bộ, tập trung đầu tư trọng điểm cho văn hóa, giáo dục nhằm phát triển toàn diện nhân cách, tạo lập chất keo kết dính cá nhân với cộng đồng để chủ động hội nhập quốc tế. Hệ thống luận điểm này cung cấp một nguồn chất liệu lý luận có tính gợi mở, tạo điểm tựa khoa học để luận án cụ thể hóa các định hướng chính sách chung thành những cơ chế, thiết chế văn hóa đặc thù nhằm chỉ rõ phương thức vận hành bộ lọc tư tưởng tự giác, góp phần xây dựng an ninh văn hóa và bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng xã hội trước các âm mưu phá hoại đương đại.

Khảo cứu hệ giá trị trong tiến trình hội nhập, Nguyễn Ngọc Thiện và Từ Thị Loan trong *“Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”* [141] đã luận giải thực trạng phát huy các nguồn lực tinh thần trên cả hai phương diện đối nội và đối ngoại. Công trình khẳng định vai trò cầu nối của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời đề xuất chiến lược giáo dục đồng bộ cho thế hệ trẻ dựa trên sự kết hợp giữa đổi mới học đường với việc tối ưu hóa năng lực lan tỏa của truyền thông đại chúng nhằm củng cố ý thức bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia. Nội dung khảo cứu này thiết lập một khung tọa độ lý thuyết có giá trị tham chiếu cao; mở ra dư địa lý luận để luận án kế thừa các nguyên lý về giáo dục và truyền thông, từ đó đi sâu xây dựng các tiêu chí cụ thể nhằm định hình bản lĩnh chính trị và nâng cao năng lực đề kháng cho thanh niên trước các dòng thông tin phức tạp đương đại.

Tiếp cận nguồn lực tinh thần từ chiều sâu ý thức xã hội, chuyên khảo *“Phát huy khát vọng phát triển và sức mạnh văn hóa của con người Việt Nam trong thời kỳ mới”* [129] do Vũ Hồng Sơn, Phan Mạnh Toàn đồng chủ biên, khẳng định việc khơi dậy khát vọng phát triển phải gắn liền với củng cố niềm tin công chúng thông qua hệ thống chính sách an sinh xã hội. Từ nền tảng đồng thuận đó, công trình đề

xuất các phương sách tư tưởng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử và thiết lập không gian thông tin tích cực để chủ động phản bác các luận điệu xuyên tạc. Góc nhìn lập luận này thiết lập một căn cứ lý luận có tính định hướng thực tiễn cao; gợi mở cơ sở để luận án kế thừa và đi sâu phân tích các tầng nấc dư luận xã hội, từ đó đề xuất giải pháp cụ thể hóa vùng thông tin tích cực thành các thiết chế văn hóa đặc thù nhằm nâng cao bản lĩnh tư tưởng, tăng cường năng lực phòng ngự cho các lực lượng trước các nguy cơ thách thức đương đại.

Đứng trên tầm nhìn chiến lược về sức mạnh vĩ đại của Nhân dân, bài viết “Phát huy truyền thống đại đoàn kết, huy động sức mạnh của toàn dân tộc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng” [154] của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã định hình hệ giải pháp khơi dậy nguồn lực tinh thần dân tộc thông qua việc nâng cao nhận thức xã hội về giá trị của khối đại đoàn kết. Tác phẩm nhấn mạnh yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách nhằm tối ưu hóa các tiềm năng nội sinh, tạo điều kiện thuận lợi để toàn dân cống hiến cho sự nghiệp giữ nước. Hệ luận điểm mang tầm vóc tư tưởng này tạo dựng một chỉnh thể lý luận có tính khái quát cao; mở ra phương hướng để luận án kế thừa và chuyển hóa các nguyên tắc chung thành những mô hình liên kết cụ thể, từ đó chỉ rõ cơ chế vận hành của sức mạnh văn hóa tinh thần trong việc củng cố vững chắc trận địa tư tưởng và gia tăng sức đề kháng tự giác của các lực lượng trước các nguy cơ an ninh phi truyền thống hiện nay.

Khái quát hóa nhiệm vụ then chốt trong bối cảnh phát triển mới, bài viết “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, góp phần tạo mọi điều kiện thuận lợi để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” [111] của tác giả Nguyễn Trọng Nghĩa đã luận chứng vị trí chiến lược của công tác tư tưởng với tư cách là lĩnh vực đi trước một bước nhằm định hướng nhận thức, củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận xã hội. Tác phẩm khẳng định vai trò quyết định của mặt trận tư tưởng trong việc khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, đồng thời đặt ra yêu cầu khách quan phải đổi mới toàn diện nội dung, phương thức hoạt động để nâng cao tính thuyết phục và kịp thời. Hệ luận điểm mang tính thời sự

này thiết lập một khung tri thức tham chiếu đương đại; tạo tiền đề lý luận gợi mở để luận án kế thừa, từ đó đi sâu định hình cơ chế phối hợp giữa các lực lượng nhằm chuyển hóa nhận thức tư tưởng thành năng lực hành động tự giác, góp phần củng cố vững chắc trận địa tư tưởng trước những yêu cầu bức thiết của kỷ nguyên mới.

Khảo cứu các giải pháp phát huy nguồn lực tinh thần từ những khía cạnh chuyên biệt, Lương Cường trong bài viết “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” [19] đã luận giải tầm quan trọng của việc tối ưu hóa công cụ pháp lý và chính sách. Đồng thuận với xu hướng giáo dục, Nguyễn Thị Tâm qua bài viết “Phát huy giá trị truyền thống dân tộc trong giáo dục lối sống cho thanh niên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh” [133] nhấn mạnh yêu cầu khơi dậy động lực tinh thần để định hình nhân cách cho thế hệ trẻ. Sự kết hợp giữa hai lát cắt lý luận này mở ra một tầm nhìn tích hợp có tính gợi mở cao; tạo điểm tựa để luận án bóc tách mối quan hệ biện chứng giữa thiết chế thể chế và động lực tư tưởng, từ đó xây dựng hệ giải pháp lưỡng hợp nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý văn hóa đặc thù trong quân đội, đồng thời chuyển hóa các giá trị truyền thống thành nội lực tự giác, góp phần hoàn thiện thể chế quốc phòng và nâng cao bản lĩnh tư tưởng của thanh niên trước các thách thức mới.

Tóm lại, hệ thống các công trình nghiên cứu đi trước đã đạt được những thành tựu học thuật đặc biệt quan trọng, đặt nền móng lý luận vững chắc khi định vị sức mạnh văn hóa tinh thần là nguồn động lực gốc rễ trong sự nghiệp giữ nước, đồng thời phác thảo các phương sách căn bản về giáo dục tư tưởng và hoàn thiện thể chế chính sách. Tuy nhiên, các tiếp cận này mới dừng ở khái quát định hướng hoặc khu biệt phạm vi trong lực lượng vũ trang mà chưa cấu trúc hóa thành một hệ hình vận hành đồng bộ diện rộng. Đây chính là những khoảng trống lý luận gợi mở, tạo dư địa khoa học để luận án tiếp tục kế thừa và triển khai sâu hơn. Trên cơ sở trục logic biện chứng chủ thể - nội dung - phương thức phát huy, luận án tập trung hướng tới việc luận giải cơ chế phối hợp liên ngành giữa các lực lượng, làm rõ sự chuyển biến nội hàm của các giá trị văn hóa trong thời đại mới, đổi mới các

phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc, đồng thời định hình nguyên lý kết hợp hài hòa giữa nguồn lực vật chất và tinh thần nhằm tối ưu hóa sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới hiện nay.

1.4. KHÁI QUÁT GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Khái quát giá trị của các công trình khoa học đã được tổng quan

Về lý luận, hệ thống các công trình nghiên cứu đi trước đã xác lập một khung tri thức lý luận đồng bộ thông qua việc tường minh hóa các khái niệm nền tảng về văn hóa, văn hóa tinh thần, Tổ quốc và bảo vệ Tổ quốc. Từ các góc độ tiếp cận đa chiều, các tác giả đạt được sự đồng thuận cao khi định vị chủ nghĩa yêu nước, khối đại đoàn kết toàn dân tộc cùng ý chí tự lực, tự cường là những giá trị tinh thần cốt lõi, đóng vai trò nguồn động lực gốc rễ trong sự nghiệp giữ nước. Biện chứng luận giải của các nghiên cứu khẳng định: sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là chỉnh thể sức mạnh tổng hợp, trong đó nhân tố tinh thần là điều kiện quyết định, định hướng và chuyển hóa các nguồn lực phi vật chất thành thực lực thực tiễn để bảo vệ chủ quyền quốc gia trên mọi không gian chiến lược.

Về thực tiễn, các công trình đã cung cấp nguồn dữ liệu khảo cứu thực chứng khách quan, bóc tách diện mạo thực trạng phát huy các giá trị văn hóa tinh thần gắn với những xung đột và điểm nghẽn đương đại. Giới nghiên cứu đã nhận diện và phân tích sâu sắc các thách thức mới đối với an ninh quốc gia, đặc biệt là nguy cơ xói mòn giá trị đạo đức do mặt trái của kinh tế thị trường, xu hướng suy thoái tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận chủ thể, cùng các biểu hiện của xâm lăng văn hóa. Những phân tích này luận chứng cho tính cấp bách của việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích vật chất với động lực tinh thần nhằm củng cố vững chắc “thế trận lòng dân”.

Về giải pháp, trên cơ sở phân tích thực trạng, các nghiên cứu đã định hình hệ thống phương sách có giá trị gợi mở cao nhằm khơi dậy và phát huy hiệu quả nguồn lực văn hóa tinh thần. Trọng tâm các giải pháp quy tụ vào ba trục cốt lõi:

Đổi mới căn bản công tác giáo dục chính trị, tuyên truyền truyền thống trong hệ thống học đường và trên không gian truyền thông đại chúng; Hoàn thiện thể chế pháp lý, chính sách an sinh xã hội và pháp luật quốc phòng; Tăng cường phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với việc xây dựng môi trường tư tưởng và không gian văn hóa lành mạnh.

Tóm lại, hệ thống kết quả từ các công trình đi trước cấu thành nguồn dữ liệu thực chứng phong phú và tiền đề lý luận giá trị để luận án kế thừa, từ đó định vị không gian khai phá tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

1.4.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc giá trị của các công trình đi trước, luận án xác định những nội dung khoa học cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu của bối cảnh phát triển mới.

Trước hết, các nghiên cứu tiền nhiệm đã khẳng định vững chắc vai trò của nhân tố phi vật chất; tuy nhiên, do mục tiêu và phạm vi tiếp cận khác nhau, việc khái quát một khung lý luận đồng bộ về cấu trúc nội hàm, quy luật vận hành và cơ chế tác động của sức mạnh văn hóa tinh thần trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh vẫn là hướng nghiên cứu cần được tiếp tục làm rõ một cách khu biệt. Định hướng khoa học này là cơ sở để luận án đi sâu phân tích bản chất, nội dung của hoạt động phát huy sức mạnh đó, gắn với việc nhận diện các yếu tố chi phối trong giai đoạn hiện nay.

Từ nền tảng lý luận đó, việc phân tích thực chứng sẽ được luận án triển khai cụ thể hơn đối với những vấn đề thực tế phát sinh trong tiến trình đổi mới. Trong khi các công trình đi trước thường tập trung khái quát trạng thái diện rộng, luận án sẽ bổ sung góc nhìn bằng cách đi sâu làm rõ những tác động phức tạp về tâm lý, tư tưởng và xu hướng dư luận xã hội trước sự bùng nổ thông tin và các chiến lược phá hoại tư tưởng hiện đại. Theo đó, Luận án bổ sung góc nhìn bằng cách đi sâu làm rõ những tác động phức tạp về tâm lý, tư tưởng; chú trọng khảo cứu

thực trạng các biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa dưới góc độ mâu thuẫn nội tại; đồng thời phân tích những điểm cần hoàn thiện trong cơ chế phối hợp liên ngành giữa các lực lượng.

Đây chính là cơ sở để luận án thực hiện sự tiếp nối, vận dụng và cụ thể hóa các kết quả nghiên cứu đi trước. Trên cơ sở trục logic xuyên suốt chủ thể - nội dung - phương thức phát huy sức mạnh, luận án hướng tới một cấu trúc giải pháp đồng bộ và toàn diện nhằm góp phần hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, nâng cao tính chủ động của các chủ thể; bổ sung, làm phong phú nội hàm giá trị văn hóa tinh thần tương thích với tư duy bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; đa dạng hóa các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đồng thời làm rõ hơn nguyên lý kết hợp hài hòa giữa thực lực vật chất với động lực tinh thần, chuyển hóa các giá trị truyền thống thành năng lực tự giác của các lực lượng khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Việc hệ thống hóa các công trình khoa học liên quan đến phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc là đòi hỏi tất yếu nhằm phác họa bức tranh toàn cảnh về dòng chảy lý luận. Tiến trình này giúp nhận diện những luận điểm đã được định hình vững chắc, đồng thời phát hiện những khoảng trống tri thức mới nảy sinh dưới tác động của bối cảnh thời đại.

Để hiện thực hóa nhiệm vụ nền tảng đó, luận án vận dụng đồng bộ phương pháp hệ thống hóa tư liệu lịch sử, kết hợp chặt chẽ giữa phân tích, tổng hợp với so sánh, đối chiếu văn bản học thuật. Thao tác phân định hệ thống tài liệu theo các nhóm nội dung chuyên biệt - từ lý luận văn hóa thuần túy đến thực tiễn quốc phòng, an ninh - cho phép tiếp cận đối tượng nghiên cứu từ nhiều chiều kích. Phương pháp này vừa bảo đảm tính khách quan, khoa học, vừa tránh sự trùng lặp đối với các kết quả nghiên cứu đi trước.

Việc tuân thủ các nguyên tắc phương pháp luận đã giúp chương tổng quan đạt được các kết quả căn bản trên cả hai phương diện lý thuyết và thực tiễn. Một mặt, luận án kế thừa hệ thống lý luận của các học giả tiền nhiệm về cấu trúc, đặc trưng và vai trò động lực cốt lõi của nhân tố văn hóa tinh thần. Mặt khác, nghiên cứu định vị rõ khoảng trống tri thức về cơ chế chuyển hóa sức mạnh văn hóa tinh thần trước các thách thức mới hiện nay, và việc tích hợp nguồn lực này vào chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Những kết quả này không dừng lại ở tính chất liệt kê tư liệu, mà thực sự là điểm xuất phát khách quan, làm bản lề định hình logic khoa học cho toàn bộ đề tài. Đây chính là cơ sở lý thuyết để tác giả tiếp tục xây dựng khung lý luận tại Chương 2, đánh giá thực trạng tại Chương 3, và luận chứng hệ giải pháp đồng bộ tại Chương 4 nhằm chuyển hóa hiệu quả nguồn lực văn hóa tinh thần thành động lực nội sinh bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Chương 2

PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM

2.1.1. *Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam*

2.1.1.1. *Khái niệm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam*

Tổ quốc không đơn thuần là một thực thể địa lý - hành chính, mà là một phạm trù lịch sử - xã hội, kết tinh mối liên hệ biện chứng giữa con người với cộng đồng, giữa tồn tại xã hội với những giá trị tinh thần, truyền thống lịch sử dân tộc. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Tổ quốc hiện lên như một chỉnh thể sống động, vừa mang tính lịch đại trong tiến trình dựng nước và giữ nước, vừa mang tính đồng đại trong việc kiến tạo bản sắc, giá trị quốc gia trong thời đại mới.

Đối với dân tộc Việt Nam, Tổ quốc không đơn thuần là không gian địa lý - chính trị thiêng liêng, nơi khơi nguồn cho lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết quật cường, mà còn là thực thể kết tinh sâu sắc sự thống nhất giữa tính dân tộc và tính giai cấp. Đó là biểu tượng của sự hòa quyện giữa khát vọng độc lập, tự do của dân tộc với mục tiêu phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, tạo nên một hệ giá trị lý tưởng bền vững, quy tụ sức mạnh toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Từ góc nhìn đó, Tổ quốc Việt Nam hiện nay được hiểu như một thực thể toàn vẹn, phản ánh sâu sắc tính lịch sử, tính dân tộc và tính giai cấp. Đây là không gian sống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, thể thống nhất các điều kiện tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, được hình thành, phát triển không ngừng trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Tổ quốc không chỉ là biểu tượng của độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là hiện thân của mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh - tức là nơi hội tụ lý tưởng sống, bản sắc văn hóa và khát vọng vươn lên của toàn dân tộc.

Trong cơn lốc toàn cầu hóa và biến động địa - chính trị phức tạp, sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia phụ thuộc vào khả năng chủ động bảo vệ những nền tảng căn cốt: chủ quyền, thể chế, văn hóa, kinh tế và con người. Ở Việt Nam, bảo vệ Tổ quốc không chỉ là phản ứng phòng thủ, mà là hành động chủ động, gắn liền với những chiến lược phát triển toàn diện. Không thể xây dựng một quốc gia hùng mạnh nếu thiếu khả năng bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, bảo vệ vững chắc Tổ quốc chính là cơ sở bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định cho quốc gia - dân tộc phát triển hùng cường.

Hiện nay, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam không phải một hoạt động biệt lập, thuần túy mang tính quân sự, mà được đặt trong chính thể biện chứng giữa bảo vệ và phát triển. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và những biến động sâu sắc của trật tự thế giới, bảo vệ Tổ quốc một mặt là chủ động chống lại những nguy cơ bên ngoài, song song với đó là quá trình tích cực gìn giữ, phát huy và lan tỏa các giá trị mang bản sắc dân tộc và các nguồn lực tổng hợp của quốc gia.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực mang tính bất định, phức tạp, khó lường, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được xác định là nhiệm vụ chiến lược, trọng yếu và thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. *“Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* (Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI) đã xác định rõ, mục tiêu bao trùm và xuyên suốt là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, qua đó phát triển đất nước nhanh và bền vững. Để hiện thực hóa mục tiêu trọng yếu này, đòi hỏi phải bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ trên mọi chiều kích - từ đất liền, biên giới, hải đảo đến vùng trời và vùng biển thiêng liêng của Tổ quốc. Đồng thời, phải bảo vệ tuyệt đối an toàn Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây là những thành quả cách mạng vĩ đại được dựng xây bằng máu xương và trí tuệ của nhiều thế hệ. Trọng tâm là phải bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trên mọi phương diện, bảo đảm vững chắc an ninh sinh tồn, an ninh phát triển và an ninh con người. Đây là sự nghiệp cách mạng vĩ đại của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt

Nam, cùng với sự quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước. Sự nghiệp này đòi hỏi phải phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp, kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại thông qua việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc, chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động ngay từ sớm, từ xa.

Với tư tưởng nhất quán về sự gắn kết giữa dựng nước và giữ nước, giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XIII) của Đảng khẳng định: Đây là một nhiệm vụ chiến lược, trọng yếu, thường xuyên và lâu dài, đồng thời là sứ mệnh cách mạng cao cả của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Mục tiêu xuyên suốt không chỉ là gìn giữ sự toàn vẹn của không gian địa lý và hệ thống thể chế, mà còn là duy trì và phát triển môi trường hòa bình - văn hóa - đạo lý, nơi tổng hòa những giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam được nâng niu, tiếp nối và phát huy. Trong chiều kích đó, sức mạnh văn hóa tinh thần là nguồn lực mềm, vừa tạo động lực, vừa giữ vai trò định hướng nhận thức và hành động của các chủ thể trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước. Bảo vệ Tổ quốc, do đó, không còn bó hẹp trong giới tuyến quân sự hay an ninh truyền thống, mà được mở rộng thành một hệ tổng thể đa chiều: từ giữ vững độc lập chính trị, chủ quyền toàn diện đối với lãnh thổ, đến bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng, bản sắc văn hóa, an ninh tư tưởng - thông tin, niềm tin xã hội và hệ giá trị dân tộc. Việc bảo vệ đó đòi hỏi sự chuyển hóa mềm dẻo giữa các phương thức - trong đó có các phương thức mang tính văn hóa - tư tưởng, được tổ chức và triển khai bởi các chủ thể xã hội đa dạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành thống nhất của Nhà nước và sự hưởng ứng tự giác từ Nhân dân. Như vậy, bảo vệ Tổ quốc phải là sự kết hợp hài hòa giữa nội lực và ngoại lực, giữa truyền thống yêu nước với khả năng đổi mới tư duy chiến lược; giữa sức mạnh vật chất và chiều sâu văn hóa tinh thần - nơi mỗi cá nhân không chỉ là người thụ hưởng, mà còn là chủ thể sáng tạo và lan tỏa giá trị. Bản sắc, lòng yêu nước, khát vọng hòa bình, tinh thần đại đoàn kết toàn

dân tộc, cùng với ý chí tự lực, tự chủ, tự cường,... chính là những thành tố cốt lõi của sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc từ gốc, từ sớm, từ xa.

Bên cạnh việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay còn bao hàm việc kiến tạo không gian văn hóa - tư tưởng tích cực, khắc phục sự xói mòn các giá trị, chống lại sự xâm nhập của tư tưởng phản động, lệch chuẩn và những nguy cơ tự diễn biến, tự chuyển hóa. Đây chính là mặt trận tinh thần - nơi mà sự bền vững của quốc gia được củng cố không chỉ bằng vũ khí, mà bằng niềm tin, lý tưởng, đạo lý và văn hóa dân tộc.

Tiếp nối mạch tư duy chiến lược, Đại hội XIV của Đảng đã thực hiện một bước chuyển dịch mạnh mẽ sang *tư duy toàn diện, chủ động và tự chủ* cao độ. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc được mở rộng và tiếp cận một cách toàn diện; hướng tới bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, trọng tâm là giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chế độ và chủ động ứng phó với các nguy cơ an ninh phi truyền thống. Tư duy chiến lược tiếp tục được nâng tầm qua việc khẳng định nguyên tắc tự chủ về chiến lược và phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, chuyển từ ứng phó sang phòng ngừa và vô hiệu hóa nguy cơ từ khi manh nha. Đặc biệt, nội hàm sức mạnh được nâng cấp thông qua việc củng cố vững chắc thế trận lòng dân trên cơ sở chăm lo, bảo đảm lợi ích thiết thực của Nhân dân; đồng thời gắn kết đồng bộ giữa quốc phòng, an ninh với đối ngoại và phát triển bền vững. Sự phối hợp chiến lược này tạo thành một chỉnh thể thống nhất, cơ sở vững chắc cho việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng tinh, gọn, mạnh, hiện đại, đủ sức ứng phó hiệu quả với thách thức từ chiến tranh công nghệ cao và an ninh mạng trong bối cảnh mới.

Từ phân tích trên, có thể khái quát: Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là *quá trình thực tiễn tự giác, tổng hợp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; trọng tâm là phát huy tối đa sức mạnh nội sinh của dân tộc - mà cốt lõi là sức mạnh văn hóa tinh thần - kết hợp với sức mạnh thời đại nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng,*

Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; chủ động phòng ngừa, hóa giải các nguy cơ xâm hại lợi ích quốc gia - dân tộc từ sớm, từ xa; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để kiến tạo và phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Như vậy, bảo vệ Tổ quốc không chỉ mang hàm nghĩa trách nhiệm mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa không chỉ là nhiệm vụ chính trị, quân sự, mà còn là sự lựa chọn mang tính giá trị, lý tưởng và niềm tin của dân tộc. Đó là một tiến trình đòi hỏi phát huy toàn diện sức mạnh tổng hợp, đặc biệt là sức mạnh văn hóa tinh thần – sức mạnh tiềm năng, sức mạnh mềm nhưng góp phần quan trọng tạo nên năng lực tự chủ, tự lực, tự cường của dân tộc.

2.1.1.2. Nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Một là, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quá trình phát triển bền vững của một quốc gia không thể tách rời khỏi các yếu tố nền tảng bao gồm sự toàn vẹn của lãnh thổ, sự ổn định, vững mạnh của thể chế chính trị và sự vững chắc, khoa học của hệ tư tưởng. Việc giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia không chỉ xét trên chiều cạnh độc lập, chủ quyền về mặt địa lý, mà còn là sự khẳng định quyền tự quyết về chính trị, độc lập về tư tưởng, đặc sắc về văn hóa. Trong giai đoạn hiện nay, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội tiếp tục là định hướng xuyên suốt trong đường lối xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Hai là, bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc. Biện chứng của sự phát triển đòi hỏi phải nhận diện và giải quyết mâu thuẫn giữa cái cũ và cái mới, giữa yêu cầu phát triển và những rào cản kìm hãm. Bảo vệ công cuộc đổi mới là bảo vệ đường lối khắc phục những mâu thuẫn đó, tạo lập nền tảng vật chất - kỹ thuật để phát triển bền vững. Vượt ra ngoài khuôn khổ của một mục tiêu kinh tế thuần túy, đây còn là những vấn đề chính trị, tư tưởng cốt yếu nhằm bảo đảm sự phát triển độc lập, tự chủ trong bối

cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng. Phát huy tối đa nội lực, kết hợp hài hòa giữa nội lực với ngoại lực chính là điều kiện tiên quyết để khẳng định lợi ích quốc gia - dân tộc trong một thế giới đa cực, bất định.

Ba là, bảo vệ nền văn hóa dân tộc và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định. Từ góc nhìn triết học, văn hóa là hình thức biểu hiện cao nhất của đời sống tinh thần, phản ánh bản chất người trong quá trình tồn tại và phát triển của mọi xã hội. Bảo vệ nền văn hóa dân tộc cũng có nghĩa là giữ gìn bản sắc, củng cố sức mạnh mềm - thứ có khả năng lan tỏa và thuyết phục trong đối nội lẫn đối ngoại. Đồng thời, môi trường hòa bình và ổn định không chỉ là điều kiện phát triển quốc gia, dân tộc, mà còn là kết quả của sức mạnh nội tại và sự gắn kết hài hòa với thế giới.

Bốn là, bảo vệ và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của đất nước; đảm bảo an ninh quốc gia trong các lĩnh vực phi truyền thống và hiện đại. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý - điều đó đòi hỏi sự khẳng định vị thế quốc gia không chỉ qua tuyên bố, mà bằng hành động thực tế, trách nhiệm và hiệu quả trên trường quốc tế. Việc chủ động thích ứng với các hình thái đe dọa mới như an ninh mạng, an ninh sinh thái, an ninh con người... thể hiện sự chuyển hóa của tư duy bảo vệ từ trạng thái thụ động đối phó sang chủ động kiểm soát.

Năm là, chủ động triệt tiêu các nguy cơ gây mất ổn định từ bên trong và ngăn ngừa nguy cơ xung đột từ bên ngoài. Trong biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả, giữa nội lực và ngoại lực, sự vững chắc từ bên trong (“trong âm”) cấu thành sức mạnh tổng hợp, cho phép quốc gia chủ động kiểm soát và điều tiết các tác động ngoại biên để bảo đảm sự ổn định (“ngoài âm”). Phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa chỉ có thể hiện thực hóa khi có được một hệ miễn dịch nội tại vững chắc. Điều này đòi hỏi sự kết hợp hữu cơ giữa sức mạnh kinh tế bền bỉ, sự đồng thuận xã hội dựa trên công bằng và một hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh làm nòng cốt để phát huy các giá trị của nền dân chủ thực chất. Đồng thời, nhất quán quan điểm *bốn không* trong quốc phòng là biểu hiện của lập trường độc lập, tự chủ, tránh rơi vào thế bị động trước những bất ổn của môi trường địa - chính trị quốc tế.

2.1.2. Sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

2.1.2.1. Khái niệm sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Trong quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia, dân tộc, văn hóa luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ định hình bản sắc, kết nối cộng đồng, mà còn thực sự “là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” [25, tr.110]. Văn hóa bồi đắp nhân cách con người, tạo ra sự đồng thuận xã hội, khơi dậy tiềm năng sáng tạo và ý chí vươn lên của cả dân tộc. Đặc biệt, văn hóa tinh thần - với hệ thống các giá trị cốt lõi, chuẩn mực đạo đức, lối sống, truyền thống lịch sử và bản sắc độc đáo - chính là nguồn cội hun đúc nên sức mạnh nội sinh bền vững. Sức mạnh ấy, trước hết được thể hiện ở lòng yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường bất khuất, tinh thần đoàn kết, khả năng ứng phó trước thử thách, niềm tin vào tương lai và năng lực tự vệ của cả cộng đồng.

Từ góc độ triết học, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã có những luận giải sâu sắc về bản chất và vai trò và sức mạnh của văn hóa. C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định, ý thức xã hội mà văn hóa là biểu hiện tiêu biểu - vừa do tồn tại xã hội quy định, vừa có tính độc lập tương đối và khả năng tác động trở lại cơ sở kinh tế: “Sự phát triển của chính trị, pháp luật, triết học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, v.v., đều dựa trên sự phát triển kinh tế. Nhưng tất cả những sự phát triển ấy đều tác động lẫn nhau và cùng tác động đến cơ sở kinh tế” [95, tr.271]. Văn hóa vì thế không chỉ là sản phẩm phản ánh hiện thực khách quan mà còn điều chỉnh, định hướng xã hội, bởi vì: “Sự sản xuất tinh thần mang tính chất giải phóng con người, trong đó các giá trị văn hóa, hệ tư tưởng tiên tiến không chỉ phản ánh hiện thực mà còn đóng vai trò dự báo, định hướng, tổ chức và cổ vũ quần chúng nhân dân cải tạo hiện thực xã hội” [91, tr.185]. Tiếp nối tư tưởng đó, V.I. Lênin coi văn hóa là trụ cột cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa. Người nhấn mạnh vai trò của văn hóa tinh thần trong xây dựng con người mới, nhất là trong quá trình định hình lý tưởng và nâng cao phẩm chất người cộng sản, bởi vì: “Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra” [88, tr.362].

Kế thừa và phát triển sáng tạo tinh thần đó trong bối cảnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Theo Người, con đường cứu nước, cũng như trong xây dựng đất nước phát triển bền vững không thể thiếu vai trò của văn hóa; văn hóa, không những là nguồn lực to lớn góp phần giải phóng dân tộc mà còn là động lực và mục tiêu của quá trình giải phóng con người. Người khẳng định: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa... Đông đảo quần chúng nhân dân phải được vũ trang bằng tinh thần cách mạng, bằng tri thức văn hóa mới có thể gánh vác được sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc [98, tr.478].

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã từng khẳng định, văn hóa là “tất cả những gì do con người tạo ra, ở trong con người và liên quan trực tiếp đến con người, tức là tất cả những gì không phải thiên nhiên” [49, tr.9]; văn hóa chính là “nguồn gốc”, là “sức mạnh” và là “động lực” giúp Việt Nam giành thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến giải phóng dân tộc.

Nhiều nhà nghiên cứu như Trần Văn Giàu, Phạm Xuân Nam, Trần Ngọc Thêm, Hoàng Vinh... cũng nhấn mạnh vai trò then chốt của văn hóa, đặc biệt là văn hóa tinh thần trong việc hình thành sức mạnh nội sinh. Trần Văn Giàu coi chủ nghĩa yêu nước là “lý thường hằng”, là cốt lõi của sức mạnh văn hóa dân tộc. Trần Ngọc Thêm đề xuất khái niệm văn hóa như là “hệ điều hành của xã hội”, điều tiết hành vi, định hình bản sắc và truyền dẫn hệ giá trị qua thời gian. Những nhận định này đồng quy ở một điểm cho rằng: văn hóa tinh thần không chỉ *phản ánh* mà ở một mức độ nhất định, còn *dẫn dắt* tiến trình lịch sử - xã hội.

Hiểu một cách tổng quát, *văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình tương tác, cải biến thế giới khách quan để phục vụ cuộc sống, vì sự phát triển của con người và cộng đồng*. Trong cấu trúc toàn diện của văn hóa, văn hóa tinh thần nổi lên là bộ phận đặc biệt quan trọng, cấu thành nên chiều sâu và bản sắc độc đáo. *Văn hóa tinh thần là phương diện giá trị của ý thức xã hội, bao gồm hệ thống các giá trị tinh thần như tri thức,*

niềm tin, lý tưởng, đạo đức và lối sống; được hình thành, kết tinh và trao truyền qua các thế hệ trong thực tiễn cải biến tự nhiên và xã hội; hướng con người tới các giá trị chân - thiện - mỹ, dân chủ, tự do và hạnh phúc. Xét trong bối cảnh bảo vệ Tổ quốc, các giá trị tinh thần này không tồn tại biệt lập mà kết tinh thành sức mạnh nội sinh, định hướng cho các chủ thể trong việc nhận diện và đối phó với các nguy cơ xâm hại Tổ quốc. Với tư cách là nguồn mạch nuôi dưỡng và hệ điều tiết giá trị, văn hóa tinh thần định hình nên tâm hồn, cốt cách cùng bản lĩnh nội tại của mỗi cá nhân cũng như toàn thể cộng đồng. Đây chính là bệ đỡ quyết định để các giá trị tự thân chuyển hóa thành nguồn lực hiện thực, tạo xung lực mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Văn hóa tinh thần luôn hình thành và phát triển theo những quy luật khách quan, gắn chặt với nền tảng vật chất của xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Bản chất này đã được C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Không phải ý thức quyết định đời sống, mà chính đời sống quyết định ý thức” [92, tr.30] và đời sống tinh thần của một dân tộc luôn là “kết quả trực tiếp của những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ” [92, tr.37]. Với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, văn hóa tinh thần vừa phản ánh tồn tại xã hội, vừa có tính độc lập tương đối cùng khả năng tác động trở lại cơ sở hạ tầng, tạo động lực mạnh mẽ cho nền tảng vật chất xã hội phát triển không ngừng. Do đó, sức mạnh văn hóa tinh thần không phải là một đại lượng tự thân, trừu tượng, mà là sự phản ánh sinh động của thực tiễn kinh tế - xã hội, biến chuyển tương ứng với trình độ phát triển của nền sản xuất vật chất trong mỗi bối cảnh lịch sử cụ thể.

Trong điều kiện đặc thù của Việt Nam, hệ giá trị này - với những giá trị cốt lõi như chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự chủ, tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do và nghệ thuật quân sự độc đáo - đã được hun đúc và tôi luyện không ngừng qua thực tiễn dựng nước và giữ nước. Chính quá trình lao động sản xuất để duy trì sự tồn tại, chinh phục thiên nhiên khắc nghiệt, và đặc biệt là công cuộc chống ngoại xâm, đã định hình nên hệ thống giá trị tinh thần mang đậm bản sắc dân tộc, chuyển hóa thành sức mạnh thực tiễn trong mọi thời đại.

Xét ở nghĩa phổ quát, trong tiếng Việt *sức mạnh* được hiểu là khả năng “tác động mạnh mẽ đến những người khác, đến sự vật, gây tác dụng ở mức cao” [116, tr.847]. Từ góc độ triết học và xã hội học, *sức mạnh* được hiểu là tổng thể năng lực tiềm tàng và khả năng hiện thực hóa của một chủ thể hoặc hệ thống nhằm chi phối, cải biến hoàn cảnh, đạt mục tiêu đã định. Sức mạnh được nhận thức không chỉ là tổng thể năng lực vật chất, mà còn bao hàm các yếu tố phi vật chất như văn hóa tinh thần, tư tưởng, trí tuệ, và đặc biệt là khả năng chuyển hóa các tiềm năng thành hiện thực trong thực tiễn.

Khái niệm *sức mạnh*, đã được khoa học uy tín và các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin luận giải với nhiều chiều cạnh. Joseph Nye nêu khái niệm *sức mạnh mềm*, theo nghĩa là khả năng đạt được mục tiêu thông qua sự hấp dẫn văn hóa, tư tưởng, chính sách thay vì ép buộc [71], [72], [73]. Edward Luttwak nhìn nhận sức mạnh địa kinh tế dựa trên vốn tư bản, đổi mới dân sự, thâm nhập thị trường, như những đòn bẩy quốc gia thay thế cho sức mạnh quân sự truyền thống [126]. Khi xem xét phạm trù này trên quan điểm duy vật lịch sử C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ bản chất của *sức mạnh*, nhất là cơ chế để chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành sức mạnh hiện thực. Các ông khẳng định sức mạnh không phải là một đại lượng ý niệm trừu tượng, mà phải được hiểu là một yếu tố “mang tính hiện thực, được đo bằng khả năng biến đổi tự nhiên và cải tạo xã hội” [92, tr.265]. Đặc biệt, đối với các giá trị thuộc đời sống tinh thần, triết học mácxít chỉ rõ mặc dù “ý tưởng không bao giờ có thể tự mình thực hiện được một cái gì cả” nếu thiếu con người thực tiễn, nhưng một khi các giá trị tinh thần ấy đã bám rễ sâu vào ý thức của quần chúng thì chúng sẽ trở thành “một sức mạnh to lớn, định hướng và dẫn dắt cho mọi xung lực hành động” [91, tr.181 - 182]. Đây chính là những vấn đề lý luận cốt lõi để nghiên cứu phương thức khơi dậy và cấu trúc vận động của sức mạnh văn hóa tinh thần...

Kế thừa và phát triển sáng tạo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen trong điều kiện lịch sử mới, V.I.Lênin đã làm sâu sắc thêm bản chất và cội nguồn hình thành *sức mạnh của chế độ mới*. Người khẳng định, khác với nhà nước bóc lột vốn

đo lường sức mạnh bằng bộ máy bạo lực, sức mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa “là ở chỗ quần chúng có ý thức”, khi quần chúng nhận thức toàn diện tiến trình lịch sử và hành động “một cách hoàn toàn tự giác” [87, tr.24]. Đặc biệt, trong quá trình bảo vệ thành quả cách mạng, V.I.Lênin chỉ rõ quy luật khách quan: “Trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tâm trạng của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường” [88, tr.147]. Trên cơ sở kế thừa lý luận mácxít về vai trò của quần chúng và hiện thực hóa dòng chảy yêu nước của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những luận giải sâu sắc về bản chất của *sức mạnh*. Trong tư tưởng của Người, sức mạnh không đơn thuần là phạm trù vật chất hay vũ khí kỹ thuật độc lập, mà là một chỉnh thể thống nhất biện chứng giữa tiềm lực khách quan và động lực chủ quan, trong đó nguồn lực tinh thần đóng vai trò quyết định sự chuyển hóa thực tiễn. Người khẳng định cốt lõi của sức mạnh chính là sự tụ hội của lòng dân, bởi “trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [103, tr.453]. Khi ý chí tinh thần được khơi dậy và tổ chức chặt chẽ, nó sẽ tạo ra năng lượng nội sinh vô hạn, biến cái không thể thành có thể: “Không có việc gì khó / Chỉ sợ lòng không bền / Đào núi và lấp biển / Quyết chí ắt làm nên” [100, tr.440]. Như vậy, sức mạnh theo góc nhìn Hồ Chí Minh thực chất là sức mạnh tổ chức, sức mạnh của sự đồng lòng nhằm chuyển hóa toàn bộ nguồn lực quốc gia thành sức mạnh thực tiễn bảo vệ Tổ quốc. Đây chính là những vấn đề lý luận cốt lõi, là tiền đề định hướng khoa học để nghiên cứu phương thức khơi dậy, cấu trúc vận động và hiện thực hóa sức mạnh văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở phân tích trên, có thể hiểu: *Sức mạnh văn hóa tinh thần là khả năng tác động thực tiễn của ý thức xã hội, được kết tinh từ mặt giá trị tiến bộ trong hệ thống các hình thái ý thức, biểu hiện qua tư tưởng, niềm tin, lý tưởng, tri thức và đạo đức của một quốc gia - dân tộc; hình thành trên cơ sở bảo tồn và phát huy các hằng số văn hóa, kết hợp với sự sáng tạo, tiếp biến các giá trị tiên tiến của thời đại trong tiến trình lịch sử; thể hiện qua năng lực định hướng, quy tụ lòng dân, tạo sự đồng thuận về tư tưởng, ý chí và hành động, nhằm chuyển hóa thành nguồn lực nội sinh mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Như vậy, sức mạnh văn hóa tinh thần bắt nguồn từ các hằng số văn hóa và diện mạo tư tưởng riêng biệt cấu thành nên cốt cách của một quốc gia - dân tộc, được hun đúc, sàng lọc qua suốt chiều dài lịch sử. Tuy nhiên, xét trong tính chỉnh thể, các giá trị văn hóa tinh thần tự thân mới chỉ tồn tại ở dạng *tiềm năng*; chúng chỉ thực sự chuyển hóa thành *sức mạnh hiện thực* khi được chủ thể khơi dậy, định hướng và tổ chức hóa, biến thành niềm tin, lý tưởng và hành động tự giác của quần chúng nhân dân nhằm cải tạo hiện thực xã hội. Đây là nguồn sức mạnh nội sinh có tính bền vững, vừa mang tính nhân văn sâu sắc, vừa phản ánh quy luật lịch sử - xã hội khách quan. Sức mạnh này không chỉ biểu thị cho chiều sâu văn hiến dân tộc, mà còn được cụ thể hóa sinh động qua các phương diện cơ bản sau:

Một là, định hướng nhận thức của các chủ thể. Sức mạnh văn hóa tinh thần thể hiện ở khả năng kiến tạo hệ giá trị chung, bồi đắp niềm tin và lý tưởng sống cao đẹp, từ đó định hình nhận thức, ý chí và mục tiêu hành động của mỗi con người cũng như của cả cộng đồng. Đối với Việt Nam, những giá trị cốt lõi như lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do... đã, đang và sẽ luôn là nguồn động lực tinh thần to lớn giúp dân tộc kiên cường vượt qua mọi thử thách lịch sử.

Hai là, gắn kết mọi thành viên thành một khối đoàn kết, thống nhất. Sức mạnh này thể hiện ở khả năng tạo nên sự đồng thuận sâu sắc về mặt tư tưởng và cảm xúc của các chủ thể thành một chỉnh thể thống nhất. Thông qua các giá trị, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp và biểu tượng chung, văn hóa tinh thần trở thành sợi dây liên kết bền chặt giữa các thế hệ, vùng miền và tầng lớp xã hội, thúc đẩy sự đoàn kết và hợp tác vì mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, khơi dậy và thúc đẩy tiềm năng sáng tạo. Sức mạnh văn hóa tinh thần thể hiện ở khả năng khai phóng trí tuệ, khơi nguồn cảm hứng và thúc đẩy năng lực sáng tạo của con người, nhằm chuyển hóa các giá trị văn hóa thành động lực phát triển trong mọi lĩnh vực của thực tiễn đời sống. Nhờ đó, dân tộc có thể chuyển hóa tiềm năng thành những thành tựu cụ thể, góp phần nâng cao nội lực quốc gia và khẳng định vị thế quốc tế.

Bốn là, giáo dục, cảm hóa và hoàn thiện nhân cách con người. Một trong những biểu hiện mạnh mẽ nhất của sức mạnh văn hóa tinh thần là năng lực cảm hóa sâu sắc. Các giá trị tinh thần đóng vai trò *hệ điều tiết* trực tiếp đối với thế giới nội tâm; thông qua việc bồi đắp tư duy và cảm quan thẩm mỹ chúng định hình nhân cách, khơi thông dòng chảy đạo đức cao đẹp và ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong mối quan hệ hữu cơ với gia đình, cộng đồng, Tổ quốc. Năng lực giáo dục, cảm hóa này đóng vai trò là *chất xúc tác* để thiết lập sự ổn định về thể chế, gia cố độ tin cậy giữa các thành phần xã hội, đồng thời tạo ra xung lực nội sinh cho sự hưng thịnh bền vững của quốc gia - dân tộc.

Sức mạnh văn hóa tinh thần là nguồn nội lực to lớn tạo nên bản lĩnh dân tộc, khả năng chống chịu và tự vệ từ bên trong. Không chỉ định hướng tư duy, gắn kết cộng đồng và khơi dậy sáng tạo, mà còn góp phần hình thành sức mạnh tổng hợp quốc gia, tạo ra những động lực nội sinh thúc đẩy sự phát triển bền vững. Việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần chính là nhân tố quyết định đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong bối cảnh thời đại có nhiều thay đổi khó lường hiện nay.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã không ngừng bồi đắp nên một nền văn hóa đặc sắc, vừa mang đậm bản sắc truyền thống vừa thể hiện khí phách và bản lĩnh quật cường. Một nền văn hóa không chỉ thể hiện bản sắc dân tộc, mà còn kiến tạo nên một nguồn sức mạnh nội sinh vô tận, kết tinh từ chủ nghĩa yêu nước, ý chí bất khuất, tinh thần đoàn kết và khát vọng hòa bình. Đặc biệt, trong thời đại Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam, văn hóa trở thành nguồn động lực mạnh mẽ, một nhân tố “đã góp phần quyết định vào những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội” [26, tr.40 - 41].

Văn hóa Việt Nam được hình thành từ sự cộng hưởng giữa sức sáng tạo nội sinh với quá trình tiếp biến linh hoạt tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong chính thể đó, văn hóa tinh thần là bộ phận cốt lõi, giữ vai trò là *hòn cốt dân tộc*, nơi kết tinh những giá trị thiêng liêng và sâu sắc nhất. Những giá trị này vừa là nguồn lực, vừa là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho dân tộc trong suốt tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sức mạnh văn hóa tinh thần Việt Nam kết tinh trong những giá trị cốt lõi đã được tôi luyện và khẳng định qua thực tiễn lịch sử: *Chủ nghĩa yêu nước* là động lực xuyên suốt, thôi thúc toàn dân tộc đoàn kết, luôn sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập và tự do. *Tinh thần đoàn kết, đồng thuận* tạo nên sức mạnh cộng đồng vô địch, là nền tảng để vượt qua mọi thử thách, chiến thắng mọi thế lực xâm lăng. *Ý chí tự lực, tự cường cùng với khát vọng hòa bình, độc lập, tự do* là biểu hiện sinh động của ý chí kiên định, không khuất phục trước mọi khó khăn, luôn vươn lên bằng nội lực và trí tuệ của chính mình. Đây cũng chính là mục tiêu cao cả, phản ánh lý tưởng sống nhân văn và tinh thần kiên trung của dân tộc Việt Nam. *Nghệ thuật quân sự độc đáo* là tinh hoa trí tuệ Việt Nam trong chiến tranh vệ quốc, thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo trong việc vận dụng sức mạnh tinh thần để chiến thắng kẻ thù. Những yếu tố này hòa quyện, bổ sung cho nhau, tạo thành một hệ giá trị văn hóa tinh thần đặc sắc - vừa truyền thống, vừa hiện đại, vừa đặc thù, vừa phổ quát, trở thành sức mạnh nội sinh tinh thần mãnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sức mạnh văn hóa tinh thần Việt Nam tồn tại bền vững qua thời gian, thấm sâu vào ý thức, tư tưởng và tôi luyện nên bản lĩnh kiên cường, bền bỉ của các thế hệ mỗi khi đối diện với thử thách lịch sử. Phẩm chất nội sinh trường tồn đó đúng như Giáo sư Trần Văn Giàu từng khẳng định: chính văn hóa tinh thần đã làm cho “hết thế hệ này đến thế hệ khác, kiên trì, bất khuất, không mệt mỏi, không thối chí ngã lòng, khó khăn gian khổ nào cũng chịu được” [57, tr.291].

Như vậy, có thể hiểu: *Sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là khả năng tác động thực tiễn của ý thức xã hội tiến bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; được hình thành trên cơ sở bảo tồn, phát huy các hăng số văn hóa dân tộc kết hợp với sự sáng tạo, tiếp biến các giá trị tiên tiến của thời đại, biểu hiện tập trung ở sự thống nhất giữa hệ tư tưởng chính trị, đạo đức, niềm tin với ý chí tự lực, tự cường và tư duy tự chủ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; đóng vai trò là động lực chủ đạo và hệ điều tiết chiến lược nhằm chuyển hóa mọi nguồn lực nội sinh thành sức mạnh hiện thực để chủ động ngăn ngừa, hóa giải nguy cơ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa.*

Nguồn sức mạnh này vận hành theo cơ chế thẩm thấu văn hóa và lan tỏa tư tưởng, đóng vai trò là *hệ điều tiết chiến lược* nhằm định hướng, thúc đẩy các nguồn lực vận động đúng quỹ đạo vì mục tiêu tối thượng của quốc gia - dân tộc. Trong mối quan hệ biện chứng với cơ sở vật chất, sức mạnh văn hóa tinh thần tuy không thể thay thế các tiềm lực vật chất hiện hữu, nhưng lại là động lực chủ đạo, đóng vai trò khơi dậy, định hướng chính trị và *nhân bội hiệu năng* thực tiễn của toàn bộ hệ thống tiềm lực quốc phòng, an ninh. Quá trình chuyển hóa và cộng hưởng biện chứng này kiến tạo nên một chỉnh thể sức mạnh tổng hợp quốc gia; không chỉ tạo ra thực lực vững chắc để đẩy lùi các nguy cơ, mà còn nâng tầm bản lĩnh độc lập và năng lực tự chủ chiến lược, nhằm chủ động nhận diện, vô hiệu hóa những thách thức từ bối cảnh phức tạp của thời đại, bảo đảm bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa.

2.1.2.2. Những yếu tố cấu thành sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Một là, chủ nghĩa yêu nước - hạt nhân cốt lõi nhất.

Là giá trị cốt lõi nhất, chủ nghĩa yêu nước như “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt và là điểm quy tụ của mọi giá trị tinh thần khác. Nó là nguồn sức mạnh vô tận đã nuôi dưỡng và dẫn dắt dân tộc ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách. Chủ nghĩa yêu nước đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân, trở thành *hệ điều tiết* tối thượng, đóng vai trò là *cột trụ* duy trì sự thống nhất và tính bền vững của chỉnh thể văn hóa Việt Nam. Đây không chỉ là tình cảm, mà đã được nâng lên thành một triết lý xã hội và nhân sinh sâu sắc, là “tiêu điểm của các tiêu điểm, giá trị của các giá trị” [57, tr.94]. Mọi giá trị khác đều được soi chiếu và thẩm định qua lăng kính của lòng yêu nước. Chính tình yêu quê hương đất nước là động lực mạnh mẽ nhất, thôi thúc người Việt Nam chiến đấu, hy sinh để bảo vệ non sông. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định, lòng yêu nước truyền thống đó đã tạo nên một xung lực tinh thần mãnh liệt để dân tộc ta “lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [101, tr.38]. Lòng yêu nước chính là cội nguồn, là “dòng sữa tinh thần nuôi sống dân tộc” [164, tr.5], từ đó nảy mầm và nuôi dưỡng tất cả các phẩm chất tinh thần cao đẹp khác.

Hai là, tinh thần đoàn kết, đồng lòng, đồng thuận xã hội.

Từ nền tảng căn cốt là lòng yêu nước, một quy luật được hình thành: tình yêu đó không thể tồn tại đơn lẻ trong từng cá nhân mà trong cả cộng đồng và là sợi dây gắn kết cộng đồng thành một khối thống nhất. Đoàn kết là biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa yêu nước trong các quan hệ xã hội, là cách thức mà lòng yêu nước chuyển từ tiềm năng thành sức mạnh thực tế. Yêu nước là điểm *đồng quy*, sợi dây liên kết mọi giai tầng để tạo nên sức mạnh *muôn người như một*. Lịch sử đã chứng minh, khi lòng yêu nước dâng cao, nó sẽ kết tinh thành khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc, tạo nên sức mạnh vô địch, đúng như phương châm chiến lược được lãnh tụ Hồ Chí Minh xác lập: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*” [105, tr.120]. Do đó, đoàn kết chính là sự hiện thực hóa, là biểu hiện sức mạnh xã hội của lòng yêu nước.

Ba là, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do.

Chính khối đại đoàn kết toàn dân tộc được bồi đắp bởi lòng yêu nước ấy, trong trường kỳ lịch sử thường xuyên phải đối diện với những kẻ thù xâm lược hùng mạnh hơn mình, đã tôi luyện nên ý chí tự lực, tự cường và khát vọng cháy bỏng về hòa bình, độc lập, tự do. Ở đây, hai phương diện này không tồn tại biệt lập mà quy định lẫn nhau, là hai mặt của một chỉnh thể thống nhất.

Khát vọng hòa bình, độc lập, tự do đóng vai trò là mục tiêu tối thượng, là ngọn đuốc soi đường, là câu trả lời cho câu hỏi “*Chiến đấu vì cái gì?*”. Nó là nguồn gốc của tính chính nghĩa, là lẽ sống của cả dân tộc. Chính điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết thành chân lý: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”. Nhưng khát vọng cao đẹp đó sẽ mãi chỉ là ước mơ nếu không có một phương thức để hiện thực hóa. Chính vì vậy, lịch sử đã hun đúc nên ý chí tự lực, tự cường - câu trả lời rõ ràng nhất đối với câu hỏi “*Làm thế nào để đạt được mục tiêu đó?*”. Đây là tinh thần không khuất phục, là bản lĩnh luôn nỗ lực vươn lên bằng chính sức mình, là nguồn lực nội sinh vượt qua mọi gian khó. Nếu khát vọng là mục đích, thì ý chí tự cường chính là động lực và con đường để đi đến mục đích. Sự thống nhất biện chứng này tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn. Khát vọng hòa bình, độc lập, tự do là động lực mạnh mẽ để hun đúc và kích thích ý chí tự lực, tự cường.

Ngược lại, chính ý chí tự lực, tự cường là cơ sở, là điều kiện để bảo vệ và hiện thực hóa khát vọng đó. Sự hòa quyện này chính là “động lực và nguồn lực phát triển quan trọng” [41, tr.19-20], giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi nghịch cảnh, trường tồn và phát triển.

Bốn là, nghệ thuật quân sự độc đáo.

Toàn bộ những giá trị tinh thần trên - bao gồm chủ nghĩa yêu nước với vai trò là hạt nhân, là cội nguồn của mọi sức mạnh; tinh thần đoàn kết, đồng lòng; ý chí tự lực, tự cường bất khuất gắn liền với khát vọng hòa bình, độc lập, tự do - khi được vận dụng vào lĩnh vực đặc thù và khốc liệt nhất là đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, đã kết tinh và thăng hoa thành một sản phẩm trí tuệ độc đáo: *nghệ thuật quân sự Việt Nam*. Đây không chỉ đơn thuần là chiến lược, chiến thuật, mà chính là nghệ thuật chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất, biến ý chí, quyết tâm thành hành động mưu trí, sáng tạo.

Nghệ thuật *lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều* chính là biểu hiện của ý chí tự lực, tự cường. Nghệ thuật *chiến tranh nhân dân*, dựa vào sức mạnh chính nghĩa, chính là sự vận dụng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân. Nghệ thuật *tâm công, dĩ bất biến ứng vạn biến* là sự thể hiện sâu sắc của trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam. Như vậy, nghệ thuật quân sự Việt Nam độc đáo không phải là một yếu tố biệt lập, mà là sự tổng hợp, là biểu hiện ở trình độ cao và tập trung nhất của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, đồng lòng và ý chí tự chủ, tự lực, tự cường trong lĩnh vực quân sự.

Như vậy, bốn yếu tố căn bản cấu thành sức mạnh văn hóa tinh thần Việt Nam trong bảo vệ Tổ quốc tồn tại là một chỉnh thể biện chứng, vận động từ bản chất đến hiện thực: Chủ nghĩa yêu nước đóng vai trò hạt nhân thế giới quan và hệ điều tiết tối thượng, nảy sinh quy luật gắn kết cộng đồng thành khối đồng thuận, đại đoàn kết toàn dân tộc. Khối cố kết bền chặt đó chính là môi trường lịch sử tôi luyện nên sự thống nhất biện chứng giữa khát vọng hòa bình, tự do với ý chí tự lực, tự cường; và tất cả được tích hợp, thăng hoa ở trình độ cao nhất thành nghệ thuật quân sự độc đáo - phương thức chuyển hóa tối ưu nguồn năng lượng tinh thần thành thực lực vật chất bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

2.2. PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY: QUAN NIỆM, CHỦ THỂ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC

2.2.1. Quan niệm về phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Dưới góc độ từ nguyên và triết học ngôn ngữ, khái niệm phát huy chứa đựng quy luật vận động biện chứng từ “phát” (mở ra, khơi thông) đến “huy” (lan tỏa, làm rạng rỡ giá trị nội tại). Xét trong lý luận quản trị xã hội, phát huy là phương thức tác động tự giác, có định hướng của chủ thể nhằm chuyển hóa các giá trị từ trạng thái tiềm năng, ẩn tàng thành thực lực hiện thực. Đây không phải là một hành vi khai thác cơ học mang tính bề nổi, mà là quá trình chủ động khơi dậy, hội tụ và nhân bội các nguồn lực tinh thần sẵn có, biến những giá trị trừu tượng thành năng lực hành động sinh động của các chủ thể xã hội.

Phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là tổng thể các phương thức tác động tự giác, có định hướng chiến lược của hệ thống chính trị và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; nhằm khơi dậy, nội hóa và nhân bội năng lực nội sinh từ các giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi của dân tộc kết hợp với tiếp biến tinh hoa thời đại; chuyển hóa nguồn lực văn hóa tinh thần từ trạng thái tiềm năng thành thực lực quốc phòng, an ninh hiện thực; tạo động lực nội sinh tổng hợp và cơ chế điều tiết vĩ mô để bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Theo nghĩa đó, hoạt động này không đơn thuần là một giải pháp kỹ thuật mang tính tác nghiệp, mà mang tầm vóc của một chiến lược vĩ mô nhằm hiện thực hóa tiềm năng văn hóa tinh thần thành sức mạnh quốc phòng, an ninh. Về mặt thực tiễn, quá trình này vận hành theo cơ chế thấm thấu và nội hóa tư tưởng, làm cho các giá trị văn hóa tinh thần thấm sâu vào tâm thức, trở thành căn cứ định hướng cho hành động tự giác của mọi lực lượng xã hội. Để đạt được mục tiêu đó, việc xây dựng và vận hành một hệ thống các phương thức tác động đồng bộ, chủ động và sáng tạo đóng vai trò là tiền đề khách quan, thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình chuyển

hóa từ nhận thức tinh thần thành sức mạnh thực tiễn. Chu trình chuyển hóa biện chứng này biểu hiện cụ thể qua ba cấp độ tiệm tiến: *Thứ nhất*, hình thành và củng cố thể giới quan, tư tưởng và niềm tin chính trị vững chắc từ chiều sâu nhận thức cá nhân đến tổng thể đời sống cộng đồng. *Thứ hai*, trên nền tảng tư tưởng đã định hình, các giá trị văn hóa truyền thống được khơi dậy, kết hợp với việc tiếp biến tinh hoa nhân loại để kết tinh thành ý chí độc lập, tự chủ và nâng cao năng lực “miễn dịch” tự nhiên trước các luận điệu xuyên tạc, thông tin phản động của các thế lực thù địch. *Thứ ba*, đây là nấc thang cao nhất của chu trình: chuyển hóa toàn bộ năng lượng tinh thần thành thực lực hành động, phát huy tối đa tính năng động chủ quan của các chủ thể nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Tóm lại, sức mạnh văn hóa tinh thần là hạt nhân cốt lõi của sức mạnh nội sinh quốc gia; do đó, phát huy nguồn lực này trong bảo vệ Tổ quốc là tất yếu khách quan mang tính chiến lược xuyên suốt. Thực chất của quá trình này là sự chuyển hóa biện chứng từ tiềm năng văn hóa tinh thần thành thực lực quốc phòng, an ninh hiện thực, kiến tạo nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc từ gốc. Đây là cơ sở nâng cao năng lực tự chủ chiến lược, tạo động lực cốt lõi để chủ động phòng ngừa, hóa giải mọi nguy cơ xâm hại độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia - dân tộc từ sớm, từ xa.

2.2.2. Chủ thể phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể giữ vai trò lãnh đạo phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

Vai trò lãnh đạo của Đảng được cụ thể hóa thông qua hệ thống định hướng chiến lược; trong đó, việc ban hành các nghị quyết về xây dựng văn hóa, con người không chỉ dừng lại ở mục tiêu phát triển xã hội, mà đã thực sự trở thành hạt nhân chính trị tạo tiền đề hữu cơ cho nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh. Chính hệ thống quan điểm chiến lược này đóng vai trò là kim chỉ nam xuyên suốt, định hướng và dẫn dắt sự vận hành đồng bộ của toàn bộ hệ thống chính trị - xã hội. Dưới sự dẫn dắt của Đảng, nền tảng tư tưởng của Đảng và nền tảng tinh thần của

xã hội được xác lập vững chắc, tạo nên sự đồng thuận tuyệt đối về nhận thức, ý chí trong toàn dân tộc. Sự lãnh đạo còn thể hiện qua việc khơi dậy bản sắc văn hóa và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chuyển hóa các giá trị truyền thống thành nguồn lực nội sinh đặc biệt, đủ năng lực đương đầu và vượt qua mọi thách thức của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc thông qua cơ chế huy động sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc. Như vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố tiên quyết đảm bảo cho việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc đi đúng hướng, phát huy tối đa hiệu quả trong thực tiễn.

Hai là, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - chủ thể quản lý tập trung, thống nhất, có trách nhiệm thể chế hóa và vận hành bộ máy hiện thực hóa hệ thống quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc.

Trên phương diện thể chế vĩ mô, Nhà nước giữ vị trí trung tâm trong việc chuyển hóa các định hướng chiến lược của Đảng thành hệ thống pháp luật, chiến lược và quy hoạch phát triển mang tính pháp lý bắt buộc. Đây là tiến trình tạo lập khung khổ chuẩn mực, bảo đảm tính thống nhất và xuyên suốt trong việc triển khai các chính sách văn hóa gắn liền với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Thông qua bộ máy hành chính đa tầng nấc, Nhà nước thực thi thẩm quyền điều phối hoạt động của mạng lưới các thiết chế văn hóa, giáo dục, khoa học và truyền thông - những kênh dẫn truyền chủ đạo đóng vai trò định hướng giá trị, nuôi dưỡng và lan tỏa các giá trị tinh thần tích cực trong đời sống xã hội. Cùng với đó, Nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong việc phân bổ ngân sách, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, và thiết lập môi trường pháp lý năng động nhằm kiến tạo dư địa cho sự sáng tạo, bảo tồn di sản, từ đó khơi thông các nguồn lực nội sinh của dân tộc. Thông qua các cơ quan chuyên môn, Nhà nước trực tiếp tổ chức công tác giáo dục lòng yêu nước, ý thức công dân, lòng ghép có hệ thống kiến thức quốc phòng - an ninh vào các hoạt động văn hóa - chính trị; qua đó nâng cao nhận thức, hình thành tư duy hành động nhất quán cho Nhân dân, trọng tâm là thế hệ trẻ và lực lượng vũ trang - những lực lượng nòng cốt trong sự

nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Sự vận hành đồng bộ của bộ máy Nhà nước đóng vai trò là xung lực chuyển hóa, đưa những định hướng của Đảng về phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc đi vào thực tiễn đời sống. Tiến trình này tạo nên sức lan tỏa sâu rộng và hiệu quả trên thực tế, góp phần củng cố hệ giá trị an ninh quốc gia và hình thành mẫu hình con người mới đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên số. Trong cấu trúc bộ máy nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân giữ vị trí là lực lượng chính trị - chiến đấu tuyệt đối trung thành, đóng vai trò nòng cốt bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia. Vai trò của lực lượng vũ trang không chỉ dừng lại ở tiềm lực quân sự hay an ninh thuần túy, mà còn là lực lượng tiên phong trong xây dựng và lan tỏa các giá trị văn hóa đặc thù như: văn hóa quân sự, nghệ thuật quân sự Việt Nam, phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ và hình ảnh người Chiến sĩ Công an nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ. Đây là những giá trị văn hóa tinh thần có sức cảm hóa mạnh mẽ, là khuôn mẫu mực thước về lòng yêu nước và ý chí hy sinh để giáo dục, định hướng cho toàn xã hội, trực tiếp góp phần kiên cố hóa thể trận lòng dân vững chắc.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên - nhóm chủ thể quy tụ sức mạnh đại đoàn kết, thực hiện chức năng cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với các tầng lớp Nhân dân nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc.

Trên phương diện tổ chức và tập hợp lực lượng, bằng việc vận dụng linh hoạt các phương thức đa dạng, chủ thể này tạo nên sự gắn kết hữu cơ giữa mọi giai tầng, dân tộc, tôn giáo và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, hướng tất cả vào mục tiêu tối cao là sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Sự kết nối ấy không dừng lại ở phương diện cơ cấu tổ chức thuần túy, mà còn đóng vai trò là nhịp cầu dẫn truyền tư tưởng, đưa các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước thấm thấu vào thực tiễn đời sống một cách tự nhiên, sâu sắc; qua đó chuyển hóa các tri thức lý luận thành nhận thức và hành động tự giác của quần chúng nhân dân. Song hành với chức năng lan tỏa tư tưởng, hệ thống chủ thể này vận hành như một cơ chế phản hồi đa chiều, kịp thời chuyển hóa tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân thành cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để Đảng, Nhà nước

điều chỉnh chính sách, từ đó thiết lập sự đồng thuận xã hội bền vững. Thông qua mạng lưới tổ chức rộng khắp và sức sống từ các phong trào thi đua yêu nước, các đoàn thể chính trị - xã hội trực tiếp bồi đắp, định hình các giá trị văn hóa cốt lõi như lòng yêu nước, bản lĩnh dân tộc đến từng cộng đồng và từng đối tượng cụ thể. Đặc biệt, vị thế của Mặt trận Tổ quốc còn được khẳng định trong việc kiến tạo môi trường để Nhân dân thực thi quyền làm chủ thông qua cơ chế phản biện xã hội và giám sát quyền lực. Quá trình này không chỉ bảo đảm tính khách quan, khoa học trong việc hoạch định chính sách, mà còn là tiền đề thực tiễn tất yếu để các biện pháp phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần vận động đúng quỹ đạo, đạt hiệu năng tối ưu, kết tinh thành nền tảng chính trị - tinh thần vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Với vai trò đặc thù đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chính là lực lượng nòng cốt bảo đảm cho quá trình phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần thực sự mang tính toàn dân, huy động toàn diện nguồn lực to lớn từ nền tảng xã hội sâu rộng, góp phần củng cố vững chắc thế trận lòng dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, Nhân dân vừa là chủ thể khởi tạo, bồi đắp các giá trị tinh thần, đồng thời cũng chính là đối tượng trọng tâm để các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần hướng tới nhằm kiến tạo sức mạnh nội sinh cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trên phương diện là chủ thể kiến tạo, Nhân dân không ngừng làm giàu các giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi thông qua thực tiễn lịch sử. Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước đầy thử thách, Nhân dân đã tôi luyện, chắt lọc và kết tinh nên những phẩm chất vô giá như lòng yêu nước nồng nàn, ý chí độc lập tự chủ, tinh thần đoàn kết keo sơn, lòng nhân ái bao dung, đức hy sinh cao cả và tính năng động sáng tạo. Bản sắc ấy không chỉ định hình trong cuộc đấu tranh cam go chống thiên tai và giặc ngoại xâm, mà còn liên tục được làm phong phú qua hoạt động lao động sản xuất, tổ chức đời sống thường nhật, biểu hiện sinh động ở hệ thống phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội và kho tàng nghệ thuật dân gian độc đáo. Trong bối cảnh đương đại, vai trò chủ thể sáng tạo này tiếp tục được khẳng định mạnh mẽ khi Nhân dân chủ động tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, gạn lọc các yếu tố lạc hậu, bổ sung những giá trị mới phù hợp với xu thế thời đại; bảo đảm kho tàng

tinh thần dân tộc luôn vận động phát triển để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, Nhân dân đảm nhận sứ mệnh trao truyền bền bỉ di sản văn hóa qua các thế hệ thông qua các thiết chế xã hội cơ bản như gia đình, dòng họ và cộng đồng làng xã; làm cho các giá trị truyền thống luôn sống động, có sức lan tỏa và được bảo tồn vững chắc. Đặc biệt, Nhân dân là hiện thân trực tiếp chuyển hóa sức mạnh văn hóa tinh thần thành động lực thực tiễn bảo vệ Tổ quốc. Sức mạnh này kết tinh ở phẩm chất, cốt cách con người Việt Nam, tạo thành nguồn lực tổng hợp to lớn để đánh bại mọi thế lực xâm lược. Lịch sử chứng minh, mỗi khi Tổ quốc lâm nguy, ý thức văn hóa và tình cảm yêu nước sâu đậm trong tâm khảm quần chúng sẽ kích hoạt tính năng động chủ quan, thôi thúc họ tự giác đứng lên chiến đấu, biến nhân tố tinh thần thành sức mạnh thực tiễn. Hiện nay, vai trò này biểu hiện ở thể chủ động nhận diện, phê phán và kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thông tin độc hại của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng và bản sắc văn hóa dân tộc. Việc Nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là tiền đề thực tiễn để kiến tạo môi trường xã hội ổn định, đồng thuận - bệ đỡ vững chắc của nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Đối diện ở phương diện là đối tượng tác động, Nhân dân chính là mục tiêu trung tâm của các phương thức phát huy nhằm bồi đắp nhận thức, củng cố tình cảm, lý tưởng và niềm tin khoa học. Thông qua hệ thống các phương thức giáo dục, tuyên truyền và hoàn thiện thể chế, các chủ thể lãnh đạo, quản lý giúp quần chúng thấu suốt lịch sử, truyền thống dân tộc, nhạy bén trước bối cảnh thời đại, nhận diện rõ âm mưu diễn biến hòa bình để nâng cao trách nhiệm công dân. Quá trình này tập trung bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nâng tầm lòng tự hào và tự tôn dân tộc. Đồng thời, các phương thức phát huy còn hướng đến kiến tạo đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh, gắn kết mật thiết cá nhân với không gian sinh tồn của quốc gia; chủ động bảo vệ quần chúng trước sự xâm thực của các trào lưu phản văn hóa, lối sống thực dụng và thông tin sai lệch. Chính sách văn hóa vĩ mô cần định hướng chiến lược vào việc phát hiện, thúc đẩy các tài năng sáng tạo, bảo đảm quyền thụ hưởng giá trị thực chất của người dân; tạo

dựng môi trường thể chế ưu việt để các chuẩn mực đạo đức tốt đẹp thấm thấu vào mọi mối quan hệ xã hội, chuyển hóa toàn diện nguồn lực tinh thần thành động lực nội sinh mạnh mẽ cho sự phát triển trường tồn của đất nước.

Như vậy, việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc phụ thuộc quyết định vào tính năng động chủ quan và năng lực điều hành của hệ thống chủ thể. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo, định hướng chiến lược; Nhà nước thực thi chức năng quản lý vĩ mô, kiến tạo thể chế và điều tiết nguồn lực; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đóng vai trò trung tâm hiệp thương, quy tụ khối đại đoàn kết, định hướng cho tính tích cực thực tiễn của các tầng lớp Nhân dân. Với vị thế trung tâm điều tiết, hệ thống chủ thể này chủ động sử dụng đồng bộ các phương thức chiến lược như những công cụ chức năng để kích hoạt, nội hóa và nhân bội năng lực nội sinh từ các nội dung giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi của dân tộc kết hợp với tiếp biến tinh hoa thời đại. Sự vận hành hệ thống có định hướng đó là tiền đề thực tiễn tất yếu để chuyển hóa nguồn lực này từ trạng thái tiềm năng thành thực lực quốc phòng, an ninh hiện hữu. Đây chính là cội nguồn của động lực tinh thần mạnh mẽ và cơ chế điều tiết vĩ mô, thúc đẩy mỗi công dân - với địa vị chủ thể thực quyền - hiện thực hóa trí tuệ và nguồn lực vào sự nghiệp bảo vệ vẹn toàn Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trước mọi thách thức thời đại.

2.2.3. Nội dung phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Một là, phát huy chủ nghĩa yêu nước.

Chủ nghĩa yêu nước là giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi, xuyên suốt lịch sử dân tộc, được tôi luyện qua hàng nghìn năm lịch sử. Nó không chỉ là tình cảm thiêng liêng, mà còn là ý thức, bản lĩnh kiên cường, ý chí quật cường, tinh thần sẵn sàng hy sinh vì lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước trong thời đại Hồ Chí Minh được nâng tầm, gắn kết chặt chẽ với lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Trong cấu trúc sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc, chủ nghĩa yêu nước giữ vai trò là nguồn sức mạnh tinh thần vĩ đại nhất. Nó không chỉ là động lực tự thân mà còn là *trục quy tụ* trực tiếp tạo nên động lực mạnh mẽ, bền vững để mọi người

dân và lực lượng vũ trang chuyển hóa mọi nguồn lực thành sức mạnh thực tiễn, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Thông qua sự định hướng của Đảng, chủ nghĩa yêu nước tạo ra sự thống nhất giữa tâm lý xã hội và ý thức chính trị, thiết lập nền tảng cho sự đồng thuận xã hội và sự kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Phát huy chủ nghĩa yêu nước trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là tổng thể các hoạt động có mục đích, có tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm bồi đắp, nhân lên và chuyển hóa các giá trị, tư tưởng, tình cảm yêu nước thành ý thức, trách nhiệm, ý chí tự cường và hành động tự giác, sáng tạo của mỗi người dân và toàn dân tộc; tạo thành động lực tinh thần cốt lõi để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc trong tình hình mới. Điều này đòi hỏi phải làm cho lòng yêu nước ăn sâu vào tư tưởng, tình cảm của từng cá nhân, gắn kết sinh mệnh với sự hưng vong và khát vọng phồn vinh của dân tộc. Bởi “việc phát huy chủ nghĩa yêu nước, khơi dậy tình yêu quê hương đất nước, ý thức xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ chủ quyền quốc gia ăn sâu vào từng cá nhân là việc làm cấp thiết, quan trọng có tính sống còn” [113, tr.77].

Việc phát huy sức mạnh chủ nghĩa yêu nước cần được tiến hành toàn diện, thông qua công tác giáo dục, hoạt động tuyên truyền về lịch sử vẻ vang, những giá trị đặc sắc dân tộc; tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; biểu dương, tôn vinh các gương điển hình về lòng yêu nước, tinh thần cống hiến; kiến tạo môi trường để mọi người dân, đặc biệt là những thế hệ kế cận, thể hiện lòng yêu nước một cách cụ thể, thiết thực trong hoạt động thực tiễn, sẵn sàng trực tiếp tham gia các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng và cống hiến cho sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

Hai là, phát huy tinh thần đoàn kết, đồng lòng.

Tinh thần đoàn kết, đồng lòng là một trong những truyền thống quý báu, là giá trị đặc sắc nhất, đã trở thành cội rễ sức mạnh của dân tộc Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó là trạng thái đồng thuận cao độ giữa ý chí và hành động của toàn dân tộc, hóa giải mọi khác biệt về giai tầng, dân tộc,

tôn giáo và vùng miền để tạo nên sức mạnh tổng hợp, tất cả hướng đến mục tiêu đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc.

Đặt trong bối cảnh bảo vệ Tổ quốc hiện nay, trước những biến động khó lường của cục diện quốc tế cùng sự đan xen giữa các thách thức an ninh quốc gia, tinh thần đoàn kết, đồng lòng là nguồn sức mạnh vô giá, có ý nghĩa quyết định. Nó tạo nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc, làm nên thế trận lòng dân - nền tảng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân. Sức mạnh đoàn kết giúp nhân lên gấp bội tiềm lực quốc gia, tạo khả năng chống chịu và vượt qua mọi trở ngại, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo đảm cho chính trị được ổn định và duy trì môi trường xã hội trong quỹ đạo kỷ cương, an toàn. Tinh thần đoàn kết luôn song hành và hòa quyện cùng chủ nghĩa yêu nước, ý chí tự lực, tự cường. Trong đó, yêu nước là *nguồn cội quy tụ* mọi giai tầng (đoàn kết trên nền tảng tình yêu Tổ quốc), còn tinh thần tự lực, tự cường là phẩm chất bảo đảm cho sự đoàn kết trở nên thực chất (đoàn kết để tự mình vượt qua mọi khó khăn, thử thách không trông chờ, ỷ lại) giúp dân tộc chủ động vượt qua khó khăn bằng chính sức mạnh nội sinh của mình.

Phát huy tinh thần đoàn kết, đồng lòng trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là quá trình tác động có tổ chức, có định hướng của Đảng và Nhà nước nhằm khơi dậy, quy tụ và nhân lên sức mạng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; tạo sự đồng thuận cao về ý chí và hành động của mọi tầng lớp nhân dân, đồng bào trong và ngoài nước; nhằm chuyển hóa tinh thần đoàn kết, đồng lòng thành sức mạnh thực tiễn, khơi dậy và phát huy năng lực vật chất, tinh thần của quốc gia, phục vụ sự nghiệp bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia - dân tộc trong tình hình mới. Quá trình này đòi hỏi sự nỗ lực của mọi chủ thể nhằm: xây dựng sự đồng thuận xã hội trên cơ sở *giải quyết hài hòa lợi ích*, xây dựng nền dân chủ thực chất và thực hiện công bằng xã hội; chống lại mọi yếu tố gây chia rẽ, *tự diễn biến, tự chuyển hóa*; nuôi dưỡng tình cảm cộng đồng, tình làng nghĩa xóm, truyền thống *lá lành đùm lá rách, thương người như thể thương thân*.

Sức mạnh của tinh thần đoàn kết trong bối cảnh hiện nay, được biểu hiện rõ nét nhất thông qua sự đồng thuận, nhất trí của toàn dân tộc trong việc thực thi các đường lối chiến lược. Tinh thần ấy không chỉ chuyển hóa thành các phong trào thi đua thực tế, các hoạt động tương trợ cộng đồng mà còn xác lập một tâm thế chủ động, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của Tổ quốc; từ đó góp phần trực tiếp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ba là, phát huy ý chí tự lực, tự cường; khát vọng hòa bình, độc lập, tự do.

Trong tiến trình lịch sử dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do là hai giá trị cốt lõi. Sự tương tác biện chứng giữa hai yếu tố này đã tôi luyện nên bản lĩnh và sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam.

Ý chí tự lực, tự cường là bản lĩnh lấy việc phát huy nguồn lực nội sinh làm nền tảng để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đồng thời khẳng định sự độc lập về tư duy và hành động, không thụ động hay lệ thuộc vào bên ngoài. *Khát vọng hòa bình, độc lập, tự do* là mong muốn cháy bỏng, thiêng liêng, là lý tưởng và mục tiêu phấn đấu xuyên suốt của dân tộc, được đánh đổi bằng biết bao xương máu qua các cuộc đấu tranh vệ quốc vĩ đại. Sự kết hợp giữa hai giá trị này đã tạo nên sức mạnh nội sinh to lớn, bền vững cho dân tộc. Trong đó, khát vọng về một quốc gia tự chủ, thái bình đóng vai trò là nguồn mạch định hướng, tạo động lực để phát huy tối đa nội lực. Ở chiều ngược lại, ý chí tự lực, tự cường chính là phương thức và lộ trình tất yếu để hiện thực hóa, đồng thời bảo vệ vững chắc các giá trị cốt lõi đó trước mọi biến động của lịch sử.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, *sự giao thoa* giữa hai yếu tố này trở thành yêu cầu khách quan có tính chất sống còn. Ý chí tự lực, tự cường là tiền đề để chủ động xây dựng tiềm lực tổng hợp quốc gia dựa trên nguồn lực nội tại, nhằm nâng cao khả năng tự vệ và bảo đảm tính tự chủ trong mọi tình huống. Song hành với đó, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do đóng vai trò định hướng chính nghĩa cho mọi hành động, tạo dựng sự đồng thuận từ bên trong và sự ủng hộ từ bên ngoài, giúp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa bằng các phương thức hòa bình. Chính thể sức mạnh này, khi được chủ nghĩa yêu nước soi chiếu và tinh thần đại

đoàn kết toàn dân tộc khuếch trương, sẽ tạo nên một khối gắn kết vô song. Nó không chỉ biểu hiện qua sự nỗ lực vươn lên chiếm lĩnh những đỉnh cao phát triển mà còn thể hiện ở sự kiên định, bất khuất trong bảo vệ môi trường sinh tồn của quốc gia - dân tộc.

Phát huy sức mạnh của ý chí tự lực, tự cường gắn với khát vọng hòa bình, độc lập, tự do trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là quá trình hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng không ngừng giáo dục, bồi đắp, nhằm thúc đẩy sự *nội hóa* các hệ giá trị này vào chiều sâu nhận thức và thế giới quan của các chủ thể; đồng thời tổ chức, hướng dẫn để chuyển hóa các giá trị tinh thần đó thành hành động tự giác, thực tiễn; tạo nên sức mạnh nội sinh tổng hợp để giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, đồng thời sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm hại đến độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trong tình hình mới. Tiến trình này đòi hỏi sự triển khai đồng bộ trên các phương diện trọng yếu: Về mặt nhận thức, cần tăng cường giáo dục chính trị, làm rõ tính kế thừa của truyền thống kiên cường, bất khuất và giá trị của hòa bình, độc lập, tự do trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Về mặt thực tiễn, phát triển nền tảng vật chất - kỹ thuật gắn với đột phá khoa học - công nghệ phải được xác định là nền tảng quyết định năng lực tự cường quốc gia. Về mặt thể chế, cần tạo lập cơ chế khơi thông sự sáng tạo, đổi mới và bản lĩnh dám nghĩ, dám làm trong mọi tầng lớp xã hội. Trên phương diện đối ngoại và an ninh, phải kiên định đường lối độc lập, tự chủ để vừa chủ động hội nhập, vừa xây dựng *lá chắn* vững chắc nhằm hóa giải các nguy cơ từ chiến lược diễn biến hòa bình, bảo tồn lợi ích quốc gia - dân tộc cốt lõi và kiến tạo không gian chiến lược hòa bình ổn định bền vững.

Bốn là, phát huy nghệ thuật quân sự Việt Nam độc đáo.

Nghệ thuật quân sự là một di sản đặc sắc và quý báu, được kết tinh từ trí tuệ, bản lĩnh, kinh nghiệm thực tiễn hàng nghìn năm lịch sử bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam. Nó không chỉ là chiến lược, chiến thuật đánh giặc, mà là sự hiện thực hóa các quy luật của chiến tranh một cách linh hoạt, phù hợp dựa trên nền tảng tư tưởng quân sự của dân tộc, thấm đẫm chủ nghĩa yêu nước, tinh thần

đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, truyền thống nhân nghĩa, đặt nhân tố con người và yếu tố chính trị - tinh thần lên hàng đầu để *lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh, lấy nhỏ thắng lớn*, giành thắng lợi trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Tính *độc đáo* của nó, được thể hiện ở sự kết hợp hài hòa giữa *tư duy quân sự bác học* với *kinh nghiệm chiến đấu của Nhân dân*, giữa chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích, giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh trên các mặt trận khác. Sức mạnh của nghệ thuật quân sự Việt Nam độc đáo được biểu hiện tập trung ở khả năng xây dựng lực lượng vũ trang *tin, gọn, mạnh*, có sức chiến đấu cao; nghệ thuật tổ chức, điều hành linh hoạt các hoạt động quốc phòng, an ninh; đặc biệt là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cách đánh sáng tạo với việc phát huy tiềm lực chính trị - tinh thần và vật chất của toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Nghệ thuật quân sự độc đáo là thành tố cốt lõi cấu thành sức mạnh văn hóa tinh thần của nền quốc phòng, an ninh Việt Nam. Nó cung cấp tư duy, tầm nhìn chiến lược, sách lược để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân. Sức mạnh của nghệ thuật quân sự Việt Nam còn nằm ở khả năng hun đúc ý chí quyết chiến, quyết thắng, tạo dựng niềm tin vững chắc vào khả năng tự vệ và chiến thắng của dân tộc, biến yếu tố tinh thần thành sức mạnh vật chất to lớn trên chiến trường hiện đại. Nó góp phần nâng cao lòng tự hào dân tộc và bản lĩnh Việt Nam trong đối phó với các thách thức.

Phát huy sức mạnh của nghệ thuật quân sự Việt Nam độc đáo trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay là quá trình Đảng, Nhà nước và lực lượng vũ trang nhân dân không ngừng nghiên cứu, kế thừa và phát triển sáng tạo những giá trị tinh hoa độc đáo của nghệ thuật đánh giặc truyền thống, kết hợp với tinh hoa quân sự thế giới; trọng tâm là nâng tầm các nguyên lý chiến lược, chiến dịch và chiến thuật của chiến tranh nhân dân; nhằm biến tri thức quân sự thành năng lực thực tiễn trong củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân và sẵn sàng đánh bại mọi hình thái chiến tranh xâm lược hiện đại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bối cảnh mới. Điều này đòi hỏi phải: Đưa các giá trị, tư tưởng và bài học kinh nghiệm của nghệ thuật

quân sự Việt Nam vào công tác huấn luyện, giáo dục lý luận chính trị cho mọi đối tượng. Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, phương thức tác chiến của chiến tranh nhân dân đối với các loại hình chiến tranh hiện đại và phi truyền thống. Kết hợp hiện đại hóa khoa học - công nghệ quân sự với phát huy nhân tố con người và nghệ thuật tổ chức, sử dụng lực lượng của Việt Nam. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giá trị và tính độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam để củng cố niềm tin và ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc trong toàn dân.

2.2.4. Phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay

Phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là sự vận hành đồng bộ hệ thống các tác động nhằm chuyển hóa giá trị tinh thần thành lực lượng vật chất, tạo nền tảng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quá trình này được triển khai qua ba kênh trụ cột: kiến tạo thể chế để định hình môi trường và nguồn lực; thực hiện giáo dục toàn diện để nội hóa giá trị vào nhân cách chủ thể; và đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền để định hướng nhận thức, xây dựng lá chắn tư tưởng trên không gian mạng. Sự giao thoa và bổ trợ lẫn nhau giữa các phương thức này không chỉ khơi dậy tính tự giác của các chủ thể mà còn tạo ra cơ chế tối ưu để bảo tồn bản sắc và phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia trước những thách thức phi truyền thống của thời đại mới.

Một là, thông qua việc thiết lập thể chế đồng bộ nhằm bảo vệ và khơi dậy các giá trị văn hóa tinh thần để tạo tiền đề chuyển hóa nguồn sức mạnh nội sinh này từ dạng tiềm năng thành hiện thực.

Hệ thống thể chế liên quan có phạm vi liên ngành, bao trùm các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính sách trong mỗi lĩnh vực đều góp phần quan trọng vào việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần:

Chính sách kinh tế - xã hội: Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự ổn định, đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin vào Đảng và chế độ - những yếu tố thiết yếu để củng cố tinh thần đoàn kết và lòng yêu nước.

Chính sách trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ: Trực tiếp khơi thông các nguồn lực, định hướng cho việc bảo tồn, kế thừa, phát triển chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân nghĩa, nghệ thuật quân sự..., thúc đẩy sáng tạo văn hóa, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức, lý tưởng sống, qua đó hun đúc ý chí tự lực, tự cường và khát vọng cao đẹp.

Chính sách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Tạo dựng môi trường hòa bình và ổn định chiến lược để đất nước phát triển; nâng cao sự nhạy bén chính trị trong bối cảnh phức tạp của thời đại; kiên định giá trị độc lập dân tộc làm điểm tựa tinh thần, đồng thời chủ động kiến tạo các giá trị giao thoa trong hội nhập quốc tế trên nguyên tắc giữ vững bản sắc, góp phần tăng cường sức mạnh tinh thần trong bối cảnh hội nhập.

Việc hoàn thiện và thực thi đồng bộ hệ thống thể chế nhằm kiến tạo một xã hội hài hòa, nơi những giá trị văn hóa tinh thần được định vị là hạt nhân cốt lõi, được bảo tồn và tối ưu hóa sức mạnh lan tỏa, thiết lập nền tảng cho sự phát triển bền vững trên mọi trụ cột quốc gia, từ đó hiện thực hóa mục tiêu chiến lược về bảo vệ chủ quyền và an ninh toàn diện. Hiệu quả của các chính sách phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần phụ thuộc vào khả năng vận hành đồng bộ giữa các cơ quan quản lý, triệt tiêu tư duy cục bộ để tạo ra sức mạnh hiệp đồng liên ngành. Sự nhất quán và kịp thời trong thực thi chính sách không chỉ ngăn chặn các khoảng trống tư tưởng mà còn củng cố niềm tin chiến lược của quần chúng nhân dân. Đặc biệt, việc bám sát đường lối của Đảng trên cơ sở phân tích thấu đáo thực tiễn khách quan chính là điều kiện tiên quyết để chuyển hóa những giá trị văn hiến lâu đời thành năng lực phòng vệ chủ động, đảm bảo văn hóa thực sự trở thành nguồn nội lực bền bỉ, *soi đường cho quốc dân đi* trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Hai là, thông qua quá trình giáo dục trong các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội. Đây là phương thức cốt lõi, có tính nền tảng và quyết định trực tiếp đến sự hình thành hệ giá trị, bồi dưỡng nhân cách, ý thức, niềm tin và bản lĩnh cho mỗi cá nhân - chủ thể của sức mạnh văn hóa tinh thần.

Thực chất công tác giáo dục là một quá trình chủ động, có hệ thống và liên tục, được định hướng bởi hệ thống thể chế và sử dụng các nội dung, thành tựu của

văn hóa và khoa học để trực tiếp tác động sâu sắc đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm, ý chí của người học (ở mọi lứa tuổi và môi trường); lan tỏa và hiện thực hóa các giá trị cốt lõi của dân tộc nhằm đạt tới sự đồng thuận nhận thức và nội hóa tinh hoa truyền thống vào cấu trúc tư duy của mỗi cá nhân. Thông qua việc kế thừa các giá trị lịch sử và bản sắc đặc thù, quá trình này trực tiếp định hình hệ giá trị nhân cách con người Việt Nam hiện đại: những chủ thể có nhân sinh quan cách mạng vững vàng, tinh thần tự tôn dân tộc mãnh liệt và thái độ trách nhiệm chuẩn mực trước vận mệnh quốc gia - dân tộc. Kết quả cuối cùng của quá trình này là nhằm định hình hình mẫu con người Việt Nam có ý chí tự nguyện và tinh thần tự cường, sẵn sàng chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Để đạt hiệu quả tối ưu, công tác giáo dục đòi hỏi phải tái cấu trúc toàn diện về khung nội dung và phương thức chuyển tải. Trọng tâm là chuyển từ lối truyền thụ thụ động sang *kích hoạt* năng lực tự kiến tạo tri thức, thúc đẩy tư duy phản biện và khả năng gắn kết chặt chẽ lý luận với thực tiễn. Cần kết hợp hài hòa giáo dục kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn với việc bồi đắp bản lĩnh chính trị, chuẩn mực đạo đức và ý thức tự tôn trên nền tảng văn hiến dân tộc. Đây chính là chìa khóa để xác lập một thái độ trách nhiệm tự giác đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong bối cảnh mới.

Công tác giáo dục, nhằm bồi đắp sức mạnh văn hóa tinh thần cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, được tích hợp sâu rộng và vận động biện chứng trong mối tương quan giữa ba môi trường chính. Trước hết là *giáo dục trong gia đình*, nơi đóng vai trò nền tảng ban đầu, hình thành nhân cách, bồi dưỡng tình cảm, truyền thống gia đình và tình yêu quê hương đất nước sơ khai cho mỗi con người. Tiếp theo là *giáo dục trong nhà trường*, môi trường cung cấp hệ thống kiến thức chính thống, bồi dưỡng lý tưởng, phẩm chất công dân, và trang bị kiến thức, kỹ năng quân sự - an ninh thiết yếu dựa trên khung chương trình chính quy, chuẩn hóa. Song hành và hỗ trợ là *giáo dục trong xã hội*, thông qua các kênh truyền thông đại chúng và các nền tảng tương tác văn hóa - cộng đồng, các phong trào, sự kiện chính trị - xã hội..., tạo môi trường học tập suốt đời, góp phần củng cố, lan tỏa các giá trị văn

hóa tinh thần và định hướng nhận thức, thái độ, hành vi xã hội. Chính vì vậy, sự *hiệp đồng chiến lược* của cả ba môi trường này, đặt dưới sự định hướng chính trị của Đảng và sự điều tiết của Nhà nước, là yếu tố then chốt tạo nên sức mạnh tổng hợp của hệ thống giáo dục. Việc nâng tầm hiệu quả phương thức này thực chất là quá trình tối ưu hóa tiềm năng con người thông qua việc kiến tạo nền tảng tư tưởng vững chắc và nguồn vốn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng những đòi hỏi tất yếu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới.

Ba là, thông qua hoạt động thông tin, tuyên truyền, đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, đặc biệt trên không gian mạng. Đây là phương thức sắc bén, có tính định hướng và dẫn dắt, đóng vai trò trực tiếp và hiệu quả trong việc tác động, định hình nhận thức, tư tưởng, tình cảm của quần chúng nhân dân và toàn xã hội.

Bản chất của phương thức này là quá trình phổ quát hóa hệ giá trị nhân văn và tinh hoa văn hóa dân tộc gắn liền với nền tảng tư tưởng của Đảng; qua đó xác lập thế trận để *vô hiệu hóa* các quan điểm sai trái, thù địch, cùng những mưu đồ diễn biến hòa bình trên bình diện ý thức hệ.

Mục tiêu cốt lõi là kiên cố hóa nền tảng tư tưởng của Đảng, tạo dựng sự đồng thuận xã hội cao, định hướng dư luận hướng tới sự kiến tạo, giữ vững chủ quyền quốc gia. Quá trình này đồng thời củng cố niềm tin, ý chí và bản lĩnh dân tộc, đặc biệt trước sự chi phối của kỷ nguyên bùng nổ thông tin và sự phát triển của không gian mạng - nơi diễn ra cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt. Công tác này giữ vai trò then chốt trong việc thâm thấu, nội hóa tinh hoa văn hóa dân tộc vào tâm thức xã hội, tạo nên sức đề kháng tư tưởng bền vững.

Để đạt hiệu quả cao, phương thức này đòi hỏi một sự chuyển dịch căn bản về khung tri thức và phương thức trong công tác tuyên truyền, nâng cao tính hấp dẫn, thuyết phục, kịp thời và chính xác. Cần phải tận dụng tối đa các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, nhằm tối ưu hóa năng lực truyền tải của hệ thống truyền thông đa phương tiện; trong đó, trọng tâm là nền tảng internet và các mạng lưới kết nối số. Sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả giữa công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục và hoạt động văn hóa là điều kiện tiên quyết để phát huy tối đa sức

mạnh văn hóa tinh thần vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Mối liên hệ hữu cơ này thể hiện ở chỗ: Hoạt động truyền thông tư tưởng kế thừa nền tảng nhận thức và hệ giá trị được bồi đắp bởi giáo dục, đồng thời vận dụng đa dạng hình thức và nội hàm phong phú của hoạt động văn hóa để truyền tải, lan tỏa các giá trị văn hóa tinh thần, định hướng tư tưởng chính thống một cách sinh động, hấp dẫn và dễ tiếp nhận; ngược lại, truyền thông tư tưởng góp phần củng cố nội dung giáo dục, bảo tồn hệ sinh thái văn hóa khỏi các tác động tiêu cực, củng cố niềm tin và định hướng dư luận xã hội theo mục tiêu chung.

Để phát huy hiệu quả sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc, cần tập trung thực thi các giải pháp then chốt hướng tới tối ưu hóa hiệu quả của công tác thông tin, tuyên truyền và xác lập vị thế chủ động trong không gian đấu tranh ý thức hệ đầy phức tạp hiện nay. Trước hết, phải hình thành một hệ thống truyền thông hiện đại, chuyên nghiệp và vững mạnh cả về cơ sở vật chất lẫn công nghệ, đi đôi với việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn trong các lĩnh vực tư tưởng, báo chí, xuất bản, đảm bảo tính chuyên nghiệp và bản lĩnh vững vàng. Tiếp theo, cần đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức tiếp cận sao cho hấp dẫn, thuyết phục, phù hợp đối với mỗi đối tượng và từng môi trường nhất định. Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của báo chí, truyền thông trong định hướng dư luận xã hội và lan tỏa các giá trị tốt đẹp. Đặc biệt quan trọng là phải chủ động đấu tranh phản bác có hiệu quả đối với các quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc trên mọi lĩnh vực, làm thất bại chiến lược diễn biến hòa bình, trọng tâm là trên không gian mạng. Mặt khác, cần nâng tầm hoạt động thông tin đối ngoại nhằm lan tỏa rộng khắp bản sắc văn hóa Việt Nam ra thế giới; đồng thời, chủ động mở rộng hợp tác đa phương trong địa hạt này để vừa khai thác kinh nghiệm quản lý hiện đại, vừa tranh thủ các nguồn lực ngoại sinh phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, trước hết là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên đóng vai trò quyết định trong việc củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, tăng cường niềm tin, ý chí và sự đồng thuận

xã hội. Trên nền tảng đó, việc tối ưu hóa hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng là lá chắn thiết yếu, không chỉ bảo vệ nền tảng tinh thần của xã hội mà còn trực tiếp nâng cao năng lực phòng vệ từ bên trong của Tổ quốc trong tình hình mới.

Tóm lại, phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là một quá trình thống nhất, đồng bộ và toàn diện, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của nhiều phương thức đa dạng, linh hoạt. Mỗi phương thức có vai trò và cách thức tác động đặc thù: *Hệ thống chính sách, pháp luật* đóng vai trò kiến tạo môi trường và hành lang pháp lý thuận lợi, là nền tảng vững chắc để các giá trị văn hóa tinh thần được bảo vệ, nuôi dưỡng và có điều kiện phát huy. *Công tác giáo dục* tác động trực tiếp vào việc bồi đắp nhân cách, nâng cao nhận thức, hun đúc lý tưởng và các phẩm chất tinh thần cần thiết cho mỗi con người - chủ thể của sức mạnh văn hóa tinh thần. *Hoạt động thông tin, tuyên truyền và đấu tranh tư tưởng* giữ vai trò định hướng nhận thức, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận trong xã hội và bảo vệ nền tảng tinh thần trước các tác động tiêu cực, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh bùng nổ thông tin. Chỉ khi được triển khai đồng bộ, hài hòa và gắn kết chặt chẽ, các phương thức này mới tạo nên sức cộng hưởng mạnh mẽ, vượt qua giới hạn của từng phương thức riêng lẻ. Sự kết hợp hiệu quả này chính là cơ chế để chuyển hóa tiềm năng văn hóa dân tộc thành động lực thực tiễn, khơi dậy tính tích cực, tự giác của các chủ thể trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đây không chỉ là quá trình xác lập nền tảng tinh thần cho sự phát triển bền vững, mà còn là biểu hiện sinh động của sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời đại mới.

2.3. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY

2.3.1. Tác động của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước

2.3.1.1. Tác động của tình hình quốc tế, khu vực

Tình hình quốc tế và khu vực hiện nay đang vận động với tốc độ nhanh chóng, chứa đựng những biến đổi sâu sắc về chất và tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định chiến lược. Đặc biệt, sự đan xen phức tạp giữa các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, cùng cuộc cạnh tranh chiến lược quyết liệt giữa

các cường quốc trên mặt trận ý thức hệ, đang đặt các quốc gia trước những phép thử đa chiều. Trong bối cảnh đó, các mối đe dọa không chỉ khu biệt ở phương diện quân sự mà trực tiếp thâm thấu, tấn công vào nền tảng tư tưởng và bản sắc văn hóa dân tộc. Thực tế này tất yếu đòi hỏi việc củng cố *sức đề kháng* và *năng lực tự phòng vệ từ bên trong*, khiến nhiệm vụ phát huy sức mạnh nội sinh - trọng tâm là sức mạnh văn hóa tinh thần - trở thành yêu cầu cấp thiết và có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay. Những tác động cụ thể được nhận diện trên các phương diện chủ yếu sau:

Một là, tác động mang tính hai mặt của cách mạng khoa học công nghệ. Cùng với những cơ hội to lớn cho phát triển bền vững nhờ sự phát triển vượt bậc trong lĩnh vực khoa học và kết nối toàn cầu, những thách thức, nguy cơ do xu hướng này mang lại tác động trực tiếp và sâu sắc đến yêu cầu phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc, ảnh hưởng đến chủ thể, nội dung và phương thức phát huy một cách rõ nét.

Sự vận động với tốc độ cực nhanh của nguồn thông tin khổng lồ cùng cuộc cạnh tranh quyết liệt trên mặt trận tư tưởng - văn hóa trong không gian mạng đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về năng lực dự báo, quản trị và thích ứng linh hoạt của các chủ thể lãnh đạo. Năng lực này đóng vai trò then chốt trong việc quy tụ, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, đồng thời ngăn chặn các nguy cơ phân hóa xã hội trên môi trường số. Song hành với sự điều tiết vĩ mô đó, mỗi cá nhân - với tư cách là những *tế bào* của sức mạnh tinh thần - cần chủ động nâng cao khả năng *kháng nhiễu*, bồi đắp bản lĩnh chính trị để phân biệt đúng - sai trước thực trạng nhiễu loạn thông tin, tạo nên một cộng đồng tự cường trước những tác động đa chiều của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện nay.

Hệ quả tất yếu từ bối cảnh này là sự gia tăng áp lực lên nền tảng tinh thần xã hội, đòi hỏi chúng ta phải nhận diện và giải quyết hàng loạt các thách thức mới đang trực tiếp tác động đến an ninh quốc gia: Ý chí tự lực, tự cường và tinh thần cảnh giác cách mạng cần phát huy cao độ để đối phó với sự gia tăng chạy đua công nghệ - quân sự, sức ép từ bên ngoài, và làm chủ công nghệ, đảm bảo tự chủ quốc

phòng, an ninh trong kỷ nguyên số. Hệ giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp đã và đang phải đối mặt với nguy cơ bị xói mòn, biến dạng, lệch chuẩn do *xâm lăng văn hóa* thông qua sự du nhập ồ ạt các *biến thể văn hóa độc hại* trên không gian mạng. Yêu cầu cấp thiết là củng cố sức đề kháng văn hóa và phát huy các giá trị nền tảng để giữ vững bản sắc trong bối cảnh hội nhập. Nền tảng tư tưởng của Đảng, lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết bị tấn công trực diện bởi thông tin xấu, độc, luận điệu xuyên tạc, âm mưu diễn biến hòa bình lợi dụng không gian mạng. Yêu cầu là phải bảo vệ vững chắc các nội dung này và tăng cường sức mạnh của niềm tin, ý chí trước các cuộc tấn công tinh vi. Nghệ thuật quân sự Việt Nam cần được nghiên cứu, phát triển, gắn với làm chủ công nghệ cao để ứng phó với các hình thái chiến tranh hiện đại (như chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin).

Sự vận động này đòi hỏi một cơ chế tích hợp mới trong việc khơi dậy sức mạnh tinh thần, vừa mang tính kiến tạo môi trường pháp lý vững chắc, vừa bồi đắp năng lực tự đề kháng cho chủ thể trước các tác động đa chiều: Hệ thống thể chế phải được hoàn thiện để quản lý hiệu quả thông tin trên không gian mạng, bảo vệ an ninh thông tin, chủ quyền số, tạo hành lang pháp lý cho phát triển sức mạnh văn hóa tinh thần trước tác động toàn cầu. Công tác giáo dục cần tập trung trang bị cho con người năng lực số, tư duy phản biện, khả năng sàng lọc thông tin phức tạp, bồi dưỡng ý thức cảnh giác và trách nhiệm công dân trên không gian mạng, khả năng nhận diện và chống lại các thủ đoạn “diễn biến hòa bình” mới. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền và đấu tranh trên mặt trận văn hóa, tư tưởng phải trở nên chủ động, sắc bén, chuyên nghiệp, hiện đại, làm chủ không gian mạng để vừa lan tỏa giá trị, vừa kịp thời phản bác các luận điệu sai trái, làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình trên mặt trận này. Các hoạt động văn hóa cần đổi mới hình thức, nội dung, ứng dụng công nghệ để tiếp cận đông đảo đối tượng, nhất là giới trẻ, trong môi trường số, góp phần lành mạnh hóa môi trường không gian mạng.

Nhìn chung, cách mạng khoa học công nghệ đã và đang định hình một cục diện với những biến số khó lường, đặc biệt là trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, đòi hỏi sức mạnh văn hóa tinh thần phải được kích hoạt tối đa thông qua việc nâng tầm năng lực của các chủ thể, không ngừng bồi đắp và làm sâu sắc thêm nội hàm các giá trị và

thực hiện bước đột phá về phương thức vận hành trong thực tiễn để củng cố nội lực, nâng cao khả năng tự bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy.

Hai là, sự gia tăng quyết liệt của cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trên phạm vi toàn cầu đã và đang đẩy nhanh quá trình xác lập cục diện thế giới theo mô hình “VUCA”. Trạng thái này được đặc trưng bởi sự biến động (Volatility), bất định (Uncertainty), phức tạp (Complexity) và mơ hồ (Ambiguity), làm nảy sinh các xung đột cục bộ và những rủi ro địa chính trị khó dự báo. Cuộc cạnh tranh không chỉ giới hạn ở các lĩnh vực truyền thống như kinh tế, quân sự mà còn mở rộng sang mặt trận văn hóa, tư tưởng, thông tin và pháp lý, trực tiếp tấn công vào nền tảng giá trị của các quốc gia. Đối với Việt Nam, cục diện đa chiều này đặt ra những thách thức nghiêm trọng trong việc củng cố thể trận lòng dân và bảo vệ bản sắc dân tộc; đồng thời chi phối sâu sắc đến việc tái xác lập chủ thể, nội dung và phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Cục diện “VUCA” đòi hỏi các chủ thể phải nâng cao mạnh mẽ năng lực dự báo, phân tích, đánh giá tình hình một cách khoa học, khách quan để kịp thời đề ra đường lối, chính sách, biện pháp phù hợp, hiệu quả. Áp lực cạnh tranh nước lớn và sự phức tạp, bất ổn của môi trường đòi hỏi sự bản lĩnh, kiên định trong lãnh đạo, quản lý, và khả năng cô kết cộng đồng trước các luồng thông tin nhiễu loạn, âm mưu chia rẽ ngày càng tinh vi từ bên ngoài. Khả năng thích ứng nhanh chóng trước các biến động bất ngờ trở thành yêu cầu sống còn đối với mọi chủ thể.

Tình hình này cũng đặt ra yêu cầu phải phát huy cao độ và bảo vệ vững chắc hệ giá trị văn hóa tinh thần với nhiều phương thức linh hoạt, đồng thời bổ sung những nội hàm mới phù hợp với xu thế thời đại. Chủ nghĩa yêu nước cần được gắn kết chặt chẽ với mục tiêu bảo vệ độc lập, chủ quyền trong bối cảnh bị đe dọa từ nhiều phía và nguy cơ bị lợi dụng, xuyên tạc. Tinh thần đoàn kết, đồng lòng đối mặt với nguy cơ bị chia rẽ, lợi dụng bởi các chiến lược can thiệp, gây bất ổn từ bên ngoài; việc củng cố khối đại đoàn kết trở nên phức tạp hơn. Ý chí tự lực, tự cường trở thành yêu cầu sống còn và động lực để Việt Nam tự đứng vững, chủ động đối phó với sức ép từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và sự phụ

thuộc vào công nghệ, nguồn lực bên ngoài. Nghệ thuật quân sự Việt Nam cần được nghiên cứu, phát triển, hiện đại hóa để ứng phó hiệu quả với các hình thái chiến tranh phức tạp trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ - quân sự gay gắt. Niềm tin vào Đảng, vào chế độ đang đứng trước nhiều thách thức khi thông tin thật giả lẫn lộn, khó kiểm soát.

Trước áp lực từ cuộc cạnh tranh nước lớn và những biến số phức tạp của cục diện “VUCA”, việc tái cấu trúc và hiện đại hóa hệ thống các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trở thành một yêu cầu chiến lược cấp bách. Theo đó, hệ thống thể chế cần linh hoạt, nhạy bén, đủ khả năng bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng và các lĩnh vực phi truyền thống, đồng thời tạo lập môi trường thuận lợi cho phát huy nội lực và sức đề kháng văn hóa từ bên trong. Công tác giáo dục cần chú trọng việc trang bị khả năng tư duy phản biện sắc bén, kỹ năng phân tích, sàng lọc thông tin phức tạp, nhận diện xác thực các âm mưu, thủ đoạn tinh vi từ bên ngoài. Công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh tư tưởng trở thành mặt trận tuyến đầu đối phó với chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng, các chiến dịch tuyên truyền quy mô lớn từ bên ngoài. Phương thức này đòi hỏi sự chuyên nghiệp, hiện đại, và tính kịp thời, linh hoạt cao, đặc biệt trong việc làm chủ và tác chiến hiệu quả trên không gian mạng.

Tóm lại, sự cộng hưởng giữa cạnh tranh chiến lược nước lớn và những biến số phức tạp của cục diện “VUCA” đã đẩy an ninh quốc gia vào trạng thái thách thức đa chiều, trong đó mặt trận tư tưởng, văn hóa trở thành tiêu điểm của các cuộc tấn công tinh vi. Thực tế này không chỉ nâng tầm vị thế chiến lược của sức mạnh văn hóa tinh thần mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về một sự chuyển đổi mang tính hệ thống. Đó là sự thích ứng linh hoạt, đổi mới sáng tạo và thắt chặt mối quan hệ biện chứng giữa chủ thể, nội dung với phương thức phát huy; nhằm kiến tạo một sức đề kháng vững chắc và năng lực tự bảo vệ của Tổ quốc từ sớm, từ xa, ngay từ trong nội tại của nền tảng tinh thần dân tộc.

Ba là, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa. Đây là xu hướng khách quan, thúc đẩy tiến trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các quốc gia, làm giàu hệ giá trị tinh thần chung của nhân loại và bản sắc

riêng biệt của các dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội học hỏi, nội tại hóa các giá trị văn hóa nhân loại, xu hướng này tiềm tàng những xung đột về giá trị và nguy cơ to lớn, tác động trực tiếp và sâu sắc đến chủ thể, nội dung và phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay:

Trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế toàn diện, các nền văn hóa đa dạng có sự giao thoa, tiếp biến phức tạp và sự du nhập, ảnh hưởng của những sản phẩm độc hại khiến việc lãnh đạo, quản lý văn hóa của Đảng và Nhà nước trở nên khó khăn hơn, đòi hỏi sự tinh tế, bản lĩnh và cơ chế sàng lọc hiệu quả. Mặt trận và các tổ chức thành viên đang đứng trước những nan đề trong việc quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên hệ giá trị văn hóa chung khi sự định hình các bản sắc cá nhân ngày càng trở nên đa dạng và tiềm ẩn mâu thuẫn. Mỗi công dân, đặc biệt là lực lượng thanh thiếu niên - những người tiên phong trong việc tiếp biến và định hình các hệ giá trị mới, cần được trang bị kiến thức, kỹ năng và sức đề kháng văn hóa để sàng lọc, tiếp nhận có chọn lọc, tránh bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các yếu tố ngoại lai không phù hợp.

Một trong những nguy cơ xuất hiện trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập là sự *xâm lăng văn hóa*, dẫn đến biến dạng cấu trúc giá trị truyền thống, làm mai một các giá trị tốt đẹp, làm suy giảm ý thức tự tôn dân tộc và ý chí bảo vệ Tổ quốc. Việc du nhập ồ ạt các lối sống, giá trị xa lạ, thậm chí đối lập với truyền thống tốt đẹp có thể ảnh hưởng tiêu cực đến đạo đức, lối sống, và làm suy yếu nền tảng tinh thần xã hội, giảm sự gắn kết cộng đồng - vốn là yếu tố cốt lõi của tinh thần đoàn kết và lòng yêu nước. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng tầm và chuyển hóa các giá trị nền tảng thành động lực phát triển, giữ gìn, bảo vệ, lan tỏa bản sắc văn hóa Việt Nam.

Trước áp lực khách quan của tiến trình toàn cầu hóa, việc tái cấu trúc và tối ưu hóa phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trở thành một yêu cầu mang tính sinh mệnh: Hệ thống thể chế cần khắc phục được những khoảng trống pháp lý, nâng cao hiệu quả thực thi để quản lý hiệu quả hoạt động ngoại giao văn hóa đa phương, bảo vệ di sản, khuyến khích năng lực sáng tạo nội sinh của cộng đồng và có cơ chế sàng lọc phù hợp, hóa giải nguy

cơ xâm thực của các trào lưu phản giá trị. Công tác giáo dục cần chú trọng kiến tạo nhãn quan lịch sử và tinh thần tự chủ văn hóa cho thế hệ trẻ, trang bị phương pháp luận đánh giá đa chiều và liên ngành các hiện tượng văn hóa để người học có khả năng tiếp nhận có chọn lọc. Công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh trên mặt trận tư tưởng cần chủ động quảng bá các *hàng số văn hóa dân tộc* ra thế giới, phân tích phê phán các hiện tượng phản nhân văn, định hướng thẩm mỹ lành mạnh và hóa giải các xung lực tiêu cực từ các quan điểm sai lệch về văn hóa, lịch sử, làm thất bại âm mưu dùng văn hóa để chống phá, làm chuyển hóa từ bên trong. Các hoạt động văn hóa cần được đầu tư để tạo bước chuyển biến căn bản về chất, thiết lập hệ sinh thái các phương thức triển khai mang đậm bản sắc dân tộc nhưng vẫn hiện đại, gia tăng sức hấp dẫn và khả năng lan tỏa giá trị tích cực, trở thành *bộ lọc* tự nhiên và hiệu quả.

Nhìn chung, toàn cầu hóa cùng sự xâm nhập đa chiều của các dòng chảy văn minh vào không gian văn hóa dân tộc đang đặt ra những thách thức phức tạp trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc, các giá trị truyền thống, làm suy yếu nền tảng sức mạnh tinh thần. Điều này đòi hỏi việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần phải được tiếp cận một cách chiến lược, nâng tầm bản lĩnh tự chủ và nội lực văn hóa của các chủ thể, tập trung củng cố các nội dung nền tảng (bản sắc, giá trị truyền thống) và đổi mới mạnh mẽ các phương thức để vừa mở cửa hội nhập, vừa bảo vệ vững chắc nền tảng văn hóa, tinh thần dân tộc, khơi dậy mọi nguồn lực, đoàn kết một lòng, giữ vững quỹ đạo phát triển, xác lập lá chắn chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và khơi thông nguồn lực nội sinh cho khát vọng thịnh vượng.

2.3.1.2. Tình hình trong nước

Bên cạnh những tác động từ bối cảnh quốc tế, tình hình trong nước với những thành tựu và thách thức cũng đang xác lập những tọa độ mới cho việc định vị sức mạnh văn hóa tinh thần trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Qua 4 thập kỷ tiến hành Đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã xác lập những thành tựu toàn diện có ý nghĩa lịch sử, nâng tầm vị thế và tiềm lực đất nước trên mọi phương diện của đời sống xã hội. Những thành tựu này đã củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp vững chắc cho sự nghiệp bảo

vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, thực tiễn đổi mới cũng làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, thách thức mới.

Thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của Đổi mới đã nâng cao tiềm lực vật chất, tối ưu hóa các điều kiện thực thi, để các chủ thể có thêm nguồn lực cho công tác văn hóa, tư tưởng, giáo dục. Quyền làm chủ của Nhân dân được chuyển hóa từ nguyên tắc pháp lý thành thực tiễn sinh động. Tuy nhiên, sự phân hóa giàu nghèo, những vấn đề xã hội nảy sinh đòi hỏi các chủ thể phải đổi mới toàn diện năng lực lãnh đạo và cơ chế vận hành để thích ứng với thực tiễn; từ đó giải quyết hiệu quả *các điểm nóng xã hội*, nhất quán về định hướng tư tưởng và duy trì sự gắn kết trong một xã hội ngày càng phức tạp.

Thành quả từ đổi mới kinh tế không chỉ mang lại đời sống vật chất tốt hơn, mà còn củng cố niềm tin, chuyển hóa niềm tự hào quốc gia thành động lực yêu nước mạnh mẽ. Sự tương tác văn hóa xuyên quốc gia trong Đổi mới đã tạo nên sự tiếp biến sâu sắc, tái cấu trúc và làm giàu hệ giá trị tinh thần dân tộc. Tuy nhiên, những nghịch lý nảy sinh từ logic của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế làm gia tăng chủ nghĩa thực dụng, sùng bái vật chất, thương mại hóa văn hóa một cách không kiểm soát, và những xu hướng lệch lạc trong đạo đức, lối sống, ảnh hưởng đến truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc. Sự phân hóa xã hội tạo ra những rào cản mới đối với việc củng cố tinh thần đoàn kết, đồng thuận, đồng lòng trong xã hội.

Tiềm lực từ Đổi mới đã tạo ra những xung lực mới, cho phép triển khai đồng bộ các phương thức phát huy với quy mô và chất lượng vượt trội. Tuy nhiên, sự biến đổi nhanh chóng, phức tạp của thực tiễn, sự nhiễu loạn các luồng thông tin đa chiều trên không gian mạng, và những vấn đề xã hội nảy sinh đòi hỏi phải tái cấu trúc mạnh mẽ các phương thức và cách thức tiếp cận, đảm bảo tính tương thích cao độ với các biến động thực tiễn để tối ưu hóa hiệu năng tác động tới nhận thức và niềm tin của các tầng lớp Nhân dân trong bối cảnh mới. Công tác giáo dục phải đảm nhận tốt hơn vai trò định hình các chuẩn mực đạo đức và lối sống mới; công tác tuyên truyền cần nâng cao khả năng hóa giải các xung lực nghịch chiều, đối phó với thông tin sai lệch trong môi trường truyền thông đa dạng.

Bên cạnh những yếu tố quốc tế, thực tiễn tình hình trong nước cũng đang tạo

ra những xung lực tác động đa chiều, vừa định hình nền tảng lợi thế, vừa đặt ra những yêu cầu khách quan đối với việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Trong đó, những thành quả to lớn của công cuộc Đổi mới đóng vai trò là nền tảng nội sinh quan trọng, cung ứng các điều kiện cần thiết về nguồn lực vật chất và môi trường chính trị - xã hội ổn định. Tuy nhiên, trước những vấn đề và thách thức mới phát sinh, việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần đòi hỏi phải được triển khai một cách sâu sát, năng động và sáng tạo. Điều này đòi hỏi sự thích ứng liên tục của hệ thống chủ thể, nội dung và phương thức nhằm củng cố vững chắc nền tảng sức mạnh tinh thần, đáp ứng yêu cầu cao của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tóm lại, sự tương tác biện chứng giữa những biến số phức tạp của bối cảnh quốc tế “VUCA” và tiến trình đổi mới sâu sắc trong nước đã xác lập một môi trường chiến lược mới, nơi sức mạnh văn hóa tinh thần vừa là mục tiêu tấn công trọng yếu, vừa là *lá chắn sinh tồn* của quốc gia. Thực tế này đòi hỏi sự chuyển đổi mang tính hệ thống: từ việc nâng tầm năng lực nhận diện và bản lĩnh chính trị của chủ thể, đến việc nội hóa các giá trị cốt lõi thành *sức đề kháng tự thân* của mỗi cá nhân trước nguy cơ xâm lăng văn hóa. Để hiện thực hóa nguồn nội lực này, hệ thống phương thức phát huy phải được hiện đại hóa đồng bộ thông qua việc kiện toàn thể chế số, đổi mới giáo dục tư duy phản biện và tối ưu hóa năng lực tác chiến tư tưởng trên không gian mạng. Nhận diện sâu sắc các tác động này chính là cơ sở khoa học để chuyển hóa tiềm năng văn hóa dân tộc thành sức mạnh thực tiễn, đảm bảo chủ quyền quốc gia vững chắc từ sớm, từ xa trong tình hình mới.

2.3.2. Sự chủ động, tích cực, sáng tạo của các chủ thể phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc

Sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là sức mạnh tiềm tàng trong mỗi con người Việt Nam, nó chỉ phát huy một cách mạnh mẽ thông qua hoạt động thực tiễn mang tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các chủ thể, với những phương thức khác nhau.

Trong cấu trúc của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt

Nam giữ vị trí hạt nhân lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối tiến trình khơi dậy và giải phóng nguồn lực văn hóa tinh thần phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Đảng không phải là thuộc tính trừu tượng, mà là động lực chính trị tối cao trực tiếp nhân bội hiệu năng chuyển hóa nguồn năng lượng nội sinh này từ trạng thái tiềm năng thành thực lực vật chất chiến lược thông qua bốn phương thức tác động biện chứng. *Trước hết*, sự nhạy bén, sáng tạo trong tư duy lý luận và hoạch định đường lối của Đảng đóng vai trò định hướng chính trị, chủ động bổ sung nội hàm mới vào các hằng số văn hóa truyền thống và xác lập tư duy phòng thủ từ sớm, từ xa, tạo nền tảng tư tưởng nhất quán cho toàn xã hội. *Thứ hai*, tính tích cực, quyết liệt trong chỉ đạo thực tiễn và thể chế hóa cơ chế *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ* vận hành như một đòn bẩy tổ chức, khơi thông tính năng động sáng tạo của quần chúng, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng để kiến tạo *thế trận lòng dân* kiên cố trên thực tế. *Thứ ba*, sự chủ động chiến đấu trên mặt trận tư tưởng - văn hóa giúp thiết lập *hệ miễn dịch* tinh thần xã hội, lan tỏa hệ tư tưởng chính thống đi đôi với kiên quyết vô hiệu hóa âm mưu diễn biến hòa bình và các phản giá trị độc hại trong kỷ nguyên số, giữ vững trận địa ý thức hệ từ gốc. *Cuối cùng*, nỗ lực tự đổi mới, tự chỉnh đốn và quyết tâm phòng chống tham nhũng, suy thoái một cách triệt để của Đảng chính là nguyên nhân gốc rễ bảo tồn ý thức chính trị xã hội chủ nghĩa, lấy sự trong sạch, tiên phong của đội ngũ để gia cố niềm tin và thắt chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân. Tổng hòa sự tích cực, chủ động, sáng tạo của chủ thể lãnh đạo trên các phương diện này chính là nhân tố quyết định tính thực chất, hiệu quả và sự thành công của chiến lược phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Trong chính thể thượng tầng chính trị xã hội chủ nghĩa, *Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* đảm nhiệm vai trò chủ đạo trong việc quản lý, thể chế hóa đường lối của Đảng và điều hành vĩ mô tiến trình chuyển hóa các giá trị tinh thần thành thực lực vật chất bảo vệ Tổ quốc. Tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Nhà nước vận hành như một thiết chế định hình hiệu quả thực tiễn của công tác phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần thông qua bốn phương thức tác động

biện chứng. *Trước hết*, sự nhạy bén trong phương thức thể chế hóa, luật hóa kịp thời các quan điểm của Đảng thành hành lang pháp lý, chính sách quốc gia đồng bộ là nguyên nhân căn bản khơi thông khát vọng cống hiến, tạo lập môi trường và không gian văn hóa lành mạnh để nuôi dưỡng, bảo tồn các hằng số văn hóa tinh thần dân tộc. *Thứ hai*, sự quyết liệt trong cải cách bộ máy hành chính theo mô hình *tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả* gắn liền với siết chặt đạo đức công vụ chính là đòn bẩy nâng cao hiệu năng quản trị, thanh lọc bộ máy và xây dựng đội ngũ công bộc liêm chính, tạo tiền đề thực tế để quy tụ sức mạnh tổng hợp quốc gia. *Thứ ba*, tính chủ động trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí đi đôi với vận hành các công cụ pháp lý sắc bén để đấu tranh đập tan âm mưu chống phá trên các mặt trận là yếu tố quyết định gia cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội. *Cuối cùng*, với tư cách là công cụ chuyên trách đặc biệt của Nhà nước, tính chủ động, mưu trí, sáng tạo của Lực lượng vũ trang nhân dân trong nghiên cứu phát triển nghệ thuật quân sự hiện đại, nhạy bén dự báo chiến lược, đi đầu làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình và tiên phong bám dân, cứu trợ, bảo vệ vùng phen dậu chính là mắt xích cốt lõi để kiên cố hóa thể trận lòng dân, biến lòng yêu nước và ý chí tự lực tự cường thành năng lực phòng thủ chủ động trên thực tế trước các thách thức an ninh đương đại. Sự hiệp đồng và vận hành đồng bộ các phương diện năng động chủ quan này của bộ máy Nhà nước là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho sức mạnh văn hóa tinh thần phát huy tối đa hiệu quả trong thực tiễn giữ nước.

Trong cấu trúc của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên* giữ vai trò là trung tâm hiệp thương, khối quy tụ đại đoàn kết toàn dân tộc và là cầu nối dẫn truyền tư tưởng giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể vận hành như một động lực điều phối và cộng hưởng xã hội, tác động sâu sắc đến hiệu quả phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần thông qua các phương diện: *Trước hết*, sự nhạy bén trong việc đổi mới phương thức, đa dạng hóa các biện pháp phát huy dân chủ thực chất ở cơ sở là nguyên nhân trực tiếp khai phóng tính tích cực chính trị của quần chúng, tạo hành lang tâm lý thông suốt để tập hợp, gắn kết mọi giai tầng, lực lượng xã hội và đồng bào trong, ngoài nước hướng tâm về mục

tiêu tối cao của dân tộc. *Thứ hai*, tính chủ động, sáng tạo trong việc tổ chức, lồng ghép nội hàm giáo dục truyền thống vào các phong trào thi đua yêu nước sinh động chính là đòn bẩy thực tiễn vật chất hóa các giá trị tinh thần, chuyên hóa chủ nghĩa yêu nước, ý chí tự lực tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do thành các nguồn lực hành động cụ thể, thiết thực phục vụ sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. *Cuối cùng*, năng lực nhạy bén trong tư duy tư tưởng, chủ động *đi trước, đón đầu* để kịp thời nắm bắt, phân tích dòng trạng thái tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân đóng vai trò là hệ điều tiết hóa giải các xung đột lợi ích dân sinh từ sớm, từ xa. Sự nhạy bén này không chỉ giúp Mặt trận kịp thời định hướng dư luận xã hội hướng tới các quyết sách vĩ mô, mà còn là giải pháp căn cơ để củng cố vững chắc sự đồng thuận xã hội, thắt chặt khối cố kết cộng đồng và xây dựng thế trận lòng dân vững mạnh trước mọi âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch. Tổng hòa sự năng động chủ quan của hệ thống Mặt trận và các đoàn thể chính là điều kiện tất yếu để tối ưu hóa sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới.

Trong tiến trình lịch sử, các tầng lớp *Nhân dân* Việt Nam giữ vị trí trung tâm, vừa là cội nguồn khơi khởi của các hằng số giá trị văn hóa tinh thần, vừa là lực lượng thực thi quyết định sự hưng thịnh và khả năng tự vệ tổng lực của đất nước. Tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Nhân dân vận hành với tư cách là động lực nội sinh và là thước đo tiêu chuẩn thực tiễn tối cao đối với hiệu quả phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc thông qua ba phương diện: *Trước hết*, sự tự giác, sáng tạo của Nhân dân trong việc chủ động gìn giữ, bồi đắp và trao truyền bền bỉ các mã gen văn hóa truyền thống như lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết, ý chí tự lực tự cường và khát vọng tự do chính là nguồn mạch kiến tạo nền tảng tinh thần trường tồn của dân tộc. *Thứ hai*, tính năng động và năng lực tự quản trị cộng đồng của quần chúng trong việc chủ động chuyển hóa ý thức nghĩa vụ thành hành động cách mạng thường nhật - từ lao động sản xuất, chiếm lĩnh tri thức số đến kiên cường bám biển, bám đất bảo vệ biên cương hải đảo - là mắt xích quyết định vật chất hóa nguồn năng lượng tinh thần thành thực lực quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân kiên cố. *Cuối cùng*, sự hưởng

ứng tích cực và sáng tạo của Nhân dân là nhân tố quyết định sự thành bại, tính thực chất của các phương thức phát huy sức mạnh do các chủ thể lãnh đạo và quản lý tiến hành. Sự chủ động của quần chúng nhân dân trong việc tự thiết lập *hệ miễn dịch* trước các luồng thông tin xấu độc, tự nguyện dân thân chiến đấu, hy sinh khi Tổ quốc lâm nguy, và kiên quyết thanh lọc các phản giá trị độc hại chính là giải pháp căn cơ để kiên cố hóa thể trận lòng dân. Tổng hòa sự năng động, sáng tạo của chủ thể Nhân dân là điểm hội tụ giá trị và là xung lực tối cao bảo đảm cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa luôn giữ vững thế chủ động chiến lược, vượt qua mọi thử thách mang tính thời đại và đi đến thắng lợi cuối cùng.

Như vậy, sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc vốn tiềm tàng trong Nhân dân sẽ được khơi dậy và phát huy khi chuyển hóa thành hoạt động thực tiễn của mỗi tổ chức, mỗi con người Việt Nam. Quá trình này phụ thuộc rất lớn vào tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các chủ thể. Chủ thể giữ vai trò quyết định trong việc định hướng mục tiêu vận hành cơ chế phát huy; từ đó hiện thực hóa nguồn sức mạnh tiềm tàng, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện thành công sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.3.3. Tính hiệu quả của các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc các điều kiện khách quan, các chủ thể phát huy vai trò năng động chủ quan để lựa chọn và hiện thực hóa phương thức hoạt động, nhằm chuyển hóa các giá trị văn hóa tinh thần thành sức mạnh vật chất trong bảo vệ Tổ quốc. Nếu các phương thức được lựa chọn, sử dụng đúng đắn, sẽ đem lại hiệu quả, hoàn thành mục tiêu chủ thể đề ra và ngược lại.

Một là, hiệu quả của hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách. Các thể chế, chính sách là phương thức mang tính vật chất - pháp lý, có vai trò kiến tạo hành lang và môi trường xã hội. Khi các chính sách được xây dựng một cách khoa học, công tâm, minh bạch và hợp lòng dân, chúng sẽ là động lực to lớn, củng cố niềm tin, khơi dậy tinh thần đoàn kết, đồng lòng và lòng yêu nước. Ngược lại, khi phương thức này bị hình thức hóa, quan liêu, hoặc bị lợi ích nhóm chi phối, nó sẽ không chỉ thất bại trong việc xây dựng nền tảng thực tiễn, mà còn gây xói mòn

niềm tin, làm rạn nứt khối đại đoàn kết, tạo ra trạng thái đối lập, thậm chí đối kháng trực tiếp giữa ý thức của các chủ thể khác nhau.

Hai là, hiệu quả của công tác giáo dục, đào tạo trong gia đình, nhà trường và xã hội. Giáo dục trong các môi trường là phương thức tác động trực tiếp và sâu sắc nhất vào việc hình thành ý thức, nhân cách. Với phương thức giáo dục khoa học, hiện đại, truyền cảm hứng, khơi dậy tư duy độc lập và lòng tự tôn dân tộc sẽ hun đúc nên những thế hệ công dân có ý chí tự lực, tự cường, khát vọng hòa bình, độc lập, tự do, có đủ sức đề kháng văn hóa trước các luồng tư tưởng độc hại. Trái lại, phương thức giáo dục lạc hậu, hình thức, xa rời thực tiễn sẽ dẫn đến sự lai căng, mất gốc, thờ ơ chính trị, làm suy yếu lý tưởng và tạo ra những khoảng trống tinh thần để các thế lực thù địch triển khai xâm lăng văn hóa, làm tha hóa thế hệ trẻ.

Ba là, hiệu quả của công tác thông tin, tuyên truyền và đấu tranh trên mặt trận tư tưởng. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin, nhất là trên không gian mạng hiện nay, đây là phương thức rất quan trọng để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc. Khi được triển khai một cách chủ động, sáng tạo, đi trước và dẫn dắt, nó sẽ là vũ khí sắc bén để định hướng dư luận, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận và đập tan các luận điệu thù địch, xuyên tạc. Nhưng nếu phương thức này bị động, lạc hậu, khô cứng, nó sẽ thiếu tính khả thi và không mang lại giá trị thực tiễn trong việc củng cố nền tảng tư tưởng, để ngỏ trận địa không gian mạng cho sự công kích của các thế lực thù địch, tất yếu kéo theo nguy cơ khủng hoảng niềm tin và sự nhiễu loạn về giá trị trong xã hội.

Như vậy, hiệu quả của các phương thức là kết quả của sự thống nhất biện chứng trong mối quan hệ: *chủ thể - nội dung - phương thức*, đòi hỏi phải được phối hợp một cách đồng bộ, nhất quán. Sự vênh lệch hay đứt gãy trong mối quan hệ này sẽ hạn chế và cản trở quá trình chuyển hóa sức mạnh tiềm năng thành sức mạnh thực tiễn. Vì vậy, việc thường xuyên đổi mới tư duy, hoàn thiện và đồng bộ hóa hệ thống các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc là yếu tố quan trọng, quyết định tính hiệu quả và sự thành công.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước hiện nay với nhiều biến động sâu sắc, phức tạp, việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là vấn đề mang tính cấp thiết về mặt thực tiễn.

Sức mạnh văn hóa tinh thần chính là nội lực to lớn, được kết tinh từ hệ giá trị văn hóa tinh thần nền tảng của dân tộc (như chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, nghệ thuật quân sự, v.v.). Khi được nội hóa sâu sắc vào thể giới quan, nhân sinh quan và trở thành phương châm hành động của các chủ thể, sẽ tạo thành sức mạnh to lớn để bảo vệ đất nước trước mọi nguy cơ, thách thức, đặc biệt là trên các mặt trận phi truyền thống.

Phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần là một quá trình tổng hợp, có hệ thống và phức tạp, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, cùng sự phối hợp chặt chẽ của mọi thành tố trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trong đó, vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và toàn thể Nhân dân tạo nên một sức mạnh hợp nhất. Tiến trình này được vận hành thông qua việc triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả các phương thức tác động đa diện, từ việc hoàn thiện thể chế, chính sách, tăng cường giáo dục, thông tin, tuyên truyền, đấu tranh, đến việc đẩy mạnh hoạt động văn hóa và ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại. Tất cả nhằm mục tiêu khơi dậy, nuôi dưỡng, làm sâu sắc và chuyển hóa các nội dung văn hóa tinh thần cốt lõi thành ý thức, niềm tin, ý chí và hành động thực tiễn của mọi người dân.

Bối cảnh đầy biến động và thách thức hiện nay, quá trình phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần đòi hỏi một sự cách mạng hóa trong cả tư duy và hành động. Việc không ngừng đổi mới và nâng cao năng lực thích ứng không chỉ là yêu cầu tự thân của thực tiễn, mà còn là chìa khóa để giải quyết hiệu quả các mâu thuẫn và thách thức mới phát sinh. Sự hội tụ và lan tỏa mạnh mẽ nguồn lực văn hóa tinh thần sẽ tạo thành xung lực tổng hợp, thiết lập một lá chắn vững chắc để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống. Đồng thời, đây chính là nguồn động lực nội sinh quan trọng, thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo đảm sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội diễn ra bền vững trên nền tảng bản sắc văn hóa dân tộc.

Chương 3

PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM – THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THỰC TRẠNG PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM NHỮNG NĂM QUA

3.1.1. Những thành tựu đạt được

3.1.1.1. Thành tựu phát huy chủ nghĩa yêu nước

Một là, dưới sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước thời kỳ Đổi mới được chuyển hóa thành nền tảng tư tưởng và động lực thực tiễn của hệ thống chính trị cùng các tầng lớp Nhân dân, góp phần củng cố nền tảng tinh thần bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Năng lực hoạch định chiến lược của chủ thể lãnh đạo suốt bốn thập kỷ Đổi mới đã mang lại những kết quả quan trọng, giữ vững sự ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trước những biến động phức tạp của tình hình quốc tế. Tiến trình này đã tạo ra những chuyển biến căn bản về thực lực của đất nước, đưa “Việt Nam vươn lên nhóm 40 nền kinh tế hàng đầu thế giới, nhóm 20 nền kinh tế có kim ngạch thương mại lớn nhất thế giới” [82, tr.8], đồng thời xác lập vị thế là “điểm sáng về xóa đói, giảm nghèo” [82, tr.8] được Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế ghi nhận. Cùng với sự tăng cường về tiềm lực vật chất, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được khẳng định là nền tảng tinh thần xã hội, khơi dậy mạnh mẽ ý chí tự cường dân tộc. Xây dựng vững chắc thể trận lòng dân và sức mạnh mềm văn hóa đã tạo tiền đề quan trọng để mở rộng quan hệ đối ngoại, giúp Việt Nam thiết lập “quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, có quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với tất cả các nước lớn và toàn bộ 5 nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc” [82, tr.8]. Sự gắn kết biện chứng giữa các nguồn lực đó đã tạo nên một chỉnh thể sức mạnh tổng hợp vĩ mô, củng cố tính chân thực và căn cứ thực tiễn sâu sắc của luận điểm: “thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [41, tr.107].

Những thành tựu nêu trên không phải là kết quả tự phát, mà là biểu hiện sinh động của năng lực chủ thể, sự chủ động và tư duy sáng tạo của Đảng thông qua các phương thức sau:

Trước hết, xét từ góc độ hoạch định chiến lược và phát triển lý luận, sự chủ động vận dụng linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn liền với hoạch định nhất quán đường lối phát triển đất nước là một nhân tố quyết định tạo lập nền tảng tư tưởng vững chắc cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Đảng đã thể hiện năng lực tư duy chiến lược khi kiên định phát triển lý luận chính trị phù hợp với yêu cầu khách quan của thực tiễn lịch sử dân tộc. Sự nhảy bèn này được thể chế hóa đồng bộ qua hệ thống văn kiện chiến lược qua các thời kỳ, tiêu biểu như Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI và Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, định vị văn hóa là nguồn lực nội sinh, là nền tảng tinh thần xã hội. Đường lối đúng đắn của Đảng là tiền đề khách quan quy tụ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa lòng tự tôn dân tộc chuyển hóa thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và nâng cao vị thế đối ngoại của quốc gia.

Để đường lối chiến lược đó thâm nhập vào quần chúng, Đảng đã đồng thời cụ thể hóa thông qua các phương thức tuyên truyền và tiếp cận đối tượng một cách khoa học. Việc hệ thống hóa nội dung giáo dục lý luận và khơi dậy khát vọng cống hiến là nhân tố trực tiếp chuyển hóa niềm tin chính trị thành hành động cách mạng tự giác của Nhân dân. Hiệu quả này đạt được nhờ Đảng đã thiết lập công tác tuyên giáo và giáo dục chính trị thành nền tảng vững chắc để củng cố sức mạnh tinh thần xã hội. Sự phối hợp đồng bộ giữa hệ thống giáo dục quốc dân với công tác tuyên truyền đã cụ thể hóa Chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa thành nhận thức thường trực của công dân. Đây là tiền đề khách quan khơi dậy mạnh mẽ ý chí tự lực, tự cường, chuyển hóa lòng yêu nước thành động lực thực tiễn để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước.

Không dừng lại ở công tác tư tưởng, tính thuyết phục và hiệu lực lãnh đạo của chủ thể còn được bảo đảm bằng sự nghiêm minh trong công tác xây dựng

Đảng và kiểm soát quyền lực nội bộ. Sự quyết liệt trong công tác làm trong sạch đội ngũ cán bộ là nhân tố then chốt củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chủ thể lãnh đạo. Đảng đã chủ động đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với quyết tâm chính trị cao. Việc kiên quyết thanh lọc bộ máy, siết chặt kỷ cương công vụ là giải pháp thiết thực để bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, củng cố vững chắc Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Sự gương mẫu của đội ngũ tiên phong là cơ sở trực tiếp làm thất bại các âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch; từ đó phát huy mạnh mẽ vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo lập sức mạnh tổng hợp vững chắc phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Sức mạnh tổng hợp ấy tiếp tục được tôi luyện và khẳng định rõ nét trên mặt trận tư tưởng và năng lực tự đề kháng của chủ thể trên môi trường số. Sự chủ động kiểm soát không gian chiến lược và đấu tranh vô hiệu hóa các quan điểm sai trái là một nhân tố quan trọng bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Trước những biến động phức tạp của tình hình quốc tế, công tác văn hóa, tư tưởng được xác định là địa bàn trọng yếu bảo đảm sự ổn định chính trị. Tính hiệu quả trong lãnh đạo của Đảng thể hiện ở việc kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng nền tảng văn hóa nội tại với đấu tranh phản bác trực diện, sắc bén các thông tin xấu độc, âm mưu xuyên tạc lịch sử và chiến lược diễn biến hòa bình trên không gian mạng. Sự tích cực kiểm soát trận địa thông tin này là cơ sở tạo lập định hướng nhận thức bền vững cho quần chúng, góp phần giữ vững an ninh tư tưởng và khẳng định tư duy bảo vệ chủ quyền quốc gia từ sớm, từ xa.

Hai là, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện tốt vai trò quản lý vĩ mô, cụ thể hóa đường lối của Đảng nhằm “phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân..., không ngừng tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc” [70]. Trên lĩnh vực quản lý nhà nước, những kết quả nổi bật trong việc khơi dậy nguồn lực của chủ nghĩa yêu nước gắn liền với tiến trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, từ đó nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. Sự

chuyển biến về mặt thể chế này đã góp phần tạo lập môi trường chính trị - xã hội ổn định, thượng tôn pháp luật, làm cơ sở để khơi dậy tinh thần cống hiến và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chế độ. Thông qua các chính sách vĩ mô, Nhà nước đã tạo điều kiện nâng cao năng lực, phẩm chất và bản lĩnh của thế hệ con người Việt Nam mới; đồng thời hình thành cơ chế bước đầu có hiệu quả để thu hút, phát huy nguồn lực trí tuệ của đội ngũ nhân tài trong và ngoài nước, phục vụ cho các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các ngành công nghệ mũi nhọn bảo vệ Tổ quốc.

Nguyên nhân căn bản của các thành tựu này chính là sự tích cực, chủ động và sáng tạo của Nhà nước thông qua việc vận dụng hệ thống các phương thức sau:

Trước hết, ở tầm vĩ mô, việc thể chế hóa và xây dựng hành lang pháp lý vững chắc là phương thức cốt lõi để kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách xã hội, tạo nhân tố quyết định bảo đảm tính nghiêm minh, hướng đến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Nhà nước đã phát huy hiệu quả vai trò quản lý vĩ mô thông qua việc nâng cao năng lực quản trị quốc gia và xây dựng các thiết chế đồng bộ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cơ chế quản lý công khai, minh bạch này là tiền đề khách quan để định hướng, chuyển hóa tinh thần yêu nước thành nghĩa vụ công dân tự giác; tạo điều kiện tối ưu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời thu hút và phát huy hiệu quả nguồn lực trí tuệ của đội ngũ nhân tài phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Để các thiết chế pháp lý đó đi vào đời sống, năng lực quản trị hành chính và điều tiết nguồn lực của bộ máy nhà nước giữ vai trò then chốt. Việc vận hành hiệu quả cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung là nhân tố trực tiếp thúc đẩy tư duy đổi mới của đội ngũ thực thi công vụ. Bộ máy hành chính đã từng bước hoàn thiện quy trình điều tiết, phân bổ hợp lý các nguồn lực quốc gia gắn liền với việc tối ưu hóa hiệu lực điều hành vĩ mô. Đồng thời, công tác kiểm tra, giám sát và sàng lọc kịp thời những cán bộ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là giải pháp căn cơ để nâng cao tính nghiêm minh của kỷ cương công vụ; từ đó tăng cường năng lực điều phối hệ thống và quy tụ sức mạnh tổng hợp quốc gia phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Sự nghiêm minh của bộ máy hành chính là cơ sở bảo đảm cho việc hiện thực hóa các chính sách xã hội và đổi mới phương thức giáo dục con người. Việc ưu tiên phân bổ nguồn lực vật chất vào các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa và khoa học - công nghệ là nhân tố nền tảng để hiện thực hóa chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam. Thiết chế quản lý nhà nước đã vận hành hiệu quả cơ chế tích hợp, lồng ghép có hệ thống nội dung giáo dục truyền thống lịch sử, giá trị văn hóa và ý thức chủ quyền quốc gia vào hệ thống giáo dục quốc dân. Phương thức giáo dục đồng bộ này là tiền đề khách quan nâng cao bản lĩnh chính trị và phẩm chất của thế hệ công dân mới; từ đó khơi dậy mạnh mẽ tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quốc phòng và các nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Toàn bộ hệ thống quản lý thực tiễn ấy tiếp tục được bảo vệ và mở rộng không gian kiểm soát thông qua công tác quản trị an ninh tư tưởng và nâng cao năng lực nhận thức trên môi trường số. Việc chủ động thiết lập và hoàn thiện khung khổ pháp lý chuyên biệt với các đạo luật then chốt như Luật An toàn thông tin mạng 2015, Luật An ninh mạng 2018, Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước 2018 và Nghị quyết số 22/NQ-CP là nhân tố quyết định nhằm quản lý và tổ chức các hoạt động bảo vệ chủ quyền không gian mạng. Nhà nước đã phát huy hiệu quả vai trò điều tiết thông qua việc ưu tiên đầu tư, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ để hiện đại hóa hệ thống phòng thủ và quy tụ lực lượng chuyên gia tác chiến mạng chất lượng cao. Sự đồng bộ trong tổ chức thực thi này là tiền đề khách quan nâng cao năng lực tự sàng lọc thông tin của cộng đồng; từ đó giữ vững an ninh tư tưởng và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia từ sớm, từ xa trong bối cảnh mới.

Ba là, những đóng góp mang tính nền tảng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc phát huy chủ nghĩa yêu nước thời kỳ Đổi mới được ghi dấu bằng hệ thống thành tựu nổi bật, có sự gắn kết biện chứng từ thay đổi nhận thức đến hành động thực tiễn. Trước hết, trên phương diện nhận thức và ý thức chính trị, hệ thống chủ thể này đã khơi dậy và lan tỏa sâu rộng tinh thần yêu nước cùng nghĩa vụ thiêng liêng đối với quốc gia trong mọi tầng lớp Nhân dân, tạo bước chuyển biến căn bản trong việc nâng cao ý thức trách nhiệm và củng

cố vững chắc niềm tin của xã hội vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Từ sự chuyển biến sâu sắc về hệ tư tưởng đó, Mặt trận đã thúc đẩy người dân nhận thức rõ vị thế, trách nhiệm cá nhân đối với vận mệnh dân tộc, làm tiền đề củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, đặc biệt là thiết lập được thể trận lòng dân kiên cố ngay từ địa bàn cơ sở. Đây chính là gốc rễ để Mặt trận hiện thực hóa thành công việc vật chất hóa nguồn lực tinh thần; chuyển hóa lòng yêu nước từ trạng thái cảm xúc, lý luận thành hành động cách mạng tự giác của quần chúng, từ đó quy tụ, huy động hiệu quả các nguồn lực vật chất, trí tuệ đóng góp trực tiếp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng mạnh mẽ tiềm lực quốc phòng của đất nước.

Những thành quả mang tính chiến lược trên bắt nguồn trực tiếp từ sự tích cực, chủ động và sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức thành viên trong việc đổi mới, vận dụng đồng bộ hệ thống các phương thức hoạt động hướng về nhân dân:

Trước hết, biểu hiện sinh động nhất của tiến trình này nằm ở việc đổi mới phương thức tổ chức hoạt động thực tiễn, thông qua hình thức phát động và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước là một nhân tố quan trọng góp phần phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã chủ động xây dựng các nội dung hoạt động thiết thực, gắn kết hài hòa giữa quyền lợi hợp pháp với trách nhiệm công dân đối với các nhiệm vụ chiến lược của đất nước. Phương thức tiếp cận hướng về cơ sở này tạo điều kiện để người dân chủ động đóng góp công sức, hiến đất làm đường trong phong trào toàn dân xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Sự đồng bộ trong tổ chức thực hiện là cơ sở để quy tụ, tập hợp quần chúng tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời góp phần củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngay từ địa bàn cơ sở.

Để các phong trào hành động thực tiễn đó có chiều sâu và bền vững, Mặt trận và các đoàn thể đã đồng thời chú trọng đổi mới công tác tư tưởng và định hướng dư luận xã hội. Việc đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục chính trị là một nhân tố quan trọng góp phần củng cố niềm tin của quần chúng. Mặt trận

Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã từng bước cải tiến phương thức tiếp cận, gắn công tác tư tưởng với các hoạt động thực tiễn phù hợp với nhu cầu của người dân. Thông qua việc duy trì các không gian văn hóa, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, bồi dưỡng truyền thống cách mạng, kết hợp với phổ biến kịp thời thông tin thời sự, chính sách, hệ thống đoàn thể đã nâng cao hiệu quả giáo dục lý luận chính trị và nhận thức về quốc phòng, an ninh cho công dân. Sự đồng bộ trong phương thức truyền tải này là cơ sở nâng cao bản lĩnh chính trị của các tầng lớp Nhân dân, giữ vững an ninh tư tưởng và tạo sự đồng thuận xã hội ngay từ cơ sở.

Sức mạnh của sự đồng thuận và nhận thức chính trị ấy tiếp tục được khẳng định thông qua phương thức tiếp cận linh hoạt, chủ động ứng phó với những biến động phức tạp của thực tiễn. Việc đổi mới hình thức vận động phù hợp với diễn biến của đời sống xã hội là nhân tố quan trọng nhằm chuyển hóa ý thức chính trị thành hành động thực tiễn của Nhân dân. Các chương trình tuyên truyền được xây dựng gắn liền với vai trò, trách nhiệm của từng giai tầng xã hội, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của từng nhóm đối tượng trong bối cảnh mới. Đặc biệt, trong các giai đoạn ứng phó với thiên tai, dịch bệnh như đại dịch COVID-19 hay siêu bão Yagi, phương thức tiếp cận hướng về cơ sở đã kịp thời khơi dậy tinh thần tương thân tương ái và trách nhiệm xã hội của cộng đồng. Sự linh hoạt trong quá trình điều phối này là cơ sở quy tụ, phát huy mạnh mẽ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo lập nguồn lực nội sinh để giữ vững sự ổn định chiến lược của quốc gia trước các thách thức phi truyền thống.

Bốn là, Nhân dân giữ vị trí trung tâm, là lực lượng quyết định và là chủ thể giữ vai trò quyết định trực tiếp chuyển hóa chủ nghĩa yêu nước từ hệ tư tưởng, đường lối thành sức mạnh thực tiễn vĩ đại để bảo vệ Tổ quốc. Tiến trình thực hiện vai trò trung tâm này trong 40 năm Đổi mới được ghi dấu bằng những thành tựu từ hành động thực tiễn, đến bản lĩnh đối diện thử thách và kết tinh thành hệ giá trị tinh thần bền vững. *Trước hết*, thành tựu mang tính cội nguồn chính là sự dịch chuyển mạnh mẽ từ tư tưởng sang hành động cách mạng tự giác, khi chủ nghĩa yêu nước của các tầng lớp Nhân dân đã hoàn toàn thoát ly khỏi trạng thái nhận

thức thuần túy để trở thành xung lực nội tại chi phối hành vi. Kết quả biểu hiện ở sự khai thông các nguồn lực nội sinh, nơi quần chúng sẵn sàng cống hiến tư liệu sản xuất, quỹ đất và hàng triệu ngày công lao động trong các phong trào kiến tạo không gian sống hiện đại, trực tiếp làm thay đổi tiềm lực kinh tế - xã hội của đất nước từ cơ sở. Từ nền tảng hành động thường nhật đó, khi đối diện với các biến cố lịch sử hay những thử thách phi truyền thống mang tính cấp bách, lòng yêu nước của Nhân dân kết tinh thành một thứ sức mạnh phòng thủ to lớn. Bằng tinh thần dấn thân và năng lực khắc phục nghịch cảnh, Nhân dân đã chủ động sẻ chia cả về sức người lẫn sức của, bám trụ kiên cường tại các lĩnh vực huyết mạch của xã hội trong những thời điểm cam go nhất để bảo vệ an ninh quốc gia và duy trì sự ổn định của đất nước. Những thành tựu này không dừng lại ở sự ứng phó tình huống, mà đã được nâng tầm thành một thành tựu nhân văn sâu sắc: kiến tạo nên một hệ sinh thái nhân ái và đạo đức xã hội xã hội chủ nghĩa. Thông qua việc hiện thực hóa triết lý *không để ai bị bỏ lại phía sau* bằng tinh thần tự nguyện, tự giác đã góp phần định hình nên một xã hội giàu tính trách nhiệm, biến truyền thống tương thân tương ái của cha ông thành một bộ lọc văn hóa tự nhiên và một lá chắn tinh thần kiên cố, bảo vệ vững chắc chế độ và đất nước từ gốc.

Những thành tựu nêu trên không phải là sự ứng phó thụ động, mà bắt nguồn sâu xa từ năng lực chủ thể, sự chủ động và sức sáng tạo của các tầng lớp Nhân dân được khơi dậy, phát huy mạnh mẽ trên các phương diện căn bản của đời sống xã hội:

Trước hết, ở tầng cốt lõi, tiến trình này được định hình bởi sự phát triển của ý thức chính trị và tính chủ động của chủ thể quần chúng, khi nhận thức về đường lối được chuyển hóa thành hành động tự giác của các tầng lớp Nhân dân – một nhân tố quyết định giải phóng các nguồn lực sáng tạo trong xã hội. Nền tảng của tinh thần tự giác này xuất phát từ việc Nhân dân đã chủ động tiếp nhận, kế thừa các giá trị truyền thống lịch sử, đồng thời đồng thuận với đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước để hình thành niềm tin chính trị vững chắc. Khi nhận thức phù hợp với nhu cầu và lợi ích chính đáng của xã hội, tinh thần yêu nước của người dân được thể chế hóa thành trách nhiệm công dân cụ thể đối với nhiệm vụ xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc. Sự thống nhất giữa ý thức và hành động này là tiền đề khách quan phát huy vai trò chủ thể làm chủ của quần chúng, tạo cơ sở để Nhân dân sẵn sàng đóng góp nguồn lực vật chất, trí tuệ và tinh thần, bảo vệ vững chắc nền tảng quốc phòng, an ninh từ cơ sở.

Sự thống nhất giữa ý thức và hành động đó không dừng lại ở trạng thái tinh thần, mà lập tức chuyển hóa thành năng lực thực tiễn thông qua phương thức tự quản và tính chủ động liên kết cộng đồng, đặc biệt trong các trạng thái khẩn cấp. Đây là một nhân tố quan trọng bảo vệ sự ổn định xã hội từ cơ sở. Bản lĩnh thực tiễn của Nhân dân được thể hiện qua khả năng thích ứng linh hoạt và phối hợp hiệu quả trước các thách thức an ninh phi truyền thống. Thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào các biện pháp điều hành vĩ mô, các tầng lớp Nhân dân đã phát huy vai trò chủ thể thông qua việc chủ động hình thành các mô hình tự quản, phối hợp phân bổ và sẻ chia các nguồn lực vật chất, tinh thần tại địa bàn. Sự linh hoạt trong phương thức tự tổ chức này là tiền đề khách quan để phát huy sức mạnh tại chỗ, góp phần giảm thiểu các nguy cơ bất ổn và giữ vững sự ổn định chiến lược của quốc gia trước mọi biến động.

Cuối cùng, mạch vận hành thực tiễn ấy được nuôi dưỡng, bền bỉ bồi đắp bởi chiều sâu của hệ giá trị văn hóa và tâm lý xã hội. Việc duy trì, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống và ý thức trách nhiệm công dân của Nhân dân là nhân tố quan trọng củng cố nền tảng tinh thần bảo vệ Tổ quốc. Trong cấu trúc ý thức xã hội, các chuẩn mực giá trị này định hướng nhận thức và gắn kết trách nhiệm của cá nhân, gia đình với mục tiêu chung của cộng đồng. Bản lĩnh văn hóa được tích lũy qua tiến trình lịch sử là cơ sở nâng cao năng lực nhận thức của quần chúng trước các xu hướng tư tưởng sai lệch. Đồng thời, đây là động lực nội tại thúc đẩy Nhân dân tự nguyện thực hiện nghĩa vụ quốc phòng, cụ thể hóa các giá trị đạo đức xã hội chủ nghĩa thành chuẩn mực ứng xử thường nhật, góp phần củng cố vững chắc thể trận lòng dân từ cơ sở.

Tóm lại, thành tựu phát huy chủ nghĩa yêu nước thành động lực nội sinh bảo vệ Tổ quốc là chỉnh thể, khẳng định sự gắn kết biện chứng giữa: Đảng lãnh đạo, định hướng chính trị; Nhà nước quản lý, kiến tạo thể chế; Mặt trận Tổ quốc

hiệp thương, quy tụ đại đoàn kết; và quần chúng Nhân dân thực thi trực tiếp. Sự đồng tâm giữa ý Đảng, phép nước, lòng dân đã chuyển hóa văn hiến truyền thống thành lá chắn chiến lược bất khả xâm phạm, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của thành tựu phát huy chủ nghĩa yêu nước, giữ vững thể chủ động bảo vệ vẹn toàn Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3.1.1.2. Thành tựu phát huy tinh thần đoàn kết, đồng lòng

Một là, trong tư duy chiến lược của Đảng, đại đoàn kết toàn dân tộc luôn được định vị là đường lối chiến lược xuyên suốt, hàng số sức mạnh và động lực nội sinh quyết định xu hướng phát triển của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với vai trò là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng có tính bước ngoặt trong việc quy tụ, khơi nguồn và gắn kết sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chuyển hóa tinh thần đồng lòng thành nền tảng chính trị - tinh thần vững chắc của chế độ. Sự đóng góp mang tính chiến lược của chủ thể lãnh đạo được khẳng định cụ thể trên ba phương diện căn bản: Đảng đã xác lập mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội thành bộ đỡ tư tưởng nhất quán, phản ánh khát vọng chung của dân tộc và trở thành điểm tương đồng quy tụ mọi tầng lớp, thành phần xã hội. Sự kiên định này, kết hợp với các thành tựu thực tiễn của công cuộc Đổi mới, đã củng cố niềm tin chiến lược của Nhân dân đối với con đường phát triển của đất nước, tạo lập cơ sở vật chất và tinh thần để khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được gia tăng tính bền vững. Thông qua cơ chế điều hòa và cụ thể hóa các quyền, nghĩa vụ hợp pháp, Đảng đã xây dựng mối quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa các giai tầng xã hội, lực lượng vũ trang, các tổ chức tôn giáo, sắc tộc và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Kết quả mang tính cốt lõi, làm tiền đề cho sự đồng thuận xã hội, chính là việc gia cố sự đồng tâm nhất trí trong nội bộ Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng về đạo đức, từ đó thắt chặt mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân dưới hệ giá trị chính trị chung.

Những bước chuyển biến mang tính bước ngoặt trên là kết quả trực tiếp từ quá trình lãnh đạo khoa học, kiên định và tư duy sáng tạo của Đảng thông qua việc vận dụng đồng bộ hệ thống các phương thức phát huy sức mạnh tổng hợp.

Trước hết, nền tảng của sự đồng thuận xã hội được xác lập từ tầm nhìn hoạch định chiến lược và phát triển lý luận, khi Đảng kịp thời cụ thể hóa đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc bằng hệ thống quyết sách toàn diện nhằm hài hòa các quan hệ lợi ích. Đảng đã thể hiện năng lực tư duy chiến lược thông qua việc ban hành các văn kiện chuyên đề định hướng giải quyết các yêu cầu khách quan của thực tiễn, tiêu biểu như các nghị quyết về công tác dân tộc, tôn giáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, các nghị quyết về giai cấp công nhân, nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Ban Chấp hành Trung ương khóa X và Nghị quyết số 43-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Sự đồng bộ trong hệ thống chủ trương này là tiền đề khách quan quy tụ sức mạnh của các giai tầng, lực lượng vũ trang, các tổ chức tôn giáo và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; từ đó củng cố vững chắc sự đồng thuận xã hội và thắt chặt mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong bối cảnh mới.

Để đường lối đại đoàn kết đó trở thành sức mạnh thực chất, sự đoàn kết, thống nhất và trong sạch của bản thân chủ thể lãnh đạo chính là nhân tố quyết định. Định hướng này được xác lập nhất quán, liên tục qua hệ thống văn kiện chiến lược từ Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII đến Nghị quyết Trung ương 4 các khóa XI, XII, XIII nhằm tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Việc đẩy mạnh công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện với quyết tâm chính trị cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Sự gương mẫu, trong sạch của bộ máy lãnh đạo là cơ sở thực tiễn để củng cố niềm tin của Nhân dân, làm thất bại các âm mưu kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Trên cơ sở sự trong sạch và vững mạnh từ nội bộ, hiệu lực lãnh đạo tiếp tục được khẳng định và phát huy thông qua sự nhất quán trong phương thức vận động

quần chúng và tổ chức thực hiện. Đây là một nhân tố quan trọng nhằm duy trì tính chính danh và uy tín thực tiễn của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Sự đồng bộ này được thể hiện qua việc siết chặt kỷ luật nghiêm minh của Đảng gắn liền với tinh thần thượng tôn pháp luật của Nhà nước trong toàn hệ thống chính trị. Tính gương mẫu, minh bạch của chủ thể lãnh đạo là cơ sở để củng cố vững chắc niềm tin chính trị của các tầng lớp Nhân dân. Sự đồng thuận này là tiền đề khách quan chuyển hóa nhận thức đường lối thành hành động thực tiễn tự giác của quần chúng, tạo lập sức mạnh tổng hợp chính trị - tinh thần phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Hai là, Nhà nước đã từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật mang tính đồng bộ, công bằng, làm nền tảng để khối đại đoàn kết, tinh thần đồng thuận, đồng lòng phát triển trong trật tự, kỷ cương. Việc luật hóa một cách thực chất quyền làm chủ của Nhân dân, đã góp phần khơi thông hàm lượng chất xám và thắt chặt mối liên hệ hữu cơ giữa ý Đảng với lòng Dân. Bên cạnh đó, việc thực thi hiệu quả các quyết sách phát triển bao trùm đã cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giải quyết thấu đáo các mâu thuẫn xã hội tại các địa bàn chiến lược, xóa dần khoảng cách phát triển giữa các vùng miền. Đặc biệt, thông qua cải cách mạnh mẽ thiết chế hành chính gắn với tiến trình chuyển đổi số, Nhà nước đã từng bước tối ưu hóa hiệu lực quản trị quốc gia, kiến tạo bộ máy công quyền liêm chính, phục vụ. Sự công khai, nghiêm minh là tác nhân trực tiếp xác lập niềm tin và sự hài lòng của công dân; biến ý thức trách nhiệm chính trị thành đòn bẩy gia cố vững chắc thể trận lòng dân, tạo động lực trực tiếp để hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược: *“phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn”* [41, tr.46].

Hệ thống thành quả nêu trên bắt nguồn trực tiếp từ năng lực quản trị, sự chủ động và những sáng tạo đột phá của Nhà nước trong việc vận dụng các phương thức tổ chức điều hành xã hội, cụ thể là:

Trước hết, ở cấp độ vĩ mô, năng lực quản trị của Nhà nước khẳng định vai trò tiên phong thông qua việc thể chế hóa và xây dựng hành lang pháp lý vững chắc, nhằm bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, cụ thể hóa đường lối

đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng thành các chuẩn mực hành vi xã hội. Nhà nước đã thể hiện năng lực quản lý vĩ mô thông qua việc luật hóa quyền làm chủ của Nhân dân bằng các thiết chế cụ thể, tiêu biểu là Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để công dân tham gia giám sát, xây dựng hệ thống chính trị và kiểm soát quyền lực nhà nước. Cơ chế pháp lý công khai, minh bạch này là tiền đề khách quan để giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích và bảo đảm công bằng xã hội trong thực tiễn. Sự đồng bộ trong thực thi pháp luật là cơ sở củng cố niềm tin của Nhân dân, đưa tinh thần đồng thuận, đồng lòng phát triển ổn định trong trật tự, kỷ cương và nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia.

Để các thiết chế pháp lý đó vận hành hiệu quả trong đời sống, việc tập trung đổi mới năng lực quản trị hành chính và tổ chức thực hiện giữ vai trò điều kiện kiên quyết. Quá trình thực hiện cải cách nền hành chính công vụ theo hướng phục vụ là nhân tố then chốt nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. Thiết chế vĩ mô được tinh gọn theo phương châm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, khắc phục tình trạng chông chéo thông qua việc triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Song hành với đó, việc hoàn thiện cơ chế tương tác hai chiều, tăng cường đối thoại trực tiếp và giải quyết kịp thời các kiến nghị hợp pháp của công dân là cơ sở nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy công quyền. Sự đồng bộ trong quản trị hành chính này là tiền đề khách quan để củng cố niềm tin của các tầng lớp Nhân dân, thắt chặt mối liên hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với xã hội, từ đó góp phần gia cố vững chắc thể trận lòng dân từ cơ sở.

Sự thông suốt của bộ máy hành chính chính là nền tảng để Nhà nước hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược trong điều tiết chính sách kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh. Việc lồng ghép các chương trình phát triển bao trùm gắn liền với hạ tầng số là nhân tố nền tảng để gia cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhà nước đã phát huy hiệu quả vai trò quản lý vĩ mô thông qua việc thực thi đồng bộ ba Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền. Định hướng này được kết hợp

chặt chẽ với việc triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số nhằm bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ công và thông tin bình đẳng của người dân. Sự đồng bộ giữa chính sách phát triển kinh tế với an sinh xã hội là tiền đề khách quan giải quyết các mâu thuẫn lợi ích, củng cố niềm tin của Nhân dân và tạo lập nền tảng vững chắc cho sự đồng thuận xã hội trong tình hình mới.

Ba là, thể hiện vai trò nòng cốt quy tụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã vận hành cơ chế hiệp thương, phối hợp với các thiết chế quyền lực công nhằm chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành xung lực nội sinh bảo vệ Tổ quốc. Trên phương diện xây dựng hệ thống, Mặt trận từng bước khẳng định vai trò cầu nối, nâng cao năng lực giám sát, phản biện xã hội đối với một số lĩnh vực phức tạp, góp phần nâng cao tính liêm chính của bộ máy công quyền và “củng cố, mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự đồng thuận trong xã hội” [156, tr.104]; đồng thời đa dạng hóa phương thức tuyên truyền qua hệ thống truyền thông, đưa chính sách vào đời sống. Trên phương diện hành động thực tiễn, chủ thể này đã phát huy tinh thần đồng lòng thông qua các cuộc vận động mang tính xã hội sâu sắc, nhân văn như *Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, Đề ơn đáp nghĩa, Ngày vì người nghèo, Nghĩa tình hải đảo* gắn với *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, chuyển ý chí thành thực lực vật chất. Đối với lĩnh vực dân tộc, tôn giáo và kiều bào, Mặt trận đóng vai trò quan trọng tạo ra những chuyển biến tích cực, như: thúc đẩy thay đổi diện mạo vùng khó khăn khi “tỷ lệ hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giảm trung bình 3,5%/năm” [136]; tăng cường sự hài hòa giữa Đạo và Đời giúp “đa số chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc” [42, tr.45]; và củng cố sợi dây kết nối nguồn cội với cộng đồng khoảng 6 triệu người Việt Nam ở nước ngoài [69], hướng tới kiến tạo thực thể đại đoàn kết bình đẳng, hòa hợp và đồng thuận.

Những kết quả tích cực nêu trên bắt nguồn từ sự đổi mới phương thức tập hợp, quy tụ các tầng lớp xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên:

Trước hết, vai trò cầu nối gắn kết hệ thống được khẳng định rõ nét thông qua việc tham gia xây dựng hệ thống chính trị, cụ thể là phát huy cơ chế giám sát,

phản biện xã hội nhằm thúc đẩy tính liêm chính của bộ máy lãnh đạo. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã từng bước đổi mới phương thức hoạt động thông qua việc mở rộng các kênh tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, kiến nghị hợp pháp của các tầng lớp Nhân dân. Hoạt động phản biện đối với các dự thảo chủ trương, chính sách được thực hiện chủ động, góp phần bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn của văn bản khi ban hành. Đồng thời, năng lực giám sát xã hội đối với hoạt động thực thi đạo đức công vụ và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ngày càng được nâng cao. Sự đồng bộ trong vận hành cơ chế này là tiền đề khách quan thúc đẩy công tác xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị; từ đó củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân và gia cố thể trận lòng dân từ cơ sở.

Bên cạnh việc tham gia chỉnh đốn hệ thống chính trị, Mặt trận và các đoàn thể đã đồng thời chú trọng đổi mới công tác tư tưởng và định hướng dư luận xã hội. Việc đa dạng hóa hệ thống thông tin, tuyên truyền là nhân tố then chốt nhằm nâng cao năng lực tiếp cận thông tin, tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã từng bước hiện đại hóa công tác truyền thông thông qua việc lồng ghép giữa các phương tiện công nghệ số, mạng xã hội với các hình thức vận động trực quan phù hợp với đặc thù của từng nhóm đối tượng, địa bàn. Sự chuyển biến mang tính đồng bộ này là tiền đề khách quan giúp phổ biến kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đời sống xã hội; từ đó nâng cao nhận thức, khơi dậy tinh thần trách nhiệm của công dân trong việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Sức mạnh lan tỏa về mặt tư tưởng đó tạo nền tảng vững chắc cho các hoạt động phối hợp liên thiết chế và tổ chức thực hiện thực tế, đặc biệt là việc vận hành hiệu quả cơ chế hiệp thương giữa Mặt trận Tổ quốc với các cơ quan quyền lực nhà nước đối với công tác dân tộc, tôn giáo và khiếu nại. Trên từng lĩnh vực đặc thù, Mặt trận đã chủ động phối hợp điều phối nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thúc đẩy mối quan hệ hài hòa giữa hoạt động tôn giáo với đời sống xã hội trên nền tảng thượng tôn pháp luật; đồng thời đa dạng hóa các hình thức liên lạc, thu hút sự đóng góp hướng về tổ quốc của cộng đồng người

Việt Nam ở nước ngoài. Sự đồng bộ trong phương thức tương tác hệ thống này là tiền đề khách quan góp phần phòng ngừa, làm thất bại các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để kích động, chia rẽ của các thế lực thù địch; tạo cơ sở vững chắc để duy trì sự ổn định chính trị - xã hội và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trong tình hình mới.

Bốn là, trong chính thể khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Nhân dân khẳng định vị thế vừa là cội nguồn sức mạnh, vừa là chủ thể trực tiếp chuyển hóa tinh thần đoàn kết, đồng lòng thành động lực vật chất bảo vệ Tổ quốc. Những đóng góp của Nhân dân thời kỳ Đổi mới đã kết tinh thành những kết quả thực tiễn quan trọng, làm nền tảng cho sự ổn định xã hội. Biểu hiện trước hết ở việc tinh thần tương thân tương ái từng bước được nâng tầm, hòa quyện vào nếp sống văn hóa thường nhật và tính tích cực chính trị của công dân. Thay vì thụ hưởng chính sách một cách đơn thuần, quần chúng đã thể hiện vai trò chủ thể thông qua việc vận hành các thiết chế tự quản, các hương ước, quy ước tiến bộ và cơ chế hòa giải ở cơ sở. Việc phát huy hệ thống tự quản này góp phần hóa giải hiệu quả các xung đột lợi ích, tranh chấp dân sinh ngay từ nội bộ cộng đồng khi mâu thuẫn mới manh nha. Dấu ấn khẳng định ý thức chính trị của Nhân dân là sự dịch chuyển rõ nét từ tâm lý thụ động sang tinh thần chủ động kiến tạo đồng thuận; tự nguyện gạt bỏ những khác biệt để đồng lòng hướng tới mục tiêu chung của quốc gia. Đạo lý truyền thống và tình làng nghĩa xóm đã vượt khỏi phạm vi tâm thức dân gian để trở thành nguồn lực có tổ chức, tạo cho cộng đồng năng lực tự đề kháng và khả năng gắn kết chặt chẽ, góp phần hình thành thể trận lòng dân vững chắc trước mọi biến động.

Những thành tựu nêu trên bắt nguồn sâu xa từ sự chủ động và tính sáng tạo tự thân của các tầng lớp Nhân dân - chủ thể quyết định sự thành bại của mọi phong trào thực tiễn trong đời sống xã hội:

Trước hết, ở chiều sâu tâm linh và nhận thức, động lực tự thân này được định hình bởi hệ giá trị văn hóa và tâm lý xã hội vững chắc, nơi việc kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống lịch sử gắn liền với quá trình xây dựng đời sống văn hóa mới đóng vai trò then chốt định hình ý thức đoàn kết của cộng đồng. Các

tầng lớp Nhân dân đã chủ động tiếp biến, tích hợp các chuẩn mực đạo lý truyền thống vào cấu trúc đạo đức xã hội chủ nghĩa, chuyển hóa nhận thức chính trị thành hành vi ứng xử tự giác thường nhật. Trong bối cảnh mới, nền tảng tinh thần này đóng vai trò như một cơ chế tự điều tiết trong đời sống xã hội, giúp mỗi công dân xác lập sự thống nhất giữa quyền lợi cá nhân với trách nhiệm cộng đồng. Sự đồng bộ giữa đạo đức truyền thống và ý thức công dân là tiền đề khách quan khơi dậy tinh thần tương thân tương ái, nâng cao năng lực tự quản của quần chúng tại địa bàn, tạo cơ sở củng cố vững chắc thể trận lòng dân trước mọi biến động.

Sức mạnh của nền tảng tinh thần đó lập tức được hiện thực hóa sinh động thông qua phương thức tổ chức thực hiện, cụ thể là năng lực tự quản dân cư và tính chủ động của Nhân dân tại địa bàn cơ sở nhằm phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ mất ổn định xã hội. Vai trò chủ thể của quần chúng được phát huy hiệu quả thông qua việc chủ động xây dựng, thực thi các quy ước, hương ước cộng đồng phù hợp với khung khổ pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, việc phát huy vai trò của đội ngũ hòa giải viên, người có uy tín tại cộng đồng đã tạo ra cơ chế tự điều tiết, giải quyết kịp thời các tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ cư dân. Sự linh hoạt trong phương thức tự quản này là tiền đề khách quan ngăn chặn các nguy cơ xung đột cục bộ chuyển hóa thành điểm nóng phức tạp; từ đó góp phần giữ vững an ninh chính trị, xã hội và củng cố vững chắc thể trận lòng dân ngay từ địa bàn cơ sở.

Xét đến cùng, nhân tố mang tính quyết định ở tầng sâu của toàn bộ tiến trình này chính là sự trưởng thành vượt bậc về tâm lý chính trị và nhận thức xã hội, được đánh dấu bằng việc xác lập mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích cá nhân với lợi ích quốc gia, dân tộc để tạo nên sự đồng thuận tuyệt đối của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Căn nguyên thúc đẩy việc thống nhất ý chí hướng tới các mục tiêu chiến lược của đất nước xuất phát từ sự phát triển trong tư duy và ý thức công dân của các tầng lớp Nhân dân. Quần chúng đã chủ động gắn kết quyền lợi, nghĩa vụ của cá nhân và gia đình với nhiệm vụ giữ vững chủ quyền, sự ổn định của quốc gia. Sự chuyển biến trong nhận thức chính trị này là tiền đề khách quan để người

dân tự giác đặt lợi ích tối cao của dân tộc lên trên các lợi ích cục bộ; từ đó tạo lập nền tảng tinh thần vững chắc, làm thất bại các âm mưu lợi dụng sự khác biệt để kích động, chia rẽ của các thế lực thù địch và góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Tóm lại, những kết quả chiến lược trong việc khơi dậy tinh thần đoàn kết và xác lập sự đồng thuận xã hội chính là nền tảng cốt lõi bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Động lực tổng hợp này là sản phẩm từ sự vận hành đồng bộ, linh hoạt giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân; từ đó quy tụ thành nguồn lực nội sinh vững chắc để gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia trong tình hình mới.

3.1.1.3. Thành tựu phát huy ý chí tự lực, tự cường; khát vọng hòa bình, độc lập, tự do

Một là, trong tư duy chiến lược và tiến trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giữ vững ngọn cờ lý luận độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xem đây là kim chỉ nam nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do của toàn dân tộc. Bản lĩnh chính trị kiên định, linh hoạt của chủ thể lãnh đạo đã mang lại những kết quả quan trọng, tạo xung lực cho đất nước ứng phó hiệu quả với các biến động phức tạp của bối cảnh quốc tế. Trước hết, về đường lối chiến lược, Đảng từng bước khẳng định năng lực “giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước” [41, tr.135], bảo đảm quyền tự quyết dân tộc trước làn sóng toàn cầu hóa. Nội dung này được cụ thể hóa thông qua việc kiến tạo mô hình nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, giúp đất nước chủ động phân tán rủi ro, hạn chế tình trạng “bị lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác” [41, tr.135]. Song hành với tiềm lực kinh tế, Đảng đã lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân dựa trên nền tảng thế trận lòng dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Đặc biệt, trên mặt trận đối ngoại, ý chí tự lực, tự cường đã thúc đẩy tiến trình hội nhập chủ động, thể hiện qua việc thiết lập mạng lưới quan hệ sâu rộng với 247 chính đảng

ở 111 quốc gia. Những kết quả tổng thể này góp phần khẳng định vị thế tự chủ của Việt Nam trên trường quốc tế, củng cố niềm tin của quần chúng, từng bước chuyển hóa khát vọng hòa bình thành nguồn lực nội sinh để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Những kết quả nêu trên bắt nguồn trực tiếp từ tư duy độc lập và bản lĩnh chính trị của Đảng thông qua việc vận dụng hệ thống các phương thức chỉ đạo, vận hành hệ thống mang tính chiến lược:

Trước hết, cội nguồn sâu xa làm nên bản lĩnh của chủ thể xuất phát từ tư duy lý luận khoa học, nơi việc kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nhân tố cốt lõi định hình bản lĩnh tự lực, tự cường của quốc gia. Đảng đã phát huy hiệu quả năng lực sáng tạo trong vận dụng lý luận vào thực tiễn Đổi mới, bảo đảm tính độc lập, tự chủ trong hoạch định các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Sự nhất quán về mặt tư tưởng này là tiền đề khách quan giúp giữ vững định hướng chiến lược, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và hạn chế các tác động tiêu cực từ những biến động phức tạp của bối cảnh quốc tế. Đây là cơ sở khoa học để chuyển hóa ý thức dân tộc, khát vọng hòa bình thành các hành động thực tiễn tự giác của quần chúng, tạo lập nguồn lực nội sinh vững chắc phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ nền tảng lý luận độc lập đó, bản lĩnh của chủ thể được hiện thực hóa sinh động trong chỉ đạo thực tiễn, đặc biệt là việc triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế nhằm duy trì môi trường hòa bình và bảo vệ tối cao lợi ích quốc gia, dân tộc. Đảng đã chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, tạo cơ sở tháo gỡ các điểm nghẽn về nguồn lực và thu hút ngoại lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phương thức tiếp cận linh hoạt này là tiền đề khách quan giúp đất nước phân tán các rủi ro, giảm thiểu sự lệ thuộc vào các đối tác đơn lẻ, đồng thời bảo đảm quyền tự quyết của quốc gia trước những biến động của bối cảnh toàn cầu hóa. Sự đồng bộ trong chỉ đạo thực

tiền là cơ sở củng cố vững chắc nền tảng an ninh xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước.

Xét đến cùng, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị là điều kiện cốt lõi để bảo đảm tính nhất quán của tư duy lý luận và hiệu lực chỉ đạo thực tiễn độc lập. Việc đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là nhân tố quyết định để bảo vệ sự trong sạch, bản lĩnh độc lập của Đảng và củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân vào chế độ. Việc kiên trì triển khai phương châm không có vùng cấm, không có ngoại lệ đã từng bước thiết lập và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nghiêm minh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Sự chuyển biến trong công tác tự chỉnh đốn này là tiền đề khách quan thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, tính liêm chính của hệ thống công vụ trong thực thi chức trách, nhiệm vụ. Tính đồng bộ trong xây dựng thiết chế kiểm soát quyền lực là cơ sở giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội, tạo nền tảng vững chắc để củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và nâng cao năng lực đối ngoại của đất nước trong bối cảnh mới.

Hai là, với tư cách là trung tâm điều hành và thể chế hóa, Nhà nước khẳng định vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa ý chí tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do thành các chương trình hành động chiến lược; chuyên hóa các giá trị tinh thần của dân tộc thành thực lực và tiềm lực vật chất cụ thể để bảo vệ Tổ quốc. Sự quản trị và tổ chức thực hiện của Nhà nước đã góp phần căn bản tạo lập nền tảng cần thiết cho vị thế độc lập, tự chủ của quốc gia. Trước hết, trên phương diện kinh tế, Nhà nước đã cơ bản giữ vững sự ổn định và thúc đẩy các chỉ số tăng trưởng tích cực: “quy mô kinh tế tăng gấp 12 lần, thu nhập bình quân đầu người tăng 8,3 lần, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 29,5 lần, FDI tăng 22 lần, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% (1993) xuống 2,93% (2023)” [128, tr.5]. Đến nay, với quy mô GDP đạt 430 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 4.285 USD, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 683 tỷ USD, xuất siêu gần 28 tỷ USD và giá trị thương hiệu quốc gia đạt 431 tỷ USD - xếp thứ 32/100 trên thế giới [142], Việt Nam khẳng định vị thế là nền kinh tế lớn thứ 5 trong ASEAN và thứ 35 trên thế giới, thoát

khỏi nhóm nước thu nhập thấp và hướng tới mục tiêu đạt mức thu nhập trung bình cao vào năm 2030 [162]. Song hành với thực lực kinh tế, hoạt động đối ngoại đa phương được Nhà nước đẩy mạnh và đạt những chuyển biến rõ nét khi thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia; quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện với 30 nước bao gồm 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, G7 và ASEAN [128, tr.4]; cùng mối quan hệ với nghị viện của hơn 140 nước và là thành viên của hơn 70 tổ chức, diễn đàn đa phương toàn cầu [2]. Những kết quả này, kết hợp cùng tiến trình xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đã tạo nên tiềm lực chiến lược quan trọng, khẳng định bản lĩnh của một dân tộc yêu chuộng hòa bình nhưng có đầy đủ năng lực cảnh giác để bảo vệ vẹn toàn chủ quyền quốc gia từ sớm, từ xa.

Những kết quả nêu trên bắt nguồn từ năng lực quản trị và tư duy chiến lược của Nhà nước trong việc vận hành các phương thức điều hành, huy động nguồn lực quốc gia:

Trước hết, năng lực quản trị vĩ mô của Nhà nước khẳng định vai trò nền tảng thông qua việc thể chế hóa mô hình phát triển tự chủ gắn liền với hội nhập quốc tế, nhằm huy động và tích lũy tối đa các nguồn lực vật chất của đất nước. Nhà nước đã cụ thể hóa đường lối kinh tế của Đảng thành hệ thống chính sách, giải pháp quản trị phù hợp, nâng cao năng lực thích ứng của nền kinh tế trước các biến động thị trường toàn cầu. Phương thức điều hành vĩ mô được triển khai đồng bộ thông qua việc giữ vững kỷ cương tài chính, bảo đảm các cân đối lớn trong nước, đồng thời chủ động mở rộng đàm phán và thực thi các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương thế hệ mới. Sự phối hợp chiến lược này là tiền đề khách quan để thắt chặt mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế, tối ưu hóa nguồn nội lực và ngoại lực; từ đó tạo cơ sở gia tăng quy mô GDP, nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu và củng cố tiềm lực vật chất phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Sự phát triển của tiềm lực vật chất là điều kiện cốt lõi để Nhà nước triển khai hiệu quả công tác quản trị xã hội và phát triển nhân tố con người. Việc thực hiện hệ thống chính sách an sinh xã hội bao trùm gắn liền với định hướng giáo dục

ý thức tự cường là một nhân tố quan trọng nhằm phát huy các nguồn lực nội sinh của đất nước. Nhà nước đã cụ thể hóa đường lối xã hội của Đảng thông qua việc hoàn thiện các thiết chế an sinh, chú trọng cơ chế trợ giúp nhóm đối tượng yếu thế và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân và củng cố sự đồng thuận xã hội. Định hướng này được kết hợp chặt chẽ với chiến lược nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ, ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sự đồng bộ trong quản lý phát triển xã hội này là tiền đề khách quan nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước chuyển hóa năng lực trí tuệ của con người Việt Nam thành tiềm lực chiến lược phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tổng hòa sức mạnh vật chất và nguồn lực con người nêu trên luôn gắn liền hữu cơ với việc tăng cường năng lực quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Tiến trình xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại là một nhân tố quan trọng nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Nhà nước đã cụ thể hóa đường lối bảo vệ Tổ quốc của Đảng thông qua việc ưu tiên đưa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, tạo lập thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Phương thức quản lý nhà nước về quốc phòng được triển khai đồng bộ bằng việc kiên trì chủ trương giải quyết các bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại quốc phòng và an ninh. Sự đồng bộ trong chỉ đạo chiến lược này là tiền đề khách quan nâng cao năng lực cảnh giác, chủ động nhận diện, xử lý các nguy cơ thách thức từ sớm, từ xa, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Ba là, nhận thức rõ vị trí của thế hệ trẻ là lực lượng rường cột đối với tương lai quốc gia, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã phát huy vai trò trong việc định hướng, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng cống hiến,

chuyển hóa nhận thức chính trị thành hành động thực tiễn. Kết quả nổi bật là việc phát huy tinh thần vượt khó, lập thân, lập nghiệp của thanh niên gắn với tiến trình đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Điển hình trong giai đoạn 2017 - 2022, thông qua Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, hệ thống tổ chức này đã triển khai 1.453 cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp, thu hút hơn 223.000 lượt thanh niên với gần 13.900 ý tưởng được đề xuất; đồng thời hình thành mạng lưới hơn 4.500 câu lạc bộ thanh niên làm kinh tế và hỗ trợ giảm nghèo cho hơn 85.000 hộ thanh niên [153]. Những kết quả thực tiễn đó không chỉ thúc đẩy lực lượng lao động trẻ tích cực học tập, làm chủ khoa học công nghệ, mà còn góp phần nâng tầm vị thế của Việt Nam trên bảng xếp hạng quốc tế: vị trí 48/132 quốc gia theo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII 2022) và thứ 54 về hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu [12].

Những kết quả thực tiễn trên bắt nguồn từ sự tích cực và đổi mới trong phương thức vận động, tổ chức của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức thành viên nhằm khơi dậy năng lực sáng tạo của quần chúng, trọng tâm là lực lượng lao động trẻ:

Trước hết, trên phương diện nhận thức, phương thức vận động của Mặt trận và các đoàn thể khẳng định tính định hướng chiến lược thông qua công tác tư tưởng chính trị, nơi việc xác lập lý tưởng gắn liền với xây dựng niềm tin chiến lược cho thế hệ trẻ là tiền đề tất yếu để phát huy tính tích cực xã hội của quần chúng. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, trọng tâm là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đã đổi mới phương thức giáo dục lý luận thông qua việc tích hợp yêu cầu giữ vững độc lập, chủ quyền dân tộc với nhu cầu lập thân, lập nghiệp, phát triển năng lực của cá nhân. Việc khơi dậy ý thức trách nhiệm công dân trong bối cảnh phát triển kinh tế số là tiền đề khách quan chuyển hóa nhận thức chính trị thành các hành động thực tiễn cụ thể. Sự chuyển biến về tư duy này là cơ sở thúc đẩy thế hệ trẻ chủ động tiếp cận khoa học công nghệ, ứng dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực khởi nghiệp; từ đó đóng góp hiệu quả vào sự nghiệp phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Từ sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức tư tưởng đó, vai trò cầu nối của Mặt trận tiếp tục được hiện thực hóa sinh động trong tổ chức thực tiễn, thông qua

việc xây dựng các không gian khoa học và thiết lập cơ chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển hóa tinh thần tự lực, tự cường thành năng lực hành động. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đã đổi mới phương thức hoạt động thông qua việc triển khai các mô hình hỗ trợ khởi nghiệp đồng bộ, phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế số. Việc duy trì và mở rộng hệ thống các câu lạc bộ thanh niên làm kinh tế, các diễn đàn ý tưởng sáng tạo là tiền đề khách quan để sàng lọc, ứng dụng tri thức khoa học vào đời sống kinh tế - xã hội. Sự kết hợp giữa định hướng cơ chế và hoạt động thực tiễn này là cơ sở nâng cao năng lực làm chủ công nghệ của lực lượng lao động trẻ, tạo động lực nội sinh thúc đẩy sự phát triển bền vững của hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế.

Sức mạnh thực tiễn của các mô hình hành động trên chỉ có thể phát huy tính bền vững khi được gắn kết hữu cơ với các giải pháp bảo đảm an sinh và công bằng phát triển. Việc phát huy các mô hình liên kết kinh tế ngang gắn với cơ chế trợ giúp nhóm đối tượng yếu thế là một nhân tố quan trọng nhằm nâng cao sức mạnh nội sinh của lực lượng lao động trẻ. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đã cụ thể hóa định hướng phát triển xã hội bằng việc xây dựng, vận hành các câu lạc bộ kinh tế tại cơ sở, tạo lập thiết chế chia sẻ nguồn lực, thông tin kỹ thuật và kỹ năng quản trị hiện đại. Song hành với cơ chế hợp tác này, việc triển khai các chương trình hỗ trợ giảm nghèo đa chiều cho các hộ gia đình thanh niên khó khăn là tiền đề khách quan nhằm tháo gỡ các rào cản về vốn và năng lực tiếp cận thị trường. Sự đồng bộ trong phương thức tổ chức và hỗ trợ an sinh này là cơ sở thúc đẩy tính tự chủ của các chủ thể kinh tế, từng bước chuyển hóa các giá trị tinh thần thành năng lực sản xuất vật chất thực tiễn, góp phần giữ vững sự ổn định xã hội từ cơ sở.

Bốn là, Nhân dân là lực lượng trực tiếp chuyển hóa ý chí tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do từ giá trị tinh thần thành thực lực tổng hợp của quốc gia. Vai trò của Nhân dân trong việc hiện thực hóa tinh thần tự cường thời kỳ Đổi mới được thể hiện qua những kết quả thực tiễn quan trọng, làm thay đổi rõ nét nội lực của đất nước. Biểu hiện trước hết là khát vọng hòa bình và tinh thần tự lực đã thấm sâu vào đời sống, trở thành động lực thúc đẩy hành vi của mỗi

người dân trên các lĩnh vực xã hội. Ý chí tự cường được quần chúng cụ thể hóa bằng tinh thần đổi mới sáng tạo trong lao động, nỗ lực giảm nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng. Minh chứng cho kết quả này là sự hình thành, phát triển của các điển hình nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, đội ngũ công nhân lành nghề và cộng đồng doanh nghiệp từng bước tiếp cận thị trường quốc tế. Sự chuyển biến này khẳng định bản lĩnh tự chủ của người dân trên mặt trận kinh tế, góp phần giảm thiểu nguy cơ tụt hậu của nền kinh tế. Đặc biệt, kết quả còn ghi dấu ấn ở tinh thần hiếu học, sự chủ động tiếp cận tri thức và công nghệ số của các tầng lớp cư dân. Chính sự nâng cao về cả tiềm lực kinh tế lẫn trình độ nhận thức của mỗi cá nhân, cộng đồng đã góp phần gia tăng sức mạnh tổng hợp, tạo cơ sở thực tiễn để đất nước giữ vững tính tự chủ và bảo vệ vẹn toàn chủ quyền Tổ quốc.

Những kết quả nêu trên không mang tính ngẫu nhiên, mà bắt nguồn từ năng lực và ý thức chủ động của các tầng lớp Nhân dân được phát huy trong thực tiễn:

Trước hết, ở tầng gốc rễ của hoạt động lịch sử, tính năng động chủ quan của quần chúng khẳng định vai trò động lực cốt lõi thông qua sự chuyển biến sâu sắc trong tâm lý xã hội và nhận thức chính trị - kinh tế. Sự thay đổi trong tư duy kinh tế và ý thức tự lực, tự cường là tiền đề căn bản nhằm giải phóng và phát huy tối đa tiềm lực sản xuất của các tầng lớp Nhân dân. Căn nguyên thúc đẩy tính chủ động này xuất phát từ việc người dân đã xác lập mối quan hệ biện chứng giữa nghĩa vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia với nhiệm vụ xây dựng thực lực kinh tế của từng cá nhân, gia đình và cộng đồng. Nhận thức chính trị này là tiền đề khách quan chuyển hóa tinh thần yêu nước truyền thống thành hành vi kinh tế tự giác, thôi thúc quần chúng tích cực học tập, nâng cao trình độ tri thức và chủ động ứng dụng công nghệ số vào lao động sản xuất. Sự đồng bộ giữa phát triển năng lực cá nhân và trách nhiệm xã hội là cơ sở hình thành đội ngũ lao động lành nghề, cộng đồng doanh nghiệp tự chủ, từ đó gia tăng sức mạnh tổng hợp và củng cố nền tảng kinh tế phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Từ sự chuyển biến căn bản về mặt nhận thức kinh tế đó, năng lực thực tiễn của Nhân dân tiếp tục được cụ thể hóa thông qua việc chủ động tiếp cận và làm chủ tri thức số. Đây là điều kiện tiên quyết nhằm nâng cao năng lực tự chủ công nghệ

của các tầng lớp cư dân trước các yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bản lĩnh thực tiễn của người lao động được khẳng định thông qua quá trình tự học, tự nâng cao trình độ và khả năng thích ứng linh hoạt trong môi trường số. Các lực lượng từ công nhân, nông dân đến đội ngũ trí thức đã chủ động ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật vào đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh. Sự đồng bộ trong phương thức tiếp cận tri thức này là tiền đề khách quan thúc đẩy năng suất lao động xã hội, hình thành tư duy độc lập, tự chủ của mỗi công dân; từ đó góp phần gia tăng sức mạnh tổng hợp, giữ vững tính độc lập, tự chủ về công nghệ của quốc gia và bảo đảm thể chủ động trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Xét đến cùng, toàn bộ tiến trình chuyển hóa từ nhận thức đến hành động thực tiễn nêu trên chỉ có thể duy trì tính bền vững khi dựa trên cơ chế giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích và động lực phát triển. Sự gắn kết biện chứng giữa lợi ích, khát vọng vươn lên của cá nhân với mục tiêu phát triển chung của dân tộc chính là cơ sở cốt lõi bảo đảm tính vững chắc của thể trận lòng dân. Sự thống nhất này được cụ thể hóa khi sự tiến bộ, phát triển năng lực của mỗi công dân đóng vai trò làm nền tảng gia tăng tiềm lực kinh tế - xã hội và năng lực tự vệ của quốc gia. Đây là tiền đề khách quan kết nối các nguồn lực riêng lẻ thành sức mạnh tổng hợp của toàn thể cộng đồng trong bối cảnh mới. Sự đồng bộ trong cơ chế kết hợp lợi ích này là cơ sở khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tự cường xã hội, nâng cao khả năng quản trị rủi ro trước các tác động tiêu cực từ bên ngoài; từ đó góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, những thành tựu trên là kết quả của việc vận hành đồng bộ hệ thống chính trị nhằm chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành nguồn lực nội sinh thực tiễn. Trong đó, Đảng định hướng chiến lược và tự chỉnh đốn; Nhà nước kiến tạo thực lực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại; Mặt trận và các đoàn thể khơi dậy xung lực công hiến; Nhân dân phát huy tính chủ thể tự lực và trí tuệ. Sự cộng hưởng này xác lập chính thể sức mạnh tổng hợp, kết hợp thể trận lòng dân với tiềm lực hiện đại, đảm bảo năng lực chủ động chiến lược trong việc nhận diện và hóa giải mọi nguy cơ đối với an ninh và chủ quyền quốc gia từ sớm, từ xa.

3.1.1.4. Thành tựu phát huy nghệ thuật quân sự

Một là, trong tiến trình lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang và nền quốc phòng toàn dân. Kết quả quan trọng của Đảng chính là việc nâng tầm và từng bước hiện đại hóa nghệ thuật quân sự dân tộc, cụ thể hóa thành đường lối quân sự khoa học, làm cơ sở vững chắc bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Tư duy chiến lược độc lập, tự chủ của chủ thể lãnh đạo đã mang lại những bước chuyển biến rõ nét trong phát huy nghệ thuật quân sự thời kỳ Đổi mới. *Trước hết*, Đảng đã xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận quốc phòng và định hướng chiến lược về bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn đất nước cùng bối cảnh quốc tế. Nội dung này được cụ thể hóa bằng việc nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị và xã hội, xác định nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là “nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên,... trong đó Quân đội và Công an là nòng cốt” [41, tr.156]. *Về mặt thực tiễn*, kết quả thể hiện qua việc hình thành thể trận quốc phòng toàn dân gắn kết với thể trận an ninh nhân dân, trọng tâm là xây dựng thể trận lòng dân dựa trên sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng Dân; phát huy vai trò của mỗi người dân và địa phương trong thiết lập thể trận phòng thủ phù hợp nhằm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. *Đặc biệt*, trước xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đảng đã lãnh đạo chuyển đổi lý luận quân sự từ tư duy phòng thủ truyền thống sang định hướng chiến lược *phòng thủ chủ động gắn với công nghệ cao*. Biểu hiện cụ thể là việc ứng dụng khoa học hiện đại vào phát triển phương tiện, khí tài; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, góp phần giữ vững tính chủ động trên các không gian tác chiến.

Những thành quả trên là kết quả trực tiếp từ tinh thần chủ động, tư duy sáng tạo và năng lực dự báo chiến lược của Đảng thông qua việc vận dụng đồng bộ các phương thức chỉ đạo, điều hành hệ thống:

Trước hết, trong công tác xây dựng Đảng, việc giữ vững nguyên tắc lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện và trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân là nhân tố cốt lõi để bảo vệ bản lĩnh chính trị và định hướng chiến

lược của các tổ chức quân sự, an ninh. Đảng đã phối hợp chặt chẽ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng với việc nâng cao năng lực tư duy lý luận, từng bước hoàn thiện đường lối quân sự và nghệ thuật quân sự dân tộc thích ứng trước bối cảnh mới. Cơ chế lãnh đạo này là tiền đề khách quan để thể chế hóa các quyết sách quốc phòng, chuyển trọng tâm từ tư duy phòng thủ truyền thống sang định hướng chiến lược phòng thủ chủ động gắn với công nghệ cao trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sự đồng bộ giữa xây dựng nhân tố con người và đổi mới tư duy chiến lược là cơ sở khoa học để triển khai hiệu quả các giải pháp xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo đảm năng lực làm chủ các không gian tác chiến và bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Từ sự kiên định về mặt nguyên tắc tổ chức đó, năng lực của chủ thể lãnh đạo được cụ thể hóa sinh động trong công tác hoạch định chiến lược, nơi việc nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo khoa học và phối hợp phát huy sức mạnh tổng hợp là điều kiện tiên quyết nhằm duy trì tính chủ động chiến lược của quốc gia. Đảng đã chỉ đạo vận hành hệ thống chính trị thực hiện đồng bộ phương châm kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội và mở rộng hoạt động đối ngoại. Trên cơ sở phân tích, dự báo sớm các diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực, chủ thể lãnh đạo đã kịp thời bổ sung, hoàn thiện đường lối quân sự, nghệ thuật quân sự phù hợp với điều kiện thực tiễn. Sự chuyển biến trong tư duy chiến lược này là tiền đề khách quan để chủ động phòng ngừa, ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống; từ đó kiểm soát tốt các nguy cơ xung đột, giữ vững thế trận lòng dân và kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Sức mạnh của tư duy chiến lược nêu trên chỉ có thể phát huy tối đa hiệu lực thực tiễn khi được bảo đảm bằng tiến trình hiện đại hóa kỹ thuật quân sự và phát triển công nghiệp quốc phòng. Định hướng chiến lược phát triển lực lượng vũ trang gắn liền với ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ cao là cơ sở then chốt nhằm nâng cao năng lực tác chiến hiện đại. Đảng đã chỉ đạo tích hợp đồng bộ các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào lĩnh vực quân sự, quốc

phòng; ưu tiên phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng tự lực, tự cường, lưỡng dụng. Phương thức tổ chức thực hiện được cụ thể hóa qua việc gắn kết phát triển hạ tầng số với nâng cao năng lực tác chiến điện tử (EW), bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng (Cyber Space) và xây dựng hệ thống chỉ huy, kiểm soát, máy tính, tình báo, giám sát và trinh sát thông minh (C4ISR). Sự chuyển biến mang tính đột phá về mặt kỹ thuật này là tiền đề khách quan để tối ưu hóa thể trận phòng thủ, nâng cao khả năng cơ động, sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng; từ đó bảo đảm giữ vững thể chủ động chiến lược và bảo vệ vẹn toàn chủ quyền quốc gia từ sớm, từ xa.

Hai là, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định vai trò trong việc cụ thể hóa đường lối quân sự của Đảng, chuyên hóa các nguyên lý nghệ thuật quân sự dân tộc thành sức mạnh thực tiễn đồng bộ để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Sự quản lý và tổ chức triển khai của Nhà nước đã mang lại những kết quả chiến lược quan trọng, tạo bước chuyển biến về chất trong tiềm lực quốc phòng toàn diện của đất nước. *Trước hết*, Nhà nước đã thực hiện mô hình xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp cận vũ khí công nghệ cao, thúc đẩy khoa học - công nghệ quân sự và đào tạo đội ngũ cán bộ chiến lược đáp ứng yêu cầu mới. Những kết quả này được gắn kết với việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững mạnh từ cơ sở, quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm chủ động phòng ngừa các nguy cơ an ninh. *Đồng thời*, Nhà nước đã đạt được những bước tiến trên mặt trận đối ngoại quốc phòng và hợp tác quân sự quốc tế, góp phần tranh thủ các nguồn lực, công nghệ của nhân loại, đồng thời khẳng định uy tín, trách nhiệm của Việt Nam tại các cơ chế đa phương. Tổng hòa các yếu tố đó đã góp phần trực tiếp giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, nâng cao năng lực ngăn ngừa xung đột và bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Những kết quả nêu trên bắt nguồn trực tiếp từ năng lực thể chế hóa, tinh thần trách nhiệm và tư duy quản lý của Nhà nước trong việc vận hành đồng bộ các phương thức điều hành, phối hợp nguồn lực quốc gia:

Trước hết, ở tầm vĩ mô, năng lực quản lý nhà nước khẳng định vai trò bệ đỡ thông qua công tác thể chế hóa pháp lý, nhằm cụ thể hóa kịp thời đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng thành hệ thống chính sách, pháp luật đồng bộ – nền tảng pháp quy cốt lõi để phát huy thực lực tổng hợp của quốc gia. Nhà nước đã hoàn thiện và thực thi hiệu quả hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo đảm cơ chế vận hành thông suốt của nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Phương thức quản lý nhà nước được triển khai đồng bộ qua việc ưu tiên phân bổ nguồn lực cho nghiên cứu khoa học quân sự, ứng dụng vũ khí công nghệ cao và chuẩn hóa công tác đào tạo đội ngũ cán bộ chiến lược. Sự điều hành thể chế này là tiền đề khách quan để kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục quốc phòng toàn dân với mở rộng hoạt động đối ngoại quốc phòng, hợp tác quân sự quốc tế; từ đó củng cố thế trận lòng dân vững mạnh từ cơ sở, nâng cao năng lực ngăn ngừa xung đột và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia từ sớm, từ xa.

Để các thiết chế pháp lý đó đạt được hiệu lực thực tế, việc kết hợp chặt chẽ giữa kết cấu phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh giữ vai trò then chốt nhằm nâng cao tiềm lực quốc phòng tại chỗ. Nhà nước đã thể chế hóa phương châm chiến lược này thông qua việc lồng ghép các mục tiêu quốc phòng vào quy hoạch tổng thể, các chương trình mục tiêu quốc gia và dự án phát triển kinh tế tại các địa bàn trọng điểm như khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phương thức tổ chức triển khai đồng bộ này là tiền đề khách quan để gắn kết nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống dân sinh với xây dựng thế trận phòng thủ vững chắc. Sự tích hợp giữa các thành phần phát triển là cơ sở khoa học để củng cố các khu vực phòng thủ các cấp, gia tăng tiềm lực vật chất và tinh thần tại chỗ, từ đó giữ vững ổn định chính trị - xã hội ngay từ địa bàn cơ sở.

Song song với việc củng cố nội lực từ bên trong, năng lực quản trị của Nhà nước tiếp tục được mở rộng thông qua công tác đối ngoại quốc phòng và hợp tác quân sự quốc tế. Đây là cơ sở tất yếu nhằm chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng và thực thi trách nhiệm tại các cơ chế đa phương, tạo lập môi trường thuận lợi để bảo

vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Nhà nước đã cụ thể hóa đường lối đối ngoại của Đảng thông qua việc triển khai đồng bộ các chương trình hợp tác quốc phòng song phương và đa phương, tạo điều kiện tiếp cận các thành tựu khoa học - công nghệ quân sự hiện đại và kinh nghiệm quản trị tiên tiến của nhân loại. Việc tham gia tích cực, trách nhiệm vào các định chế an ninh khu vực, toàn cầu và hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc là tiền đề khách quan để củng cố lòng tin, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của đất nước. Sự kết hợp chặt chẽ giữa ngoại giao và quốc phòng này là cơ sở khoa học để gia tăng năng lực tự vệ vĩ mô, nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia, từ đó chủ động ngăn ngừa các nguy cơ xung đột và bảo vệ vững chắc chủ quyền dân tộc.

Ba là, trong vận dụng và phát huy nghệ thuật quân sự của dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã khẳng định vai trò hạt nhân trong việc quy tụ, xây dựng bộ đỡ chính trị - tinh thần và tổ chức để quần chúng tham gia củng cố nền quốc phòng toàn dân từ cơ sở. Kết quả nổi bật trước hết là việc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân, qua đó góp phần gia tăng niềm tin của xã hội, tạo lập nền tảng chính trị - tinh thần cho thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Nội dung này được cụ thể hóa bằng sự nâng cao về ý thức trách nhiệm công dân, khơi dậy tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ đối với chủ quyền biên giới, hải đảo quốc gia. Bên cạnh đó, Mặt trận đã phối hợp có hiệu quả trong xây dựng, nâng cao chất lượng các lực lượng quần chúng, trọng tâm là lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên tại địa bàn dân cư, góp phần duy trì trạng thái sẵn sàng ứng phó tại cơ sở. Tổng hòa các yếu tố đó bảo đảm cho hệ thống quốc phòng toàn dân được vận hành thông suốt, đồng bộ ngay từ cấp cơ sở, tạo nên nguồn lực nội sinh trực tiếp góp phần bảo vệ vẹn toàn lợi ích quốc gia - dân tộc.

Những kết quả nêu trên bắt nguồn từ tinh thần trách nhiệm, phương thức tiếp cận và tư duy tổ chức của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức thành viên:

Trước hết, trong công tác tư tưởng chính trị và bảo đảm lợi ích xã hội, phương thức vận động của Mặt trận khẳng định vai trò nền tảng thông qua việc

gắn liền tuyên truyền, giáo dục với chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhân dân, tạo lập cơ sở chính trị - tinh thần vững chắc cho nền quốc phòng toàn dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã triển khai công tác vận động quốc phòng, an ninh trong mối quan hệ biện chứng với việc giải quyết các nhu cầu dân sinh chính đáng của quần chúng tại cơ sở. Phương thức tiếp cận này giúp xác lập nhận thức hệ thống về sự thống nhất giữa nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia với việc duy trì ổn định đời sống của từng gia đình và cộng đồng cư dân. Sự phối hợp đồng bộ giữa bảo đảm an sinh và nâng cao nhận thức pháp luật là tiền đề khách quan kích hoạt tính tự giác của công dân, tạo cơ sở để chuyển hóa các nguyên lý nghệ thuật quân sự dân tộc thành hành động thực tiễn củng cố thể trận lòng dân vững chắc từ địa bàn dân cư.

Từ nền tảng chính trị - tinh thần được thiết lập vững chắc đó, vai trò của Mặt trận tiếp tục được cụ thể hóa sinh động trong tổ chức hành động, nơi việc xây dựng và triển khai các phong trào thi đua yêu nước giữ vai trò động lực thúc đẩy nhằm phát huy tối đa các nguồn lực vật chất, tinh thần, nhất là tinh thần tự lực của quần chúng. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã cụ thể hóa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bằng việc tích hợp các mục tiêu chiến lược vào các cuộc vận động chính trị - xã hội mang tính hệ thống tại địa bàn dân cư. Phương thức tổ chức thực hiện được triển khai đồng bộ thông qua các chương trình hướng về biên giới, hải đảo gắn liền với hoạt động đền ơn đáp nghĩa, tạo cơ sở thắt chặt mối quan hệ đoàn kết giữa quân đội và nhân dân. Sự đồng bộ trong phối hợp hành động này là tiền đề khách quan để huy động hiệu quả nguồn lực tài chính, vật chất tại chỗ, nâng cao chất lượng các lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; từ đó gia tăng tiềm lực quốc phòng nội sinh và bảo đảm tính liên tục, vững mạnh của thể trận quốc phòng toàn dân từ cơ sở.

Sức mạnh của các phong trào hành động thực tiễn nêu trên chỉ có thể phát huy hiệu lực bền vững khi gắn kết hữu cơ với công tác xây dựng lực lượng và giám sát thể chế tại chỗ. Đây là giải pháp căn cơ bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống quốc phòng toàn dân từ cơ sở. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đã

cụ thể hóa chức năng giám sát thông qua việc phối hợp với các cơ quan chức năng trong quy trình tuyên truyền, tuyển chọn công dân nhập ngũ và nâng cao chất lượng chính trị, tổ chức cho lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên tại địa phương. Việc giám sát thực thi Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật Dân quân tự vệ là tiền đề khách quan để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, củng cố lòng tin chiến lược và tạo sự đồng thuận xã hội. Sự đồng bộ trong cơ chế phối hợp và giám sát này là cơ sở khoa học nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu, tăng cường khả năng thích ứng của lực lượng vũ trang quần chúng; từ đó tối ưu hóa thể trận phòng thủ chủ động và bảo vệ vững chắc an ninh hệ thống ngay từ địa bàn cơ sở.

Bốn là, Nhân dân giữ vị trí trung tâm, là lực lượng trực tiếp chuyển hóa các định hướng chiến lược thành thể trận phòng thủ trên thực địa để bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Vai trò của Nhân dân trong việc hiện thực hóa nghệ thuật quân sự thời kỳ Đổi mới được thể hiện qua những kết quả thực tiễn quan trọng, góp phần hình thành nền tảng phòng thủ vững chắc của quốc gia. Kết quả trước hết là việc chuyển hóa ý thức cảnh giác cách mạng từ nhận thức thành hành động tự giác của mỗi công dân, góp phần thiết lập thể trận an ninh nhân dân rộng khắp để chủ động phát hiện, ngăn ngừa các nguy cơ bất ổn từ cơ sở. Tại các địa bàn biên giới, hải đảo, sự hiện diện dân sự của người dân đã góp phần kiến tạo thể trận quốc phòng toàn dân gắn với phòng thủ dân sự, bảo vệ vẹn toàn chủ quyền lãnh thổ bằng phương thức hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế. Thông qua hoạt động thực tiễn, quần chúng đã cụ thể hóa đường lối của Đảng thành hệ thống phòng thủ nhiều tầng nấc, kết hợp với các lực lượng vũ trang tạo thành một khối thống nhất, chuyển hóa sự đồng thuận chính trị thành sức mạnh tổng hợp trên thực tế. Chính tính chủ động của Nhân dân đã hỗ trợ quốc gia duy trì năng lực tự bảo vệ, ứng phó linh hoạt trước các thách thức an ninh ngay từ khi mới phát sinh.

Những kết quả quốc phòng toàn dân nêu trên bắt nguồn từ năng lực nhận thức và ý thức chủ động của các tầng lớp Nhân dân được phát huy trong thực tiễn:

Trước hết, ở tầng bản chất của nhân tố con người, tính năng động chủ quan của quần chúng khẳng định vai trò động lực gốc rễ thông qua sự chuyển biến sâu

sắc trong tâm lý xã hội và nhận thức chính trị. Ý thức về vai trò chủ thể của quần chúng đối với chủ quyền quốc gia là tiền đề căn bản nhằm khơi dậy trách nhiệm công dân và tinh thần cảnh giác cách mạng của Nhân dân. Căn nguyên thúc đẩy tính tự giác này xuất phát từ việc quán triệt và hiện thực hóa quan điểm *dân là gốc* vào thực tiễn quản lý xã hội, giúp quần chúng xác lập mối quan hệ biện chứng giữa quyền lợi làm chủ với nghĩa vụ đối với sự ổn định chiến lược của thể chế. Nhận thức chính trị này là tiền đề khách quan để chuyển hóa tinh thần yêu nước truyền thống thành hành vi an ninh tự giác của mỗi công dân. Sự đồng bộ giữa nhận thức địa vị chủ thể và trách nhiệm xã hội là cơ sở thúc đẩy quần chúng chủ động phối hợp với các lực lượng vũ trang nhân dân, kịp thời cung cấp thông tin chiến lược để phòng ngừa các nguy cơ bất ổn và giữ vững an ninh trật tự ngay từ địa bàn cơ sở.

Từ sự chuyển biến căn bản về mặt nhận thức chính trị đó, năng lực thực tiễn của Nhân dân tiếp tục được cụ thể hóa thông qua phương thức kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động sản xuất dân sinh với các yêu cầu của nhiệm vụ quốc phòng. Đây là điều kiện tiên quyết nhằm xây dựng thế trận phòng thủ vững chắc tại các địa bàn chiến lược. Sự thích ứng của quần chúng được cụ thể hóa bằng việc tích hợp mục tiêu phát triển kinh tế với nghĩa vụ quốc phòng, an ninh trong từng hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu vực biên giới, hải đảo. Việc duy trì các hoạt động kinh tế biển và kiên trì định cư tại địa bàn biên giới là tiền đề khách quan để chuyển hóa sự hiện diện dân sự thành cơ sở khẳng định chủ quyền lãnh thổ bằng phương thức hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế. Sự gắn kết này là cơ sở khoa học để hình thành hệ thống phòng thủ dân sự nhiều tầng nấc, thiết lập hành lang phòng thủ khu vực biên giới và không gian hải đảo vững mạnh; từ đó nâng cao năng lực quản trị rủi ro chiến lược và giữ vững thế chủ động quốc phòng tại chỗ của quốc gia.

Xét đến cùng, toàn bộ năng lực tự thân và hành động thực tiễn nêu trên chỉ có thể kết tinh thành sức mạnh tối ưu khi đặt trong mối quan hệ hiệp đồng tác chiến và liên kết thiết chế liên hoàn giữa Nhân dân với lực lượng vũ trang. Mối quan hệ phối hợp chiến lược này giữ vai trò điều kiện quyết định nhằm củng cố

sức mạnh tổng hợp của hệ thống phòng thủ quốc gia. Sự đồng thuận chính trị - xã hội ổn định là cơ sở để thể chế hóa các mô hình phối hợp giữa quần chúng với lực lượng quân đội, công an trong thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và phòng thủ dân sự tại địa bàn cư dân. Trong các tình huống cụ thể, cơ chế tổ chức này là tiền đề khách quan để huy động, chia sẻ các nguồn lực tại chỗ, thiết lập hệ thống phòng thủ liên hoàn nhiều tầng nấc vững chắc. Sự chuyển biến từ nhận thức chính trị thành hành động hiệp đồng thực tiễn là cơ sở khoa học để gia tăng năng lực tự vệ vĩ mô, chủ động kiểm soát các rủi ro, ngăn ngừa nguy cơ mất ổn định từ sớm, từ xa và giữ vững sự ổn định chiến lược của thể chế.

Tóm lại, thành tựu phát huy nghệ thuật quân sự thời kỳ Đổi mới khẳng định tính chủ động, linh hoạt và sáng tạo của các chủ thể lãnh đạo, quản lý và thực hiện. Bằng các phương thức đồng bộ từ đổi mới lý luận, hoàn thiện thể chế đến quy tụ lực lượng và kết hợp sinh kế với giữ nước, toàn bộ nội dung nghệ thuật quân sự đã được vận dụng hiệu quả; chuyển hóa năng lực chính trị - tinh thần thành thực lực, giữ vững chủ động chiến lược và bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa.

3.1.2. Những hạn chế phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

3.1.2.1. Những hạn chế trong phát huy chủ nghĩa yêu nước

Một là, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát huy chủ nghĩa yêu nước dưới góc độ lãnh đạo của Đảng vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định, ảnh hưởng đến việc phát huy nguồn lực nội sinh của dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những vấn đề này hiện hữu trên cả phương diện tổ chức thực tiễn và công tác tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên. *Trước hết*, về mặt định hướng tư tưởng, công tác giáo dục chính trị, tuyên truyền về lòng yêu nước và ý thức quốc phòng có lúc còn chậm đổi mới về nội dung và hình thức, nặng về thuyết giảng lý luận, chưa tích hợp linh hoạt các công nghệ truyền thông hiện đại để tạo sức lan tỏa sâu rộng. Thực trạng này dẫn đến việc một bộ phận cư dân, nhất là giới trẻ, nhận thức chưa toàn diện về giá trị truyền thống, thậm chí có biểu hiện thiếu cảnh giác trước các chiến lược thông tin sai lệch từ bên ngoài. *Đáng*

chú ý hơn, về mặt quản lý và xây dựng đội ngũ, hạn chế còn bộc lộ qua hiện tượng một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, chậm tiếp thu phản hồi từ cơ sở, đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích tập thể. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận đảng viên được Đảng chỉ rõ qua những biểu hiện mơ hồ về mục tiêu chủ nghĩa xã hội, chạy theo lợi ích vật chất cá nhân, thậm chí có hành động đi ngược lại lợi ích chung của quốc gia, dân tộc [129, tr.124, 125]. Những biểu hiện tiêu cực này dù chỉ mang tính bộ phận nhưng đã ảnh hưởng đến niềm tin của quần chúng, làm suy giảm hiệu quả quy tụ sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Những hạn chế trong công tác tư tưởng và tổ chức nêu trên bắt nguồn sâu xa từ các nguyên nhân thuộc về phương thức chỉ đạo, điều hành và kiểm tra của các cấp ủy đảng trước những thách thức của tình hình mới:

Trước hết, ở tầng diện diện tư tưởng, nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ sự chậm đổi mới phương thức vận hành của công tác lý luận trước sự thay đổi cấu trúc không gian thông tin trong kỷ nguyên số. Một số tổ chức đảng cơ sở chưa kịp thời thể chế hóa việc ứng dụng công nghệ số vào quy trình giáo dục chính trị, dẫn đến tình trạng thuyết giảng lý luận thuần túy và thiếu tương thích với đặc điểm tiếp nhận của các đối tượng cư dân hiện đại. Sự thiếu đồng bộ trong việc làm chủ công nghệ truyền thông mới là tiền đề khách quan làm suy giảm năng lực định hướng giá trị truyền thống, cản trở việc xây dựng bộ lọc thông tin hệ thống cho thế hệ trẻ; từ đó tạo điều kiện để các luận điệu sai lệch tác động vào nhận thức chính trị, gây nên sự mơ hồ về mục tiêu chủ nghĩa xã hội của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Sự chậm trễ trong công tác tư tưởng vĩ mô hệ quả tất yếu dẫn đến các bất cập trong vận hành hệ thống và quản trị tổ chức tại cơ sở. Nguyên nhân cốt lõi nằm ở sự thiếu thông suốt của cơ chế thông tin hai chiều và tính hình thức trong quy trình kiểm soát quyền lực nội bộ. Việc vận hành các kênh tiếp nhận, xử lý phản hồi từ cơ sở tại một số tổ chức đảng chưa bảo đảm tính liên thông, làm chậm tiến độ giải quyết các kiến nghị chính đáng của quần chúng. Sự đứt gãy cục bộ này là tiền đề khách quan làm suy giảm tính tiên phong của đội ngũ, ảnh hưởng

trực tiếp đến niềm tin chiến lược của Nhân dân và làm tổn hại đến năng lực quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Bên cạnh công tác tổ chức, những kẽ hở trong khâu kiểm tra, giám sát và bảo vệ chính trị nội bộ cũng là nguyên nhân trực tiếp làm giảm hiệu quả phòng ngừa các nguy cơ lệch lạc ngay từ cơ sở. Quy trình kiểm tra, chỉnh đốn Đảng tại một số tổ chức cơ sở chưa được triển khai đồng bộ, còn nặng tính hậu kiểm và chưa gắn kết chặt chẽ với công tác đánh giá bản lĩnh chính trị thường xuyên của đội ngũ. Sự bất cập trong cơ chế sàng lọc này là tiền đề khách quan làm giảm tính tự giác của đảng viên, dẫn đến nhận thức mơ hồ về mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở một bộ phận cán bộ. Đây là kẽ hở quản lý để chủ nghĩa cá nhân phát sinh, khiến các biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống chậm được phát hiện, ngăn chặn từ sớm, từ xa.

Hai là, với vai trò là thiết chế quản trị quốc gia và cụ thể hóa đường lối, những hạn chế của Nhà nước trong phương thức vận hành, điều tiết lợi ích và tổ chức giáo dục có lúc đã ảnh hưởng đến hiệu năng khơi dậy nguồn lực nội sinh từ chủ nghĩa yêu nước phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Những bất cập trong công tác quản lý nhà nước hiện hữu trên một số phương diện cụ thể, tác động đến nền tảng tinh thần xã hội. Trước hết, hệ thống thể chế nhằm phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước có nơi còn thiếu tính đồng bộ, liên tục; quy trình hành chính và tính công khai, minh bạch của một số chính sách chưa cao, ảnh hưởng đến việc huy động các nguồn lực xã hội. Thực trạng này gắn liền với vấn đề xây dựng đội ngũ, khi bộ máy quản trị còn hiện hữu những biểu hiện “một bộ phận cán bộ thiếu trách nhiệm, đùn đẩy trách nhiệm, thờ ơ, kèn cựa địa vị, cục bộ, mất đoàn kết, bảo thủ, thiếu năng động, sáng tạo” [129, tr.127], sa vào chủ nghĩa cá nhân vị lợi và lợi ích nhóm. Sự thiếu gương mẫu này không chỉ làm giảm hiệu lực quản lý mà còn tác động tiêu cực đến hệ giá trị văn hóa truyền thống, có nguy cơ “làm suy vong các nền tảng tinh thần của dân tộc, đe dọa sự tồn vong của chế độ” [141, tr.207]. Đặc biệt, trong lĩnh vực quản lý giáo dục, việc định hướng giữa truyền thụ tri thức với rèn luyện đạo đức công dân có nơi chưa cân đối, hệ thống trường học

“chưa chú trọng phẩm chất, đạo đức, ý thức bảo vệ Tổ quốc” [141, tr.212]. Điều này góp phần làm gia tăng lối sống thực dụng, tiếp thu thiếu chọn lọc văn hóa ngoại lai trong một bộ phận giới trẻ, dẫn đến xu hướng “lẩn tránh trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của một bộ phận thanh niên, đe dọa sự tồn vong của chế độ” [141, tr.187].

Những hạn chế trong công tác quản lý nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về năng lực thiết chế, tính thiếu đồng bộ và mức độ cập nhật trong phương thức điều hành của bộ máy Nhà nước:

Trước hết, từ góc độ pháp lý và công cụ quản trị quốc gia, nguyên nhân trực tiếp của thực trạng trên xuất phát từ sự thiếu đồng bộ trong phương thức thể chế hóa đường lối của Đảng thành các văn bản quy phạm pháp luật nhất quán. Quy trình xây dựng hành lang pháp lý nhằm điều tiết các nguồn lực xã hội tại một số lĩnh vực quản lý chưa đảm bảo tính công khai, minh bạch, còn nặng tính thủ tục hành chính thuần túy. Sự lỏng lẻo trong cơ chế giám sát thực thi chính sách và kiểm soát quyền lực nội bộ là tiền đề khách quan làm giảm tính nghiêm minh của kỷ cương pháp luật, tạo điều kiện cho chủ nghĩa cá nhân vị lợi và cục bộ địa phương phát sinh trong bộ máy công vụ. Bất cập thể chế này cản trở việc huy động, tối ưu hóa các nguồn lực vật chất từ xã hội, trực tiếp làm suy giảm hiệu năng quản lý vĩ mô của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Sự thiếu đồng bộ về mặt pháp lý đó đã kéo theo những kẽ hở trong quy trình quản trị nhân sự và kiểm soát đạo đức công vụ. Nguyên nhân trực tiếp của thực trạng trên nằm ở sự thiếu đồng bộ của hệ thống chế định ràng buộc trách nhiệm và cơ chế giám sát quyền lực nội bộ. Bộ máy điều hành chưa hoàn thiện các công cụ kiểm soát công vụ hữu hiệu để ràng buộc trách nhiệm giải trình thường xuyên của đội ngũ cán bộ từ cấp cơ sở. Sự lỏng lẻo trong quy trình sàng lọc này là tiền đề khách quan tạo điều kiện cho chủ nghĩa cá nhân vị lợi, tệ quan liêu và tư duy cục bộ phát sinh trong thực thi công lý. Bất cập trong quản lý nhân sự không chỉ làm chậm tiến độ đổi mới tư duy, giảm năng lực tiếp cận công nghệ của một bộ phận công chức, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của quần chúng đối với tính nghiêm minh của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những lỗ hổng trong quản trị bộ máy, sự chậm chuyển đổi cấu trúc định hướng giáo dục và phương thức quản trị văn hóa cũng là một mắt xích nguyên nhân quan trọng. Cơ chế quản lý giáo dục chưa đảm bảo tính cân đối giữa truyền thụ tri thức chuyên môn với bồi dưỡng đạo đức công dân, lý luận chính trị và nghĩa vụ quốc phòng, an ninh. Sự lỏng lẻo trong cơ chế phối hợp liên thiết chế giữa nhà trường, gia đình và các cơ quan quản lý nhà nước là tiền đề khách quan làm suy giảm năng lực định hướng giá trị truyền thống của nguồn nhân lực trẻ. Sự bất cập này cản trở việc khơi dậy ý chí tự cường dân tộc, tạo kẽ hở để lối sống thực dụng và các xu hướng văn hóa ngoại lai lệch lạc tác động vào nhận thức, dẫn đến biểu hiện lẩn tránh trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc ở một bộ phận thanh niên.

Ba là, mặc dù giữ vai trò hạt nhân trong việc quy tụ lòng dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có lúc có nơi vẫn bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định trong phương thức vận động và tổ chức thực tiễn, ảnh hưởng đến sức hấp dẫn của các phong trào thi đua và khả năng khơi dậy động lực tinh thần của quần chúng. Những vấn đề này tồn tại qua biểu hiện hình thức ở một số cuộc vận động và tính hiệu quả chưa cao trong phương thức tuyên truyền giáo dục. Trước hết, về mặt tổ chức thực tiễn, công tác phát động và triển khai các phong trào thi đua yêu nước ở một số cơ sở còn biểu hiện hành chính hóa; nội dung chưa gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị thực tế tại địa phương và thiếu giải pháp đổi mới phù hợp. Công tác đánh giá, tổng kết phong trào có nơi còn mang tính định tính, chưa hoàn thiện được hệ thống chỉ tiêu định lượng cụ thể để phản ánh khách quan tác động xã hội; ở một số địa bàn cơ sở, cơ chế quản lý chưa chặt chẽ dẫn đến biểu hiện cục bộ, ảnh hưởng đến tính thực chất của phong trào và sự đồng thuận của Nhân dân. Song song với đó, về mặt phương thức tiếp cận, công tác tuyên truyền về chủ nghĩa yêu nước của Mặt trận có khâu còn đơn điệu, nội dung chưa phong phú, sức thuyết phục chưa cao trước nhu cầu và tâm lý tiếp nhận của các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Việc làm chủ, ứng dụng các phương tiện truyền thông hiện đại và mạng xã hội có mặt còn chậm; đồng thời, cơ chế phối hợp liên ngành giữa các tổ chức thành viên có lúc thiếu đồng bộ. Thực trạng này

đã ảnh hưởng đến năng lực quy tụ, tập hợp khối đại đoàn kết, khiến một bộ phận cư dân nhận thức chưa đầy đủ về trách nhiệm và nghĩa vụ công dân trước những yêu cầu mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Những hạn chế trong công tác vận động nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về tư duy tổ chức, phương thức tiếp cận và năng lực điều phối hành động của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức thành viên trước yêu cầu của tình hình mới:

Trước hết, ở khâu tổ chức thực hiện và cơ chế vận hành, nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ sự chậm chuyển đổi phương thức quản trị các phong trào thi đua yêu nước từ chiều rộng sang chiều sâu chất lượng. Cơ chế thiết kế các mô hình vận động tại cấp cơ sở chưa gắn kết chặt chẽ với lợi ích thiết thân của quần chúng và đặc thù địa bàn dân cư. Đồng thời, bộ máy tổ chức chưa xây dựng được hệ thống công cụ chỉ tiêu định lượng khoa học để kiểm tra, đánh giá khách quan tác động xã hội của phong trào. Sự bất cập trong quy trình quản lý hành chính này là tiền đề khách quan làm giảm tính tích cực, tự giác của quần chúng, tạo điều kiện cho chủ nghĩa hình thức và xu hướng hành chính hóa phát sinh; từ đó cản trở việc huy động và chuyển hóa nguồn lực tinh thần của chủ nghĩa yêu nước ngay từ địa bàn cơ sở.

Sự chậm trễ trong việc đổi mới phương thức quản trị phong trào đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác tư tưởng chính trị và phương thức vận động quần chúng. Nguyên nhân cụ thể nằm ở sự chậm chuyển đổi mô hình tiếp cận của Mặt trận và các đoàn thể trước sự dịch chuyển cấu trúc không gian thông tin trong kỷ nguyên số. Các tổ chức thành viên chưa kịp thời thể chế hóa quy trình ứng dụng công nghệ truyền thông hiện đại và mạng xã hội vào công tác giáo dục chính trị cho đoàn viên, hội viên. Sự thiếu đồng bộ trong việc xây dựng các sản phẩm nội dung đa phương tiện, đa chiều là tiền đề khách quan làm giảm tính tương thích giữa chủ thể vận động và đối tượng tiếp nhận. Bất cập về công cụ quản trị này cản trở năng lực lan tỏa các giá trị truyền thống trên không gian số, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình định hình ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ công dân tự giác của quần chúng trước yêu cầu mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Ở phạm vi tương tác vĩ mô, sự thiếu đồng bộ trong cơ chế hiệp thương và phối hợp hành động liên thiết chế chính là lực cản làm phân tán sức mạnh hợp lực

của hệ thống chính trị. Biểu hiện cụ thể là quy trình điều phối, thống nhất chương trình hành động chưa đảm bảo tính liên thông và tối ưu hóa nguồn lực, dẫn đến tình trạng chồng chéo hoặc đứt gãy trong triển khai các phong trào thi đua. Bất cập trong cơ chế vận hành này là tiền đề khách quan làm suy giảm năng lực tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cản trở việc tạo lập sức mạnh cộng hưởng của toàn hệ thống chính trị; từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả khơi dậy nghĩa vụ công dân và ý thức trách nhiệm của quần chúng đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, với vai trò là lực lượng quyết định chuyển hóa các giá trị tinh thần thành sức mạnh thực tiễn, những biểu hiện suy giảm tính tự giác và hạn chế trong nhận thức của một bộ phận quần chúng đã ảnh hưởng đến sự vững chắc của thể trận lòng dân và thể trận phòng thủ quốc gia. Những bất cập trong việc thực hiện vai trò chủ thể của Nhân dân hiện hữu qua mức độ tự giác chính trị có khâu chưa cao và sự tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường. Trước hết, về mặt nhận thức tư tưởng, dưới áp lực của các quy luật thị trường và xu thế hội nhập, chủ nghĩa cá nhân vị lợi ảnh hưởng đến một bộ phận cư dân, dẫn đến lối sống thực dụng, đặt lợi ích cá nhân lên trên trách nhiệm cộng đồng. Thực trạng này biểu hiện qua sự giảm sút sức đề kháng văn hóa, tư tưởng ở một bộ phận giới trẻ vùng đô thị, thể hiện ở xu hướng tiếp thu thiếu chọn lọc các yếu tố văn hóa ngoại lai và thiếu cảnh giác trước các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Song song với đó, về mặt hành động thực tiễn, tại một số địa bàn, tính chủ động của người dân trong việc tham gia thể trận quốc phòng toàn dân và các phong trào tự quản an ninh trật tự có nơi có lúc còn mang tính thụ động. Ý chí tự lực, tự cường ở một bộ phận cư dân bị ảnh hưởng bởi lối sống thực dụng, dẫn đến xu hướng xem nhẹ nghĩa vụ công dân, thiếu trách nhiệm trong việc phối hợp bảo vệ chủ quyền biên giới, hải đảo tại địa bàn cư trú, tạo điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình và tác động đến sự đồng thuận xã hội đối với chế độ.

Những hạn chế trong nhận thức và hành động nêu trên không mang tính ngẫu nhiên, mà bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về nhận thức chủ thể và sự dịch chuyển trong tâm lý xã hội của một bộ phận quần chúng:

Trước hết, từ góc độ *ý thức xã hội và tâm lý cộng đồng*, nguyên nhân trực tiếp của hạn chế trên xuất phát từ tác động của các quy luật thị trường và xu thế hội nhập quốc tế đến cấu trúc hệ giá trị của quần chúng nhân dân. Trong điều kiện môi trường hòa bình và phát triển kinh tế, một bộ phận cư dân chưa xác lập được bộ lọc nhận thức hệ thống để phòng ngừa các xu hướng văn hóa vị lợi. Sự thay đổi trong định hướng tư duy này là tiền đề khách quan làm mờ nhạt mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích cá nhân và trách nhiệm chính trị đối với sự ổn định chiến lược của thể chế. Bất cập trong nhận thức giá trị là cơ sở khoa học dẫn đến lối sống thực dụng và sự giảm sút sức đề kháng tư tưởng; từ đó triệt tiêu tính chủ động của quần chúng trong thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và phòng thủ dân sự tại địa bàn.

Sự suy giảm sức đề kháng tư tưởng đó biểu hiện rõ nét nhất qua năng lực tự sàng lọc thông tin của quần chúng trước các chiến lược truyền thông xuyên biên giới. Một bộ phận cư dân, đặc biệt là giới trẻ, chưa tích lũy đầy đủ tri thức lý luận chính trị và tư duy phản biện cần thiết để định vị giá trị bản thân trên không gian mạng. Sự bất cập trong cấu trúc nhận thức này là tiền đề khách quan dẫn đến hiện tượng tiếp thu thiếu chọn lọc các trào lưu văn hóa ngoại lai, làm suy giảm năng lực tự sàng lọc trước thông tin sai lệch. Đây là lỗ hổng an ninh tư tưởng để các chiến lược diễn biến hòa bình tác động trực tiếp vào tâm lý xã hội, gây xói mòn lòng tự hào dân tộc và làm tổn hại đến ý chí tự lực, tự cường của nguồn lực nội sinh tại chỗ.

Từ những lỗ hổng trong nhận thức và tư tưởng nêu trên, phương thức hành động của một bộ phận quần chúng đã rơi vào trạng thái chủ quan, lơ là trước các nguy cơ an ninh phi truyền thống. Việc ưu tiên cho mục tiêu phát triển kinh tế thuần túy đã nảy sinh tư duy xem công tác quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ là nhiệm vụ chuyên trách của các lực lượng vũ trang. Nhận thức phiến diện này cản trở việc cụ thể hóa đường lối quốc phòng toàn dân thành hành động tự giác thường xuyên của mỗi công dân; đồng thời làm suy giảm tính chủ động của hệ thống tự quản cộng đồng, ảnh hưởng đến tính liên hoàn của thể trận

phòng thủ dân sự và trực tiếp tác động tiêu cực đến độ vững chắc của thể trận lòng dân ngay từ địa bàn cơ sở.

Tóm lại, những hạn chế trong phát huy chủ nghĩa yêu nước thời kỳ Đổi mới phản ánh sự thiếu đồng bộ giữa các chủ thể lãnh đạo, quản lý và thực hiện. Căn nguyên xuất phát từ sự chậm chuyển đổi phương thức vận hành tư tưởng, lỗ hổng kiểm soát quyền lực, bất cập liên kết thiết chế và sự lơ là nhận thức rủi ro an ninh phi truyền thống trước áp lực kinh tế thị trường; trực tiếp làm phân tán nguồn lực, suy giảm tính tiên phong và tác động đến độ vững chắc của thể trận lòng dân.

3.1.2.2. Hạn chế trong phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội

Một là, đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực nội sinh của cách mạng, song trong tiến trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện, ở một số cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định, ảnh hưởng đến việc củng cố sự đồng thuận xã hội và bảo vệ nền tảng tinh thần của chế độ. Những vấn đề thuộc trách nhiệm của chủ thể lãnh đạo thể hiện ở mức độ đồng bộ trong vận hành các thiết chế dân chủ và thực trạng niềm tin chính trị ở một bộ phận quần chúng có mặt còn chưa hoàn thiện. Trước hết, về mặt lãnh đạo, điều hành thực tiễn, năng lực dự báo, nắm bắt biến động tâm lý và nguyện vọng dân sinh ở một số cấp ủy đảng còn có mặt hạn chế, dẫn đến sự chưa kịp thời trong công tác định hướng và giải quyết các xung đột lợi ích phát sinh từ cơ sở. Phương thức quy tụ sức mạnh chưa phát huy tối đa mối liên hệ biện chứng giữa các giai tầng xã hội; cơ chế tổng thể *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ* vận hành có lúc còn mang tính hình thức, khiến phương châm *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng* chưa được thực hiện đồng bộ trên tất cả các khâu. Sự thiếu đồng bộ này, cùng với thực trạng quyền dân chủ của công dân bị vi phạm ở một số địa phương và biểu hiện sa vào chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, xa rời quần chúng của một bộ phận cán bộ có chức vụ, đã ảnh hưởng đến niềm tin của quần chúng nhân dân vào hiệu quả thực tế của công cuộc Đổi mới. Bên cạnh đó, về mặt tư tưởng, tuyên truyền, công tác quán triệt các văn kiện về đại đoàn kết, điển hình như Nghị quyết số 23-NQ/TW và Nghị quyết số 43-NQ/TW, có nơi còn mang tính hình thức, chưa cập nhật kịp thời xu thế tiếp nhận thông tin trong kỷ nguyên số và

thiếu các phương thức chuyển tải đặc thù phù hợp với đồng bào các dân tộc, ảnh hưởng đến hiệu quả khơi dậy nguồn lực hệ thống.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về năng lực hoạch định, phương thức kiểm soát đội ngũ cán bộ, đảng viên và tư duy quán triệt lý luận của các cấp ủy đảng trước những đòi hỏi mới của thực tiễn:

Trước hết, ở cấp độ tư duy chiến lược và năng lực lãnh đạo thể chế, nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ sự chậm đổi mới phương thức dự báo và cơ chế quản trị xung đột lợi ích giữa các giai tầng xã hội trong nền kinh tế thị trường. Cấp ủy đảng tại một số cơ sở chưa kịp thời thể chế hóa các công cụ kiểm soát và ràng buộc trách nhiệm cụ thể để vận hành đồng bộ hệ thống dân chủ trực tiếp. Sự thiếu hụt cơ chế giám sát thực thi này là tiền đề khách quan làm đứt gãy tính liên thông giữa các khâu của phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”, đặc biệt là quyền thụ hưởng của quần chúng. Bất cập trong quản lý điều hành tạo kẽ hở cho các biểu hiện vi phạm quyền dân chủ cơ sở phát sinh, trực tiếp làm suy giảm tính thực chất của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân và năng lực quy tụ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sự thiếu đồng bộ trong cơ chế vận hành dân chủ đó đã kéo theo những kẽ hở trong quy trình quản trị hệ thống và kiểm soát quyền lực nội bộ. Nguyên nhân cụ thể nằm ở sự thiếu chặt chẽ của các chế định giám sát công vụ và cơ chế sàng lọc đội ngũ cán bộ giữ chức vụ quản lý. Quy trình nhận diện, ngăn chặn từ sớm, từ xa các biểu hiện suy thoái đạo đức chính trị tại một số tổ chức đảng cơ sở chưa đảm bảo tính đồng bộ, còn nặng tính hậu kiểm hành chính. Sự thiếu chặt chẽ trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ tạo kẽ hở cho chủ nghĩa cá nhân, tệ quan liêu và biểu hiện cục bộ phát sinh trong bộ máy công vụ. Bất cập này trực tiếp làm xói mòn tính tiên phong của đội ngũ đảng viên, phá vỡ nguyên tắc nhất quán giữa lời nói và hành động; từ đó làm giảm sút sự đồng tâm nhất trí trong hệ thống chính trị và tổn hại đến niềm tin của quần chúng nhân dân.

Bên cạnh những lỗ hổng trong kiểm soát nội bộ, sự chậm đổi mới mô hình quản trị truyền thông và thiếu cơ chế phân hóa đối tượng tiếp nhận văn kiện chiến lược cũng là một khía cạnh nguyên nhân quan trọng. Quy trình quán triệt các nghị

quyết về đại đoàn kết toàn dân tộc tại một số tổ chức đảng cơ sở chưa được thể chế hóa phù hợp với đặc điểm tâm lý cư dân trong kỷ nguyên số. Đồng thời, bộ máy tuyên giáo chưa hoàn thiện được hệ thống công cụ truyền thông chuyên biệt tương thích với đặc thù cấu trúc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số. Sự thiếu liên thông giữa các thiết chế quản lý, nghiên cứu lý luận với cơ sở thực thi tại địa bàn dẫn đến tình trạng hành chính hóa công tác tư tưởng; từ đó làm chậm tiến độ chuyển hóa chính sách vào đời sống và giảm hiệu năng quy tụ sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, những hạn chế của Nhà nước trong phương thức điều hành kinh tế - xã hội, quản lý công vụ và phân phối nguồn lực phát triển có lúc đã ảnh hưởng đến tính thực chất của khối đại đoàn kết và sự đồng thuận xã hội. *Trước hết*, việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng trong một số trường hợp có khâu chưa kịp thời; hệ thống chính sách ban hành có nơi chưa đồng bộ, chưa bám sát thực tiễn dân sinh, dẫn đến tình trạng quyền làm chủ của Nhân dân có lúc chưa được phát huy đầy đủ, thậm chí “còn biểu hiện dân chủ hình thức” [41, tr.89]. Quản lý vĩ mô ở một vài lĩnh vực có mặt còn chậm trễ, nhất là trong công tác đối thoại và giải quyết các kiến nghị chính đáng của người dân liên quan đến đất đai, tài nguyên, y tế, giáo dục. Thực trạng này kết hợp với những biểu hiện suy thoái của một số cán bộ, công chức khi “chưa nâng cao đạo đức công vụ, có biểu hiện suy thoái, vi phạm pháp luật, làm xói mòn lòng tin” [141, tr.208] đã ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của kỷ cương pháp luật. *Đặc biệt*, hệ thống chính sách có lúc chưa gắn kết đồng bộ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; biểu hiện ưu tiên lợi ích kinh tế đơn thuần khi “người đề xuất, xây dựng chính sách chưa đạt “*Tâm*” và “*Trí*”, chưa đạt tầm văn hóa cần thiết” [5, tr.96] đã góp phần làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo, chênh lệch thu nhập giữa các vùng miền. *Ngoài ra*, hệ thống giáo dục quốc dân chưa thực sự “chưa chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục ngoài giờ chưa thường xuyên, hiệu quả thấp” [62, tr.162] đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục truyền thống đoàn kết, làm giảm sút nền tảng tinh thần cần thiết cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về năng lực thiết chế, tính thiếu đồng bộ và mức độ cập nhật trong phương thức điều hành của bộ máy Nhà nước trước đòi hỏi của thực tiễn:

Trước hết, ở cấp độ lập quy và hoạch định chính sách, nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ sự thiếu đồng bộ trong phương thức thể chế hóa đường lối của Đảng thành các chính sách, pháp luật về đại đoàn kết toàn dân tộc. Quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại một số lĩnh vực quản lý chưa hoàn thiện được cơ chế đánh giá tác động dân sinh, còn nặng tính hành chính và thiếu tính liên thông với thực tiễn cơ sở. Sự lỏng lẻo trong công tác thẩm định và kiểm soát chất lượng chính sách là tiền đề khách quan làm giảm tính khả thi của các quy định pháp lý, tạo kẽ hở cho các biểu hiện dân chủ hình thức phát sinh. Bất cập thể chế này cản trở năng lực tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị chính đáng của người dân; từ đó làm suy giảm hiệu năng quản lý vĩ mô và ảnh hưởng đến tính thực chất của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sự thiếu hụt các cơ chế đánh giá tác động từ khâu chính sách đó đã kéo theo những kẽ hở trong quá trình thực thi pháp luật và quản lý công vụ. Nguyên nhân cụ thể nằm ở sự thiếu chặt chẽ trong chế định kiểm soát quyền lực nội bộ và giám sát thực thi công lý. Bộ máy hành chính tại một số cơ sở chưa hoàn thiện được quy trình ràng buộc trách nhiệm giải trình thường xuyên đối với đội ngũ công chức trực tiếp giải quyết thủ tục dân sinh. Sự lỏng lẻo trong cơ chế sàng lọc nhân sự và chính sách điều tiết đãi ngộ chưa đồng bộ là tiền đề khách quan làm suy giảm động lực hành động, tạo kẽ hở cho tệ quan liêu và hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm phát sinh. Bất cập quản trị này làm chậm tiến độ đối thoại, xử lý các kiến nghị chính đáng của Nhân dân về đất đai và môi trường; từ đó khiến các khiếu nại bách tính dễ tích tụ thành mâu thuẫn lợi ích cục bộ, trực tiếp ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội và việc củng cố thể trận quốc phòng toàn dân từ cơ sở.

Bên cạnh những bất cập trong quản lý bộ máy, sự lệch pha giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế và công cụ bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội cũng là một nguyên nhân quan trọng. Cơ chế phân bổ nguồn lực công chưa gắn kết chặt chẽ

với chiến lược giảm nghèo bền vững và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền. Đồng thời, hệ thống giáo dục quốc dân chưa kịp thời thể chế hóa các nội dung bồi dưỡng giáo dục truyền thống đoàn kết, đạo đức và nghĩa vụ công dân tương thích với xu thế phát triển mới. Sự đứt gãy trong cấu trúc quản lý liên thiết chế này làm suy giảm năng lực định hướng nhân sinh quan của thế hệ trẻ, tạo kẽ hở cho lối sống thực dụng phát sinh và làm tổn hại đến nền tảng tinh thần xã hội cần thiết cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên ở một số cấp độ vẫn còn có mặt hạn chế trong việc thực hiện vai trò hạt nhân quy tụ, ảnh hưởng đến tính thực chất của các cơ chế giám sát xã hội và năng lực bảo vệ nền tảng tinh thần đoàn kết của cộng đồng. Trước hết, về mặt thực hiện chức năng thiết chế, vai trò hạt nhân trong quy tụ sức mạnh đại đoàn kết, nhất là chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên có khâu chưa được phát huy đầy đủ. Công tác giám sát và phản biện xã hội trong một số trường hợp còn có biểu hiện mang tính bề nổi, chưa phản ánh thật sự kịp thời những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân đến các cơ quan hoạch định chính sách, dẫn đến mức độ gắn kết giữa tổ chức với quần chúng có nơi có lúc còn hạn chế. Bên cạnh đó, về phương thức vận động và phối hợp xã hội, việc giáo dục truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái - nhất là đối với thế hệ trẻ - có nơi còn đơn điệu, chưa xây dựng được cơ chế phối hợp thực chất để phát huy vai trò của thiết chế gia đình vào tiến trình trao truyền các giá trị văn hóa nền tảng. Hoạt động phối hợp giữa Mặt trận với các cơ quan quản lý nhà nước có khâu chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Hệ quả là việc chủ động ngăn chặn các tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường, chủ nghĩa cá nhân vị lợi và các yếu tố văn hóa ngoại lai không phù hợp còn có mặt chưa kịp thời, ảnh hưởng đến nền tảng tư tưởng và sự đồng thuận xã hội trong bối cảnh mới.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về tư duy tổ chức, phương thức tiếp cận và năng lực điều phối hành động của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức thành viên:

Trước hết, ở khâu thực hiện chức năng cốt lõi, nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ sự chậm đổi mới mô hình vận hành và xu hướng hành chính hóa công cụ kiểm soát xã hội của Mặt trận Tổ quốc trong công tác giám sát, phản biện xã hội. Quy trình thu thập, tổng hợp và biểu đạt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân tại một số tổ chức thành viên chưa được thể chế hóa thành các kênh thông tin liên thông, khoa học. Sự thiếu chặt chẽ trong cơ chế vận hành chức năng phản biện là tiền đề khách quan làm giảm tính sắc bén của các kiến nghị chính sách, dẫn đến biểu hiện hình thức trong hoạt động đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên. Bất cập về năng lực thiết chế này trực tiếp cản trở hiệu năng vận hành vai trò cầu nối giữa hệ thống chính trị với người dân, làm rạn nứt mối quan hệ mật thiết giữa tổ chức với quần chúng và suy giảm năng lực quy tụ khối đại đoàn kết toàn dân tộc từ cơ sở.

Sự thiếu sắc bén trong cơ chế tự phản biện nội bộ đó đã kéo theo những hạn chế trong phương thức vận động tư tưởng và phối hợp liên thiết chế. Nguyên nhân cụ thể nằm ở sự thiếu đồng bộ trong cơ chế phối hợp hành động giữa Mặt trận Tổ quốc với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Quy trình liên kết giữa nhà trường, xã hội với thiết chế gia đình chưa được thể chế hóa thành các mô hình vận động thực chất để trao truyền các giá trị văn hóa, truyền thống đoàn kết cho thế hệ trẻ. Sự chậm trễ trong việc đổi mới nội dung truyền thông tư tưởng và ứng dụng nền tảng số là tiền đề khách quan làm giảm tính tương thích với xu hướng tiếp nhận của cư dân hiện đại. Bất cập về công cụ điều phối này tạo kẽ hở cho các tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường và lối sống thực dụng vị lợi xâm nhập, làm suy giảm sức đề kháng văn hóa, ảnh hưởng trực tiếp đến ý thức trách nhiệm công dân và sự đồng thuận xã hội.

Bên cạnh những bất cập trong công tác vận động quần chúng, những lỗ hổng trong cơ chế hiệp thương và phối hợp liên ngành cũng là một nguyên nhân chủ yếu. Điều này thể hiện qua sự thiếu hụt định chế phân định trách nhiệm và thẩm quyền điều phối giữa các tổ chức thành viên trong khối đại đoàn kết. Quy trình hiệp thương hành động giữa Mặt trận Tổ quốc với các cơ quan nhà nước

chuyên ngành chưa thiết lập được cơ chế cụ thể nhằm chia sẻ thông tin và dự báo rủi ro xã hội liên thông. Sự thiếu đồng bộ trong việc phối hợp xử lý các vấn đề nhạy cảm, phức tạp phát sinh từ cơ sở làm phân tán nguồn lực hệ thống, tạo kẽ hở cho các xung đột lợi ích cục bộ kéo dài. Bất cập trong cơ chế vận hành liên ngành này làm suy giảm năng lực tự sàng lọc và phòng ngừa chủ động của cộng đồng; từ đó ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội và tính bền vững của khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngay tại địa bàn.

Bốn là, bên cạnh những bất cập từ hệ thống chính trị, năng lực chủ thể của một bộ phận Nhân dân trong việc củng cố khối đại đoàn kết và sự đồng thuận xã hội có nơi còn hạn chế. Trước hết, về khâu nhận thức và hành vi cộng đồng, dưới áp lực của xu hướng cá nhân hóa, tinh thần tương thân tương ái truyền thống có biểu hiện bị xem nhẹ ở một số nơi, đặc biệt là tại các khu đô thị lớn và trong giới trẻ. Thực trạng này làm nảy sinh tâm lý cục bộ, thiếu tính chia sẻ, dẫn đến sự thiếu chặt chẽ trong mối quan hệ gắn kết giữa làng xóm, khối phố và sự thiếu chủ động trước các công việc chung của cộng đồng. Đặc biệt, về khâu bản lĩnh làm chủ thông tin trên không gian mạng, trước sự bùng nổ thông tin và các biến động đa chiều, khả năng tự sàng lọc, nhận diện các quan điểm sai trái, kích động chia rẽ của một bộ phận quần chúng có mặt còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Hệ quả là họ dễ chịu tác động tâm lý, tham gia vào các diễn đàn tiêu cực, vô tình có hành vi gây ảnh hưởng đến khối đoàn kết nội bộ tại địa bàn dân cư và mức độ đồng thuận đối với một số quyết sách của Đảng, Nhà nước. Sự giảm sút niềm tin xã hội và tinh thần hợp tác ở một số nhóm cư dân không chỉ ảnh hưởng đến việc quy tụ các nguồn lực nội sinh, mà còn tác động đến sự vững chắc của thể trận lòng dân, tạo rào cản trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về nhận thức chủ quan và sự dịch chuyển trong tâm lý xã hội của một bộ phận quần chúng nhân dân trước những biến đổi phức tạp của môi trường sống:

Trước hết, ở tầng biến đổi ý thức xã hội và tâm lý cộng đồng, nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ tác động của xu hướng cá nhân hóa cùng các quy luật cạnh

tranh thị trường đến hệ giá trị của quần chúng. Trong bối cảnh không gian đô thị hóa và không gian số mở rộng, một bộ phận cư dân chưa xác lập được cơ chế tự điều tiết để cân bằng giữa lợi ích vị lợi cá nhân với trách nhiệm chính trị - xã hội đối với cộng đồng. Sự thiếu hụt các công cụ định hướng giá trị và năng lực sàng lọc thông tin mạng làm suy giảm sức đề kháng tư tưởng trước các chiến lược truyền thông kích động, chia rẽ. Bất cập trong cấu trúc nhận thức này trực tiếp cản trở tính chủ động của quần chúng trong việc bồi đắp các liên kết xã hội truyền thống; từ đó làm rạn nứt sự đồng thuận xã hội và tổn hại đến độ vững chắc của thể trận lòng dân ngay tại địa bàn cơ sở.

Sự suy giảm liên kết xã hội và sức đề kháng tư tưởng đó đã kéo theo những kẽ hở lớn trong năng lực phòng vệ tư tưởng và quản trị thông tin số của cư dân. Nguyên nhân cụ thể nằm ở sự thiếu chủ động trong việc xây dựng bộ lọc nhận thức hệ thống của quần chúng trước xu thế truyền thông đa chiều. Việc tiếp cận các nguồn thông tin chính thống chưa đảm bảo tính liên tục và độ phủ toàn diện làm biến dạng quy trình định hình thế giới quan khoa học của một bộ phận cư dân. Bất cập này, kết hợp với sự thiếu hụt các kỹ năng kiểm chứng dữ liệu trực tuyến, là cơ sở khoa học làm suy giảm năng lực tự bảo vệ nền tảng tư tưởng xã hội của chủ thể. Đây là lỗ hổng nhận thức để các chiến lược thao túng tâm lý và kích động chia rẽ tác động trực tiếp vào dư luận; từ đó phá vỡ sự thống nhất về mặt tư tưởng và làm tổn hại đến tính vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngay tại địa bàn cơ sở.

Từ những lỗ hổng trong nhận thức và tư tưởng nêu trên, ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần cảnh giác của một bộ phận quần chúng đã rơi vào trạng thái chủ quan, phiến diện. Điều này thể hiện qua việc nhìn nhận lệch lạc về mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích cá nhân với an ninh quốc gia trong điều kiện đất nước có môi trường hòa bình, ổn định. Sự thiếu hụt các công cụ định hướng nhận thức pháp lý làm mờ nhạt ý thức nghĩa vụ công dân trước các yêu cầu quốc phòng, an ninh phi truyền thống tại cơ sở. Đây là tiền đề khách quan cản trở việc chuyển hóa đường lối chiến lược thành hành động tự giác thường xuyên của quần chúng, dẫn đến xu hướng biệt lập hóa trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc. Bất cập cấu trúc này làm

phân tán các nguồn lực xã hội, trực tiếp làm suy giảm năng lực tự phòng vệ của cộng đồng và ảnh hưởng đến tính liên hoàn của thể trận lòng dân tại địa bàn.

Tóm lại, những hạn chế trong phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội phản ánh sự đứt gãy tính liên thông giữa các chủ thể hệ thống chính trị và Nhân dân. Căn nguyên xuất phát từ việc chậm cụ thể hóa thiết chế dân chủ trực tiếp, lỗ hổng trong kiểm soát đạo đức công vụ, bất cập phân bổ nguồn lực vĩ mô và sự phai nhạt ý thức nghĩa vụ thời bình; trực tiếp làm phát sinh dân chủ hình thức, tích tụ mâu thuẫn cục bộ và tổn hại độ vững chắc của thể trận lòng dân.

3.1.2.3. Hạn chế trong phát huy ý chí tự lực, tự cường; khát vọng hòa bình, độc lập, tự do

Một là, ý chí tự lực, tự cường là cội nguồn tạo nên thực lực quốc gia, song trong tiến trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện, ở một số cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng vẫn còn có mặt hạn chế trong việc khơi dậy và phát huy nguồn sức mạnh tinh thần này, ảnh hưởng đến năng lực tự chủ của hệ thống chính trị. Những bất cập thể hiện rõ nét là sự giảm sút ý chí chiến đấu và khát vọng vươn lên ở một bộ phận cán bộ, đảng viên. *Trước hết, về khâu nhận thức và bản lĩnh chính trị*, sự tác động từ chủ nghĩa cá nhân dẫn đến việc nhận thức chưa đầy đủ về các giá trị văn hóa, lịch sử dân tộc; từ đó nảy sinh tâm lý sùng bái các giá trị ngoại lai, có nơi có lúc đưa ra những đánh giá chưa toàn diện về thành tựu của đất nước và xu thế phát triển chung của chế độ. Hạn chế này biểu hiện ở tâm lý ngại khó, thiếu tính đột phá, khiến một bộ phận đội ngũ có mặt chưa giữ vững bản lĩnh cần thiết trước những tác động từ các yếu tố khách quan bên ngoài. *Đặc biệt, về khâu tổ chức thực hiện và tinh thần trách nhiệm*, xu hướng thiếu kiên quyết đi kèm với tâm lý trông chờ, ỷ lại hoặc đùn đẩy trách nhiệm đang ảnh hưởng đến năng lực sáng tạo của tổ chức cơ sở. Sự thiếu năng động này dẫn đến tính thụ động trong tự học tập, nghiên cứu và chậm trễ ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào thực tiễn quản lý, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành đường lối độc lập, tự chủ của Đảng.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về công tác giáo dục, bồi dưỡng bản lĩnh, phương thức quản lý cán bộ và kiểm soát nội bộ của các cấp ủy đảng trước những đòi hỏi của tình hình mới:

Trước hết, trên khía cạnh định hình bản lĩnh chính trị, nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ sự chậm đổi mới phương thức phổ biến giá trị lịch sử và nội dung bồi dưỡng lý tưởng cho đội ngũ. Tại một số tổ chức cơ sở Đảng, công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các giá trị văn hóa truyền thống chưa kịp thời đổi mới để tương thích với bối cảnh hội nhập quốc tế. Hoạt động giáo dục lý luận có nơi còn mang tính hình thức, chưa hỗ trợ hiệu quả cho cán bộ, đảng viên thiết lập tư duy khoa học để nhận thức toàn diện về thực lực quốc gia. Sự thiếu đồng bộ trong xây dựng bản lĩnh tư tưởng này là nguyên nhân dẫn đến tâm lý sùng bái các giá trị ngoại lai, đánh giá chưa đầy đủ về thành tựu của công cuộc Đổi mới và làm suy giảm ý chí phấn đấu của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Sự thiếu hụt nền tảng tư tưởng vững chắc đó đã kéo theo những bất cập trong công tác tổ chức, cán bộ và kiểm soát trách nhiệm công vụ. Nguyên nhân cụ thể nằm ở việc chưa hoàn thiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ đội ngũ năng động, sáng tạo và thiếu chế định chặt chẽ trong việc xác định trách nhiệm người đứng đầu nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường. Việc cụ thể hóa các quy định bảo vệ những nhân tố đổi mới, đột phá vì lợi ích chung còn chậm, đồng thời công tác xử lý các biểu hiện thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ tại một số cơ sở chưa kịp thời. Sự thiếu đồng bộ trong cơ chế đánh giá và quản lý này là lực cản cốt lõi dẫn đến tâm lý e ngại, dùn dẩy trách nhiệm nhằm bảo đảm an toàn cá nhân của một bộ phận cán bộ; từ đó làm giảm tính năng động của thiết chế lãnh đạo và hạn chế bản lĩnh ứng phó trước các khó khăn, thách thức thực tiễn tại cơ sở.

Bên cạnh những lỗ hổng trong quản lý điều hành, sự thiếu hụt các tiêu chí đánh giá chặt chẽ, định lượng về chất lượng cán bộ, đảng viên tại cơ sở cũng là một khía cạnh nguyên nhân đáng lưu ý. Điều này làm chậm tiến độ tiếp cận và ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào công tác kiểm tra, giám sát. Đồng thời, việc định hướng tự học tập, rèn luyện chuyên môn có nơi chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý hiện đại. Sự thiếu liên thông trong công tác kiểm tra, đánh giá này làm hạn chế hiệu quả thực thi nhiệm vụ của một bộ phận cán bộ, đảng viên; từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình cụ thể hóa chiến lược phát triển độc lập, tự chủ của tổ chức cơ sở đảng.

Hai là, những hạn chế của Nhà nước trong phương thức hoàn thiện thể chế, điều hành công vụ và phân bổ nguồn lực phát triển có lúc đã ảnh hưởng đến việc khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của đất nước. Những bất cập trong công tác quản lý nhà nước phần nào tác động đến động lực phát triển và năng lực tự chủ của quốc gia. Trước hết, hệ thống cơ chế, chính sách có nơi chưa đồng bộ, liên thông, chưa kịp thời tạo động lực đột phá để phát huy tính tự chủ kinh tế. Thủ tục hành chính ở một vài lĩnh vực có mặt còn phức tạp, không chỉ gây trở ngại cho hoạt động sản xuất, kinh doanh mà còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các hiện tượng tiêu cực, lãng phí, ảnh hưởng đến xu hướng phát triển chính đáng của các chủ thể xã hội. Thực trạng này có khâu liên quan đến biểu hiện thiếu năng động trong thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức qua thái độ bảo thủ, trì trệ, “né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; cái gì có lợi thì kéo về cho cơ quan, đơn vị mình; cái gì khó khăn thì đùn đẩy ra xã hội, cho cơ quan khác, người khác” [162, tr.14], đặt lợi ích cục bộ lên trên lợi ích tổng thể của quốc gia. Đặc biệt, việc chưa đồng bộ các cơ chế ưu đãi chiến lược và sự thiếu linh hoạt của hệ thống tài chính phần nào ảnh hưởng đến tiến trình đổi mới sáng tạo, nhất là ở khu vực doanh nghiệp nhà nước; điều này được phản ánh qua việc Chỉ số hiệu quả thực thi pháp luật của Việt Nam năm 2023 có sự sụt giảm 2 bậc so với năm 2022 [78]. Ngoài ra, mức độ cập nhật tri thức quản lý kinh tế hiện đại, kỹ năng số và ngoại ngữ ở một bộ phận đội ngũ cán bộ quản lý có mặt chưa tương xứng với yêu cầu giải quyết các nhiệm vụ hội nhập mang tính toàn cầu, ảnh hưởng đến tiến trình nâng cao vị thế độc lập, tự chủ của quốc gia.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về năng lực thể chế, tính thiếu đồng bộ và mức độ cập nhật trong phương thức điều hành của bộ máy Nhà nước trước những đòi hỏi của thực tiễn:

Trước hết, ở cấp độ xây dựng chính sách, cụ thể hóa các quy định nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ sự chậm cụ thể hóa cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo cùng sự phức tạp của thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực, gây ảnh hưởng đến động lực tự cường của các chủ thể kinh tế. Tại một số cơ quan quản lý chuyên

ngành, tính chủ động trong việc thể chế hóa đường lối của Đảng thành các quy định pháp lý linh hoạt có thời điểm còn hạn chế. Cơ chế quản lý vĩ mô ở một số lĩnh vực còn nặng về quy trình, chưa thiết lập được hệ thống giải pháp thực chất nhằm huy động các nguồn lực xã hội và cộng đồng doanh nghiệp. Sự thiếu đồng bộ, chông chéo trong một số văn bản quy phạm pháp luật không chỉ gây trở ngại cho tính năng động của thị trường, mà còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các hiện tượng tiêu cực, lãng phí, cản trở việc tối ưu hóa môi trường phát triển quốc gia.

Sự thiếu hụt hành lang pháp lý linh hoạt từ khâu chính sách đó đã kéo theo những kẽ hở trong tổ chức thực thi pháp luật và quản lý công vụ. Nguyên nhân cụ thể nằm ở việc chưa hoàn thiện các quy định pháp lý nhằm xác định rõ trách nhiệm và bảo vệ cán bộ dám đổi mới, đột phá vì lợi ích chung. Việc thiết lập các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc gắn liền với hành lang pháp lý an toàn cho cán bộ tại một số lĩnh vực chưa đồng bộ; đồng thời công tác quản lý, giám sát đạo đức công vụ có thời điểm chưa kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các biểu hiện trì trệ. Sự thiếu đồng bộ này là lực cản cốt lõi dẫn đến tâm lý e ngại, sợ sai, né tránh trách nhiệm ở một bộ phận cán bộ, công chức; từ đó nảy sinh xu hướng ưu tiên lợi ích cục bộ của đơn vị, làm suy giảm hiệu quả đổi mới và tiến trình hiện đại hóa nền quản trị xã hội tại cơ sở.

Bên cạnh những lỗ hổng trong quản trị bộ máy, các bất cập trong cơ chế điều tiết nguồn lực và bồi dưỡng năng lực hội nhập cũng là một nguyên nhân quan trọng. Điều này thể hiện qua sự chưa cân đối trong phân bổ nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới chương trình bồi dưỡng của Nhà nước. Chính sách đầu tư cho nghiên cứu đổi mới và cập nhật kỹ năng hội nhập cho cán bộ, công chức có thời điểm chưa tương thích với tốc độ phát triển thực tiễn; từ đó làm hạn chế mức độ tiếp cận tri thức quản lý, ngoại ngữ và kỹ năng số, đặc biệt tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Sự đứt gãy cục bộ này là tác nhân trực tiếp làm giảm khả năng phản ứng linh hoạt của tổ chức trước biến động quốc tế, ảnh hưởng đến việc phát huy sức mạnh nội sinh và năng lực bảo vệ chủ quyền kinh tế tại cơ sở.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên ở một số cấp độ vẫn còn có mặt hạn chế trong phương thức tuyên truyền, giáo dục và tính thực chất trong tổ chức các phong trào thi đua, phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả phát huy ý chí tự lực, tự cường của cộng đồng trong các hành động thực tiễn. Trước hết, về khâu tuyên truyền và định hướng nhận thức, vai trò trung tâm trong tập hợp, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường có nơi thiếu các biện pháp thực tiễn sinh động, ảnh hưởng đến mức độ nhận thức của một bộ phận cư dân, nhất là giới trẻ. Thực trạng này phần nào liên quan đến biểu hiện của một bộ phận thanh niên hiện nay “sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc” [33, tr.37]; trong đó lực lượng trẻ ở khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số có khâu còn thiếu hụt kỹ năng hội nhập, nhận thức chưa hoàn toàn đầy đủ về mối quan hệ giữa độc lập, tự do và sự phát triển cá nhân. Bên cạnh đó, về khâu tổ chức phong trào thực tiễn, công tác phát động các phong trào thi đua có lúc chưa tạo đủ động lực mạnh mẽ để khơi dậy khát vọng vươn lên làm giàu cho đất nước, phần nào tác động đến ý chí phấn đấu của một bộ phận cư dân khi đời sống vật chất được cải thiện. Ngoài ra, về phương thức tiếp cận, việc đổi mới hình thức giáo dục và ứng dụng các nền tảng truyền thông hiện đại có khâu còn chậm, ảnh hưởng đến tính chủ động trong học tập, nghiên cứu của một bộ phận cán bộ, người học và trí thức. Sự thiếu đồng bộ này là nhân tố tác động đến khả năng ứng dụng khoa học vào thực tiễn, ảnh hưởng đến việc cải thiện thực trạng “Năng lực và trình độ công nghệ của nền kinh tế nhìn chung còn thấp” [41, tr.80], từ đó tác động đến sức cạnh tranh vĩ mô của quốc gia trong bối cảnh hội nhập.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về phương thức tiếp cận, năng lực điều phối hành động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trước đòi hỏi của bối cảnh mới:

Trước hết, trong công tác tuyên truyền và tiếp cận đối tượng, sự chậm đổi mới hình thức phổ biến cùng tính trạng thiếu nhạy bén trước xu hướng tâm lý quần chúng là nguyên nhân trực tiếp làm giảm hiệu quả giáo dục lý tưởng cho giới trẻ. Mặt trận và các tổ chức thành viên, trọng tâm là Đoàn Thanh niên, có thời điểm

chưa kịp thời xây dựng các phương thức truyền thông tương thích với đặc điểm tiếp nhận thông tin trong môi trường số. Công tác vận động tại một số cơ sở còn mang tính bề nổi, chưa đan cài chặt chẽ giữa giáo dục giá trị lịch sử dân tộc với nhu cầu lập thân, lập nghiệp thực tế của thanh niên. Sự thiếu đồng bộ trong việc định hình các mô hình tương tác trên không gian mạng là rào cản làm hạn chế hiệu quả công tác tư tưởng, cản trở tính định hướng nhận thức của một bộ phận giới trẻ đối với các giá trị truyền thống.

Sự bất cập trong công cụ tiếp cận tư tưởng đó tất yếu dẫn đến những hạn chế ở khâu thiết kế phong trào và tạo lập cơ chế động lực thực tiễn. Nguyên nhân cụ thể nằm ở sự thiếu đồng bộ khi hoàn thiện các giải pháp hành động và xây dựng cơ chế thi đua để phát huy tính tích cực, tự chủ của mỗi công dân. Các cuộc vận động yêu nước có nơi chưa phù hợp với đặc thù tâm lý và trình độ của từng nhóm cư dân, đặc biệt là tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, việc chậm thiết lập các cơ chế khuyến khích dài hạn nhằm gắn kết giữa giá trị truyền thống với tư duy đổi mới sáng tạo là tác nhân làm giảm ý chí vươn lên phát triển kinh tế và động lực cống hiến của một bộ phận người dân khi đời sống bước đầu được cải thiện.

Song hành với các nút thắt nội bộ nêu trên, những bất cập trong cơ chế hiệp thương và phối hợp liên ngành cũng tạo ra lực cản không nhỏ đối với việc khơi dậy tính chủ động của quần chúng. Điều này thể hiện qua việc chưa hoàn thiện quy chế phối hợp đồng bộ giữa công tác vận động tư tưởng với thực tiễn lao động sản xuất và nghiên cứu khoa học. Sự thiếu chặt chẽ trong mối liên kết giữa Mặt trận Tổ quốc với các cơ quan quản lý nhà nước, các viện nghiên cứu và các ban, ngành chức năng làm giảm hiệu quả ứng dụng tri thức vào đời sống xã hội. Sự thiếu liên thông trong tổ chức thực hiện này khiến tri thức khoa học và thành tựu công nghệ chậm được cụ thể hóa vào sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phát huy nguồn lực trí tuệ và năng lực đổi mới sáng tạo trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Bốn là, năng lực của một bộ phận Nhân dân trong việc khơi dậy, duy trì ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước có nơi còn hạn chế, hiện hữu qua xu hướng giảm sút tính chủ động và sự nảy sinh tâm lý thỏa mãn trong điều

kiện hòa bình. *Trước hết, về nhận thức và thái độ hành vi thực tiễn*, trước sự cải thiện đáng kể của đời sống vật chất, một bộ phận quần chúng có biểu hiện thỏa mãn với hiện tại, dẫn đến xu hướng trông chờ, ỷ lại vào các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và các yếu tố bên ngoài. Tinh thần tự lực, tự cường vốn là giá trị nền tảng của bản lĩnh dân tộc có khâu chịu tác động bởi lối sống thực dụng, quá chú trọng vào lợi ích vật chất cá nhân trước mắt. *Đặc biệt*, trách nhiệm đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ở một bộ phận cư dân có lúc chưa được duy trì thường xuyên, biểu hiện qua xu hướng đơn giản hóa nghĩa vụ công dân và xem đây là nhiệm vụ chuyên biệt của các lực lượng vũ trang. Sự thiếu đồng bộ trong xây dựng lòng tự tôn dân tộc và khát vọng vươn lên khiến một số cá nhân chưa xác lập được bản lĩnh tư tưởng cần thiết, dễ bị dao động trước các luồng thông tin sai lệch, phức tạp trên không gian mạng, hoặc chịu ảnh hưởng từ các xu hướng văn hóa ngoại lai không phù hợp. Hệ quả là làm ảnh hưởng đến mức độ đồng thuận xã hội và sự vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; khiến cho các giá trị hòa bình, độc lập, tự do thiếu đi nền tảng sức mạnh nội sinh đồng bộ để cụ thể hóa thành thực lực quốc gia trước các thách thức mới.

Những hạn chế nêu trên không mang tính ngẫu nhiên, mà bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về nhận thức chủ quan và sự dịch chuyển trong tâm lý xã hội của một bộ phận quần chúng nhân dân trước những tác động phức tạp của đời sống hiện đại:

Trước hết, ở tầng sâu của ý thức xã hội và cấu trúc giá trị sống, tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường là tác nhân trực tiếp làm suy giảm ý chí tự lực, tự cường của một bộ phận cư dân. Sự thay đổi trong môi trường kinh tế nảy sinh tâm lý thỏa mãn với những kết quả vật chất bước đầu, dẫn đến xu hướng ỷ lại tính chủ động trong thực hiện các mục tiêu phát triển dài hạn. Hiện tượng này xuất phát từ việc nhận thức chưa đầy đủ về tính quy luật của quá trình phát triển, gây nên sự lệch lạc tư tưởng trước các biểu hiện của lối sống thực dụng. Việc đặt nhu cầu lợi ích cá nhân lên trên trách nhiệm xã hội chính là căn nguyên làm suy giảm tính tự giác trong lao động, ảnh hưởng tiêu cực đến động lực phát triển bằng năng lực nội sinh của người dân tại cơ sở.

Sự dịch chuyển theo hướng vị lợi trong hệ giá trị sống đó tất yếu kéo theo những hạn chế lớn về mặt ý thức quốc phòng và nhận thức trách nhiệm công dân. Nguyên nhân cụ thể nằm ở việc nhìn nhận tách rời, thiếu biện chứng giữa an ninh quốc gia và lợi ích cá nhân, dẫn đến quan điểm phiến diện cho rằng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của các lực lượng chuyên biệt. Sự thiếu thống nhất trong định hướng tư duy này làm cho tinh thần cảnh giác trước các nguy cơ bất ổn phi truyền thống không được duy trì thường xuyên; từ đó làm tê liệt khả năng tự sàng lọc thông tin và khiến một bộ phận người dân dễ chịu tác động trước các luận điệu kích động, chia rẽ của các thế lực thù địch trên không gian mạng.

Song hành với sự chủ quan về mặt ý thức chính trị, những bất cập ở khâu định vị bản lĩnh văn hóa trước xu thế toàn cầu hóa cũng là một nút thắt nội tại. Điều này thể hiện qua việc chưa giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tiếp thu tinh hoa nhân loại với bảo tồn bản sắc truyền thống, khiến năng lực tự sàng lọc trước các trào lưu lối sống ngoại lai còn hạn chế. Khi tri thức lịch sử và lòng tự tôn dân tộc của một bộ phận quần chúng, nhất là giới trẻ, chưa được bồi đắp tương xứng với yêu cầu thời đại, bản lĩnh tự chủ về tư tưởng sẽ dễ bị lung lay. Sự thiếu hụt nền tảng văn hóa nội tại này là lực cản làm suy giảm tính gắn kết xã hội, hạn chế hiệu quả cụ thể hóa các giá trị tinh thần thành thực lực quốc gia, ảnh hưởng trực tiếp đến độ vững chắc của thể trận lòng dân từ sớm, từ xa.

3.1.2.4. Hạn chế trong phát huy nghệ thuật quân sự

Một là, nghệ thuật quân sự là kết tinh của tư duy chiến lược và thực tiễn tác chiến, song trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện, ở một số cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng vẫn còn có mặt hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu năng quy tụ sức mạnh tổng hợp quốc gia. Những bất cập này biểu hiện qua mức độ đồng bộ trong tư duy lý luận quốc phòng và công tác quản lý lực lượng nòng cốt. *Trước hết, về nhận thức và tư duy chỉ đạo*, việc quán triệt quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân ở một số cấp ủy, cán bộ có nơi chưa hoàn toàn chiều sâu, dẫn đến thực trạng “quán triệt chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh... chưa thật đầy đủ, sâu sắc,... chưa

thật toàn diện, tổ chức thực hiện chưa đồng bộ, chặt chẽ” [18, tr.21]. Sự thiếu đồng bộ này ảnh hưởng đến việc cụ thể hóa phương châm tạo lực, lập thế, tranh thời, dùng mưu trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; khiến cho việc phối hợp giữa các lực lượng có khâu chưa đạt hiệu quả tối ưu, dẫn đến biểu hiện “Chưa phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của nhân dân để thực thi nhiệm vụ” [62, tr.184]. *Bên cạnh đó, về năng lực dự báo chiến lược*, công tác nắm bắt tình hình có lúc chưa bám sát kịp thời diễn biến thực tiễn, thể hiện qua việc “việc chỉ đạo công tác nắm, nghiên cứu, dự báo, đánh giá tình hình có lúc, có nội dung chưa kịp thời” [158, tr.144], phần nào tác động đến mức độ linh hoạt trong tổ chức thực hiện, thậm chí “xác định và xử lý đối tượng, đối tác trong một số trường hợp chưa được linh hoạt, chưa phân biệt rõ bạn, thù” [62, tr.184]. *Mặt khác, về khâu phát triển lý luận*, công tác cập nhật và đúc kết thực tiễn có lĩnh vực còn chậm, khi “công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận có nơi, có lúc chưa được quan tâm đúng mức” [63, tr.190], ảnh hưởng đến tiến trình hiện đại hóa nghệ thuật quân sự thích ứng với không gian tác chiến hiện đại và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. *Cuối cùng, về công tác quản lý cán bộ trong lực lượng vũ trang*, việc kiểm soát kỷ luật nội bộ có nơi chưa đồng bộ, dẫn đến thực trạng “công tác quản lý, đánh giá cán bộ có nơi, có lúc chưa chặt chẽ, còn để cán bộ vi phạm kỷ luật, pháp luật” [158, tr.144 - 145], ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của tổ chức Đảng trong quân đội.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về năng lực phát triển lý luận, phương thức định hướng tác chiến và cơ chế quản lý cán bộ của các cấp ủy đảng trước những đòi hỏi của tình hình mới:

Trước hết, từ góc độ phát triển lý luận quân sự và tổng kết thực tiễn quốc phòng, việc đúc kết thực tiễn và cập nhật các quy luật của chiến tranh hiện đại chưa đồng bộ là một nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cụ thể hóa nghệ thuật quân sự trong bối cảnh mới. Tại một số cấp ủy và cơ quan tham mưu chuyên ngành, tính chủ động trong bổ sung lý luận quân sự truyền thống nhằm tương thích với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có thời điểm còn hạn chế. Việc xây dựng

các công trình nghiên cứu về mối quan hệ biện chứng giữa hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ chưa kịp thời, ảnh hưởng đến mức độ toàn diện trong nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Sự thiếu đồng bộ trong dự báo và phát triển lý luận này là nguyên nhân khiến việc cụ thể hóa phương châm tạo lực, lập thể, tranh thời, dùng mưu có nơi còn mang tính quy trình, chưa tương thích với sự phát triển của các phương thức tác chiến công nghệ cao.

Sự chậm trễ trong cập nhật lý luận và dự báo xu thế chiến tranh đó tất yếu ảnh hưởng đến năng lực dự báo chiến lược cùng công tác tham mưu quốc phòng. Nguyên nhân cụ thể nằm ở việc nâng cao tính kịp thời trong nghiên cứu, bổ sung luận cứ định hướng phân định đối tác, đối tượng chưa đồng bộ. Phương pháp nắm bắt, phân tích tình hình có thời điểm chưa toàn diện để bao quát các diễn biến thực tiễn; việc nhận diện các phương thức diễn biến phức tạp và xử lý thông tin sai lệch trên không gian mạng có lĩnh vực còn hạn chế, tác động đến tâm lý, tư tưởng của một bộ phận quần chúng tại cơ sở. Sự thiếu linh hoạt trong cụ thể hóa đường lối đối ngoại quốc phòng và ứng xử trước các mối quan hệ quốc tế phức tạp chính là tác nhân làm giảm tính chủ động của công tác tham mưu chiến lược, gây trở ngại cho hiệu quả ứng phó trước các tình huống an ninh phi truyền thống.

Bên cạnh những bất cập trong công tác tham mưu vĩ mô, các lỗ hổng trong kiểm tra, giám sát và quản lý cán bộ thuộc lực lượng vũ trang cũng là tác nhân trực tiếp làm suy giảm sức mạnh chính trị - tinh thần của lực lượng nòng cốt. Điều này xuất phát từ việc cơ chế kiểm soát tổ chức đảng gắn liền với rèn luyện đội ngũ chưa chặt chẽ, dẫn đến hành vi vi phạm kỷ luật của một số cá nhân. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại một số tổ chức cơ sở đảng còn nặng về quy trình, chưa phát huy đầy đủ tính tự giác của đội ngũ trong thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng từ sớm, từ xa. Đồng thời, việc đánh giá, phân loại và giải quyết các vụ việc phát sinh tại cơ sở có lĩnh vực chưa dứt điểm; từ đó làm hạn chế tính thống nhất về tư tưởng, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi kỷ luật và năng lực phối hợp hành động giữa các lực lượng.

Hai là, những hạn chế của Nhà nước trong phương thức thể chế hóa, quản lý đất đai quốc phòng, điều tiết nguồn lực và tổ chức giáo dục quốc phòng có lúc

đã ảnh hưởng đến hiệu quả phát huy nghệ thuật quân sự Việt Nam, phần nào tác động đến tính toàn diện của các chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. *Trước hết, về khâu hoàn thiện công cụ pháp lý và thiết chế phối hợp*, thực tiễn cho thấy “cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh chưa thật hoàn thiện” [62, tr.183], có lĩnh vực chưa kịp thời tương thích trước những biến động nhanh chóng của tình hình. Sự phối hợp giữa “xây dựng nền quốc phòng toàn dân với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân chưa thật chặt chẽ, vẫn còn thiếu cơ chế và giải pháp cụ thể” [63, tr.184]. *Bên cạnh đó, về khâu kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh*, việc “kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh ở một số địa phương, đơn vị thiếu hiệu quả, còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, nặng về lợi ích kinh tế đơn thuần, trước mắt” [41, tr.88]. Thực trạng này nếu chưa được khắc phục kịp thời bằng các cơ chế kiểm tra đồng bộ sẽ ảnh hưởng đến việc củng cố khối đại đoàn kết, dẫn đến biểu hiện “thể trận lòng dân chưa được chú trọng đúng mức” [62, tr.183]. *Đặc biệt, về khâu điều tiết và quản lý nguồn lực vật chất*, tiến trình “xây dựng khu kinh tế - quốc phòng - an ninh có nơi chưa đạt hiệu quả cao” [62, tr.183], có khâu chưa giải quyết dứt điểm các mối quan hệ lợi ích liên quan đến đất đai, môi trường; minh chứng là tính đến năm 2022, còn hơn 600 điểm đất quốc phòng liên quan đến tranh chấp, lấn chiếm chưa được xử lý triệt để [12]. Ngoài ra, việc “tiềm lực vật chất phục vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc thực sự còn có mặt hạn chế so với đòi hỏi của yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới” [62, tr.183 - 184], kết hợp với thực tế “thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chậm được tổng kết và phát triển, chưa theo kịp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” [58] và phương thức tổ chức giáo dục quốc phòng - an ninh có nơi còn nặng về lý thuyết, là nhân tố ảnh hưởng đến ý thức trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ giữ nước của một bộ phận thế hệ trẻ.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về năng lực thiết chế, cơ chế kiểm soát quyền lực công vụ và tư duy điều hành của Nhà nước:

Trước hết, từ góc độ thể chế hóa và xây dựng hành lang pháp lý, nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ sự chưa đồng bộ trong việc hoàn thiện các công cụ quy

phạm và thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, gây ảnh hưởng đến hiệu quả gắn kết giữa thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân. Tại một số cơ quan tham mưu chuyên ngành, tính kịp thời trong cụ thể hóa đường lối quân sự của Đảng thành hệ thống pháp luật có lĩnh vực chưa đáp ứng được yêu cầu. Quy trình xây dựng, văn bản quy phạm pháp luật chưa phù hợp với tốc độ biến động của các hình thái chiến tranh hiện đại và các thách thức an ninh phi truyền thống. Sự thiếu đồng bộ trong cơ chế điều hành vĩ mô này là nguyên nhân khiến mối liên kết giữa hai nền tảng quốc phòng và an ninh tại cơ sở chưa đạt hiệu quả tối ưu, ảnh hưởng đến việc củng cố thể trận phòng thủ khu vực và năng lực tác chiến của quốc gia.

Sự thiếu hụt các hành lang pháp lý điều phối mạch lạc đó đã kéo theo những kẽ hở trong năng lực quản trị hành chính và điều tiết nguồn lực. Nguyên nhân cụ thể nằm ở sự lỏng lẻo của cơ chế phối hợp vận hành các thiết chế kiểm soát tài sản công và đất đai quốc phòng, làm suy giảm hiệu lực quản lý vĩ mô. Biểu hiện thực tế là quy trình giám sát cùng tiến độ xử lý sai phạm trong kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh tại một số địa phương còn chậm. Xu hướng đặt nặng mục tiêu kinh tế ngắn hạn tại một vài địa bàn làm ảnh hưởng đến ý thức bảo đảm quốc phòng, an ninh của một bộ phận đội ngũ thực thi công vụ. Đồng thời, việc phân cấp quản lý địa bàn và tính minh bạch của quy trình pháp lý liên quan đến đất đai quốc phòng chưa hoàn thiện là tác nhân dẫn đến các vụ việc lấn chiếm, tranh chấp kéo dài tại cơ sở, làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa Nhân dân với lực lượng vũ trang và niềm tin xã hội đối với tính nghiêm minh của hệ thống thiết chế công quyền.

Trên phương diện điều tiết chính sách xã hội, hoàn thiện các giải pháp an sinh và đổi mới công tác giáo dục quốc phòng - an ninh, sự thiếu đồng bộ trong hoàn thiện các giải pháp an sinh và đổi mới phương thức giáo dục là một nhân tố ảnh hưởng đến tính bền vững của thể trận lòng dân tại cơ sở. Nguyên nhân của tình trạng này xuất phát từ việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội ở một số địa bàn còn chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả phân bổ các nguồn lực vật chất cho quốc phòng. Đồng thời, công tác tổng kết thực tiễn,

nghiên cứu lý luận chưa kịp thời bổ sung các luận cứ khoa học phù hợp với bối cảnh mới. Mặt khác, phương thức tổ chức giáo dục quốc phòng - an ninh còn nặng về lý thuyết, cơ sở vật chất và đội ngũ giảng dạy chưa được chuẩn hóa là nguyên nhân làm giảm hiệu quả bồi dưỡng kỹ năng thực hành của người học; từ đó ảnh hưởng đến ý thức trách nhiệm và tính chủ động tham gia thực thi nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của một bộ phận thế hệ trẻ.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên ở một số cấp độ vẫn còn có mặt hạn chế trong phương thức tuyên truyền, vận động và tính thực chất trong tổ chức các hoạt động củng cố thế trận lòng dân trên các địa bàn chiến lược. Trước hết, về nhận thức và phương thức vận động tư tưởng, vai trò cầu nối của Mặt trận trong việc phổ biến, giáo dục lý luận quốc phòng có nơi chưa phát huy tối đa hiệu quả, ảnh hưởng đến mức độ huy động tích cực của các tầng lớp cư dân. Công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc có lúc, có nơi chưa bám sát diễn biến tâm lý, trình độ và đặc thù văn hóa của từng nhóm đối tượng; các chương trình hành động có lĩnh vực còn hình thức, chưa thật sự linh hoạt đối với từng lứa tuổi, địa phương và đặc thù sắc tộc. Bên cạnh đó, trong tổ chức phong trào thực tiễn, việc duy trì tính thường xuyên, liên tục của các phong trào thi đua phục vụ quốc phòng tại khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo có lúc chưa đồng bộ, dẫn đến thực trạng thế trận lòng dân “có địa bàn, có thời điểm chưa thật sự vững chắc” [18, tr.21]. Hạn chế này gắn liền với thực tế việc quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc có lúc, có nơi “chưa nghiêm, chưa hiệu quả” [41, tr.87]. Hệ quả là một bộ phận cán bộ, hội viên ở cơ sở chưa nhận thức toàn diện về tầm quan trọng của việc khơi dậy sức mạnh Nhân dân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, ảnh hưởng đến tính liên hoàn và năng lực hiệp đồng của hệ thống phòng thủ dân sự.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về tư duy tổ chức, phương thức tuyên truyền và cơ chế điều phối của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức thành viên:

Trước hết, xét trên phương diện truyền thông tư tưởng và tiếp cận đối tượng, sự chậm đổi mới hình thức phổ biến cùng tính trạng thiếu nhạy bén trước đặc điểm tâm lý quần chúng là nguyên nhân trực tiếp làm giảm hiệu quả đưa lý luận quốc phòng, an ninh vào đời sống. Mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở cấp cơ sở có thời điểm chưa kịp thời cụ thể hóa các nội dung nghệ thuật quân sự thành hệ thống giáo dục phù hợp với trình độ nhận thức của từng nhóm dân cư. Phương thức truyền tải các chủ trương chiến lược về quốc phòng, an ninh tại một số đơn vị còn mang tính hình thức, chưa xây dựng được nội dung trực quan tương thích với đặc thù văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số tại các địa bàn biên giới. Sự thiếu đồng bộ trong xây dựng các mô hình truyền thông này là nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả công tác tư tưởng, ảnh hưởng đến việc định hướng nhận thức và ý thức thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của một bộ phận đoàn viên, hội viên.

Sự bất cập trong công cụ giáo dục nhận thức đó đã kéo theo những nút thắt lớn ở khâu tổ chức phong trào và thiết lập cơ chế động lực thực tiễn. Nguyên nhân cụ thể nằm ở sự thiếu đồng bộ khi xây dựng các giải pháp duy trì phong trào liên tục và sự chậm trễ trong khắc phục xu hướng hành chính hóa, gây ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững của thế trận lòng dân tại các địa bàn chiến lược. Việc thiết lập cơ chế tạo động lực dài hạn nhằm duy trì hiệu quả các cuộc vận động quốc phòng toàn dân tại khu vực biên giới, hải đảo còn chậm; phương thức tổ chức phong trào có nơi thiên về các sự kiện ngắn hạn, chưa gắn kết với quy trình kiểm tra, đánh giá định lượng. Sự thiếu hoàn thiện trong năng lực quản lý địa bàn của một bộ phận đội ngũ cán bộ đoàn thể là tác nhân cản trở tiến độ xây dựng thế trận lòng dân; từ đó làm giảm năng lực tự sàng lọc của cộng đồng trước các luận điệu kích động, chia rẽ của các thế lực thù địch tại địa bàn dân cư.

Mặt khác, ở phạm vi phối hợp thiết chế, các bất cập trong cơ chế hiệp thương liên ngành và năng lực phản hồi dư luận xã hội cũng là lực cản lớn làm phân tán sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị. Điều này xuất phát từ việc vận hành các phương thức tương tác đa chiều và năng lực dự báo nhu cầu của người dân chưa đồng bộ, dẫn đến sự thiếu liên thông trong phối hợp hành động giữa Mặt

trận Tổ quốc với các cơ quan quản lý nhà nước và lực lượng vũ trang tại địa phương. Việc chưa hoàn thiện quy trình liên thông thống nhất hành động là nguyên nhân dẫn đến tình trạng phân tán nguồn lực và chông chéo về nội dung vận động giữa các đoàn thể. Đồng thời, năng lực phân tích, nắm bắt nguyện vọng của Nhân dân ở một bộ phận đội ngũ cán bộ có thời điểm còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ tham mưu lên các cấp quản lý. Sự thiếu đồng bộ này là nguyên nhân làm hạn chế năng lực điều phối của Mặt trận Tổ quốc, khiến việc phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân chưa đạt hiệu quả tối ưu nhằm hiện thực hóa các phương châm nghệ thuật quân sự trong bối cảnh mới.

Bốn là, vai trò chủ thể và tính chủ động của một bộ phận Nhân dân trong thực tiễn tham gia phát huy sức mạnh nghệ thuật quân sự có nơi có khâu chưa đồng bộ, chưa bảo đảm tính thường trực, liên tục. Trước hết, về mặt nhận thức và tinh thần cảnh giác cách mạng, tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường trong điều kiện đất nước hòa bình kéo dài khiến một bộ phận quần chúng xuất hiện tâm lý chủ quan, xem nhẹ nghĩa vụ quốc phòng và có xu hướng xem nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là công việc chuyên biệt của các lực lượng vũ trang. Sự dịch chuyển trong cấu trúc thang giá trị sống có lĩnh vực ảnh hưởng đến tinh thần sẵn sàng cống hiến - vốn là hạt nhân nền tảng cấu thành sức mạnh chính trị - tinh thần của nền quốc phòng toàn dân. Trước các phương thức tác chiến tư tưởng tinh vi của các thế lực thù địch trên không gian mạng, năng lực nhận diện đối tác, đối tượng của một bộ phận cư dân vẫn còn tồn tại độ trễ so với yêu cầu thực tiễn. Sự chưa hoàn thiện trong nhạy bén chính trị này khiến họ dễ chịu tác động từ các luồng thông tin sai lệch, có lúc có nơi bị lôi kéo vào các vụ việc gây mất ổn định trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến sự gắn kết của khối đại đoàn kết toàn dân tộc từ cơ sở. Bên cạnh đó, hoạt động củng cố lực lượng tại chỗ, tham gia vào các thiết chế dân quân tự vệ, dự bị động viên tại một số địa phương có lúc còn chưa thực sự thực chất, chưa hoàn toàn xuất phát từ nhu cầu tự giác của công dân. Thực trạng này ảnh hưởng đến tính liên hoàn của thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, tác động đến tính bền vững của thể trận lòng dân và năng lực phòng thủ dân sự của quốc gia trước các thách thức an ninh phi truyền thống mang tính thời đại.

Những hạn chế và sự chưa đồng bộ trong ý thức quốc phòng nêu trên bắt nguồn từ các nguyên nhân thuộc về nhận thức và xu hướng dịch chuyển của tâm lý xã hội ở một bộ phận quần chúng:

Trước hết, xét trên phương diện ý thức công dân và tâm lý xã hội, xu hướng đặt nặng lợi ích cá nhân ngắn hạn cùng tâm lý chủ quan trong điều kiện đất nước hòa bình, ổn định lâu dài chính là tác nhân trực tiếp làm suy giảm tính thường trực của sức mạnh chính trị - tinh thần. Trước sự cải thiện của đời sống vật chất, một bộ phận quần chúng chưa gắn kết chặt chẽ giữa quyền lợi dân sinh với trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ quốc phòng. Vấn đề này xuất phát từ việc nhận thức chưa đầy đủ về mối quan hệ biện chứng giữa nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và lợi ích kinh tế cá nhân, dẫn đến xu hướng đơn giản hóa tính thường xuyên của các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng. Sự thiếu thống nhất trong nhận thức này là nguyên nhân làm giảm tính chủ động của người dân trong tham gia thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng tại cơ sở; từ đó nảy sinh tâm lý trông chờ vào các lực lượng vũ trang chuyên trách, ảnh hưởng đến nền tảng tinh thần của nghệ thuật quân sự toàn dân.

Sự dịch chuyển tiêu cực trong tâm lý xã hội đó tất yếu dẫn đến những lỗ hổng lớn về bản lĩnh chính trị và năng lực nhận thức trên môi trường số. Nguyên nhân cụ thể nằm ở việc nâng cao năng lực tự sàng lọc thông tin xã hội của một bộ phận người dân chưa đồng bộ, làm giảm tính thực chất khi vận dụng quan điểm phân định đối tác, đối tượng của Đảng. Do công tác giáo dục lý luận chính trị và cập nhật tri thức lịch sử dân tộc có nơi chưa được duy trì thường xuyên, một bộ phận quần chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ, chưa tích lũy đầy đủ tri thức chiến lược để định vị bản thân trước các phương thức đấu tranh tư tưởng tinh vi trên không gian mạng. Sự mơ hồ trong quán triệt quan điểm chiến lược này là căn nguyên khiến cư dân thiếu chủ động trước các thông tin sai lệch, trực tiếp tác động tiêu cực đến tính thống nhất về tư tưởng và độ vững chắc của thế trận lòng dân tại cơ sở.

Từ những kẽ hở trong nhận thức và tư tưởng nêu trên, ý thức nghĩa vụ và tính tự giác chính trị của một bộ phận quần chúng khi đối diện với các thiết chế thực tiễn đã rơi vào trạng thái thụ động, hình thức. Điều này thể hiện qua việc bồi

đương ý thức tự giác của công dân tại cơ sở có thời điểm chưa chặt chẽ, dẫn đến những hạn chế trong nâng cao chất lượng tham gia lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Nhận thức về phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa ở một vài nhóm đối tượng chưa gắn kết hữu cơ với trách nhiệm giữ gìn an ninh tại địa bàn, còn biểu hiện mang tính hành chính quy trình. Sự thiếu đồng bộ trong giáo dục nghĩa vụ chính trị này là lực cản cốt lõi làm giảm hiệu quả xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng tại chỗ, ảnh hưởng đến tính liên hoàn của hệ thống phòng thủ dân sự và năng lực chủ động phòng ngừa các nguy cơ bất ổn từ sớm, từ xa.

3.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY

3.2.1. Vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa phát huy sức mạnh vật chất với phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Từ quy luật vận động của cấu trúc sức mạnh tổng hợp quốc gia, thực tiễn phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần những năm qua đang đặt ra mâu thuẫn biện chứng giữa yêu cầu gia tăng tiềm lực kinh tế với nhiệm vụ bảo tồn, phát triển nền tảng tinh thần xã hội trước áp lực của quy luật thị trường và hội nhập sâu rộng. Biện chứng của sự phát triển khẳng định tăng trưởng kinh tế tạo tiền đề vật chất khách quan để bồi đắp đời sống văn hóa; tuy nhiên, mặt trái của cơ chế thị trường và xu hướng cá nhân hóa lại là tác nhân trực tiếp làm trầm trọng hơn tình trạng “đời sống tinh thần xã hội xuống cấp, các giá trị tinh thần bị đảo lộn...” [5, tr.38]. Sự phân hóa xã hội cùng tâm lý thực dụng vị lợi đang tạo nguy cơ xói mòn các liên kết cộng đồng, làm suy giảm niềm tin chính trị và tính tích cực của chủ thể trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân, đặc biệt là tại các khu vực phòng thủ cơ sở.

Mâu thuẫn này càng trở nên sâu sắc khi xem xét trạng thái vận động lệch pha giữa hai nguồn lực trong chỉnh thể thống nhất của sức mạnh quốc gia. Trong khi tiềm lực vật chất đòi hỏi thời gian và nguồn vốn lớn để tích lũy, củng cố hạ tầng công nghệ quốc phòng; thì sức mạnh văn hóa tinh thần - với vai trò là xung lực điều hướng chính trị, nhân bội hiệu năng thực tiễn - lại dễ bị tổn thương trước các tác động tiêu cực của đời sống kinh tế. Sự thiếu hụt cơ sở vật chất - kỹ thuật

cản trở việc hiện đại hóa vũ khí và bảo đảm an sinh xã hội; trái lại, sự suy giảm sức đề kháng văn hóa tinh thần lại làm mờ nhạt ý thức nghĩa vụ thời bình, tạo kẽ hở cho các chiến lược “phương Tây hóa, Mỹ hóa” [5, tr.228] xâm nhập phá hoại nền tảng tư tưởng từ bên trong.

Do đó, vấn đề đặt ra mang tính quy luật là phải thể chế hóa đồng bộ phương châm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Việc giải quyết mâu thuẫn này đòi hỏi phải lấy việc nâng cao đời sống dân sinh tại các địa bàn chiến lược làm điều kiện tiên quyết để kiên cố hóa thể trận lòng dân, bảo đảm tối ưu lợi ích quốc gia - dân tộc và giữ vững sự ổn định của chế độ từ sớm, từ xa.

3.2.2. Vấn đề phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Từ góc độ ý thức xã hội và bản lĩnh chủ thể, thực tiễn phát huy chủ nghĩa yêu nước thời kỳ Đổi mới đang đặt ra mâu thuẫn biện chứng giữa yêu cầu khơi dậy khát vọng cống hiến, trách nhiệm chính trị cao cả với tình trạng suy giảm ý chí phấn đấu, lối sống thực dụng và sự mơ hồ về mục tiêu lý tưởng của một bộ phận quần chúng. Xu thế phát triển hiện nay đòi hỏi phải chuyển hóa tinh thần yêu nước từ trạng thái tình cảm tự phát thành nghĩa vụ tự giác, được hiện thực hóa bằng các quy chuẩn giá trị của hệ thống thể chế. Tuy nhiên, tiến trình này đang vấp phải rào cản từ sự dịch chuyển tâm lý xã hội dưới tác động của kinh tế thị trường, nơi xu hướng vị lợi ngắn hạn dễ làm mờ nhạt mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích cá nhân với trách nhiệm đối với quốc gia - dân tộc.

Mâu thuẫn trên càng trở nên phức tạp trước sự bất cập trong đổi mới phương thức tương tác và quản trị tư tưởng tại một số tổ chức cơ sở, vô hình trung làm xơ cứng các công cụ tuyên giáo, hạn chế việc chuyển hóa tri thức văn hóa, lịch sử thành sức đề kháng nhận thức trước các chiến lược truyền thông xuyên biên giới. Đồng thời, những hạn chế ở khâu bồi dưỡng ý thức công vụ, việc thiếu hụt cơ chế kiểm soát quyền lực nội bộ dẫn đến tệ quan liêu, tư duy cục bộ tại một vài địa bàn chính là nguyên nhân làm suy giảm động lực cống hiến, cản trở việc tối ưu hóa nguồn lực nội sinh từ quyền làm chủ thực chất của Nhân dân.

Đặc biệt, trước tác động phức hợp của xu thế toàn cầu hóa, yêu cầu khách quan đặt ra là phải hóa giải thành công mâu thuẫn giữa nhiệm vụ giữ vững sự ổn định chiến lược để xây dựng, phát triển đất nước với những “âm mưu hòng kìm hãm sự phát triển của Việt Nam từ các thế lực thù địch” [114, tr.74]. Thực trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức ở một bộ phận và kỷ cương hành chính công vụ chưa nghiêm minh là tác nhân xói mòn niềm tin của quần chúng, ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững của thể trận lòng dân. Do đó, vấn đề đặt ra mang tính quy luật là hệ thống chính trị phải đổi mới mạnh mẽ phương thức vận động tư tưởng đi đôi với nâng cao năng lực thể chế hóa pháp lý, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; lấy việc bảo bồi đắp và khơi dậy khát vọng vươn lên, tinh thần dám nghĩ, dám làm của mọi tầng lớp Nhân dân làm phương thức căn cốt để giữ vững chủ quyền và bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

3.2.3. Vấn đề phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Dưới góc độ quản trị hệ thống và điều tiết vĩ mô, thực tiễn củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc cùng sự đồng thuận xã hội đang đặt ra mâu thuẫn biện chứng sâu sắc giữa yêu cầu khơi dậy tối đa nguồn lực nội sinh với thực trạng bất cập trong cơ chế kiểm soát quyền lực, ràng buộc trách nhiệm công vụ tại một số thiết chế cơ sở. Lý luận duy vật lịch sử khẳng định, nếu “không có sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân thì không thể tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” [170, tr.66]. Tuy nhiên, sự xuất hiện của chủ nghĩa cá nhân vị lợi cùng các sai phạm về đạo đức công vụ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đang là tác nhân trực tiếp gây xói mòn niềm tin của quần chúng, làm tổn hại đến mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Thực trạng này cản trở việc cụ thể hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng” thành các thiết chế dân chủ thực chất, dẫn đến tình trạng hành chính hóa các công cụ tập hợp quần chúng và làm suy giảm hiệu năng quy tụ sức mạnh tổng hợp quốc gia ngay từ địa bàn cơ sở.

Mâu thuẫn này càng trở nên phức tạp trước áp lực phân hóa của kinh tế thị

trường, biểu hiện qua sự lệch pha giữa đòi hỏi duy trì tính liên kết xã hội bền vững với những hạn chế trong cơ chế điều tiết, đánh giá tác động dân sinh khi hoạch định chính sách vĩ mô. Sự bất cập về mặt lợi ích kinh tế, khi kết hợp với các rào cản trong bảo đảm an ninh tư tưởng trên không gian mạng, đã tạo kẽ hở cho các chiến lược truyền thông chống phá, lợi dụng kích động, chia rẽ khối cố kết cộng đồng. Việc các thế lực thù địch sử dụng mạng xã hội để lan truyền thông tin sai lệch, mưu đồ gây mất đoàn kết nội bộ và kích động ly khai sắc tộc trực tiếp làm “ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức mạnh lòng dân, làm suy yếu sức mạnh tổng hợp của thế trận an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân trong sự nghiệp giữ nước” [21, tr.146]. Trở lực này đòi hỏi phải hóa giải triệt để sự vênh lệch giữa yêu cầu xây dựng sức đề kháng tư tưởng của quần chúng với xu hướng xơ cứng, thiếu tính công nghệ trong công tác giáo dục lý luận và quán triệt văn kiện chiến lược tại cơ sở.

Do đó, vấn đề đặt ra mang tính quy luật nhằm củng cố sức mạnh đại đoàn kết và chủ động ứng phó từ sớm, từ xa trước các nguy cơ an ninh phi truyền thống là hệ thống chính trị phải tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Tiến trình này đặt ra yêu cầu tất yếu phải hiện thực hóa di sản lý luận quân sự dân tộc cùng triết lý nhân văn Hồ Chí Minh: “Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn” [97, tr.256]; trên cơ sở đó, xác định việc bảo đảm lợi ích thiết thực, thực hiện công bằng xã hội và hoàn thiện định chế hiệp thương liên ngành là phương thức thực tiễn để kiên cố hóa thế trận lòng dân, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội của chế độ ngay từ gốc rễ.

3.2.4. Vấn đề phát huy ý chí tự lực, tự cường; khát vọng hòa bình, độc lập, tự do trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Từ quy luật vận động biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, thực tiễn khơi dậy nội lực tinh thần dân tộc hiện nay đang đặt ra mâu thuẫn nội tại giữa một bên là đòi hỏi khách quan về việc nâng cao năng lực tự chủ chiến lược với một bên là tình trạng mơ hồ về nghĩa vụ thời bình cùng các biểu hiện của lối sống thực dụng ở một bộ phận quần chúng nhân dân. Nhằm hiện thực hóa mục tiêu

“phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, tạo tiềm lực vĩ mô để bảo vệ đất nước, Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh yêu cầu tất yếu phải khơi dậy mạnh mẽ “ý chí tự cường dân tộc”, “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” [41, tr.110, 111].

Tuy nhiên, mối quan hệ biện chứng này đang vấp phải rào cản từ áp lực cạnh tranh lợi ích của kinh tế thị trường và xu hướng cá nhân hóa, làm chậm tiến trình nội hóa các giá trị tinh thần thành hành động cách mạng tự giác thường nhật, đồng thời làm phân tán khả năng huy động nguồn lực tổng hợp ngay từ cơ sở. Mâu thuẫn trên càng biểu hiện gay gắt trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, đòi hỏi quốc gia phải giữ vững độc lập, tự chủ về mặt chính trị đi đôi với chủ động đa dạng hóa chiến lược ứng phó trên mặt trận đối ngoại; đồng thời phải hóa giải sự lệch pha giữa yêu cầu hiện đại hóa công tác giáo dục chính trị nhằm nâng cao sức đề kháng tư tưởng của cư dân với tình trạng hành chính hóa, xơ cứng trong phương thức vận hành của một số tổ chức cơ sở trước làn sóng thông tin đa chiều. Sự thiếu hụt bộ lọc nhận thức số này đang tạo điều kiện cho các phương thức chiến tranh tâm lý và luồng tư tưởng ngoại lai tác động, gây nên trạng thái dao động ở một bộ phận giới trẻ.

Do đó, vấn đề đặt ra mang tính quy luật là hệ thống chính trị phải giải quyết thấu đáo mối quan hệ lợi ích bằng hành lang pháp lý nghiêm minh; chuyển hóa ý chí tự lực thành động lực đột phá để chiếm lĩnh khoa học - công nghệ, tạo nền tảng kiên cố cho nền quốc phòng tự lực, tự cường. Đây chính là gốc rễ lý luận và thực tiễn để toàn dân tộc chung sức, đồng lòng nâng cao vị thế chiến lược của quốc gia, hiện thực hóa mục tiêu “để tên tuổi Việt Nam, văn hóa Việt Nam được coi trọng trên trường quốc tế” [152, tr.235], bảo đảm củng cố thể trận lòng dân và giữ vững thể chủ động chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

3.2.5. Vấn đề phát huy nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Từ quy luật vận động biện chứng của cấu trúc thượng tầng chính trị và yêu cầu hiện đại hóa lực lượng vũ trang, thực tiễn phát huy tinh hoa quân sự dân tộc hiện nay đang đặt ra mâu thuẫn giữa đòi hỏi khách quan về đổi mới lý luận quốc phòng trong điều kiện bùng nổ khoa học - công nghệ với thực trạng tư duy chiến

lược, bản lĩnh trách nhiệm của một số tổ chức cơ sở còn “chậm đổi mới, chưa theo kịp với sự phát triển của mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới” [21, tr.88]. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi sâu sắc bản chất, phương thức tác chiến và mở rộng các không gian xung đột phi truyền thống; tuy nhiên, quy trình cụ thể hóa đường lối quân sự tại một số thiết chế thực thi chưa tạo ra được bước chuyển tương thích về năng lực hành động thực tiễn. Trở lực này dẫn đến sự vênh lệch giữa yêu cầu làm chủ công nghệ cao với khả năng ứng biến, hiệp đồng tác chiến điện tử và bảo vệ an ninh không gian mạng quốc gia.

Mâu thuẫn trên càng trở nên phức tạp trước tác động đa chiều từ cuộc cạnh tranh chiến lược nước lớn và các biến số bất định của cục diện quốc tế, đòi hỏi phải kiên định đường lối độc lập, tự chủ đi đôi với nâng cao năng lực định vị chiến lược vĩ mô. Thực trạng phối hợp liên ngành có khâu chưa đồng bộ đang làm nảy sinh rào cản trong việc giải quyết hài hòa mối quan hệ biện chứng giữa nhu cầu gia tăng tiềm lực quốc phòng với khả năng cân đối nguồn lực kinh tế. Sự bất cập trong điều tiết thiết chế này cản trở năng lực phòng thủ dân sự chủ động, tạo kẽ hở cho các chiến lược diễn biến hòa bình, phương thức thao túng tư tưởng và âm mưu chi phối tâm lý xã hội thông qua các nền tảng mạng xã hội.

Do đó, vấn đề đặt ra mang tính quy luật đối với các chủ thể quản lý là phải giải quyết thấu đáo mối quan hệ giữa bảo đảm bí mật quốc gia với yêu cầu minh bạch hóa chính sách quốc phòng; hiện thực hóa một cách sinh động quan điểm “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa”, nâng cao khả năng chủ động đối phó với các nguy cơ ngay từ giai đoạn tiềm ẩn nhằm “giữ nước từ khi chưa nguy” [130, tr.22 - 23]. Tiến trình này đặt ra yêu cầu tất yếu phải đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục quốc phòng, an ninh nhằm nâng cao tính thực chất; bảo đảm tính kế thừa những giá trị quân sự truyền thống cốt lõi của dân tộc, đồng thời “tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa quân sự thế giới” [22, tr.120]. Đây chính là cơ sở nền tảng để củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, tạo điểm rơi đồng bộ cho việc kiên cố hóa thể trận lòng dân, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội của chế độ ngay từ gốc rễ.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Khảo sát thực trạng phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam qua bốn thập kỷ Đổi mới dưới ánh sáng của chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định tính đúng đắn, hiệu quả vĩ mô của đường lối, chính sách và sự trưởng thành vượt bậc trong nhận thức, hành động của các chủ thể. Sự gắn kết hữu cơ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước, tập hợp của Mặt trận Tổ quốc và tính tích cực chính trị của Nhân dân đã chuyển hóa sâu sắc các hằng số văn hóa dân tộc thành động lực nội sinh trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Chính thể các giá trị cốt lõi từ chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường đến nghệ thuật quân sự truyền thống được kế thừa, nâng tầm vững chắc, trở thành nền tảng chính trị - tinh thần và xung lực dẫn dắt sự nghiệp giữ nước từ sớm, từ xa. Tuy nhiên, song hành với những thành tựu mang tính chiến lược, tiến trình này vẫn bộc lộ những hạn chế có tính quy luật dưới áp lực khách quan từ mặt trái của kinh tế thị trường, xu hướng cá nhân hóa vị lợi và thách thức an ninh tư tưởng trên không gian mạng. Biểu hiện là tình trạng phai nhạt ý thức nghĩa vụ, suy giảm sức đề kháng văn hóa và bản lĩnh chính trị ở một bộ phận quần chúng cùng đội ngũ thực thi công vụ. Căn nguyên chủ quan xuất phát từ sự chậm trễ trong chuyển đổi công nghệ, hành chính hóa công tác tư tưởng; những lỗ hổng trong cơ chế kiểm soát quyền lực, ràng buộc trách nhiệm giải trình và tính thiếu đồng bộ trong quy trình phối hợp hiệp thương giữa các thiết chế quản lý xã hội tại cơ sở.

Từ thực trạng vận động đa chiều đó, hệ thống các vấn đề đặt ra mang tính quy luật đòi hỏi phải tập trung giải quyết đồng bộ các nhóm mâu thuẫn biện chứng cốt lõi. Trong quan hệ nền tảng của đời sống xã hội, đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu tất yếu phải gia tăng tiềm lực kinh tế với nhiệm vụ bảo tồn, phát huy nền tảng văn hóa tinh thần trước sự phân hóa xã hội và áp lực thị trường. Trên phương diện ý thức xã hội và bản lĩnh của các chủ thể, phải hóa giải mâu thuẫn giữa đòi hỏi nâng cao tính tự chủ chiến lược, ý chí tự cường dân tộc và năng lực hiện đại hóa lý luận quân sự trong kỷ nguyên số với những biểu hiện phai nhạt lòng yêu nước, rạn nứt niềm tin đoàn kết, suy giảm trách nhiệm công dân ở một bộ phận quần chúng trước

các phương thức chiến tranh hiện đại. Ở phương diện thực tiễn hành động, vấn đề đặt ra là mâu thuẫn gay gắt giữa mục tiêu khơi dậy khát vọng cống hiến, phát huy quyền làm chủ thực chất của Nhân dân với những điểm nghẽn về thể chế hóa pháp lý, tính đơn điệu, xơ cứng trong các phương thức giáo dục, lan tỏa lý luận cùng sự thiếu hụt cơ chế hiệp thương, liên kết, phối hợp và kiểm soát quyền lực để điều tiết hài hòa các quan hệ lợi ích ngay từ gốc rễ.

Việc giải quyết thấu đáo hệ thống các mâu thuẫn biện chứng mang tính quy luật này đặt ra yêu cầu tất yếu khách quan phải kiến tạo hệ giải pháp đồng bộ và đột phá trong chương tiếp theo. Trọng tâm chiến lược hướng vào việc củng cố nhận thức, năng lực của hệ thống các chủ thể gắn liền với cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ; không ngừng làm phong phú nội dung các giá trị văn hóa tinh thần bám sát yêu cầu nhiệm vụ của kỷ nguyên mới; đa dạng hóa và tối ưu hóa hiệu năng của các phương thức phát huy trong không gian số; đồng thời hiện thực hóa quy luật kết hợp hài hòa giữa tiềm lực vật chất với sức mạnh văn hóa tinh thần. Đây là lộ trình tất yếu để giải phóng tính năng động chủ quan của Nhân dân, kiên định bài học dân là gốc nhằm hiện thực hóa tư tưởng chiến lược: lấy “yên dân” là “nhân tố quyết định” mọi thắng lợi của “sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [43, tr.185] xã hội chủ nghĩa, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội của chế độ ngay từ gốc rễ.

Chương 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN TIẾP TỤC PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ TÍNH CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC, SÁNG TẠO CỦA CÁC CHỦ THỂ; TĂNG CƯỜNG PHỐI HỢP CHẶT CHẼ GIỮA CÁC BAN, BỘ, NGÀNH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY

Đây là giải pháp giữ vị trí then chốt, đóng vai trò là điểm khởi phát chiến lược và là điều kiện cần thiết quyết định tính khả thi của toàn bộ hệ thống giải pháp trong tiến trình phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc. Giải pháp này hướng trực tiếp vào việc giải quyết mâu thuẫn tồn tại giữa yêu cầu khách quan về việc khơi dậy khát vọng cống hiến, quyền làm chủ thực chất của Nhân dân với thực trạng còn khiếm khuyết trong cơ chế kiểm soát quyền lực, sự suy thoái đạo đức công vụ và tình trạng hành chính hóa, đứt gãy phối hợp liên thiết chế giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên. Để chuyển hóa nguồn sức mạnh tinh thần từ trạng thái tiềm năng, trừu tượng thành sức mạnh hiện thực và sức đề kháng văn hóa của xã hội, quy trình tổ chức đòi hỏi phải kích hoạt và vận hành đồng bộ các chức năng của toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương dưới sự dẫn dắt của Đảng, tạo lập tính liên thông thiết chế phù hợp. Sự đồng thuận thiết chế này chỉ có thể đạt được hiệu năng tối ưu khi được cụ thể hóa thành cơ chế kiểm soát công vụ chặt chẽ, định rõ thẩm quyền và hành động thực tiễn theo trục dọc quyền lực, khắc phục hiện tượng phân mảnh chính sách hoặc tư duy cục bộ, hình thức. Trên cơ sở đó, việc chuyển hóa nhận thức lý luận thành hành động thực tiễn tự giác không chỉ giới hạn ở việc ban hành các quyết sách từ các ban tham mưu chiến lược của Đảng hay các bộ chuyên ngành của Chính phủ, mà phụ thuộc trực tiếp vào năng lực thể chế hóa của chính quyền cấp tỉnh và công năng quản trị thực thi của cấp xã, phường, đặc khu. Bản chất của tiến trình này là quá trình quy hoạch lại các nguồn lực văn hóa tư tưởng,

giảm thiểu tình trạng đứt gãy trong liên kết hệ thống, bảo đảm cho các phương thức phát huy giá trị văn hóa tinh thần không bị hành chính hóa thành các phong trào bề nổi, mà thấm thấu sâu sắc thành màng lọc nhận thức tự thân của mỗi cán bộ, đảng viên và từng giai tầng trong xã hội. Chính việc thiết lập cơ chế liên kết dọc thông suốt và đồng bộ này sẽ tạo ra xung lực để hóa giải các điểm nghẽn về suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, đồng thời kiến tạo một hệ sinh thái chính trị - xã hội lành mạnh, bảo đảm cho quyền làm chủ của Nhân dân được thực hiện thực chất, từ đó tạo lập nền tảng quốc phòng kiên cố, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc từ sớm, từ xa trong tình hình mới. Trọng tâm của tiến trình tổ chức này trước hết là việc giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là hạt nhân định hướng chính trị, bảo đảm tính nhất quán về mặt tư tưởng và cơ sở lý luận nhằm chuyển hóa sức mạnh văn hóa tinh thần từ trạng thái tiềm năng thành thực lực quốc phòng hiện thực, làm bộ phóng hóa giải các mâu thuẫn về suy thoái tư tưởng chính trị. Về nội dung, Đảng kiên định nền tảng tư tưởng, định hình đường lối xây dựng văn hóa, con người Việt Nam gắn liền với các yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới, đồng thời đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Khung chiến lược này đặt trọng tâm vào việc siết chặt kỷ cương, kiểm soát quyền lực nội bộ và đấu tranh làm thất bại chiến lược diễn biến hòa bình, ngăn chặn các biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa, tham nhũng, tiêu cực theo tinh thần các Nghị quyết Trung ương 4 các khóa gần đây. Để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược đó trong thực tiễn, việc triển khai biện pháp đòi hỏi sự phân công chức năng rõ ràng, đồng bộ giữa các cơ quan chuyên trách trong hệ thống Đảng từ Trung ương đến địa phương theo trục dọc thiết chế. Theo đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư tập trung nâng cao năng lực tư duy lý luận, dự báo chiến lược vĩ mô để kịp thời bổ sung nội hàm mới vào các hằng số văn hóa dân tộc, hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ vận hành thông suốt; đồng thời định hướng cho Ban Chính sách, chiến lược Trung ương phối hợp cấu trúc các chỉ tiêu phát triển văn hóa tinh thần đồng bộ trong quy hoạch an ninh quốc phòng tổng thể.

Song hành với định hướng vĩ mô, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan nghiên cứu lý luận như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam đề đổi mới mô hình giáo dục chính trị, chủ động chuyển từ thuyết giảng lý luận thuần túy sang xây dựng hệ thống sản phẩm nội dung đa phương tiện, chuyên biệt hóa cho các đối tượng, nhất là giới trẻ và đồng bào dân tộc thiểu số trên không gian mạng nhằm thiết lập trận địa tư tưởng số, đồng thời lãnh đạo công tác hiệp thương quần chúng để giảm thiểu hiện tượng hành chính hóa đoàn thể. Trên mặt trận kiểm tra và kiểm soát quyền lực, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ động xây dựng định chế giám sát thường xuyên công vụ và rèn luyện đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ giữ chức vụ quản lý, chuyển mạnh từ cơ chế hậu kiểm hành chính sang nhận diện, ngăn chặn từ sớm các biểu hiện cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tạo hành lang liên chính công vụ. Sự phân định trách nhiệm ở cấp vĩ mô tạo điều kiện để các cấp ủy đảng địa phương cụ thể hóa đường lối chính trị thành hành động thực tiễn đặc thù, sát với cấu trúc dân cư và địa bàn quản lý. Ở cấp tỉnh, các Tỉnh ủy, Thành ủy ban hành các nghị quyết chuyên đề về phát triển văn hóa gắn với đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương, trực tiếp lãnh đạo công tác xây dựng đạo đức công vụ trong các cơ quan nhà nước cùng cấp, đồng thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với cơ quan tuyên giáo địa phương rà quét, hóa giải các luận điệu kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết của các thế lực thù địch tại các địa bàn chiến lược. Ở cấp thực thi cơ sở, các Đảng ủy xã, phường chịu trách nhiệm thể chế hóa tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu trong giữ gìn lối sống văn hóa, duy trì tính chính trị chính quy trong sinh hoạt chi bộ, khắc phục hiện tượng dân chủ hình thức. Các cấp ủy đảng cơ sở này vận hành cơ chế kiểm tra đảng tại địa bàn, siết chặt kỷ luật nghiêm minh đi đôi với vận hành cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, tạo đòn bẩy thực tế để củng cố thế trận lòng dân vững chắc, bởi lẽ trong điều kiện thực tiễn hiện nay “việc khôi phục niềm tin của dân... là điều kiện không thể thiếu” [147, tr.119].

Sự kiên định về mặt đường lối của Đảng tạo tiền đề để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tư cách

là thiết chế trung tâm điều hành vĩ mô và cụ thể hóa các quan điểm chính trị thành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nghiêm minh, nhằm tạo nền tảng thể chế hóa vững chắc hóa giải các biểu hiện dân chủ hình thức và bất cập trong phân phối lợi ích xã hội đã chỉ ra ở phần thực trạng. Về nội dung, Nhà nước tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời nâng cao năng lực quản lý vĩ mô trên các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống tinh thần xã hội và an ninh quốc gia như thông tin, truyền thông, giáo dục, khoa học và công nghệ. Khi Nhà nước xây dựng được hệ thống chính sách phù hợp trên cơ sở gắn kết chặt chẽ việc phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, “thì hệ thống các chính sách đó sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống. Hệ thống chính sách đó củng cố những chuẩn mực xã hội của dân tộc tạo nên niềm tin và kích thích sự tìm tòi sáng tạo ở mỗi con người” [3, tr.136]. Sự quản lý công bằng, minh bạch này là điều kiện căn cốt cho phép bộ máy nhà nước vận hành các công cụ pháp lý và kỹ thuật đủ mạnh để làm chủ không gian mạng, ngăn chặn nguy cơ xâm lăng văn hóa, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm gây phương hại đến trật tự xã hội và chủ quyền quốc gia từ sớm, từ xa. Để cụ thể hóa các nội dung chiến lược này thành năng lực thực thi thể chế, cơ chế vận hành đòi hỏi phải xác lập sự chuyển hóa chức năng đồng bộ và chặt chẽ theo cấu trúc dọc từ các cơ quan quyền lực vĩ mô ở Trung ương đến chính quyền hành chính địa phương. Theo đó, Quốc hội và Chính phủ tập trung đổi mới quy trình lập pháp và hành pháp thông qua việc thể chế hóa cơ chế đánh giá tác động dân sinh trước khi ban hành các quyết sách kinh tế - xã hội lớn, nhằm thu hẹp khoảng cách thu nhập vùng miền và ngăn ngừa điểm nóng cục bộ phát sinh. Ở lĩnh vực chuyên ngành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì xây dựng các đề án số hóa di sản, quản lý hoạt động ngoại giao văn hóa song phương, đa phương và thiết lập các màng lọc phù hợp nhằm chủ động ngăn chặn các trào lưu phản giá trị xâm thực. Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương xây dựng hệ thống quy định pháp lý, thúc đẩy các công trình nghiên cứu khoa học chính trị và công nghệ an ninh thông tin, tạo nền tảng tri thức thực tiễn để điều tiết dư luận số hướng tới định hướng chính thống và xử lý thông tin xấu độc. Trên mặt trận quốc phòng và an ninh, Bộ Quốc

phòng và Bộ Công an chủ trì phát triển nghệ thuật quân sự độc đáo gắn liền với làm chủ công nghệ hiện đại, xây dựng lực lượng vũ trang tinh, gọn, mạnh, đi đầu làm chủ trận địa số; đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bám dân, cứu hộ thiên tai, nâng cao đời sống dân sinh vùng biên cương nhằm kết hợp chặt chẽ sinh kế giữ nước với kiên cố hóa thể trận lòng dân. Cùng với đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thể chế hóa khung chương trình giáo dục công dân và quốc phòng - an ninh chính quy, chuyển từ mô hình truyền thụ lý thuyết thuần túy sang kích hoạt năng lực tư duy phản biện và bồi đắp sức đề kháng văn hóa tự thân cho nguồn nhân lực kế cận trước làn sóng toàn cầu hóa. Sự thể chế hóa của bộ máy hành pháp Trung ương là tiền đề quyết định công năng quản trị và tổ chức thực thi thực chất của chính quyền địa phương, đưa pháp luật thấm thấu vào đời sống tinh thần của Nhân dân. Ở cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cụ thể hóa hệ thống luật pháp quốc gia thành các chương trình hành động chiến lược, quyết định phương án phân bổ ngân sách địa phương nhằm tối ưu hóa việc xây dựng các thiết chế văn hóa trọng điểm, bảo tồn di tích lịch sử và hỗ trợ sinh kế bền vững cho đồng bào các dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới, hải đảo. Chính quyền cấp tỉnh trực tiếp lãnh đạo công tác thanh tra công vụ, quản lý hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng thuộc quyền, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện lệch chuẩn văn hóa hoặc hành vi đùn đẩy trách nhiệm làm suy giảm hiệu lực quản lý hành chính. Ở cấp cơ sở là cấp xã, phường, Ủy ban nhân dân và lực lượng Công an, Quân sự đóng vai trò là thiết chế trực tiếp tiếp xúc, tiếp nhận và giải quyết các nhu cầu dân sinh bức thiết của Nhân dân, chuyển hóa các quyết sách vĩ mô thành trật tự an ninh thực tế trên địa bàn cư trú. Chính quyền cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở, vận hành công cụ pháp lý cấp cơ sở để hòa giải các mâu thuẫn nội bộ, bài trừ hủ tục lạc hậu, đồng thời trực tiếp chỉ đạo lực lượng dân quân tự vệ, an ninh cơ sở bám sát địa bàn, quản lý thông tin tư tưởng vùng dân cư nhằm vô hiệu hóa từ sớm mọi âm mưu kích động, phá hoại trật tự xã hội của các thế lực thù địch.

Từ nền tảng thể chế và pháp lý của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phát huy vai trò nòng cốt trong việc tập hợp, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân, biến các quyết sách vĩ mô thành nhận thức và hành động

tự giác thường nhật của quần chúng, nhằm giảm thiểu tình trạng hành chính hóa và tính hình thức trong công tác vận động đoàn thể. Về nội dung, hệ thống Mặt trận tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng hiện đại, tăng cường bồi đắp khối đại đoàn kết gắn liền với nâng cao năng lực giám sát, phản biện xã hội nhằm thúc đẩy tính liêm chính của bộ máy quyền lực. Khung hành động này hướng đến việc đa dạng hóa các cuộc vận động chính trị - xã hội, các hoạt động cộng đồng giải quyết những vấn đề dân sinh bức thiết; từ đó tạo lập không gian dân chủ thực chất, khơi dậy lòng yêu nước, truyền thống cách mạng, đồng thời khuyến khích các tầng lớp nhân dân tham gia sáng tạo các giá trị văn hóa tinh thần. Phương thức tiếp cận hướng về cơ sở này góp phần bồi đắp lòng tự hào dân tộc, định hướng dư luận xã hội tích cực, tạo xung lực để hội viên, đoàn viên chủ động đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, thông tin xấu độc, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Để chuyển hóa đồng bộ các định hướng chiến lược này thành năng lực hành động thực tiễn, cơ chế vận hành hệ thống đòi hỏi phải cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức thành viên trong chính thể hiệp thương liên ngành từ cấp Trung ương đến địa phương. Theo đó, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò điều hợp vĩ mô, chủ trì xây dựng các quy chế phối hợp liên ngành, định hình phương thức hiệp thương để hướng dẫn hệ thống tổ chức thành viên vận hành đồng bộ, tránh hiện tượng chồng chéo chức năng. Ở các thiết chế thành viên chuyên biệt tại cấp Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tập trung bảo vệ quyền lợi hợp pháp, thiết thực cho người lao động, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, ngăn ngừa sự lệch chuẩn hệ giá trị và tư tưởng thực dụng vị lợi trong công nhân. Hội Nông dân Việt Nam chủ trì xây dựng các câu lạc bộ văn hóa nông thôn mới, phát huy bản sắc văn hóa lành mạnh gắn với củng cố lực lượng dân quân tự vệ, kiên cố hóa thể trận quốc phòng, an ninh tại các vùng nông thôn, vùng miền núi. Đối với thế hệ trẻ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm đi đầu xây dựng và làm chủ không gian đoàn kết số, ứng dụng các nền tảng mạng xã hội hiện đại để thiết lập trận địa tư tưởng số cho thanh

niên, bồi đắp lý tưởng sống cống hiến, khắc phục tâm lý ngại học, thờ ơ chính trị và hình thành bộ màng lọc tư tưởng trước các trào lưu ngoại lai phản giá trị. Hội Cựu chiến binh Việt Nam phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát huy vai trò uy tín chính trị, tích cực tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, đi đầu trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng dân chủ để kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Sự chuyển dịch phương thức vận động quần chúng từ cấp vĩ mô đòi hỏi phải được hiện thực hóa sinh động thông qua năng lực cụ thể hóa và thực thi hành động của hệ thống Mặt trận địa phương. Ở cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và ban lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh chủ trì xây dựng cơ chế đối thoại trực tiếp, định kỳ giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; thiết lập hệ thống thu thập thông tin dư luận xã hội nhằm chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời tham mưu cho Tỉnh ủy hóa giải các điểm nóng xã hội từ gốc rễ. Hệ thống Mặt trận cấp tỉnh chịu trách nhiệm giám sát quy trình thể chế hóa luật pháp của Hội đồng nhân dân cùng cấp, bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong phân phối lợi ích xã hội tại địa phương. Ở cấp xã, phường, Ban Công tác Mặt trận khu dân cư và các chi hội đoàn thể cấp xã đóng vai trò là hạt nhân hành động trực tiếp bám dân, chuyển hóa công tác vận động quần chúng từ hình thức hành chính sang các mô hình tự quản thực chất. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì phát động và duy trì các cuộc vận động cộng đồng thiết thực, phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an, quân sự xã để phát hiện từ sớm các biểu hiện rạn nứt khối đại đoàn kết, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để kích động bạo loạn, đồng thời xây dựng thể trận lòng dân kiên cố thông qua việc khơi dậy quyền làm chủ thực chất của quần chúng nhân dân trong việc quản lý, giám sát mọi hoạt động của chính quyền hành chính cơ sở.

Tổng hòa các tác động phối hợp hệ thống nêu trên hướng tới mục tiêu tối cao là phát huy vai trò chủ thể, không ngừng nâng cao nhận thức, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Nhân dân - cội nguồn trực tiếp sản sinh và nuôi dưỡng sức mạnh văn hóa tinh thần của dân tộc trong lịch sử giữ nước, nhằm hóa giải tình

trạng suy giảm ý chí chiến đấu và lối sống thực dụng vị lợi. Trong bối cảnh hiện nay, giải pháp tập trung chuyển hóa lòng yêu nước từ tình cảm tự phát thành hành động thực tiễn tự giác thông qua việc bồi đắp ý thức trách nhiệm công dân, khơi dậy tính chủ động của quần chúng trong kỷ nguyên số để tự thiết lập hệ miễn dịch, củng cố vững chắc niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường xã hội chủ nghĩa. Vấn đề này đặt trọng tâm vào việc thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ, đóng góp trí tuệ, sáng kiến vào công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội, đồng thời tham gia bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên mọi không gian chiến lược. Nỗ lực bồi đắp địa vị chủ thể của quần chúng chính là giải pháp căn cốt để xây dựng nền tảng quốc phòng từ gốc, bởi lẽ “khôi phục niềm tin của dân và bất cứ trong tình hình nào, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, điều kiện không thể thiếu để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [152, tr.119]. Để hiện thực hóa các định hướng chiến lược này thành năng lực tự quản và thực hành xã hội của quần chúng, quy trình tổ chức đòi hỏi phải triển khai sâu rộng đến từng giai tầng trong cấu trúc xã hội trên cả không gian thực địa lẫn không gian số. Theo đó, ở cấp Trung ương, các cơ quan đại diện giai tầng, tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với bộ máy quản lý nhà nước chuyên ngành định hình khung tiêu chuẩn đạo đức và môi trường rèn luyện thực hành cho từng giai cấp. Giai cấp công nhân và người lao động đi đầu trong thi đua lao động sáng tạo, làm chủ công nghệ mới, xây dựng tác phong công nghiệp và thiết lập môi trường văn hóa doanh nghiệp liêm chính, tạo tiềm lực vật chất vững chắc cho quốc phòng. Giai cấp nông dân tại các địa bàn nông thôn, vùng miền núi, biên giới chịu trách nhiệm phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bài trừ hủ tục lạc hậu, tích cực xây dựng nông thôn mới lành mạnh gắn liền với tham gia tuần tra biên giới, kiên cố hóa thể trận an ninh nhân dân từ cơ sở. Đội ngũ trí thức và chuyên gia khoa học - công nghệ tập trung phát huy năng lực đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hiện đại phục vụ công nghiệp quốc phòng tự lực, tự cường, đồng thời đi đầu trong biên

soạn, số hóa và lan tỏa các sản phẩm văn hóa chính thống trên mạng xã hội. Thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên chủ động học tập lý luận chính trị, tích cực rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện để nâng cao năng lực thẩm định thông tin, tự giác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái và hình thành bộ màng lọc tư tưởng tự thân trước các trào lưu ngoại lai phản giá trị trên không gian mạng. Quá trình thực hành chức năng tự quản và nghĩa vụ xã hội của Nhân dân đòi hỏi phải được chỉ đạo, dẫn dắt và tạo lập không gian thực tế tại địa phương nhằm loại bỏ tư duy dân chủ hình thức hay thói quen thụ động trong quần chúng. Ở cấp tỉnh, các cơ quan ban ngành phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương kiến tạo môi trường thuận lợi để kết nối, tập hợp trí tuệ và nguồn lực của các giai tầng dân cư vào chương trình phát triển kinh tế gắn với quốc phòng chung của địa phương. Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì xây dựng các diễn đàn chính thống, cơ chế đối thoại mở tạo hành lang thông suốt cho tầng lớp trí thức, doanh nhân đóng góp sáng kiến chiến lược, đồng thời hỗ trợ nguồn vốn văn hóa xã hội để giai cấp công nhân, nông dân xây dựng đời sống tinh thần vững mạnh, lành mạnh ngay tại nhà máy, nông trường, hợp tác xã. Ở cấp xã, phường, các cộng đồng dân cư tại địa bàn cơ sở chủ trì vận hành hiệu quả các thiết chế tự quản, hương ước văn hóa lành mạnh, chủ động đăng ký tham gia củng cố lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa bàn cư trú. Dưới sự hướng dẫn của Đảng ủy và Ủy ban nhân dân cấp xã, mỗi hộ gia đình trở thành một tế bào văn hóa văn minh, bài trừ tệ nạn xã hội; mỗi công dân trên địa bàn trở thành một chủ thể tự giác làm chủ trận địa tư tưởng, chủ động phản bác tin giả, tin độc hại trên các hội nhóm không gian mạng tại địa phương, tạo lập lá chắn vững chắc bảo vệ trật tự an ninh xã hội từ căn cơ khu dân cư, ngõ xóm.

Để các chức năng cấu trúc nêu trên không rơi vào tình trạng vận hành cục bộ, đứt gãy, yêu cầu tất yếu là phải tăng cường phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng và hiệu quả giữa các ban, bộ, ngành, các cấp và các lực lượng trong hệ thống chính trị nhằm khắc phục sự thiếu nhất quán và đứt gãy liên thiết chế trong thực tế. Về

nội dung, sự phối hợp hiệp thương giữa các cơ quan tham mưu của Đảng với bộ máy hành pháp của Nhà nước và hệ thống đoàn thể quần chúng tập trung kiến tạo cơ chế liên thông trong xây dựng thể chế, thống nhất mục tiêu và giải pháp triển khai liên ngành liên quan đến tư tưởng, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Khung phối hợp này đặt trọng tâm vào việc thiết lập quy chế phối hợp rõ ràng, cụ thể, nâng cao kỹ năng điều phối công vụ của đội ngũ cán bộ đi đôi với huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, con người nhằm tránh tình trạng chồng chéo, lãng phí nguồn lực công. Để hiện thực hóa các định hướng chiến lược này thành năng lực hiệp đồng thiết chế, cơ chế vận hành đòi hỏi phải cụ thể hóa chức năng của các cơ quan chuyên trách ở cấp Trung ương. Theo đó, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì định hướng chính trị, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ để thống nhất chương trình hành động chiến lược, đa dạng hóa phương thức tuyên truyền giáo dục và đấu tranh bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Song song đó, các cơ quan nghiên cứu lý luận, đào tạo và tổng kết thực tiễn bao gồm hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam và các học viện, nhà trường trong quân đội chịu trách nhiệm cung cấp luận cứ khoa học, kịp thời phát hiện và đề xuất giải pháp hóa giải các nguy cơ an ninh phi truyền thống xâm nhập. Hệ thống cơ quan nhà nước ở Trung ương phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Kiểm tra Trung ương để vừa khơi thông nguồn lực, vừa thiết lập cơ chế kiểm soát, giám sát quyền lực công vụ, tạo sức mạnh cộng hưởng tổng hợp và nhân bội hiệu năng hoạt động của từng thành tố trong chỉnh thể vĩ mô. Sự hiệp đồng chiến lược ở cấp Trung ương chỉ có thể phát huy tối đa công năng khi được chuyển hóa thành các cơ chế phối hợp ngang và dọc chặt chẽ tại chính quyền địa phương, chấm dứt tình trạng cục bộ địa phương hay đứt gãy mạch hoạt động hành chính. Ở cấp tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Thành ủy trực tiếp chỉ đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận cấp tỉnh làm đầu mối, thiết lập quy chế phối hợp liên ngành định

kỳ giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nhằm thống nhất phương án xây dựng trận địa tư tưởng, chia sẻ thông tin an ninh và không gian mạng trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thể chế hóa các quy chế này thành quyết định hành chính, phân bổ ngân sách lưỡng dụng và kiểm tra tiến độ thực thi công vụ của các sở, ngành liên quan. Ở cấp xã, phường, cơ chế phối hợp được vận hành ở dạng thức trực tiếp, cơ động và bám sát địa bàn thông qua mối liên kết tam giác giữa Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và lực lượng Công an, Quân sự. Lực lượng chuyên trách cấp xã phối hợp chặt chẽ với Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể cơ sở để triển khai các tổ an ninh tự quản, tổ công nghệ số cộng đồng, thực hiện chế độ giao ban tuần tra nhân dân, quản lý cư trú gắn với rà quét dư luận xã hội ở các khu dân cư. Giá trị thực tiễn cốt lõi của giải pháp phối hợp liên thiết chế đồng bộ từ Trung ương đến tận cấp xã là thiết lập nên một cơ chế vận hành phù hợp, chuyển hóa toàn diện nguồn lực văn hóa tinh thần dân tộc từ trạng thái tiềm năng, trù tượng thành năng lực phòng thủ chủ động thực tế trên thực địa, tạo lập nền tảng kiên cố bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trước mọi biến động phức tạp của thời đại mới.

Để giải pháp nâng cao nhận thức và tăng cường phối hợp liên ngành đi vào cuộc sống một cách thực chất, hệ thống các điều kiện bảo đảm thực hiện cần được thiết lập đồng bộ trên các phương diện, tạo lập một chỉnh thể điều kiện khách quan vững chắc theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Về thể chế pháp lý, Nhà nước tập trung khẩn trương hoàn thiện, cụ thể hóa hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là ban hành quy chế về ràng buộc trách nhiệm giải trình công vụ liên ngành và cơ chế chế tài nghiêm minh dưới sự giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với các hành vi quan liêu, đùn đẩy hoặc lợi dụng các quyền tự do dân chủ gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Yêu cầu thể chế này đòi hỏi các Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải ban hành đồng bộ các quy định đặc thù nhằm chuẩn hóa quy trình công vụ của đội ngũ cán bộ địa phương; đồng thời, chính quyền cấp xã, phường cụ thể hóa các định chế pháp lý

này vào hệ thống hương ước, quy ước tự quản của khu dân cư, tạo hành lang kiểm soát quyền lực chặt chẽ từ gốc. Về nguồn lực vật chất và tài chính, Chính phủ tiến hành cân đối, tối ưu hóa cơ cấu phân bổ ngân sách công dưới sự điều phối định hướng của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, đi đôi với đa dạng hóa phương thức huy động các nguồn lực xã hội hợp pháp nhằm ưu tiên đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, lịch sử trọng điểm quốc gia. Trên thực địa thực thi, chính quyền địa phương cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý, điều phối nguồn ngân sách được phân cấp để tập trung kiên cố hóa hạ tầng văn hóa - xã hội gắn liền với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại các địa bàn chiến lược; trong khi chính quyền cấp xã trực tiếp hiện thực hóa các chính sách an sinh, bảo đảm sinh kế bền vững và nâng cao đời sống tinh thần thực tế cho cư dân vùng biên giới, hải đảo, tạo động lực nội sinh kinh tế - xã hội vững chắc để Nhân dân yên tâm bám đất, giữ biển. Đặc biệt, về trận địa công nghệ trong bối cảnh kỷ nguyên số, hệ thống chính trị tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật quốc gia, làm chủ công nghệ dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để xây dựng trận địa số vững chắc, nâng cao năng lực vận hành các mạng lọc tư tưởng trên không gian mạng do Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản trị nhằm chủ động nhận diện, ngăn chặn và vô hiệu hóa các chiến lược chiến tranh tâm lý xã hội từ sớm, từ xa. Ở cấp độ địa phương, chính quyền cấp tỉnh chủ trì xây dựng các trung tâm điều hành không gian số địa phương, thiết lập cơ chế giám sát thông tin trực tuyến; đồng thời, các cấp ủy đảng và chính quyền cấp xã trực tiếp quản lý, hướng dẫn các tổ công nghệ số cộng đồng và lực lượng an ninh cơ sở sử dụng các công cụ kỹ thuật số để rà quét địa bàn, định hướng dư luận chính thống tại các hội nhóm dân cư, kiến tạo bộ mạng lọc nhận thức tự thân của quần chúng, giữ vững an ninh tư tưởng quốc gia kiên cố trong mọi tình huống chiến lược.

4.2. NGHIÊN CỨU, LÀM PHONG PHÚ NỘI DUNG CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TINH THẦN GẮN VỚI YÊU CẦU, NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Đây là giải pháp giữ vị trí cốt lõi, đóng vai trò là trục tọa độ giá trị và nền tảng định hình sức mạnh nội sinh của dân tộc trong kỷ nguyên mới, nhằm giải

quyết mâu thuẫn biện chứng đặt ra giữa yêu cầu khách quan về xây dựng bản lĩnh cách mạng với thực trạng suy giảm lý tưởng, phai nhạt ý thức quốc phòng thời bình và các nguy cơ lệch chuẩn hệ giá trị. Xét về mặt lý luận, đây là quá trình hiện đại hóa nội hàm các giá trị truyền thống, chuyển hóa khát vọng độc lập tự do thành năng lực tự chủ chiến lược và phương thức rắn đe bất đối xứng trên không gian số. Sức mạnh văn hóa tinh thần của quốc gia chỉ có thể chuyển hóa thành lực lượng vật chất trực tiếp và vũ khí phòng thủ chủ động khi các thành tố tư tưởng được hệ thống hóa, số hóa thành bộ lọc nhận thức của mỗi công dân, kiến tạo mối liên kết hữu cơ giữa bốn trụ cột giá trị nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa trên mọi không gian chiến lược.

Sự định hình tọa độ giá trị mới này đòi hỏi phải đổi mới tư duy nghiên cứu lý luận chính trị một cách căn bản, chuyển từ mô hình mô tả giá trị tĩnh sang mô hình phân tích cấu trúc - chức năng động, tích hợp sâu sắc các thách thức của bối cảnh an ninh phi truyền thống toàn cầu. Để không rơi vào trạng thái trù tượng hóa, tiến trình nghiên cứu phải gắn kết chặt chẽ xung lực tinh thần với các cơ chế điều tiết thực tế của đời sống kinh tế - xã hội, biến các chuẩn mực đạo đức cách mạng thành công cụ kiểm soát và định hướng hành vi xã hội. Quá trình hiện đại hóa này phụ thuộc trực tiếp vào năng lực định vị hệ giá trị chính thống của bộ máy quản lý Trung ương nhằm chuyển hóa hệ thống tư tưởng của Đảng thành nền tảng nhận thức vững chắc cho quần chúng nhân dân. Chính việc bóc tách và làm phong phú nội hàm các giá trị cốt lõi trong bối cảnh lịch sử mới sẽ tạo lập cơ sở lý luận vững chắc, cho phép hệ thống chính trị thiết lập hệ miễn dịch tinh thần vững mạnh, hóa giải các nguy cơ suy thoái đạo đức, phai nhạt lý tưởng, đồng thời nhân bội hiệu năng phòng thủ của quốc gia từ sớm, từ xa.

Sự chuyển dịch của cấu trúc ý thức xã hội trong kỷ nguyên số buộc công tác nghiên cứu lý luận phải mở rộng biên độ, thẩm thấu sâu, xuyên suốt trực diện thiết chế từ các trung tâm học thuật Trung ương xuống đến thực tiễn tổ chức quản trị của chính quyền địa phương. Không gian lý luận này đòi hỏi các cơ quan tham mưu không chỉ dừng lại ở việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị có tính định hướng, mà phải chuyển hóa các hằng số văn hóa thành các chỉ báo thực hành xã hội cụ

thể, sát hợp với năng lực quản lý của chính quyền cấp tỉnh và đặc điểm cư trú của cộng đồng dân cư ở các địa phương cơ sở. Ý thức tự chủ và năng lực phòng thủ tinh thần của một dân tộc không tự động phát sinh, mà là kết quả của một quá trình đầu tư khoa học, bài bản vào hạ tầng tri thức, nơi các nghiên cứu giá trị học được thể chế hóa thành luật pháp, chính sách và mô hình văn hóa ứng xử thường nhật. Việc thiết lập mạch liên kết dọc thông suốt giữa nghiên cứu lý luận Trung ương với thực tiễn quản trị tinh thần tại địa phương chính là cơ sở để số hóa thể trận lòng dân, kiến tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ chủ quyền tư tưởng và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trước mọi nguy cơ xâm thực văn hóa bất đối xứng.

Trọng tâm của tiến trình bổ sung nội hàm các giá trị văn hóa tinh thần này trước hết là việc tái cấu trúc và nâng tầm giá trị yêu nước truyền thống gắn liền với các phẩm chất kiên trung, anh hùng và bất khuất trong điều kiện lịch sử mới, tạo xung lực nội sinh trực tiếp để định hình bản lĩnh chính trị và tinh thần dân thân cho các chủ thể. Về nội dung lý luận, ý thức yêu nước thời kỳ hội nhập mang bản chất của một hệ điều hành tinh thần tự giác, được hiện thực hóa bằng khát vọng chiếm lĩnh đỉnh cao trí tuệ, làm chủ công nghệ nguồn để xây dựng quốc gia hùng cường, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Để chuyển hóa các định hướng chiến lược này thành năng lực thực thi thể chế, cơ chế vận hành đòi hỏi phải xác lập sự chuyển hóa chức năng đồng bộ và chặt chẽ theo cấu trúc dọc từ các cơ quan quyền lực vĩ mô ở Trung ương đến chính quyền hành chính địa phương. Theo đó, Chính phủ cùng các bộ quản lý kinh tế chuyên ngành chủ trì phối hợp lập quy hoạch, điều tiết vĩ mô nhằm giải quyết thấu đáo mối quan hệ biện chứng giữa cống hiến và phân phối lợi ích kinh tế, bởi lẽ “chủ nghĩa yêu nước chỉ có thể phát huy mạnh mẽ trên cơ sở quan tâm đến lợi ích thiết thân của mỗi người lao động, xem đó là động lực quan trọng phát huy đức tính cần cù, sự khéo léo, trí thông minh, tài sáng tạo của mọi cá nhân vì sự phát triển của bản thân họ và cả cộng đồng” [109, tr.76]. Song hành với cơ chế điều tiết lợi ích, Bộ Chính trị và Ủy ban Kiểm tra Trung ương chịu trách nhiệm lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng, siết chặt kỷ luật đảng nhằm rèn luyện phẩm chất kiên trung, thúc đẩy tinh

thần “Bảy dăm” của đội ngũ đảng viên trước những biến động phức tạp của thời cuộc. Sự bồi đắp các phẩm chất tinh thần này không dừng lại ở các quyết sách vĩ mô cấp Trung ương, mà phụ thuộc trực tiếp vào công năng vận hành chiến lược và tổ chức thực tế của chính quyền địa phương nhằm giảm thiểu hiện tượng phai nhạt lý tưởng cách mạng hoặc suy giảm ý thức quốc phòng. Ở cấp tỉnh, các Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cụ thể hóa đường lối của Đảng thành các chương trình hành động đặc thù, gắn kết mục tiêu nâng cao đời sống kinh tế với bồi dưỡng tinh thần anh hùng, bất khuất cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Chính quyền cấp tỉnh chủ trì xây dựng các phong trào thi đua lao động sáng tạo, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến trong xây dựng và bảo vệ an ninh địa phương, biến lòng yêu nước thành một giá trị thực tiễn định lượng được qua năng suất lao động và ý thức giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đồng thời, Ủy ban Kiểm tra cấp tỉnh tăng cường công tác kiểm tra công vụ, xử lý các biểu hiện dao động, né tránh trách nhiệm hoặc tham nhũng, lãng phí trong bộ máy quản lý hành chính cùng cấp để làm trong sạch môi trường chính trị tại địa phương. Ở cấp xã, phường, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân đóng vai trò là hạt nhân trực tiếp tổ chức thực hiện và đưa phẩm chất kiên trung, yêu nước thấm sâu vào từng thôn xóm, khu dân cư thông qua hệ thống sinh hoạt chính trị. Chính quyền cấp xã chịu trách nhiệm bảo đảm tính công bằng, minh bạch trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết các khiếu nại, mâu thuẫn nội bộ của nhân dân, tạo lập lòng dân vững chắc từ căn cơ xã hội. Lực lượng Công an và quân sự cấp xã trực tiếp phối hợp với các chi bộ cơ sở để giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân, khơi dậy tinh thần anh hùng, bất khuất của cha ông trong cuộc đấu tranh bài trừ hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội và đấu tranh hiệu quả với các luận điệu phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch. Chính sự chuyển hóa này tại thiết chế cấp cơ sở sẽ giúp quần chúng nhân dân tự giác thực hiện nghĩa vụ công dân, biến trách nhiệm đối với Tổ quốc thành hành động thực tế bảo vệ vững chắc địa bàn cư trú trong mọi tình huống chiến lược.

Sự chuyển dịch của cấu trúc tâm lý xã hội đương đại đòi hỏi phải nâng tầm tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội và ý chí tự lực tự cường kết hợp hữu cơ với tư duy sáng tạo cùng ý thức trách nhiệm công dân, nhằm kiến tạo giá trị thực tiễn trong việc thiết lập một thể trận lòng dân đồng bộ, vững chắc trước các trào lưu tư tưởng phức tạp, khắc phục các biểu hiện suy giảm tính liên kết cộng đồng, tư duy cục bộ. Về nội dung lý luận, tinh thần đoàn kết phải được cấu trúc hóa qua cơ chế liên kết xã hội thực chất, chuyển hóa ý chí tự lực cánh sinh từ trạng thái tâm lý tự phát thành năng lực tự chủ chiến lược và nền tảng nhận thức để dự báo chính xác các thách thức an ninh phi truyền thống. Để chuyển hóa đồng bộ các định hướng chiến lược này thành năng lực hành động thực tiễn, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Bộ Ngoại giao chủ trì quy tụ nguồn lực trí thức, kinh tế của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài thành cầu nối quốc tế bảo vệ chủ quyền văn hóa và lợi ích quốc gia. Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu đẩy mạnh tiến trình tri thức hóa, bồi dưỡng tinh thần dám đổi mới sáng tạo đối với đội ngũ cán bộ khoa học nhằm vượt qua các khuôn mẫu tư duy cũ, bởi nhờ “sự tri thức hóa, trí tuệ hóa mà các quốc gia có được sức mạnh để giữ vững độc lập và kết nối nguồn lực bảo vệ chủ quyền lãnh thổ” [175, tr.138]. Ở cấp tỉnh, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì quy hoạch, thành lập các không gian sáng tạo, diễn đàn đối thoại học thuật và chính sách để kết nối các chuyên gia, doanh nghiệp công nghệ cao với lực lượng vũ trang địa phương, tạo lập cơ chế chia sẻ tri thức thực tiễn phục vụ quốc phòng. Chính quyền cấp tỉnh trực tiếp lãnh đạo công tác phân bổ ngân sách cho các chương trình phát triển kinh tế gắn liền với bảo tồn các giá trị văn hóa độc lập, tự chủ của địa phương; đồng thời, chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh hiệp thương chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội nhằm xây dựng các mô hình liên kết kinh tế - văn hóa bền vững, củng cố sự đồng thuận xã hội đối với các chính sách quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Ở cấp xã, phường, Đảng ủy xã và Ủy ban nhân dân đóng vai trò là thiết chế trực tiếp quản lý, hướng dẫn các tổ chức tự quản cơ sở, ban công tác Mặt

trận khu dân cư cụ thể hóa tinh thần tự lực, tự cường vào các quy ước, hương ước tại địa bàn. Chính quyền cấp xã chịu trách nhiệm vận hành hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo hành lang thực tế để công dân thực hiện đầy đủ quyền giám sát đối với hoạt động công vụ, loại bỏ các biểu hiện dân chủ hình thức làm xói mòn lòng tin của quần chúng. Lực lượng Công an và quân sự cấp xã trực tiếp phối hợp với các chi hội đoàn thể, tổ công nghệ số cộng đồng để tuyên truyền, phổ biến nghĩa vụ quân sự, hướng dẫn nhân dân kỹ năng nhận diện và chủ động phản bác các luận điệu sai trái, thông tin độc hại trên các nền tảng mạng xã hội tại địa phương. Cơ chế này buộc mỗi công dân và các thiết chế tự quản cơ sở phải nâng cao ý thức tự giác, chuyển hóa trách nhiệm công dân thành hành động thực tiễn thông qua việc tích cực tham gia củng cố lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thiết lập thể trận an ninh nhân dân kiên cố ngay tại địa bàn khu dân cư, ngõ xóm.

Điểm đột phá mang tính chiến lược của định hướng này là việc kế thừa biện chứng những tinh hoa truyền thống dựa trên triết lý phương pháp luận “dĩ bất biến, ứng vạn biến” để phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam hiện đại, đáp ứng yêu cầu tác chiến công nghệ cao, kiến tạo giá trị thực tiễn trong việc xây dựng năng lực sẵn sàng chiến lược phi đối xứng của quốc gia, khắc phục tư duy tác chiến đối xứng kinh nghiệm, chậm cập nhật và sự tụt hậu về công nghệ an ninh phòng thủ. Cấu trúc bất biến cốt lõi là tư tưởng lấy dân làm gốc, dựng nước đi đôi với giữ nước và phòng thủ chiến lược từ lúc nước chưa nguy; trong khi phương thức vạn biến đòi hỏi bộ máy đảm bảo quốc phòng phải chủ động thích ứng với sự dịch chuyển mang tính bùng nổ của năm không gian tác chiến gồm đất liền, trên biển, trên không, không gian mạng và không gian vũ trụ. Để hiện thực hóa các định hướng chiến lược này, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thiết lập cơ chế quản trị lưỡng dụng, thành lập các tổ chức nghiên cứu và phát triển tiên tiến nhằm làm chủ phương thức tác chiến thông tin, chế tạo các hệ thống vũ khí thông minh có năng lực vô hiệu hóa hệ thống kỹ thuật số của đối phương. Lý luận quân sự hiện đại dưới sự vận hành của quân đội và công an sẽ tích hợp lực lượng đặc nhiệm tinh nhuệ với thể trận lòng dân đã được

số hóa, định vị mỗi công dân và doanh nghiệp công nghệ thành một mắt xích tình báo nhân dân, một thực thể tác chiến thông tin, tạo ra sức mạnh rắn đẽ đặc thù trong mọi tình huống. Ở cấp tỉnh, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân, nòng cốt là Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Công an tỉnh chủ trì quy hoạch các vùng chiến lược về kinh tế gắn liền với an ninh địa phương, chỉ đạo công tác huấn luyện, diễn tập các kịch bản tác chiến tổng hợp sát với địa hình thực tế của địa bàn biên giới, hải đảo hoặc đô thị trọng điểm. Chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm điều phối ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật lưỡng dụng, tích hợp hệ thống thông tin liên lạc quốc phòng với hạ tầng số dân sự; đồng thời phát huy tinh thần chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo các cơ quan quản lý chuyên ngành bám sát trận địa số, kịp thời nhận diện và làm thất bại từ sớm các âm mưu diễn biến hòa bình, kích động chia rẽ sắc tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch tại các vùng chiến lược. Ở cấp xã, phường, Đảng ủy xã và Ủy ban nhân dân chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự xã và lực lượng Công an xã chuyên hóa các nguyên tắc của nghệ thuật quân sự thành phương án tác chiến phòng thủ dân sự cụ thể tại từng khu dân cư. Chính quyền cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên ngay tại các địa bàn sản xuất và cư trú. Lực lượng chuyên trách cấp xã trực tiếp phối hợp với ban công tác Mặt trận, tổ công nghệ số cộng đồng để thực hiện nhiệm vụ rà quét thông tin địa bàn, vận hành các tổ tự quản an ninh khu dân cư và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc từ cơ sở. Chính thiết chế thực thi cấp cơ sở này sẽ hiện thực hóa triết lý lấy dân làm gốc, chuyển hóa năng lực phòng thủ của quần chúng thành hành động thực tiễn tự giác thông qua việc tham gia tuần tra biên giới, bảo vệ mục tiêu kinh tế - chính trị địa phương, biến mỗi làng xã thành một pháo đài kiên cố, vô hiệu hóa mọi hành vi xâm lăng tư tưởng và phá hoại an ninh trật tự ngay từ cơ sở.

Tổng hòa các tác động nêu trên phải được vận hành thông qua quy trình bồi đắp, lan tỏa đồng bộ bốn hệ giá trị cốt lõi gồm hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và hệ giá trị con người Việt Nam nhằm kiến tạo hệ sinh thái sức mạnh thống nhất, mang lại giá trị thực tiễn cao trong việc hình thành lá chắn mềm tư tưởng bền vững cho toàn xã hội, hóa giải các hiện tượng suy thoái đạo

đức, sự khủng hoảng niềm tin và các biểu hiện vị kỷ, lệch chuẩn hệ giá trị. Sự tương tác biện chứng giữa bốn hệ giá trị này thiết lập nên nền móng củng cố lòng tin của quần chúng vào chế độ chính trị, lấy gia đình làm hạt nhân thiết chế đầu tiên nuôi dưỡng lòng yêu nước, lấy hệ giá trị văn hóa dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học làm môi trường định hình nhân cách và lấy con người với các phẩm chất tự cường, nghĩa tình, trách nhiệm, sáng tạo làm chủ thể trung tâm.

Để hiện thực hóa các định hướng chiến lược này thành năng lực tự quản và thực hành xã hội của quần chúng, quy trình tổ chức đòi hỏi phải triển khai sâu rộng đến từng giai tầng trong cấu trúc xã hội trên cả không gian thực địa lẫn không gian số. Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thể chế hóa các tiêu chuẩn văn hóa, lồng ghép khung giá trị chuẩn vào chương trình giáo dục quốc dân và các phong trào thi đua xây dựng gia đình tiến bộ, văn minh, tạo tiền đề hiện thực hóa khát vọng hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh của hệ giá trị quốc gia. Sự cộng hưởng biện chứng của bốn hệ giá trị này chỉ có thể phát huy công năng khi được cụ thể hóa và thực hành đồng bộ thông qua năng lực quản trị của chính quyền địa phương, ngăn ngừa tình trạng lý thuyết suông hay hành chính hóa các danh hiệu văn hóa. Ở cấp tỉnh, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trực tiếp lãnh đạo công tác quy hoạch, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao trọng điểm, tạo lập môi trường xã hội lành mạnh để các hệ giá trị được thực hành trong đời sống thường nhật của nhân dân. Chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng địa phương xây dựng các chương trình truyền thông số chuyên biệt, tôn vinh các gia đình văn hóa tiêu biểu, các tấm gương con người mới xả thân vì lợi ích chung, biến các chuẩn mực đạo đức thành các quy tắc ứng xử văn minh cụ thể gắn liền với đặc thù kinh tế - xã hội của từng địa bàn. Đảng ủy xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu đóng vai trò là thiết chế trực tiếp quản lý, hướng dẫn ban công tác Mặt trận, các hội đoàn thể và khu dân cư thể chế hóa bốn hệ giá trị vào hệ thống quy chuẩn tự quản của cộng đồng. Chính quyền cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế

dân chủ ở cơ sở, tạo lập không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng thực chất, bài trừ các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội làm xói mòn đạo đức gia đình. Lực lượng công an và quân sự trực tiếp phối hợp với các nhà trường, gia đình tại địa bàn để quản lý, giáo dục thế hệ trẻ, khơi dậy tinh thần cống hiến, ý thức trách nhiệm công dân và xây dựng bộ lọc văn hóa cho học sinh, sinh viên trước các trào lưu ngoại lai phản giá trị trên không gian mạng. Chính quá trình thúc đẩy thực hành văn hóa từ thiết chế cấp cơ sở này sẽ biến gia đình thành một pháo đài tinh thần vững chắc, mỗi con người thành một chủ thể văn hóa tích cực, bảo vệ vững chắc trận địa văn hóa tư tưởng quốc gia ngay từ cơ sở.

Để các nội dung làm phong phú hệ giá trị văn hóa tinh thần không rơi vào trạng thái vận động đơn lẻ, biệt lập, các điều kiện bảo đảm thực hiện cần được thiết lập đồng bộ theo một mô hình cấu trúc chuyên biệt. Về thể chế pháp lý, Nhà nước tập trung cụ thể hóa hệ thống các quy định về chính sách đãi ngộ tài năng, luật hóa quy trình bảo tồn di sản gắn liền với xây dựng chuẩn mực đạo đức công vụ trong môi trường số, tạo hành lang kiểm soát tính nhất quán từ Trung ương đến cấp chính quyền xã, phường. Song song với đó, về nguồn lực tài chính, Chính phủ thực hiện phân cấp ngân sách hợp lý, ưu tiên cấp bù vốn cho các địa phương khó khăn vùng biên giới, hải đảo nhằm kiên cố hóa các thiết chế văn hóa - quốc phòng tại chỗ, kết hợp với đa dạng hóa các nguồn tài chính xã hội để duy trì mô hình kinh tế - văn hóa - quốc phòng bền vững cho nhân dân bám đất, giữ biển. Đặc biệt, về hạ tầng công nghệ và trận địa số, toàn hệ thống chính trị tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng dữ liệu lớn, số hóa toàn diện di sản quân sự và hăng số văn hóa dân tộc; đồng thời xây dựng các màng lọc tư tưởng tự động ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm rà quét, phát hiện và vô hiệu hóa từ sớm các nguy cơ chiến tranh tâm lý trên không gian mạng, giữ vững trận địa tư tưởng trong mọi hoàn cảnh.

4.3. ĐA DẠNG HÓA VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC PHƯƠNG THỨC PHÁT HUY SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN TRONG BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY

Đây là giải pháp giữ vị trí trọng yếu, là phương thức vận động mang tính thực thi và quyết định hiệu quả thực tiễn của toàn bộ quá trình vật chất hóa các giá

trị tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Xét về mặt lý luận, nếu các giá trị văn hóa tinh thần giữ vai trò là nội dung thì phương thức phát huy chính là hình thức tồn tại, biểu hiện và chuyển hóa năng lượng; việc đa dạng hóa các phương thức này bảo đảm cho cấu trúc ý thức xã hội không dừng lại ở các chuẩn mực trừu tượng, mà thâm nhập vào quần chúng, trở thành một lực lượng vật chất trực tiếp, có sức mạnh lan tỏa nhằm hóa giải mâu thuẫn biện chứng đặt ra giữa yêu cầu hiện đại hóa phương thức quản trị tinh thần với thực trạng chậm đổi mới công nghệ, xu hướng hành chính hóa đoàn thể và sự đứt gãy trong phân bổ nguồn lực. Trong bối cảnh kỷ nguyên số, định hướng này mang tính cấp thiết nhằm kiến tạo một hệ sinh thái vận hành chính thể, tối ưu hóa các nguồn lực xã hội thông qua quy trình khoa học, có tổ chức; đồng thời giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng hệ miễn dịch văn hóa và xác lập thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc trên không gian văn hóa tinh thần, tư tưởng từ sớm, từ xa. Sự chuyển dịch của các hình thái thông tin số buộc phương thức phát huy phải dịch chuyển từ lối truyền thông tuyến tính một chiều sang cơ chế tương tác đa tầng, tích hợp công nghệ quản trị dữ liệu lớn để làm chủ trận địa nhận thức. Quá trình hiện đại hóa phương thức này phụ thuộc vào năng lực định hướng văn hóa tổng thể của bộ máy quản lý Trung ương nhằm chuyển hóa toàn bộ các tài nguyên tinh thần độc lập, tự chủ thành bộ lọc nhận thức hiệu quả cho xã hội. Chính việc đa dạng hóa các hình thức biểu hiện và làm phong phú kênh truyền tải trong bối cảnh lịch sử mới sẽ tạo lập cơ sở lý luận vững chắc, cho phép hệ thống chính trị thiết lập hệ miễn dịch văn hóa vững mạnh, hóa giải các nguy cơ xâm lăng tư tưởng, đồng thời nâng cao hiệu năng phòng thủ của quốc gia trên không gian mạng.

Sự phát triển của hạ tầng số và mạng xã hội yêu cầu các hình thức vận động tư tưởng phải lan tỏa biên độ, thẩm thấu nhuần nhuyễn xuyên suốt trục dọc thiết chế từ Trung ương đến địa phương. Không gian thực thi này đòi hỏi các cơ quan chuyên trách không chỉ dừng lại ở việc tuyên truyền lý luận thuần túy, mà phải chuyển hóa các thông điệp chính trị thành các sản phẩm thực tế, đa dạng. Năng lực phòng thủ tư tưởng và sức đề kháng văn hóa của cộng đồng không phải là một

đại lượng bất biến, mà là chỉnh thể được kiến tạo thông qua việc đa dạng hóa các hình thức thực hành chính trị - xã hội, nơi các chuẩn mực được hiện thực hóa thành quy tắc ứng xử, các mô hình tương tác và thói quen văn hóa thường nhật của quần chúng nhân dân. Việc thiết lập mối liên kết thông suốt giữa định hướng phương thức ở Trung ương với thực tiễn ứng dụng tại địa phương chính là cơ sở vững chắc để số hóa thể trận lòng dân, kiến tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc trước mọi nguy cơ. Để cụ thể hóa các nội dung chiến lược này thành năng lực thực thi thể chế, cơ chế vận hành đòi hỏi phải xác lập sự chuyển hóa chức năng đồng bộ và chặt chẽ theo cấu trúc dọc từ các cơ quan quyền lực ở Trung ương đến chính quyền hành chính địa phương. Theo đó, ưu tiên hàng đầu trong tiến trình hoàn thiện phương thức phát huy là việc chuẩn hóa hệ thống quy phạm pháp luật, tạo lập nền tảng pháp lý để khai phóng và tích hợp các nguồn lực xã hội, hạn chế hiện tượng chồng chéo chức năng hay phân mảnh chính sách vốn là những nhân tố gây nghẽn mạch thực thi. Phương thức này hướng thẳng vào cấu trúc quy chuẩn, giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với củng cố nền tảng tư tưởng, giáo dục và quốc phòng toàn dân thông qua việc luật hóa quyền lợi thiết thân cùng các cam kết an sinh đối với người lao động. Trên trục điều hành vĩ mô, Quốc hội và Bộ Tư pháp cần chủ trì, phối hợp với các ban tham mưu chiến lược Trung ương tăng cường rà soát, kịp thời sửa đổi và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy trên nguyên tắc khách quan, bảo đảm tính liên thông tối đa nhằm giảm thiểu độ trễ thể chế khi đưa các chính sách văn hóa - tư tưởng vào thực tiễn. Đồng thời, bộ máy hành pháp trung ương chịu trách nhiệm vận hành cơ chế quản trị hành chính minh bạch, tạo không gian thuận lợi cho việc hiện thực hóa quy chế dân chủ gắn liền giữa nghĩa vụ công dân với quyền thụ hưởng thực chất, làm nền tảng cho sức mạnh tinh thần toàn dân tộc quy tụ. Sự hiệp đồng từ cấp trung ương tạo điều kiện cho các chính sách và quy định pháp luật thấm thấu sâu sắc khi năng lực thể chế hóa của chính quyền địa phương được kích hoạt, khắc phục dần căn bệnh hành chính hóa hoặc các biểu hiện dân chủ hình thức. Tiếp nối mạch vận hành này, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các quyết định cá biệt, chỉ thị điều hành sát hợp với văn hóa và đặc điểm đặc thù của các địa bàn chiến lược. Bằng

việc tối ưu hóa cơ chế phân bổ ngân sách lưỡng dụng, cơ quan quản lý cấp tỉnh trực tiếp thiết lập mạng lưới liên kết ngang giữa lực lượng vũ trang địa phương với các thiết chế văn hóa - xã hội; đồng thời tăng cường thanh tra công vụ, nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu nhằm bảo đảm tính công bằng và kiểm soát quyền lực nghiêm minh trong các cơ quan hành chính địa phương. Sự chuyển dịch phương thức này tiếp tục được cụ thể hóa khi Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã cùng các thiết chế hành chính cơ sở đóng vai trò là cầu nối trực tiếp chuyển hóa các định chế pháp lý của Nhà nước thành các cơ chế tự quản tại cơ sở. Thiết chế quản trị cơ sở này có trách nhiệm khơi thông không gian phản biện xã hội, bảo đảm quần chúng nhân dân được thực hiện quyền làm chủ thực tế đối với công tác điều hành của bộ máy chính quyền. Sự phối hợp cơ động, hiệu quả giữa lực lượng Công an, Quân sự với hệ thống Mặt trận và các tổ công nghệ số cộng đồng sẽ đảm bảo tính hiệu quả của công tác phổ biến pháp luật, định hình các chuẩn mực đạo đức mới, đồng thời hóa giải các xung đột nội bộ tại chỗ, củng cố thể trận lòng dân một cách trực tiếp.

Sự vận động biện chứng của các phương thức phát huy đòi hỏi phải tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội, tạo giá trị thực tiễn trong việc hình thành những con người Việt Nam phát triển toàn diện, bồi dưỡng lý tưởng sống và khát vọng cống hiến, khắc phục tâm lý ngại học lý luận của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ. Công tác giáo dục tập trung chuyển hóa lòng yêu nước từ niềm tự hào quá khứ thành hành động thực tiễn xây dựng đất nước, trang bị kỹ năng nhận diện thông tin sai lệch, nâng cao tư duy phản biện và chất lượng giáo dục quốc phòng - an ninh để làm cho các giá trị văn hóa tinh thần tốt đẹp thấm sâu vào mỗi gia đình, từng tập thể, trường học. Để thực hiện hiệu quả nội dung trên, cần có sự phối hợp liên ngành nhịp nhàng, trong đó Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Bộ Khoa học và Công nghệ tập trung hiện đại hóa cơ sở vật chất thông qua hệ thống thư viện điện tử, bảo tàng số, thiết bị tương tác, đổi mới phương pháp giảng dạy để các nội dung lịch sử trở nên sinh động, hấp dẫn đối với mọi đối tượng. Cơ chế

phối hợp này gắn kết chặt chẽ ba trụ cột gồm nhà trường hun đúc tri thức bản lĩnh, gia đình làm nền tảng nuôi dưỡng lòng yêu nước và xã hội kiến tạo môi trường lành mạnh, đồng thời tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo xứng tầm là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, có năng lực truyền cảm hứng và khơi dậy tinh thần tự lực tự cường của người học. Tiến trình hiện đại hóa hình thức lan tỏa ý thức này đòi hỏi năng lực hành động đồng bộ của các thiết chế chuyên ngành ở cấp chiến lược. Theo đó, hệ thống các cơ quan nghiên cứu lý luận cấp vĩ mô bao gồm Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm chủ trì biên soạn, cung cấp các luận cứ khoa học chính quy, chuẩn hóa hệ thống giáo trình lý luận chính trị và cập nhật các phương pháp luận đấu tranh tư tưởng hiện đại nhằm trang bị công cụ sắc bén cho các nhà trường. Song hành với đó, Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh và Hội Liên hiệp Phụ nữ... thiết lập các chương trình giáo dục truyền thống lồng ghép thông qua hoạt động công đoàn, câu lạc bộ phụ nữ, nông dân, biển không gian sinh hoạt đoàn thể thành môi trường giáo dục thường xuyên cho mọi thành viên của tổ chức. Trên lĩnh vực truyền thông đại chúng, Hội Nhà báo Việt Nam cùng ban lãnh đạo các cơ quan báo chí, đài truyền hình quốc gia chịu trách nhiệm mở rộng các chuyên trang, chuyên mục chính luận, ứng dụng công nghệ đồ họa chuyển động và báo chí dữ liệu để truyền tải các thông điệp chính trị một cách trực quan, tối ưu hóa khả năng tiếp cận và thẩm thấu giá trị tinh thần đối với mọi tầng lớp nhân dân. Các Tỉnh ủy, Thành ủy và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp lãnh đạo công tác phân bổ ngân sách địa phương để đồng bộ hóa hạ tầng số giáo dục, chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Tỉnh đoàn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh xây dựng các chương trình trải nghiệm thực tế, học kỳ quân đội và số hóa các địa chỉ đỏ, di tích lịch sử tại địa phương. Cơ quan quản lý cấp tỉnh chịu trách nhiệm chuẩn hóa khung tiêu chí đánh giá thi đua, gắn trách nhiệm của người đứng đầu ngành giáo dục và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn với hiệu quả bồi đắp bản lĩnh chính trị, tư tưởng cho học sinh, sinh viên; đồng thời tăng cường thanh tra, quản lý môi trường mạng giáo dục để chủ động ngăn chặn các luồng thông tin độc hại xâm nhập vào học đường. Các Đảng ủy, Ủy ban nhân

dân cấp xã đóng vai trò là cầu nối gắn kết thiết chế nhà trường với ban công tác Mặt trận khu dân cư và từng hộ gia đình trên địa bàn. Thiết chế quản trị cơ sở này có trách nhiệm tổ chức vận hành các nhà văn hóa, thư viện cộng đồng, tạo không gian cho các hoạt động giáo dục truyền thống và sinh hoạt đoàn đội tại khu dân cư. Trên thực tế, sự phối hợp cơ động giữa lực lượng Công an, Quân sự cấp xã với Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ cơ sở và các tổ công nghệ số cộng đồng sẽ trực tiếp hướng dẫn các gia đình phương pháp quản lý, định hướng con em tương tác an toàn trên không gian số, biến mỗi tổ dân phố thành một vành đai an toàn về tư tưởng. Chính các phương thức này sẽ phát huy vai trò gương mẫu của đội ngũ nhà giáo, cán bộ cơ sở tại địa phương, khơi dậy tính tích cực, tự giác của người học, biến tri thức lịch sử và lòng tự hào dân tộc thành sức mạnh thực tiễn trong cuộc đấu tranh tư tưởng.

Biện pháp mang tính cấp bách hiện nay là phải nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền và chủ động, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện sai lệch trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, trọng tâm là không gian mạng, nhằm định hướng dư luận xã hội và hóa giải chiến lược chống phá của các thế lực thù địch, giảm thiểu tình trạng chậm đổi mới phương thức truyền thông, tính thụ động và sự tụt hậu về công nghệ quản trị thông tin. Công tác truyền thông tập trung tạo bước chuyển biến sâu sắc về nhận thức cho các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh ý thức hệ, vạch trần bản chất của các luận điệu xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ lãnh tụ, phủ nhận thành quả cách mạng nhằm ngăn ngừa nguy cơ khủng hoảng niềm tin dẫn tới hiện tượng tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ. Để triển khai đồng bộ các định hướng chiến lược này thành năng lực hiệp đồng thiết chế, cơ chế vận hành đòi hỏi phải cụ thể hóa chức năng của các cơ quan chuyên trách. Theo đó, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương giữ vai trò chủ trì định hướng chính trị, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xây dựng một hệ sinh thái truyền thông số trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến, tối ưu hóa năng lực chuyên môn của đội ngũ chuyên gia để lan tỏa thông tin tích cực, chủ động dự báo tình hình và xử lý kịp thời các sự kiện xã hội nhạy cảm. Định

hướng này yêu cầu các cơ quan báo chí, xuất bản phải phát huy vai trò là lực lượng trực tiếp định hướng dư luận xã hội, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tác chiến không gian mạng chuyên trách nhằm tạo thành cơ chế hiệp đồng đồng bộ, bảo vệ vững chắc tính khoa học, cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ giá trị văn hóa dân tộc. Các Tỉnh ủy, Thành ủy và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp lãnh đạo công tác chuyển đổi số báo chí địa phương, chỉ đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận cấp tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh thiết lập hệ thống rà soát, giám sát thông tin trực tuyến nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các nguồn tin giả, thông tin độc hại trên địa bàn. Cơ quan quản lý cấp tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng lực lượng đấu tranh tư tưởng nòng cốt ở các cơ quan, đơn vị, trường học, lồng ghép tiêu chí hiệu quả đấu tranh phản bác luận điệu sai trái vào khung đánh giá xếp loại thi đua định kỳ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời tổ chức các diễn đàn chính luận định kỳ để cung cấp thông tin chính thống cho dư luận xã hội địa phương. Các Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã cùng các cơ quan hành chính đóng vai trò là đầu mối kết nối, chuyển hóa các chỉ thị thành hành động tự giác của cộng đồng dân cư; trực tiếp quản lý, định hướng hoạt động của hệ thống đài truyền thanh và các trang thông tin điện tử, hội nhóm mạng xã hội của chính quyền cơ sở, bảo đảm cung cấp kịp thời, chính xác các chủ trương, chính sách, pháp luật đến từng hộ gia đình. Trên thực tế, sự phối hợp giữa lực lượng Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã với các tổ công nghệ số cộng đồng và chi hội đoàn thể sẽ trực tiếp hướng dẫn quần chúng nhân dân phương pháp chọn lọc thông tin, nâng cao tư duy phản biện khi tương tác trên không gian mạng. Chính phương thức trực tiếp này sẽ phát huy vai trò chủ thể của mỗi công dân trong việc chủ động đấu tranh phản bác tin đồn sai sự thật, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an ninh xã hội trên địa bàn.

Để giải pháp đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc đi vào đời sống một cách thực chất, hệ thống các điều kiện bảo đảm cần được thiết lập đồng bộ theo mô hình quản trị năng lực thực hành xã hội và khuếch trương phương thức chuyển tải.

Trước hết, về hành lang điều tiết và thể chế kiểm soát, Nhà nước cần khẩn trương cập nhật hệ thống quy chế ràng buộc trách nhiệm hiệp thương liên ngành giữa cơ quan định hướng chính trị của Đảng với bộ máy hành chính công quyền và hệ thống Mặt trận Tổ quốc các cấp. Định chế pháp lý này phải quy định rõ hệ thống chỉ báo định lượng để Ủy ban Kiểm tra Trung ương và thanh tra công vụ tiến hành giám sát chuyên đề, kịp thời ngăn chặn xu hướng hành chính hóa đoàn thể, xử lý các biểu hiện đùn đẩy trách nhiệm hoặc vi phạm quyền thụ hưởng văn hóa của công dân từ cấp vĩ mô đến các quy ước, hương ước tự quản tại cộng đồng khu dân cư. Thứ hai, về hạ tầng nhân lực và năng lực số chuyên biệt, Chính phủ cần phê duyệt quy hoạch chiến lược về đào tạo và bồi dưỡng chuẩn hóa cho đội ngũ cán bộ tuyên giáo, nhà giáo cách mạng và các chuyên gia tư tưởng đáp ứng các tiêu chuẩn công nghệ của kỷ nguyên số. Nguồn vốn ngân sách nhà nước kết hợp với cơ chế xã hội hóa các nguồn lực hợp pháp phải được phân bổ hợp lý, ưu tiên kinh phí cho chính quyền cấp tỉnh để số hóa toàn bộ hệ thống di sản giữ nước và hiện đại hóa thiết bị công nghệ cho chính quyền cấp xã; tạo điều kiện kỹ thuật để lực lượng an ninh cơ sở và các tổ công nghệ số cộng đồng bám sát địa bàn, kịp thời định hướng dư luận. Cuối cùng, về bệ đỡ tri thức và không gian đấu tranh ý thức hệ, cần thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa các định chế khoa học lớn như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam với các trung tâm tác chiến không gian mạng của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an. Việc ứng dụng các thành tựu của trí tuệ nhân tạo và xử lý dữ liệu lớn (Big Data) vào hệ thống sàng lọc thông tin quốc gia là điều kiện tất yếu khách quan để nâng cao năng lực dự báo, xây dựng trận địa tư tưởng số vững chắc, giúp chủ động ngăn chặn, hóa giải từ sớm, từ xa các chiến dịch chiến tranh tâm lý xuyên biên giới, bảo vệ vững chắc nền tảng tinh thần của chế độ trong mọi tình huống chiến lược.

4.4. KẾT HỢP HÀI HÒA SỨC MẠNH VẬT CHẤT VÀ SỨC MẠNH VĂN HÓA TINH THẦN, TẠO SỨC MẠNH TỔNG HỢP BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY

Sự phát triển của đất nước trong bối cảnh đương đại đặt ra yêu cầu tất yếu

khách quan phải gắn kết đồng bộ giữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và sức mạnh văn hóa tinh thần, xem đây là quy luật nội tại chi phối toàn bộ cấu trúc thượng tầng và hạ tầng quốc phòng. Đây là sự vận dụng sáng tạo quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội vào thực tiễn bảo vệ Tổ quốc, nơi lực lượng vật chất đóng vai trò nền tảng khách quan, còn ý thức xã hội tiên tiến, trọng tâm là các hăng số văn hóa tinh thần độc lập, tự chủ, giữ vai trò định hướng chính trị, nhân bội hiệu năng thực tiễn và quyết định quỹ đạo vận động của toàn bộ tiềm lực quốc gia. Sự kết hợp hài hòa này hướng trực tiếp vào việc hóa giải mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế thuần túy với nhiệm vụ bồi đắp bản lĩnh chính trị, tư tưởng, ngăn chặn từ gốc các nguy cơ suy thoái tư tưởng, phai nhạt ý thức bảo vệ Tổ quốc hoặc xu hướng sùng bái giá trị ngoại lai thực dụng. Khi tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ được bện chặt hữu cơ với thể trận lòng dân vững chắc, hệ thống chính trị sẽ thiết lập được năng lực rắn đe chiến lược phi đối xứng, bảo đảm cho kinh tế phải vững, quốc phòng phải mạnh, thực lực phải cường, lòng dân phải yên, “chính trị - xã hội ổn định, cả dân tộc là một khối thống nhất” [3, tr.169].

Để chuyển hóa quy luật triết học này thành năng lực thực thi thể chế, Chính phủ và các cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng chủ trì ban hành hệ thống quy chuẩn bắt buộc về quy hoạch lưỡng dụng trong đầu tư công và phát triển hạ tầng kỹ thuật quốc gia, bảo đảm các chương trình phát triển kinh tế quy mô lớn luôn tích hợp sẵn phương án công nghệ, công năng dự phòng phục vụ quốc phòng khi tình huống khẩn cấp phát sinh. Chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm vận hành cơ chế quản lý, giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh chủ trì thẩm định chặt chẽ khía cạnh an ninh - quốc phòng đối với toàn bộ các dự án quy hoạch phát triển kinh tế vùng, nhất là các dự án có nguồn vốn đầu tư nước ngoài tại địa bàn phân dậu nhằm ngăn ngừa nguy cơ phân mảnh lãnh thổ hoặc tổn hại đến không gian sinh thái văn hóa truyền thống. Ủy ban nhân dân cấp xã và các thiết chế tự quản cơ sở chịu trách nhiệm cụ thể hóa quy chế dân chủ, bảo đảm tính công khai, công bằng trong thực thi các chính sách an sinh xã hội, giải quyết triệt để các mâu thuẫn dân sinh từ gốc; đồng thời, chỉ đạo lực lượng an ninh cơ sở hướng dẫn quần

chúng nhân dân kết hợp chặt chẽ giữa thi đua lao động sản xuất với nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ an toàn trật tự địa bàn cư trú từ sớm, từ xa.

Trọng tâm cốt lõi của tiến trình gắn kết này là việc tối ưu hóa cơ chế huy động, phân bổ và kết hợp biện chứng giữa các nguồn vốn chiến lược, lấy con người làm vị trí trung tâm nhằm chuyển hóa toàn bộ vật lực và tài lực quốc gia thành năng lực phòng thủ toàn diện. Biện chứng của quá trình này chỉ ra rằng, việc kiến tạo một nền kinh tế độc lập, tự chủ chính là tiền đề vật chất quyết định để nuôi dưỡng thượng tầng tinh thần xã hội, cho phép Nhà nước gia tăng nguồn lực đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa và phúc lợi dân sinh. Để hiện thực hóa mục tiêu này, các cơ quan hoạch định chiến lược Trung ương phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ xây dựng khung chính sách phân bổ ngân sách công theo hướng đặt con người vào trục tọa độ trung tâm, quán triệt sâu sắc chỉ dẫn phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc “dùng tinh thần hăng hái của toàn dân để tìm cách giải quyết sự yếu kém vật chất” [101, tr.28]. Mục tiêu nhằm hướng tới việc “đảm bảo an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia”; “hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế” [39, tr.157], chuyển hóa lòng yêu nước truyền thống thành hành động tự giác rèn luyện phẩm chất chính trị của công dân. Sự chuyển hóa chức năng này đòi hỏi chính quyền cấp tỉnh phải chủ động lập quy hoạch phát triển kinh tế địa phương gắn với xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, ưu tiên vốn đầu tư công cho hạ tầng kỹ thuật có tính chất lưỡng dụng và thực hiện tốt chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ trí thức, lực lượng vũ trang địa phương. Chính quyền cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, điều phối minh bạch các nguồn lực tài chính giảm nghèo đa chiều, xây dựng nông thôn mới lành mạnh; phối hợp với các chi hội đoàn thể lồng ghép việc chăm lo lợi ích thiết thân với giáo dục ý thức công dân, tạo đòn bẩy thực tế để Nhân dân tự giác thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ an ninh, bảo vệ vững chắc địa bàn cư trú.

Dưới tác động của các hình thái chiến tranh và xung đột đương đại, sự kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng phải được đẩy mạnh thông qua việc xây dựng nền công nghiệp quốc phòng tự lực, tự cường, lưỡng dụng và hiện đại, nhằm tạo bước

đột phá trong năng lực tác chiến đa không gian và thiết lập thể trận phòng thủ bất đối xứng. Nội dung này yêu cầu phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập trung giải phóng lực lượng sản xuất thông qua ứng dụng các thành tựu khoa học cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để làm chủ các công nghệ nguồn, chuyển hóa căn bản từ vị thế gia công sang năng lực sản xuất độc lập về công nghệ. Để hiện thực hóa các định hướng chiến lược này, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp then chốt như bán dẫn, vi mạch, trí tuệ nhân tạo và kinh tế số; đồng thời, định hướng tích hợp công nghệ cao phục vụ dân sinh sẵn sàng chuyển đổi sang mục đích quân sự khi tình huống chiến lược phát sinh. Tiến trình hiện đại hóa này khẳng định quy luật về sự thống nhất biện chứng giữa con người và vũ khí, trong đó yếu tố quyết định thắng lợi vẫn là nhân tố con người được giác ngộ lý tưởng cách mạng và có bản lĩnh vững vàng. Để mạch quyết sách vĩ mô không bị đứt gãy, chính quyền cấp tỉnh trực tiếp lãnh đạo công tác định hướng phát triển, quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn, bảo đảm các doanh nghiệp công nghệ cao tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu phòng thủ dân sự và sẵn sàng động viên công nghiệp khi có lệnh; phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xây dựng phương án dự trữ vật chất chiến lược và thu hút chuyên gia kỹ thuật chất lượng cao về làm việc tại địa phương. Chính quyền cấp xã đóng vai trò là đầu mối trực tiếp quản lý con người và bảo vệ an toàn hạ tầng kinh tế, kỹ thuật; tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác đăng ký, quản lý nguồn lực dự bị động viên, đặc biệt là đội ngũ thợ kỹ thuật, công nhân lành nghề tại các nhà máy; phối hợp với lực lượng an ninh cơ sở hướng dẫn quần chúng bảo vệ an toàn các công trình viễn thông, đường điện chiến lược, biến mỗi nhà máy thành một mắt xích kiên cố bảo vệ an ninh trật tự ngay từ cơ sở.

Xét về mặt bản chất của kiến trúc thượng tầng tư tưởng, sức mạnh tổng hợp của quốc gia chỉ thực sự bền vững khi tiềm lực vật chất được vận hành trong một hệ sinh thái chính trị - tinh thần lành mạnh, giải quyết thấu đáo mối quan hệ biện

chúng giữa sự gia tăng tiềm lực vật chất với quá trình định hình, lan tỏa hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và hệ giá trị con người Việt Nam. Giải pháp đặt trọng tâm vào việc vượt qua mô hình mô tả hình thái tĩnh của các hệ giá trị, chủ động vận hành cơ chế điều tiết lưỡng hợp: lấy sự hưng thịnh của nền tảng vật chất - kinh tế làm nền tảng để đầu tư, bồi đắp nguồn lực tinh thần; đồng thời, thiết lập các chỉ báo thực hành của bốn hệ giá trị này thành công cụ kiểm soát tư tưởng, chủ động phòng ngừa mặt trái của kinh tế thị trường, chủ nghĩa vị kỷ và lối sống thực dụng, kịp thời hóa giải các tác nhân gây rạn nứt niềm tin chính trị và tổn hại đến độ vững chắc của thể trận lòng dân. Để hiện thực hóa các định hướng chiến lược này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Trung ương và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần xây dựng được cơ chế tích hợp, dùng nguồn lực đầu tư công để hiện đại hóa hệ thống thiết chế gia đình, học đường và cộng đồng; lồng ghép các chuẩn mực của các hệ giá trị vào quy trình rèn luyện đạo đức công vụ và các phong trào hành động cách mạng thực tiễn, tạo lập môi trường chính trị trong sạch nhằm bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Mạch liên kết dọc này đòi hỏi chính quyền cấp tỉnh phải chủ động lãnh đạo công tác quy hoạch, sử dụng nguồn ngân sách phát triển kinh tế địa phương để xây dựng hạ tầng văn hóa, thông tin chính quy gắn với các trung tâm truyền thông số; chuyển hóa các chuẩn mực đạo đức cách mạng, tình cảm yêu nước và ý chí tự cường thành các quy tắc ứng xử văn minh, định lượng trực tiếp qua năng suất lao động và trách nhiệm tham gia các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Đảng ủy và Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chịu trách nhiệm hướng dẫn ban công tác Mặt trận, các hội đoàn thể và khu dân cư cụ thể hóa mối quan hệ giữa bảo đảm lợi ích kinh tế dân sinh với thực hành các hệ giá trị vào hệ thống hương ước, quy ước tự quản của cộng đồng; tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm loại bỏ các biểu hiện vi phạm quyền làm chủ làm tổn hại đến khối đoàn kết, đồng thời phối hợp với lực lượng công an, quân sự xã, nhà trường và gia đình tại địa bàn để phát triển khả năng tự vệ tư tưởng cho thế hệ trẻ, biến mỗi hộ gia đình và khu dân

cư thành một pháo đài chính trị vững chắc, vô hiệu hóa từ sớm cuộc chiến tranh tâm lý và các trào lưu ngoại lai phản giá trị trên không gian mạng.

Để giải pháp kết hợp hài hòa giữa nguồn lực vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần đi vào cuộc sống một cách thực chất, hệ thống các điều kiện bảo đảm thực hiện cần được thiết lập đồng bộ theo mô hình quản trị năng lực tích hợp và cơ chế vận hành lưỡng dụng. Trước hết, về hành lang điều tiết và thể chế kiểm soát, Nhà nước cần khẩn trương hoàn thiện, cụ thể hóa hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, ban hành quy chế bắt buộc về thẩm định an ninh đối với các quy hoạch phát triển kinh tế vùng và dự án đầu tư lớn; đồng thời siết chặt kỷ luật công vụ, ràng buộc trách nhiệm giải trình công vụ liên ngành nhằm loại bỏ biểu hiện cục bộ, lợi ích nhóm dưới sự giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Định chế pháp lý này đòi hỏi các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương cấp tỉnh phải chuẩn hóa quy trình công vụ, chính quyền cấp xã đưa các quy định kiểm tra vào nội dung sinh hoạt định kỳ của chi bộ và hương ước tự quản, tạo hành lang pháp lý vi mô để quần chúng nhân dân thực hiện quyền giám sát trực tiếp. Thứ hai, về hạ tầng tài chính và phân bổ nguồn lực công, Chính phủ cần ưu tiên cân đối, cơ cấu lại ngân sách nhà nước dưới sự điều phối định hướng của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, tăng cường đầu tư công cho các trung tâm nghiên cứu và phát triển trọng điểm, các doanh nghiệp công nghệ lưỡng dụng và các thiết chế văn hóa lịch sử. Trách nhiệm thực thi này đòi hỏi chính quyền cấp tỉnh phải phân bổ minh bạch nguồn vốn ngân sách được phân cấp để xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, thực hiện đầy đủ chính sách hậu phương quân đội; trong khi chính quyền cấp xã trực tiếp hiện thực hóa các chính sách an sinh, lồng ghép kinh phí công với nguồn vốn xã hội hóa hợp pháp để bảo đảm cơ sở vật chất cho công tác dân quân tự vệ, dự bị động viên và các hoạt động giáo dục truyền thống cho người lao động tại địa bàn cư trú. Cùng với đó, toàn bộ hệ thống chính trị tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ hiện đại, ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để xây dựng mạng lưới thông tin quốc gia đồng bộ dưới sự điều hợp chuyên môn của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương phối

hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an nhằm chủ động phát hiện từ sớm, từ xa và vô hiệu hóa các chiến dịch chống phá văn hóa, tư tưởng từ bên ngoài. Ở cấp độ địa phương, chính quyền cấp tỉnh chủ trì xây dựng hạ tầng kỹ thuật lưỡng dụng, tích hợp mạng lưới truyền thông địa phương với hệ thống thông tin quốc phòng; đồng thời, cấp ủy và chính quyền cấp xã trực tiếp chỉ đạo lực lượng công an, quân sự phối hợp với các tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn nhân dân khai thác các nền tảng công nghệ số chính thống, nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ quốc phòng, kiến tạo khả năng tự vệ văn hóa tinh thần của quần chúng, giữ vững an ninh tư tưởng, văn hóa quốc gia trong mọi tình huống chiến lược.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Trong bối cảnh cục diện thế giới và trong nước đan xen cả thời cơ và thách thức, với những biến động phức tạp, khó lường, việc phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là nhân tố rất quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này, cần tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp: *Thứ nhất*, phát huy vai trò của các chủ thể, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động, khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo của toàn dân, đồng thời kiện toàn cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành để thống nhất ý chí và hành động. *Thứ hai*, không ngừng làm giàu nội dung các giá trị văn hóa tinh thần, phát triển và từng bước hiện thực hóa hệ giá trị văn hóa Việt Nam, đảm bảo vừa kế thừa truyền thống, vừa đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. *Thứ ba*, đa dạng hóa các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần, đưa các giá trị văn hóa thấm thấu sâu rộng vào đời sống, biến chúng thành sức mạnh nội sinh, góp phần củng cố vững chắc “thế trận lòng dân” làm nền tảng tinh thần kiên cố để bảo vệ Tổ quốc. *Thứ tư*, kết hợp hài hòa sức mạnh văn hóa tinh thần với sức mạnh vật chất, tạo sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bối cảnh nhiều biến động phức tạp, khó lường hiện nay.

KẾT LUẬN

Sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam là tổng thể các giá trị văn hóa tinh thần cao đẹp của dân tộc, được hun đúc, tôi luyện qua lịch sử dựng nước và giữ nước, có khả năng gắn kết, định hướng, khơi dậy nội lực to lớn, chuyển hóa thành ý chí, hành động quyết tâm của mọi người dân Việt Nam, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh lịch sử. Sức mạnh đó được tạo bởi hệ giá trị cốt lõi đã được tôi luyện và khẳng định qua thực tiễn lịch sử, như: chủ nghĩa yêu nước; tinh thần đoàn kết, đồng thuận; ý chí tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình, độc lập, tự do; nghệ thuật quân sự độc đáo... Những yếu tố đó hòa quyện, bổ sung cho nhau, tạo thành một hệ giá trị văn hóa tinh thần đặc sắc - vừa truyền thống, vừa hiện đại, vừa đặc thù, vừa phổ quát. Khi được chuyển hóa thành ý chí, bản lĩnh và hoạt động thực tiễn của các chủ thể, sẽ tạo thành sức mạnh to lớn để bảo vệ đất nước trước mọi nguy cơ, thách thức, đặc biệt là trên các mặt trận phi truyền thống.

Phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là một quá trình chủ động, tích cực, tự giác, có định hướng, nhằm chuyển hóa các giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc thành nhận thức và hành động của các chủ thể, tạo ra nguồn động lực mạnh mẽ, bền vững, sâu sắc, lan tỏa, thúc đẩy toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi hoàn cảnh, đặc biệt là trong ứng phó với các nguy cơ, thách thức đe dọa độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Qua 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân tộc đã phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, chung sức đồng lòng thực hiện công cuộc đổi mới, vượt qua khó khăn, thử thách, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của các tầng lớp nhân dân, thúc đẩy sự tham gia tích cực vào công tác quốc phòng, an ninh; kiên trì giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình, góp phần vào hòa bình, ổn định khu vực và thế giới; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ;

phát triển nghệ thuật quân sự, củng cố thể trận lòng dân, củng cố “nền quốc phòng toàn dân”, “an ninh nhân dân” vững mạnh.

Bên cạnh đó, cũng còn một số hạn chế, bất cập, như: Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc; nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục chưa thường xuyên đổi mới; chưa có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể... nên chưa thực sự phát huy tối đa sức mạnh mềm của văn hóa tinh thần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Do đó, cần tiếp tục nâng cao nhận thức và tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các chủ thể; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các ban, bộ, ngành để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay; nghiên cứu, bổ sung nội dung các giá trị văn hóa tinh thần Việt Nam gắn với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới; đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả các phương thức phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần; kết hợp hài hòa sức mạnh vật chất và sức mạnh văn hóa tinh thần, tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia... là những giải pháp cần thiết để phát huy sức mạnh văn hóa tinh thần trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN

1. Bùi Đức Dũng (2021), “Phát huy sức mạnh văn hóa trong sự phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận* - Học viện Chính trị Khu vực I, số 328.
2. Bùi Đức Dũng (2023), “Xây dựng văn hóa trường Đảng tại Trường Chính trị tỉnh Hòa Bình - Một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học*, số 40, ngày 15/10/2023.
3. Bùi Đức Dũng (2024), “Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa và sức mạnh văn hóa trong bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số Đặc biệt Quý IV năm 2024, tr.5-9.
4. Bùi Đức Dũng (2025), “Phát huy sức mạnh tinh thần đại đoàn kết dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, Thứ Ba, ngày 06/5/2025 <https://lyluanchinhtri.vn/phat-huy-suc-manh-tinh-than-dai-doan-ket-dan-toc-de-xay-dung-va-bao-ve-to-quoctrong-ky-nguyen-moi-6855.html>

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.I.Ác-nôn-đốp (Chủ biên, 1985), *Cơ sở lý luận văn hóa Mác - Lênin* (tái bản), Hoàng Vinh - Nguyễn Văn Hy (dịch), Trường Văn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/bai-3-dac-biet-chu-trong-ngan-chan-day-lui-su-suy-thoai-bieu-hien-tu-dien-bien-tu-chuyen-hoa-593317.html> [Truy cập 07/5/2024].
3. Nguyễn Duy Bắc (Chủ biên, 2022), *Phát triển văn hóa và con người Việt Nam nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh phát triển đất nước* (Sách chuyên khảo), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Trần Thái Bình (2024), “Những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (01), tháng 01/2024, tr.06 - 09.
5. Trần Văn Bính (2010), *Văn hóa Việt Nam trên con đường đổi mới - Những thời cơ và thách thức*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Bộ Quốc phòng (2019), “*Quốc phòng Việt Nam 2019*”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Trần Đăng Bộ - Nguyễn Văn Quang (Đồng chủ biên, 2019), *Tư tưởng bảo vệ Tổ quốc từ xa trong lịch sử dân tộc* (sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-23-nqtw-ngay-1662008-cua-bo-chinh-tri-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-phat-trien-van-hoc-nghe-thuat-trong-thoi-ky-269> [Truy cập ngày 16/7/2024].
9. Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam (2011), *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
10. Bộ Quốc Phòng - Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2016), *Vấn đề tăng*

cường quốc phòng trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Quốc phòng (2019), *Quốc phòng Việt Nam 2019*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. “Bộ Quốc phòng: Đã có phương án xử lý hơn 600 điểm đất đai tranh chấp”
<https://thanhnien.vn/bo-quoc-phong-da-co-phuong-an-xu-ly-hon-600-diem-dat-dai-tranh-chap-185230517144016692.htm> [Truy cập ngày 8/6/2024].
13. Lê Thị Chiên (2019), “Về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong quan điểm của V.I. Lê-nin và ý nghĩa đối với Việt Nam hiện nay”
<https://tapchiconsan.org.vn> [Truy cập 10/7/2025].
14. Lê Thị Chiên (2020), “Quan điểm của Ph. Ăng-ghe-n về tư duy lý luận và ý nghĩa đối với việc đổi mới tư duy về phát triển kinh tế thị trường hiện đại ở Việt Nam hiện nay”, https://www.tapchiconsan.org.vn/2018/815797/view_content [Truy cập 10/7/2025].
15. Đỗ Văn Chiến (2025), “Đại đoàn kết toàn dân tộc - cội nguồn của ý chí, niềm tin, sức mạnh để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.42 - 47.
16. Phạm Minh Chính (2025), “Đổi mới sáng tạo, tăng tốc, bứt phá, đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.18 - 26.
17. Lương Cường (2019), “Đổi mới và tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản* (915), tháng 01-2019, tr.11 - 16.
18. Lương Cường (2019), “Ngày hội Quốc phòng toàn dân - nơi hội tụ sức mạnh bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số 12/2019, tr.20 - 25.
19. Lương Cường (2019), “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình

- hình mới”, *Tạp chí Cộng sản* (932), tr.9 - 14.
20. Lương Cường (2023), “Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng, chiến lược quân sự trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản - Chuyên đề*, (9), tr.17 - 22.
 21. Nguyễn Bá Dương - Nguyễn Văn Quang (Đồng chủ biên, 2014), *Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 22. Nguyễn Bá Dương (2017), *Xây dựng “Thế trận lòng Dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 23. Nguyễn Bá Dương (2023), “Nhận thức và giải quyết mối quan hệ mang tính quy luật trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc”, *Lý luận và thực tiễn*, Hội đồng Lý luận Trung ương, số 117 (251) - 2023.
 24. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương* (khóa VII), Hà Nội.
 25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 26. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị trung ương năm khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám (khóa IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.37.
 30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp*

- hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
 38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
 39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019): *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần II (Đại hội X, XI, XII)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.I.
 42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.II.
 43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 46. Nguyễn Hồng Điệp (2023), “Khơi dậy và phát huy các nguồn lực văn hóa để phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay”, *Triết học*, số 2 (381), tháng 2/2023.
 47. Đặng Quang Định (2021), “Khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh,

- thịnh vượng theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Triết học*, số 4 (359), tháng 4/2021, tr.19 - 26.
48. Nguyễn Tài Đông (2022), “Giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc cho tuổi trẻ Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (984), tháng 02-2022, tr.58 - 62.
 49. Phạm Văn Đồng (1995), *Văn hóa và đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 50. Dương Xuân Đông (2017): *Văn hóa quân sự Việt Nam văn hóa giữ nước*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 51. Phạm Duy Đức (chủ biên, 2008), *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 52. Phạm Duy Đức (2021), “Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (3), tr.42 - 48.
 53. Phạm Duy Đức (2024), “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc để phát triển đất nước”, *Tạp chí Cộng sản* (1034), tháng 03-2024, tr.61 - 66.
 54. Nguyễn Văn Gấu (2023), ““Xây dựng “thế trận lòng dân” trên không gian mạng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản* (1027), tháng 12-2023, tr.28 - 33.
 55. Phan Văn Giang (2025), “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.48 - 54.
 56. Trần Văn Giàu (2005), “Thủ bản về cấu trúc văn hóa quân sự Việt Nam”, *Văn hóa quân sự một văn hóa độc đáo Việt Nam* (2008), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 57. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 58. Phan Trọng Hào (2023), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, <https://hvcsnd.edu.vn/tin-tuc-su-kien/tieu-diem/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-bao-ve-to-quoc-trong-tinh-hinh-moi->

8888 [Truy cập 8/6/2024].

59. Lương Thanh Hân (Chủ biên, 2016), *Sự phát triển nhận thức của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
60. Dương Quang Hiền (2012), *Phát huy hệ giá trị văn hóa quân sự Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay*, Nxb Quân đội, Hà Nội.
61. Nguyễn Huy Hoàng (2000), *Văn hóa trong nhận thức duy vật lịch sử của C.Mác*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
62. Hội đồng Lý luận Trung ương (2020), *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
63. Hội đồng Lý luận Trung ương (2022), *Niên giám khoa học năm 2022 - Những vấn đề quốc phòng, an ninh, đối ngoại*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Tạ Hữu Hùng (2023), “Chiến tranh nhân dân - giá trị văn hóa quân sự chủ đạo trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc”, *Chính trị và phát triển* (Tập chí nghiên cứu của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật), (4), tr.52 - 55.
65. Trần Văn Hùng - Nguyễn Đức Tuyên (2024), “ Tư tưởng của V.I.Lênin về lực lượng, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và việc vận dụng của Đảng ta hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (556), tháng 6-2024, tr.42 - 50.
66. Nguyễn Mạnh Hưởng (2012), *Góp phần chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
67. Nguyễn Mạnh Hưởng (2015), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ nước từ khi chưa nguy*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
68. Lê Văn Hưởng (2024), “ Tư duy mới của Đảng ta trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, tháng 5-2024, tr.50 - 52.
69. <https://baochinhphu.vn/cong-dong-nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai-nguon-luc-quan-trong-dong-gop-tich-cuc-vao-su-phat-trien-dat-nuoc-10224020900261099.htm> [Truy cập 5/4/2024].

70. <https://chinhphu.vn/hien-phap-nam-2013-68379> [Truy cập 02/4/2024]
71. Joseph S. Nye (2017): *Quyền lực mềm - Ý niệm mới về thành công trong chính trị thế giới*, Bản dịch của Lê Trường An, Nxb Tri thức, Hà Nội.
72. Joseph S. Nye, Jr (2018), *Tâm Hiền dịch, Tương lai của quyền lực* (Tái bản lần thứ nhất), Nxb Lao động - Công ty sách Bách Việt, Hà Nội.
73. Joseph S. Nye, “Chủ nghĩa dân tộc lành mạnh là điểm tựa của Việt Nam” <http://vinhcity.gov.vn/?detail=5213/tin-tuc-su-kien/> [truy cập 30/5/2021].
74. Vũ Khiêu (1987), *Góp phần nghiên cứu cách mạng tư tưởng văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
75. Trần Việt Khoa (2023), “Tư duy mới của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số chuyên đề (09), tr.23 - 32.
76. Trần Việt Khoa (2025), “Xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.056 (tháng 2/2025), tr.29 - 35.
77. Vũ Như Khôi (2014), *Văn hóa giữ nước Việt Nam những giá trị đặc trưng* (Xuất bản lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
78. Phan Thị Cẩm Lai (2024), “Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”, <https://www.quanlynhanuoc.vn> [Truy cập 10/9/2024].
79. Lê Thị Lan (2022), “Xây dựng tư tưởng yêu nước Việt Nam hiện nay - một số vấn đề cần chú trọng”, *Triết học*, (8), tr.28 - 37.
80. Hoàng Phúc Lâm (2023), “Hoàn thiện định hướng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản* (1.013), tháng 5-2023, tr.17 - 23.
81. Tô Lâm (2024), “Một số nhận thức cơ bản về Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.050 (tháng 11/2024), tr.3 - 11.
82. Tô Lâm (2025), “Đảng Cộng sản Việt Nam: 95 năm tiên phong vì Tổ quốc và Nhân dân”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.5 - 11.

83. Tô Lâm (2025), “Học tập suốt đời”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.058 (tháng 3/2025), tr.3 - 6.
84. Tô Lâm (2025), “Tương lai cho thế hệ vươn mình”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.058 (tháng 3/2025), tr.7 - 12.
85. Tô Lâm (2025), “Vươn mình trong hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.059 (tháng 4/2025), tr.9 - 13.
86. Nguyễn Tường Lâm (2025), “Phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ cả nước hướng tới Đại hội Đảng bộ cách cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.057 (tháng 3/2025), tr.36 - 41.
87. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 35, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. Lê Văn Lợi (2022), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, *Tạp chí Nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh*, (51), tr.16 - 22.
90. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
92. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
94. C.Mác - Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. C.Mác và Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập*, Tập 39, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
96. Trần Thanh Mẫn (2025), “Đẩy mạnh đổi mới công tác lập pháp, góp phần khơi thông nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.27 - 33.
97. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.3.
98. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.4.
99. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.5.
100. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.6.
101. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.7.
102. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.8.

103. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.10.
104. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.12.
105. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.13.
106. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.15.
107. Hoàng Minh (1972), *Tìm hiểu về tổ tiên ta đánh giặc* (Quân giải phóng Tây Nguyên xuất bản - 1971), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
108. Trần Thị Minh (2010), “Quan điểm của V.I.Lênin về vai trò của văn hóa và phát triển văn hóa trong thời kỳ quá độ”, *Triết học*, số 4 (227), tháng 4-2010, tr.16 - 20.
109. Phạm Xuân Nam (2005), *Văn hóa vì phát triển* (In lần thứ hai có bổ sung), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
110. Phạm Xuân Nam (Chủ biên, 2008), *Triết lý phát triển ở Việt Nam mấy vấn đề cốt yếu*, In lần thứ ba, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
111. Nguyễn Trọng Nghĩa (2025), “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, góp phần tạo mọi điều kiện thuận lợi để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.053 (tháng 1/2025), tr.34 - 41.
112. Trần Nhâm (2017): *Nghệ thuật biết thắng từng bước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
113. Mai Hải Oanh (2020), *Một số vấn đề văn hóa Việt Nam đương đại*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
114. Mai Hải Oanh (2020), “Phát huy giá trị của chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (952), tr.71 - 78.
115. *Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tổng kết Hội nghị giữa nhiệm kỳ Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII* - Báo Quân đội nhân dân, số 22304, ngày 18/5/2023, tr.1-2.
116. Hoàng Phê (chủ biên) (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển học - Nxb Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng.
117. Bùi Đình Phong (2021), “Ý chí, bản lĩnh và khát vọng Việt Nam - Từ truyền

- thống đến Hồ Chí Minh và trong công cuộc đổi mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (9), tr.26 - 32.
118. Bùi Đình Phong (2023), “Hồ Chí Minh - Người kiến tạo hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, số 1 (95).
 119. Trần Văn Phòng (Chủ biên, 2020), *Tổng kết sự phát triển lý luận của Đảng qua các kỳ đại hội thời kỳ đổi mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 120. Trần Văn Phòng (2023), ““Ý nghĩa bài học “Dân là gốc”, “Dân là trung tâm” trong khơi dậy và thực hiện “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc””, *Tạp chí Lý luận chính trị* (544), tháng 6-2023, tr.3 - 9.
 121. Trần Quang Phương (2021), “Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản* (965), tháng 5-2021, tr.24 - 30.
 122. Trần Quang Phương (2023), “Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản* (1.018), tháng 07-2023, tr.3 - 10.
 123. Hoàng Thị Quyên (2020), “Bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng trong thời đại công nghệ số”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (10), tr.117 - 123.
 124. Trịnh Văn Quyết (2023), “Phát huy sức mạnh của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa - Một số vấn đề mới đặt ra hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (1028), tháng 12-2023, tr.28 - 35.
 125. Trịnh Văn Quyết (2024), “Quân đội Nhân dân Việt Nam phát huy sức mạnh tổng hợp, xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần và tiềm lực quân sự, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản* (1.049), tháng 11-2024, tr.17 - 25.
 126. Phan Văn Rân - Ngô Chí Nguyễn (2021), “Mối quan hệ giữa địa chính trị và địa kinh tế: Lý luận và thực tiễn”, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/moi-quan-he-giua-dia-chinh-tri-va->

- [dia-kinh-te-ly-luan-va-thuc-tien-p24247.html](#) [Truy cập 10/7/2025]. Xem Tạp chí Lý luận chính trị số 5-2019.
127. Phạm Hồng Sơn (2004), *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam (In lần thứ hai)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 128. Phạm Minh Sơn - Trần Mai Hương (2024), ““Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” nhận thức và triển khai hành động”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (561), tháng 11-2024, tr.3 - 9.
 129. Vũ Hồng Sơn - Phan Mạnh Toàn (Đồng chủ biên), (2023), *Phát huy khát vọng phát triển và sức mạnh văn hóa của con người Việt Nam trong thời kỳ mới*, (Sách chuyên khảo), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 130. Phạm Văn Sơn (2022), “Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và những vấn đề cần bổ sung, phát triển ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận và thực tiễn* (của Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), số 6 (22), tr.20 - 24.
 131. Phạm Văn Sơn (2023), “ Tư duy của Đảng về kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Nghệ thuật quân sự Việt Nam* (205), tháng 2-2023, tr.5 - 8.
 132. Phùng Khánh Tài (2022), “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp, vận động người Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, hướng về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, *Tạp chí Cộng sản*, (989), tháng 5/2022, tr.19 - 24.
 133. Nguyễn Thị Tâm (2023), “Phát huy giá trị truyền thống dân tộc trong giáo dục lối sống cho thanh niên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh*, (56), tr.92 - 98.
 134. Văn Đức Thanh (Tổng chủ biên, 2014), *Văn hóa quân sự Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 135. Văn Đức Thanh, Nguyễn Mạnh Hưởng (Đồng chủ biên, 2017), *Tư tưởng chiến tranh nhân dân trong sự nghiệp giữ nước của dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

136. Nguyễn Thị Thu Thanh (2021), “Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới” <https://www.tapchiconsan.org.vn>. [Truy cập 04/4/2024].
137. Hoàng Minh Thảo (1985), *Tìm hiểu về tổ tiên ta đánh giặc* (in lần thứ ba), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
138. Hoàng Minh Thảo (1995), *Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
139. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam (Cái nhìn hệ thống - loại hình)* (In lần thứ hai), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
140. Lê Quang Thiêm (Chủ biên, 2020), *Văn hóa với sự phát triển của xã hội Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
141. Nguyễn Ngọc Thiện - Từ Thị Loan (Đồng chủ biên, 2021), *Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
142. Nguyễn Viết Thảo (2024), “Nâng cao năng lực lãnh đạo chiến lược của Đảng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đến giữa thế kỷ XXI”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (554), tháng 4-2024, tr.7 - 13.
143. Ngô Đức Thịnh (2019), *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam*, Nxb Tri thức, Thành phố Hồ Chí Minh.
144. Khuất Quang Thụy (2006), “Đã từng có một dòng văn hóa chiến hào”, *Văn hóa quân sự một văn hóa độc đáo Việt Nam* (2008), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
145. Phạm Bá Toàn (2015) (*Tuyển chọn*), *Sức mạnh văn hóa Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
146. Đặng Hữu Toàn (2018), “Học thuyết về con người, giải phóng và phát triển con người - một giá trị làm nên sức sống trường tồn của chủ nghĩa Mác” <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn> [Truy cập 10/7/2025].
147. Phan Mạnh Toàn (2013), “Vài nét về sự hình thành và phát triển của triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống”, *Triết học* (6), tr.48 - 55.
148. Phan Mạnh Toàn (2018), “Triết lý quân sự Việt Nam truyền thống - một số nội dung tiêu biểu”, *Triết học* (1), tr.40 - 46.

149. Phan Mạnh Toàn (Chủ biên, 2018), *Triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
150. Phan Mạnh Toàn (2022), ““Quan điểm “Dân là gốc” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng””, *Tạp chí Lý luận chính trị* (531), tháng 5-2022, tr.3 - 9.
151. Tổng cục Chính trị (2001), *Vấn đề tạo lực, lập thế, tranh thời trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
152. Lê Quang Trang - Nguyễn Trọng Hoàn (Tuyển chọn và giới thiệu, 1998), *Những vấn đề văn hóa Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
153. Trang Thông tin Điện tử Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, <https://doanthanhnien.vn/> [Truy cập 07/5/2024].
154. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Phát huy truyền thống đại đoàn kết, huy động sức mạnh của toàn dân tộc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản* (973), tháng 9-2021, tr.3 - 12.
155. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản* (979), tháng 12-2021, tr.3 - 14.
156. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
157. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
158. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
159. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Cả nước đồng lòng, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

160. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
161. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Biến thách thức thành cơ hội quyết tâm đột phá đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
162. Nguyễn Phú Trọng (2024), “Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.030 (tháng 1 năm 2024), tr.3 - 19.
163. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
164. Trần Xuân Trường (1999), *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
165. Trần Xuân Trường (2018), *Tinh thần yêu nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
166. Bé Xuân Trường - Đại tá Nguyễn Bá Dương (2013), *Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
167. Đàm Trọng Tùng (2022), *Bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam trước mối đe dọa an ninh phi truyền thống*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
168. Lê Trọng Tuyển (Chủ biên, 2016), *Sự phát triển lý luận về văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới* (Sách chuyên khảo), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
169. Viện Mác - Lênin - Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học (1983), *Về giá trị văn hóa tinh thần Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, tập I.
170. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2002), *Tìm hiểu văn hóa giữ nước Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
171. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2011), *Học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I.Lênin giá trị lịch sử và hiện thực*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

172. Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, Viện Văn hóa - Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
173. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.34, tr.122.
174. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.36.
175. Ngô Đình Xây - Phạm Thị Vui (2023), “Hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, *Lý luận chính trị* (539), tháng 1-2023, tr.131 - 139.